



BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)
TRẦN NGỌC HIẾU – NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – ĐẶNG LƯU – HÀ VĂN MINH
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – NGUYỄN THỊ NƯỞNG – ĐỖ HẢI PHONG

NGŨ VĂN

10
TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)

PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)

TRẦN NGỌC HIẾU – NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – ĐẶNG LƯU – HÀ VĂN MINH

NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – NGUYỄN THỊ NƯỞNG – ĐỖ HẢI PHONG

NGŨ VĂN

TẬP MỘT

(Bản in thử)

10

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn thân mến!

Sách giáo khoa *Ngữ văn 10* thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* sẽ đưa các bạn tham dự hành trình đầu tiên khám phá nhiều điểm thú vị, bất ngờ của môn Ngữ văn ở cấp Trung học phổ thông.

Ngữ văn 10 có 9 bài học, mỗi bài đều được tổ chức xoay quanh trực đọc – viết – nói và nghe, với những yêu cầu cụ thể, phù hợp, vừa lặp lại, vừa biến đổi, mở rộng theo hướng nâng cao dần. Việc sắp xếp các phần ở từng bài về cơ bản tuân thủ cấu trúc chung của bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn thuộc bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, nhằm bảo đảm tính nhất quán và triết lí riêng của bộ sách.

Nhan đề các bài học trong *Ngữ văn 10* không đặt theo tên từng loại, thể loại văn bản hay theo nội dung, chủ đề của các cụm văn bản được chọn, mà theo một số vấn đề hay yếu tố nổi bật của loại, thể loại đòi hỏi chúng ta phải nắm vững khi thực hành đọc, viết, nói và nghe. Trọng tâm của mỗi bài học là các văn bản thuộc cùng một loại, thể loại đã được gọi mở từ nhan đề bài học. Các văn bản này có mối liên hệ nhất định với nhau về nội dung và không nhất thiết phải cùng ra đời trong một thời kì hay cùng thuộc về một nền văn học. Cách tổ chức hệ thống văn bản như vậy giúp các bạn ý thức được phần nào sự phát triển của mỗi loại sáng tác ngôn từ trong thời gian và không gian.

Ngữ văn 10 đặc biệt quan tâm tuyển chọn những văn bản có thể phục vụ tốt nhất cho việc rèn luyện, phát triển đồng bộ các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của người học, theo đúng yêu cầu của *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* ban hành năm 2018. Các bạn sẽ gặp ở đây những văn bản mang hơi thở của cuộc sống hiện đại đầy hấp dẫn, lần đầu tiên được đưa vào sách Ngữ văn cấp Trung học phổ thông. Bên cạnh đó là không ít văn bản từng quen thuộc với nhiều thế hệ học sinh nhưng có diện mạo mới do cách giới thiệu, cung cấp thông tin, hướng dẫn tìm hiểu,... có tính chất mở, chú trọng mục tiêu phát triển năng lực và bám sát *Yêu cầu cần đạt* của mỗi bài học.

Thông qua thực hành đọc hiểu các tác phẩm có giá trị của văn học Việt Nam và một số nền văn học trên thế giới, các bạn chẳng những sẽ tích lũy được cho mình nhiều tri thức văn hoá, văn học và đời sống bổ ích, mà quan trọng hơn, còn nắm vững cách đọc các loại, thể loại văn bản khác nhau. Việc làm chủ cách đọc có liên quan mật thiết với việc tự xây dựng cho mình thói quen đọc, niềm đam mê đọc suốt cuộc đời, vốn là đòi hỏi thiết yếu đối với con người sống trong thế giới của những kết nối đa chiều. Điều quan trọng khác là qua đọc văn bản và thực hành tiếng Việt trên cơ sở ngữ liệu lấy từ chính văn bản vừa đọc, các bạn sẽ dần hoàn thiện khả năng sử dụng tiếng Việt của mình.

Với *Ngữ văn 10*, các bạn sẽ được thực hành viết nhiều kiểu văn bản thông dụng, đặc biệt là văn bản nghị luận, tuân theo một quy trình viết chặt chẽ nhưng có tác dụng phát huy khả năng sáng tạo của người học. Sau khi tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài và cách triển khai để đáp ứng yêu cầu đó qua một bài viết tham khảo, các bạn sẽ được hướng dẫn cụ thể, tường tận từ khâu chuẩn bị viết, tìm ý và lập dàn ý, viết bài đến chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. Tất cả sẽ giúp các bạn vượt qua thách thức của hoạt động viết một cách thuận lợi.

Dựa trên những kiến thức và kĩ năng có được nhờ đọc và viết, các bạn sẽ thực hành nói và nghe theo các đề tài và đặc trưng kiểu bài được thiết kế hợp lí, bảo đảm sự thống nhất cao giữa các hoạt động.

Ngữ văn 10 gồm 2 tập. Tập một có 5 bài học: *Sức hấp dẫn của truyện kể, Vẻ đẹp của thơ ca, Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận, Sức sống của sử thi, Tích trò sân khấu dân gian*. Những bài học này sẽ giúp các bạn củng cố và bổ sung kiến thức về đặc điểm của một số loại, thể loại văn bản quen thuộc như: truyện (thần thoại, truyện ngắn); sử thi; thơ trữ tình; kịch bản văn học chèo, tuồng; văn bản nghị luận;... đồng thời biết cách thực hành đọc, viết, nói và nghe một cách chủ động về những vấn đề liên quan. Tập hai có 4 bài học, thể hiện những đòi hỏi mới của việc tiếp nhận và vận dụng kiến thức về loại, thể loại văn bản, nhất là văn bản thông tin: *Nguyễn Trãi – “Dành còn để trợ dân này”, Quyền năng của người kể chuyện, Thế giới đa dạng của thông tin, Hành trang cuộc sống*. Trong số đó, bài đầu tiên của tập hai là bài về tác gia văn học – một kiểu bài sẽ hiện diện trong sách giáo khoa *Ngữ văn* cả ba lớp thuộc cấp Trung học phổ thông, có cấu trúc tương đối đặc thù, giúp các bạn có thể vận dụng hiểu biết về các tác gia đã làm rạng danh nền văn hoá, văn học dân tộc Việt Nam để đọc hiểu những tác phẩm do họ sáng tác. Bài cuối cùng thể hiện rõ định hướng *Kết nối tri thức với cuộc sống* ngay từ nhan đề, đòi hỏi bạn thực hiện các hoạt động xoay quanh vấn đề “chuẩn bị hành trang” cho cuộc hành trình vào tương lai của chính mình.

Cuối mỗi tập đều có một bài ôn tập. Những bài này vừa giúp các bạn nhớ lại những điều đã học, đã thực hành, vừa yêu cầu và hỗ trợ các bạn vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có vào việc giải quyết một bài tập mang tính tổng hợp. Ngay sau từng bài ôn tập là 4 phụ lục gồm: bảng tra cứu thuật ngữ, bảng giải thích một số thuật ngữ, bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt và bảng tra cứu tên riêng nước ngoài.

Cùng với sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, các bạn sẽ có một bước đi mới đầy tự tin vào thế giới của tri thức, thế giới của sự khám phá, hiểu biết, để rồi từ đó các bạn thực hiện được những giao tiếp đẹp đẽ với cuộc sống sôi động mà chính mình là một phần tất yếu của nó.

Chúc các bạn luôn tìm được cảm hứng học tập và sáng tạo với *Ngữ văn 10*.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

| Bài | NỘI DUNG | | Trang |
|----------|---|--|-----------|
| 1 | SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ | | 9 |
| | ĐỌC | Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới (Thần thoại Việt Nam) | 11 |
| | | <i>Tản Viên từ Phán sự lục</i> (Chuyện chúc Phán sự đền Tản Viên – Nguyễn Dữ) | 15 |
| | | <i>Chữ người tử tù</i> (Nguyễn Tuân) | 21 |
| | | Thực hành tiếng Việt: Sử dụng từ Hán Việt | 28 |
| | VIẾT | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật) | 29 |
| | NÓI VÀ NGHE | Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện | 35 |
| | Củng cố, mở rộng | | 37 |
| | Thực hành đọc | <i>Tê-dê</i> (Trích <i>Thần thoại Hy Lạp</i> – Ê-đi Ha-min-ton (Edith Hamilton) kể) | 38 |
| 2 | VỀ ĐẸP CỦA THƠ CA | | 43 |
| | ĐỌC | Chùm thơ hai-cư (haiku) Nhật Bản | 45 |
| | | <i>Thu hứng</i> (Cảm xúc mùa thu – Đỗ Phủ) | 47 |
| | | <i>Mùa xuân chín</i> (Hàn Mặc Tử) | 50 |
| | | Bản hoà âm ngôn từ trong <i>Tiếng thu</i> của Lưu Trọng Lư (Chu Văn Sơn) | 53 |
| | | Thực hành tiếng Việt: Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa | 58 |
| | VIẾT | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ | 61 |
| | NÓI VÀ NGHE | Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ | 67 |
| | Củng cố, mở rộng | | 70 |
| | Thực hành đọc | <i>Cánh đồng</i> (Ngân Hoa) | 71 |
| 3 | NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN | | 72 |
| | ĐỌC | <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i> (Trích – Thân Nhân Trung) | 74 |
| | | <i>Yêu và đồng cảm</i> (Trích – Phong Tử Khải) | 77 |
| | | <i>Chữ bầu lên nhà thơ</i> (Trích – Lê Đạt) | 82 |
| | | Thực hành tiếng Việt: Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa | 86 |

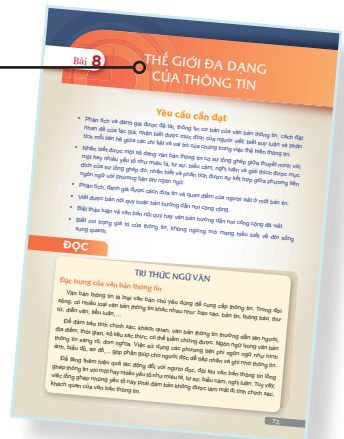
| | | | |
|----------|-------------------------------------|--|------------|
| | VIẾT | Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm | 87 |
| | NÓI VÀ NGHE | Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau | 92 |
| | Củng cố, mở rộng | | 94 |
| | Thực hành đọc | <i>Thế giới mạng & tôi</i> (Trích – Nguyễn Thị Hậu) | 95 |
| 4 | SỨC SỐNG CỦA SỬ THI | | 97 |
| | ĐỌC | <i>Héc-tô từ biệt Ăng-đrô-mác</i> (Trích <i>I-li-át</i> – Hô-me-rơ – Hómêros) | 99 |
| | | <i>Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời</i> (Trích <i>Đăm Săn</i> – Sử thi Ê-đê) | 105 |
| | | Thực hành tiếng Việt: Sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản | 112 |
| | VIẾT | Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề | 113 |
| | NÓI VÀ NGHE | Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề | 119 |
| | Củng cố, mở rộng | | 121 |
| | Thực hành đọc | <i>Ra-ma buộc tội</i> (Trích <i>Ra-ma-ya-na</i> – Van-mi-ki) | 121 |
| 5 | TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN | | 125 |
| | ĐỌC | <i>Xuý Vân giả dại</i> (Trích chèo <i>Kim Nham</i>) | 127 |
| | | <i>Huyện đường</i> (Trích tuồng <i>Nghêu, Sò, Ốc, Hến</i>) | 132 |
| | | <i>Múa rối nước – hiện đại soi bóng tiền nhân</i> (Phạm Thủy Dung) | 137 |
| | VIẾT | Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam) | 140 |
| | NÓI VÀ NGHE | Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu | 148 |
| | Củng cố, mở rộng | | 151 |
| | Thực hành đọc | <i>Hồn thiêng đưa đường</i> (Trích tuồng <i>Sơn Hậu</i>) | 151 |
| | ÔN TẬP HỌC KÌ I | | 156 |
| | Bảng tra cứu thuật ngữ | | 160 |
| | Bảng giải thích một số thuật ngữ | | 162 |
| | Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt | | 164 |
| | Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài | | 166 |

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

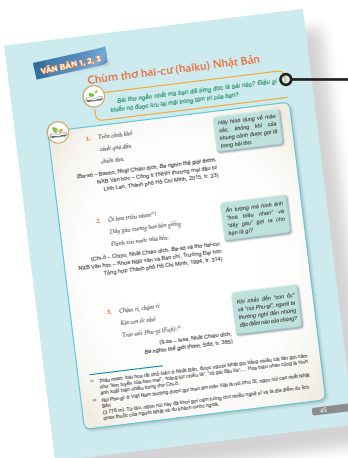
Tên bài học nêu một vấn đề hay yếu tố nổi bật của loại, thể loại văn bản chính hoặc nêu chủ đề được học trong bài, giúp bạn có định hướng phù hợp khi thực hành đọc, viết, nói và nghe.



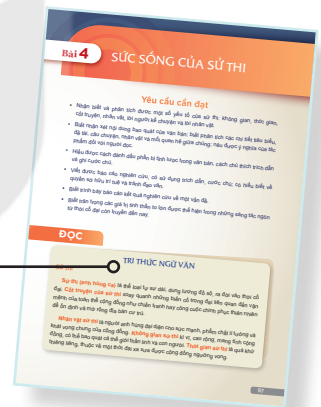
Yêu cầu cần đạt cho biết mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất của bài học, quy định rõ điều phải đạt được với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.



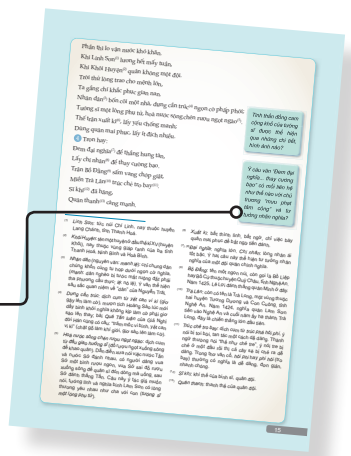
Tri thức ngữ văn trình bày khái quát về những đơn vị kiến thức mang tính chất công cụ, giúp bạn có thể đọc hiệu quả các văn bản chính của bài học và thực hiện các hoạt động viết, nói và nghe một cách thuận lợi.



Gợi dẫn trước văn bản đọc (kèm logo) gồm một số câu hỏi và gợi ý, đòi hỏi bạn huy động những kiến thức và trải nghiệm liên quan đến nội dung văn bản, nhằm thực hành đọc hiểu với tâm thế tích cực, chủ động.



Thẻ trong văn bản đọc thường có hình thức của câu hỏi hay đơn thuần chỉ là lời nhắc về chiến lược đọc mà bạn cần vận dụng khi đọc từng phần của văn bản.



Giới thiệu tác giả, tác phẩm đưa đến những thông tin khái quát về tác giả, thể loại và xuất xứ của tác phẩm, giúp bạn có thêm căn cứ để đánh giá văn bản vừa đọc một cách toàn diện.

Trả lời câu hỏi

1. Tìm trong đoạn 3 một vài biểu hiện cho thấy tác giả có một tâm hồn nhạy cảm và một tâm hồn yêu đời. Đó là những biểu hiện nào?

2. Trong văn bản có một câu văn miêu tả rất đẹp, đó là câu văn: "Tháng mười hai năm ấy, trời lạnh lắm, gió đông thổi rất mạnh, mưa rơi rất nhiều". Hãy tìm câu văn này và phân tích ý nghĩa của nó.

3. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

4. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

5. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

6. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

7. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

8. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

Kết nối đọc - viết

Văn bản "Tháng mười hai năm ấy" là một văn bản rất hay, nó không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn có giá trị tư tưởng. Hãy tìm hiểu và phân tích giá trị tư tưởng của văn bản này.

Trả lời câu hỏi gồm hệ thống câu hỏi theo nhiều cấp độ nhận thức, hướng dẫn bạn tìm hiểu văn bản đúng trọng tâm và hướng theo yêu cầu cần đạt của bài học.

Trả lời câu hỏi

1. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

2. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

3. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

4. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

5. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

6. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

7. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

8. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

Kết nối đọc - viết

Văn bản "Tháng mười hai năm ấy" là một văn bản rất hay, nó không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn có giá trị tư tưởng. Hãy tìm hiểu và phân tích giá trị tư tưởng của văn bản này.

Kết nối đọc - viết nêu yêu cầu viết ngắn, tạo cho bạn thói quen ghi nhanh ấn tượng, cảm nhận, suy nghĩ của mình về văn bản vừa đọc.

Trả lời câu hỏi

1. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

2. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

3. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

4. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

5. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

6. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

7. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

8. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

Kết nối đọc - viết

Văn bản "Tháng mười hai năm ấy" là một văn bản rất hay, nó không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn có giá trị tư tưởng. Hãy tìm hiểu và phân tích giá trị tư tưởng của văn bản này.

Thực hành tiếng Việt

Số dụng từ Hán Việt

1. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

2. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

3. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

4. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

5. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

6. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

7. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

8. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

Thực hành tiếng Việt lưu ý bạn về các hiện tượng ngôn ngữ trong văn bản đọc cần được tìm hiểu sâu, giúp bạn củng cố hoặc làm giàu thêm kiến thức về tiếng Việt để đọc, viết, nói và nghe một cách tích cực, hiệu quả.

VIẾT

Viết bài luận về bản thân

1. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

2. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

3. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

4. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

5. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

6. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

7. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

8. Xác định luận đề của văn bản và cho biết nó nằm ở vị trí nào trong văn bản?

Bài viết tham khảo

Hãy đọc và viết bài luận về bản thân.

Viết nêu kiểu bài, yêu cầu chung của kiểu bài, bài viết tham khảo và những hướng dẫn cụ thể về quy trình viết. Bài viết tham khảo được đưa ra kèm một số chỉ dẫn, giúp bạn hiểu rõ cách triển khai bài viết để đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.

[illegible]

- Sử dụng bảng sau để tự đánh giá bài dạy của mình và bài trình bày:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|---|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Lưu chọn được các phẩm loại phù hợp để thực hiện yêu cầu học tập của môn học | | |
| 2 | Nội dung programming của bài trình bày rõ ràng, chính xác và phù hợp với tài liệu | | |
| 3 | Nội dung được trình bày rõ ràng và dễ hiểu, phù hợp với trình độ của học sinh | | |
| 4 | Chỉ ra được tình huống của bài học và đưa ra giải pháp phù hợp | | |
| 5 | Phân tích được ưu và nhược điểm của các phẩm loại của bài trình bày | | |
| 6 | Sử dụng tài liệu và các phẩm loại phù hợp để trình bày | | |





Củng cố, mở rộng là phần đặt cuối bài học, giúp bạn ôn lại những điều đã được học và rèn luyện, đòi hỏi bạn mở rộng vốn đọc và biết vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành viết, nói và nghe theo một số đề tài mới.

[illegible][illegible]

Ôn tập là phần đặt cuối mỗi tập, gồm hai nội dung chính: nhắc lại những nội dung đã học và thực hành luyện tập, vận dụng theo một số dạng đề mang tính tổng hợp, đòi hỏi bạn huy động đồng thời các kiến thức và kĩ năng đọc, viết để thực hiện những yêu cầu đặt ra.

Cuối sách có 4 bảng hỗ trợ bạn tra cứu các thuật ngữ, các yếu tố Hán Việt, các tên riêng nước ngoài xuất hiện trong những bài học của mỗi tập.

Logo sử dụng trong sách

-  Khởi động
-  Đọc văn bản
-  Trả lời câu hỏi và thực hiện các yêu cầu sau khi đọc
-  Thực hiện yêu cầu sau khi đọc bài viết tham khảo

BẢNG TỪ CỤM MỘT SỐ YẾU TỐ HẠN VIỆT

| | |
|----|--|
| 1 | a) người bạn thân thiết b) a close friend |
| 2 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 3 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 4 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 5 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 6 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 7 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 8 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 9 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 10 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 11 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 12 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 13 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 14 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |
| 15 | a) một người bạn thân thiết b) a close friend |

SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm truyện.
- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện.
- Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGŨ VĂN

Cốt truyện

Cốt truyện trong tác phẩm tự sự (thần thoại, sử thi, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) và kịch được tạo nên bởi sự kiện (hoặc chuỗi sự kiện). Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc – điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra.

Truyện kể

Sự kiện trong cốt truyện được triển khai hoặc liên kết với nhau theo một mạch kể nhất định. Mạch kể này thống nhất với hệ thống chi tiết và lời văn nghệ thuật (bao gồm các thành phần lời kể, lời tả, lời bình luận,...) tạo thành **truyện kể**.

Người kể chuyện

Truyện kể chỉ tồn tại khi có **người kể chuyện**. Trong nhiều loại hình tự sự dân gian, người kể chuyện có thể là người trực tiếp diễn xướng để kể lại câu chuyện cho công chúng. Trong các hình thức tự sự của văn học viết, người kể chuyện là “vai” hay “đại diện” mà nhà văn tạo ra để thay mình thực hiện việc kể chuyện.

Nhờ người kể chuyện, người đọc được dẫn dắt vào thế giới nghệ thuật của truyện kể để tri nhận về nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian,... Người kể chuyện cũng khơi dậy ở người đọc những suy tư về ý nghĩa mà truyện kể có thể gợi ra.

Nhân vật

Nhân vật là con người cụ thể được khắc hoạ trong tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật. Cũng có những trường hợp nhân vật trong tác phẩm văn học là thần linh, loài vật, đồ vật,... nhưng khi ấy, chúng vẫn đại diện cho những tính cách, tâm lí, ý chí hay khát vọng của con người. Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và cất nghĩa về con người.

Thần thoại

Thần thoại là thể loại truyện kể ra đời sớm nhất kể về thế giới thần linh, thể hiện quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của người xưa. Căn cứ vào chủ đề, có thể chia thần thoại thành hai nhóm: thần thoại kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài (thần thoại suy nguyên); thần thoại kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hoá (thần thoại sáng tạo). Ra đời trong “tuổi ấu thơ” của loài người, do cách nhận thức thế giới bằng biểu tượng nên thần thoại mang tính nguyên hợp, chứa đựng các yếu tố nghệ thuật, tôn giáo, triết học, lịch sử,... Vì vậy, thần thoại có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc lưu giữ di sản văn hoá nguyên thủy của cộng đồng.

Thần thoại thường có cốt truyện đơn giản: có thể là cốt truyện đơn tuyến, tập trung vào một nhân vật hoặc là một tổ hợp nhiều cốt truyện đơn (tạo thành một “hệ thần thoại”). Nhân vật chính của thần thoại là các vị thần, hoặc những con người có nguồn gốc thần linh, có năng lực siêu nhiên nên có thể được miêu tả với hình dạng khổng lồ, hoặc với sức mạnh phi thường,... Chức năng của nhân vật trong thần thoại là cất nghĩa, lí giải các hiện tượng tự nhiên và đời sống xã hội, thể hiện niềm tin của con người cổ sơ cũng như những khát vọng tinh thần có ý nghĩa lâu dài của nhân loại. Câu chuyện trong thần thoại gắn liền với thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau. Lối tư duy hồn nhiên, chất phác mà sâu sắc cùng với trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn đã làm nên sức cuốn hút và sức sống lâu bền cho thần thoại.

Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới^(*)

Thần thoại Việt Nam



Nêu tên một truyện kể hoặc một bộ phim có nhân vật chính là vị thần. Theo bạn, điều gì làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm đó?



1. THẦN TRỤ TRỜI

Thuở ấy chưa có vũ trụ, chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một đám hỗn độn⁽¹⁾ tối tăm và lạnh lẽo. Lúc đó tự nhiên có một ông thần thân thể to lớn không biết bao nhiêu mà kể, chân thần bước một bước cứ như bây giờ là từ tỉnh này qua tỉnh nọ hay là từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia.

Chú ý các chi tiết mở đầu câu chuyện.

Thần ở trong đám mờ mịt hỗn độn đó không biết đã từ bao lâu, đến một hôm bỗng đứng dậy dùng đầu đội trời lên rồi đào đất, đá đắp thành một cái cột vừa to vừa cao để chống trời. Cột càng được thần đắp cao lên chừng nào thì trời tựa như một tấm màn lớn được nâng cao lên chừng ấy. Thần cứ một mình cây cọc⁽²⁾ đắp, cột đá càng cao chót vót càng đẩy trời lên mãi.

Hình dung vóc dáng và những hành động của thần Trụ Trời.

Từ đó trời đất phân ra làm hai. Đất phẳng như cái mâm vuông, trời ở trên như cái bát úp, chỗ giáp giới giữa trời và đất gọi là chân trời.

Khi bầu trời đã cao vừa ý và đã khô cứng rồi, không hiểu sao thần lại phá cột đá đi. Thần ném vung đá và đất đi khắp mọi nơi mọi chỗ. Mỗi hòn đá văng ra bấy giờ thành một hòn núi hay một hòn đảo. Đất tung toé mọi nơi thành cồn đồi, thành cao nguyên. Vì thế mà bây giờ mặt đất chỗ cao, chỗ thấp không được bằng phẳng. Chỗ thần đào lên để lấy đất đá đắp cột bây giờ là biển cả.

Cột đó bây giờ không còn. Sau này người hạ giới vẫn cho núi Thạch Môn⁽³⁾, là di tích của cột đó; người ta gọi nó là Cột chống trời (Kinh thiên trụ) cũng có người gọi là núi Không Lộ (đường lên trời) hay gọi là núi Khổng Lồ.

^(*) Nhan đề do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

⁽¹⁾ *Hỗn độn*: lộn xộn, lẫn lộn, không có trật tự; ở đây chỉ trạng thái tồn tại của vũ trụ thuở sơ khai, theo cách hình dung của người xưa.

⁽²⁾ *Cây cọc*: cố sức thực hiện công việc một cách vất vả.

⁽³⁾ *Núi Thạch Môn*: còn gọi là núi Kinh Chủ, nay thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Không hiểu sau đó rồi vị thần ấy chết hay sống, hay là trở thành Ngọc Hoàng⁽¹⁾. Việc đó không thấy dân gian kể đến. Nhưng chắc rằng cũng cách khoảng thời gian ấy không lâu có một vị thần có tên là Ngọc Hoàng hay ông Trời cai quản tất cả mọi việc trên trời dưới đất.

Sau thần Trụ Trời phân khai trời đất thì có một số thần khác được phân công hoặc lên trời hoặc xuống đất để tiếp tục công việc kiến thiết ra thế giới. Nào thần làm sao, nào thần đào sông, nào thần tát biển, thần nghiền cát nghiền sỏi, thần trồng cây,...

Vì thế mà trong nhân dân ta có câu hát hiện còn lưu hành:

Nhất ông đếm cát,
Nhì ông tát bể (biển),
Ba ông kể sao,
Bốn ông đào sông,
Năm ông trồng cây,
Sáu ông xây rú⁽²⁾,
Bảy ông trụ trời...

Có những vị thần nào
được liệt kê trong bài về?

Câu hát ấy chỉ là để so sánh tài năng của các thần nhưng cũng cho ta biết một phần nào công việc hồi khai thiên lập địa.

(Theo Nguyễn Đồng Chi – Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 67 – 69)

2. THẦN SÉT

Trong đám tướng lĩnh của Ngọc Hoàng, trước tiên phải kể thần Sét. Thần Sét có danh hiệu là Thiên Lôi, cũng có khi được gọi là ông Sấm. Thần có mặt mũi rất nanh ác, tiếng quát tháo rất dữ dội. Thần chuyên một việc thi hành luật pháp ở trần gian. Hành động của thần phản ánh sự thịnh nộ của Ngọc Hoàng. Thần có một lưỡi búa đá. Khi xử án kẻ nào dù là người, là vật, là cây cỏ thì thần tự mình nhảy xuống tận nơi trỏ ngọn cờ vào đầu tội nhân rồi dùng lưỡi búa bổ xuống đầu. Có khi xong việc, thần không mang lưỡi búa lên theo mà quẳng luôn tại đó. Thần thường ngủ về mùa đông, vào khoảng tháng Hai, tháng Ba mới lại dậy làm việc.

Chú ý các chi tiết miêu tả công việc và tính khí của thần Sét.

Tính thần Sét rất nóng nảy: hễ Ngọc Hoàng sai là đi ngay, hễ thấy là đánh liền cho nên cũng có lúc làm cho người, vật chết oan. Vì thế mà thần Sét đã có lúc bị Ngọc Hoàng phạt vì đánh lầm giết hại kẻ vô tội. Người ta kể chuyện: có lần thần bị bắt nằm im một nơi không cựa quậy trong một đám rừng ở thiên đình. Con gà thần của Ngọc Hoàng được lệnh thỉnh thoảng lại mổ một cái làm cho thần đau nhói cả người nhưng không

⁽¹⁾ Ngọc Hoàng: còn gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, vua trên trời. Những danh xưng này được đặt ra và cố định hoá ở thời trung đại, trong quá trình thần Trụ Trời được tôn giáo hoá.

⁽²⁾ Rú: từ cổ chỉ núi; với tư cách một từ đơn, nay còn được dùng ở nhiều địa phương Trung Bộ Việt Nam.

biết làm thế nào được. Khi được Ngọc Hoàng tha, thần có thói quen là hễ thấy hoặc nghe tiếng gà là giết mình. Mỗi lần có chớp rạch, biết thần Sét sắp xuống, người hạ giới thường bắt chước tiếng gọi gà để dọa thần có lẽ cũng vì có đó.

Thần Sét kể ra thì cực oai, cực dữ, nhưng không ai có thể tưởng tượng được rằng thần bị thua Cường Bạo Đại vương⁽¹⁾. Mặc dầu ông Cường Bạo sau rồi cũng bị thần Sét đánh chết nhưng câu chuyện này đã một dạo làm cho cả thiên đình xấu hổ.

(Theo Nguyễn Đồng Chi – Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 87 – 88)

3. THẦN GIÓ

Thần Gió có một hình dạng kì quặc. Thần không có đầu. Bảo bối của thần là một thứ quạt màu nhiệm. Thần sẽ làm gió nhỏ hay bão lớn, lâu hay mau tùy theo lệnh Ngọc Hoàng. Khi thần Gió phối hợp với thần Mưa, có khi cả thần Sét nữa cùng hoạt động là những lúc đáng sợ nhất. Thỉnh thoảng thần xuống hạ giới đi chơi vào những buổi tối trời. Đó là lúc giữa đồng bằng tự nhiên nổi lên trận gió xoáy, dân gian thường gọi là thần Cụt Đầu.

Chú ý hình dạng và hoạt động của thần Gió.

Thần Gió có một đứa con còn nhỏ hay nghịch ngợm. Người ta kể chuyện: có một hôm thần đi vắng, đứa con ở nhà giở quạt của cha làm gió thổi chơi. Lúc ấy ở hạ giới có một người vì mất mùa đói khổ, tìm không ra cái ăn. Hôm đó, trong nhà lại có vợ đau nặng, ông ta phải cất công đi rất xa hơn một ngày đường mới xin được một bát gạo để về nấu cháo cho vợ. Về đến nhà, ông mang gạo xuống ao để vo. Lúc đó trời quang mây tạnh. Đột nhiên trận gió do con thần Gió quạt lên tứ tung làm cho bát gạo của người kia đựng trong rá văng xuống ao.

Người nọ khóc lóc thảm thiết, không biết bắt đền ai, căm tức thần Gió vô hạn, quyết tâm kiện lên thiên đình. Ngọc Hoàng nghe rõ câu chuyện mới đòi thần Gió đến quả trách. Thần Gió thú thật là có đứa con ở nhà nghịch bậy. Ngọc Hoàng cho đó là tội không thể tha thứ được, liền đày con thần Gió xuống trần, bắt đi chăn trâu cho người mất gạo kia. Sau đó ít lâu, Ngọc Hoàng lại bắt con thần Gió hoá làm cây ngải để báo tin gió cho thiên hạ. Người hạ giới thường gọi là cây ngải gió hoặc cây ngải tướng quân. Mỗi lần cây ngải gió cuốn bông cuốn lá lại, người hạ giới biết là trời sắp nổi gió, nổi mưa. Lại mỗi lần trâu bị cảm gió, người ta thường lấy lá cây ngải để chữa, vì cho rằng nó có kinh nghiệm về bệnh của trâu trong thời gian giữ trâu cho người mất gạo.

Mục đích của việc tạo ra nhân vật đứa con thần Gió là gì?

(Theo Nguyễn Đồng Chi – Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 93 – 94)

⁽¹⁾ *Cường Bạo Đại vương*: nhân vật trong truyện cổ dân gian Việt Nam, bản tính ngang tàng, một mình chống lại các vị thần, mấy phen khiến Thiên Lôi phải thảm bại.

Thần thoại Việt Nam cho đến nay, mặc dù đã bị mai một ít nhiều, vẫn là một di sản phong phú với hàng trăm truyện kể của người Kinh và các dân tộc thiểu số. Trong một số bộ sách mang tính chất sưu tầm, tuyển tập, nhiều thần thoại đã được đặt lẫn với các truyền thuyết, cổ tích, do vậy, màu sắc riêng của thần thoại ít nhiều bị làm mờ nhạt.

Thần thoại Việt Nam gồm có hai nhóm: thần thoại suy nguyên và thần thoại sáng tạo. Ở nhóm thần thoại suy nguyên, nhiều truyện có cách hình dung, lí giải về sự hình thành thế giới tự nhiên, nguồn gốc con người và vạn vật rất gần gũi với các hệ thống thần thoại khác trên thế giới. Nhân vật chính của thần thoại suy nguyên là các vị thần sáng tạo thế giới: trời đất, mặt trời, mặt trăng, sông biển, mưa, gió, sấm, sét, muôn loài. Nhóm truyện thần thoại sáng tạo có nhân vật chính là các anh hùng thần thoại và anh hùng văn hoá. Kì tích của họ phản ánh vẻ đẹp riêng của cuộc sống lao động, tín ngưỡng và văn hoá của từng cộng đồng.



Trả lời câu hỏi

1. Xác định thời gian, không gian, nhân vật và sự kiện chính trong từng truyện kể.
2. Hãy chỉ ra một số dấu hiệu giúp người đọc nhận biết ba truyện kể trên thuộc nhóm thần thoại suy nguyên.
3. Trong cái nhìn của con người thời cổ đại, thần Trụ Trời, thần Gió, thần Sét có hình dạng và tính khí ra sao? Sự tưởng tượng về các vị thần ấy được hình thành trên cơ sở nào?
4. Công việc của thần Trụ Trời, thần Sét và thần Gió là gì? Công việc đó được miêu tả như thế nào, nhằm mục đích gì?
5. Hình tượng thần Trụ Trời, thần Sét và thần Gió phản ánh những quan niệm, nhận thức gì của người xưa về thế giới tự nhiên? Những khát vọng nào đã được họ gửi vào các hình tượng đó?
6. Chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong cách xây dựng nhân vật của chùm truyện. Từ đó, nhận xét về thái độ, tình cảm của người xưa đối với thế giới tự nhiên.
7. Trong những điều làm nên vẻ đẹp “một đi không trở lại” của thần thoại, có niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn. Theo bạn, niềm tin ấy có còn sức hấp dẫn với con người hiện đại không? Vì sao?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết kì ảo trong một truyện thần thoại đã học hoặc tự đọc thêm.

Tản Viên từ Phán sự lục

(Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên)^(*)

Nguyễn Dữ⁽¹⁾



- *Bạn có thích đọc những truyện kể chứa đựng các yếu tố kì ảo không? Vì sao?*
- *Trong cuộc sống hằng ngày, đôi khi chúng ta phải chứng kiến hoặc trải qua những sự việc ngang trái, bất công. Lúc đó, bạn cảm thấy như thế nào và mong muốn điều gì?*



① Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng đất Lạng Giang⁽²⁾. Chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. Trong làng trước có một ngôi đền linh ứng lắm. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạnh có viên Bách hộ⁽³⁾ họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng chàng vẫn vùng tay không cần gì cả.

Chú ý lời giới thiệu về nhân vật Tử Văn.

② Đốt đền xong, chàng về nhà, thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô, cao lớn, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng và quần áo rất giống người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ⁽⁴⁾, đến đòi làm trả lại ngôi đền như cũ và nói:

^(*) *Đền Tản Viên*: đền thờ Tản Viên Sơn Thánh – một trong bốn vị thần linh thiêng (Tứ bất tử) trong tín ngưỡng dân gian của người Việt; nay thuộc địa phận hai xã Minh Quang và Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Phán sự: một chức quan trông coi việc xử án thời xưa.

⁽¹⁾ *Nguyễn Dữ*: có sách phiên âm là *Nguyễn Tữ* (阮 嶼).

⁽²⁾ *Huyện Yên Dũng đất Lạng Giang*: Lộ Lạng Giang đời Trần, Hồ là miền đất thuộc tỉnh Bắc Giang và một phần tây nam tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Huyện Yên Dũng nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

⁽³⁾ *Bách hộ*: một chức quan võ cấp thấp ở Trung Quốc, thời Minh.

⁽⁴⁾ *Cư sĩ*: trí thức ở ẩn thời phong kiến hoặc người theo đạo Phật, tu tại gia.

– Nhà ngươi đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần sao, có gì lại dám khinh nhờn, huỷ tượng, đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả ngôi đền như cũ. Nếu không thì, vô cớ huỷ đền Lư Sơn, Cố Thiệu⁽¹⁾ sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ.

Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên. Người kia tức giận nói:

– Phong đô⁽²⁾ không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đấy. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết.

Nói rồi phát áo đi.

Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã, thung thình đi vào đến trước thềm, vái chào mà rằng:

– Tôi là Thổ công ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến để tỏ lời mừng.

Tử Văn kinh ngạc nói:

– Thế người đội mũ trụ đến đây ban này, chẳng phải là Thổ công đấy ư? Sao mà nhiều thần quá vậy?

Ông già nói:

– Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thâm ngược⁽³⁾, Thượng đế bị nó bung bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái⁽⁴⁾ đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kể đầu đuôi để nhà thầy nghe:

“Tôi làm chức Ngự sử đại phu⁽⁵⁾ từ đời vua Lý Nam Đế, vì chết về việc can vương⁽⁶⁾ mà được phong⁽⁷⁾ ở đây, giúp dân độ vật⁽⁸⁾ đã hơn một nghìn năm nay, khi nào lại làm việc gieo tai rắc vạ để kiếm miếng ăn như tên giặc giảo hoạt kia đã làm. Gần đây vì tôi thiếu sự đề phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải đến nương tựa ở đền Tản Viên đã vài năm nay.”

Tử Văn có những suy nghĩ, cảm xúc gì khi nghe câu chuyện của Thổ công?

Tử Văn nói:

– Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện ở Diêm Vương và tâu lên Thượng đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê?

(1) **Cố Thiệu**: người thời Tam Quốc, làm quan Thú ở quận Dư Chương, phá bỏ tất cả đền thờ thần bất chính, huỷ cả đền Lư Sơn. Cố Thiệu mộng thấy thần Lư Sơn hiện lên đòi làm trả đền. Ít lâu sau, ông bị ốm và mất.

(2) **Phong đô**: nơi xử án ở cõi âm.

(3) **Thâm ngược**: sai trái, tàn ác.

(4) **Hưng yêu tác quái**: kích động và làm những việc xấu xa, hại người.

(5) **Ngự sử đại phu**: chức quan chuyên việc can gián nhà vua.

(6) **Can vương**: giúp đỡ, phò tá nhà vua trong hoàn cảnh nguy biến.

(7) **Phong**: ban cho.

(8) **Độ vật**: phù hộ, che chở cho vạn vật được bình an, sinh sôi, nảy nở.

Ông già chau mặt nói:

– Rễ ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thừa kiện, nhưng mà có nhiều nỗi ngăn trở: Những đền miếu gần quanh, vì tham của đút, đều bênh vực cho nó cả. Tôi chỉ giữ được một chút lòng thành, nhưng không làm thế nào để thông đạt được lên, cho nên đành tạm ẩn nhẫn⁽¹⁾ mà ngồi xó một nơi.

Tử Văn nói:

– Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?

– Hắn quyết chống chọi với nhà thầy, hiện đã kiện thầy ở Minh ti⁽²⁾. Tôi nhân lúc hắn đi vắng, lén đến đây báo cho nhà thầy biết để mà liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng.

Ông già lại dặn Tử Văn:

– Hễ ở Minh ti có tra hỏi, thầy cứ khai ra những lời nói của tôi. Nếu hắn chối, thầy kêu xin tư giấy đến⁽³⁾ đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ thì nó phải đở miệng. Nếu không như thế thì tôi đến vui lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

3 Tử Văn vâng lời. Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông. Đi độ nửa ngày đến một toà nhà rất lớn, xung quanh có thành sắt cao vọi đến mấy chục trượng. Hai tên quỷ đến nói với người canh cổng, người canh cổng đi vào một lúc rồi ra truyền chỉ rằng:

Dự đoán kết quả cuộc đấu tranh của Tử Văn dưới cõi âm.

– Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm.

Nói rồi xua tay bảo đi ra phía bắc. Ở đó có một con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài ước hơn nghìn bước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên cầu, có đến mấy vạn quỷ Dạ Xoa, đều mắt xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác. Hai con quỷ dùng gông dài, thùng lớn gông trói Tử Văn mà giải đi rất nhanh, Tử Văn kêu to:

– Ngô Soạn này là một kẻ sĩ⁽⁴⁾ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Chợt nghe trên điện có lời quát:

– Tên này bướng bỉnh ngoan cố, nếu không phán đoán cho rõ, chưa chắc nó đã chịu nhận tội.

Bèn sai dẫn Tử Văn vào cửa điện. Tử Văn vào đến nơi, thấy người đội mũ trụ đương kêu cầu ở trước sân.

(1) Ẩn nhẫn: nén nhịn, chịu đựng ngấm ngầm (không để lộ sự tức giận).

(2) Minh ti: âm phủ.

(3) Tư giấy đến: đưa giấy gọi, triệu tập của cấp trên đến.

(4) Kẻ sĩ: người có học, trí thức chân chính.

Diêm Vương mắng Tử Văn rằng:

– Kẻ kia là một cư sĩ, trung thuần⁽¹⁾ lắm liệt⁽²⁾, có công với tiên triều, nên Hoàng thiên cho được hưởng cúng tế ở một ngôi đền để đền công khó nhọc. Mà lại là một kẻ hàn sĩ, sao dám hỗn láo, tội ác tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?

Tử Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời Thổ công đã nói, lời rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào. Người đội mũ trụ nói:

– Ấy là trước Vương phủ mà hấn còn ghê gớm như thế, hôm nay miệng lưỡi, đơm đặt bịa tạc. Huống hồ ở một nơi đền miếu quanh hiu hắt sợ gì mà không dám cho một mũi lửa.

Hai bên cãi cọ nhau mãi vẫn không phân phải trái, vì thế Diêm Vương sinh nghi. Tử Văn nói:

– Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin tư giấy đến đền Tản Viên để hỏi; không đúng như thế, tôi xin chịu thêm cái tội nói càn.

Sự việc nào có tác dụng xoay chuyển tình thế của cuộc xử án?

Bấy giờ người kia mới có vẻ sợ, quỳ xuống tâu rằng:

– Gã kia một kẻ học trò thật là ngu buống, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách mắng như vậy, cũng đủ răn đe rồi. Xin đại vương khoan dung, tha cho hấn để tỏ cái đức rộng rãi. Chẳng cần đòi hỏi dây dưa. Nếu thẳng tay trị tội nó, sợ hại đến cái đức hiếu sinh.

Diêm Vương quát lớn rằng:

– Cứ như lời hấn thì nhà ngươi đáng tội chết. Điều luật trị tội lừa dối đã sẵn sàng đó. Có sao nhà ngươi dám làm sự lập lờ nhận tội như vậy?

Diêm Vương lập tức sai người đến đền Tản Viên để lấy chứng thực. Sai nhân⁽³⁾ về tâu, nhất nhất đúng với lời Tử Văn. Vương cả giận, bảo các Phán quan rằng:

– Lũ các ngươi chia toà sở, giữ chức sự, cầm lệnh chỉ công, làm phép chỉ công⁽⁴⁾, thưởng thì xứng đáng mà không thiên vị, phạt thì đích xác mà không nghiệt ngã, vậy mà còn có sự dối trá càn bậy như thế; huống chi về đời nhà Hán, nhà Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tệ còn nói sao hết được!

Diêm Vương liền sai lấy lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ người ấy vào ngục Cửu U⁽⁵⁾.

Diễn biến và kết quả cuộc đấu tranh của Tử Văn có giống như suy đoán của bạn không?

Vương nghĩ Tử Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đền kia, từ nay phần xôi lợn của dân cúng tế, nên chia cho Tử Văn một nửa và sai lính đưa Tử Văn về.

⁽¹⁾ *Trung thuần*: ngay thẳng, trong sạch, hết lòng vì bổn phận.

⁽²⁾ *Lắm liệt*: nghiêm trang, oai phong khiến người khác kính sợ.

⁽³⁾ *Sai nhân*: người được quan trên sai đi làm việc công.

⁽⁴⁾ *Chỉ công*: hết sức công bằng, không chút thiên vị.

⁽⁵⁾ *Ngục Cửu U*: tầng sâu nhất, đáng sợ nhất trong chín tầng ngục dưới âm phủ (theo tín ngưỡng dân gian).

Chàng về đến nhà, té ra mình chết đã được hai ngày rồi. Nhân đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau đó họ đón một bà đồng⁽¹⁾ về phụ bóng⁽²⁾, đồng lên cũng nói đúng như lời Tử Văn. Người làng bèn mua gỗ, dựng lại một toà đền mới. Còn ngôi mộ của tên tướng giặc kia thì tự dựng thấy bị bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám vậy.

④ Sau đó một tháng, Tử Văn thấy Thổ công đến bảo:

– Lão phu đã trở về miếu, công của nhà thầy, không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở đền Tản Viên khuyết một chân Phán sự, lão đã vì nhà thầy hết sức tiến cử, được đức Thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa. Người ta sống ở đời, xưa nay ai chẳng phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau. Nếu trùng trĩnh⁽³⁾ độ nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác. Nên cố gắng đi, đừng coi là việc thường.

Tử Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà, rồi không bệnh mà mất.

Năm Giáp Ngọ, có người ở thành Đông Quan⁽⁴⁾ vốn quen biết với Tử Văn, một buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông thấy trong sương mù có xe ngựa đi đến âm âm, lại nghe tiếng quát:

Vì sao Tử Văn đồng ý nhận chức Phán sự đền Tản Viên?

– Người đi đường tránh ra, xe quan Phán sự!

Người ấy ngẩng đầu trông thì thấy người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ chấp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cưỡi gió mà biến mất. Đến nay con cháu Tử Văn hãy còn, người ta truyền rằng đó là “nhà quan Phán sự”.

Lời bình

Than ôi! Người ta thường nói: “Cứng quá thì gãy”. Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời. Sao lại đoán trước là sẽ gãy mà chịu đổi cứng ra mềm?

Ngô Tử Văn là một anh chàng áo vải. Vì cứng cỏi mà dám đốt đền tà, chống lại yêu ma, làm một việc hơn cả thần và người. Bởi thế nổi tiếng và được giữ chức vị ở Minh ti, thật là xứng đáng. Vậy kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi.

Ai là người đưa ra lời bình? Nội dung chính của lời bình là gì?

(Bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện, in trong *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2020, tr. 73 – 79)

(1) *Bà đồng*: chỉ người được thần linh hay hồn người chết nhập vào để giúp người sống giao tiếp với người đã khuất (theo tín ngưỡng dân gian).

(2) *Phụ bóng*: chỉ việc thần linh nhập vào bà đồng thuật lại những việc xảy ra với Tử Văn ở cõi âm (theo tín ngưỡng dân gian).

(3) *Trùng trĩnh*: còn được viết là *chùng chình*; chỉ sự lẩn lữa, không dứt khoát trong một việc làm hay lựa chọn nào đó.

(4) *Đông Quan*: tên gọi thành Thăng Long thời nước ta bị giặc Minh xâm lược và đô hộ.

Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh và năm mất) quê ở tỉnh Hải Dương. Ông thi đỗ cử nhân thời Lê – Mạc nhưng chỉ làm quan chưa đầy một năm, sau đó từ quan, về quê sống ẩn dật trọn đời.

Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên được trích từ tập truyện *Truyền kì mạn lục* (Ghi chép tùy hứng những chuyện kì lạ) của Nguyễn Dữ. Tập truyện này được sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVI theo thể loại truyện kì. Tác phẩm gồm 20 truyện, được viết bằng chữ Hán với hình thức văn xuôi xen lẫn thơ, ca, từ, biền văn; cuối mỗi truyện đều có lời bình. *Truyền kì mạn lục* phong phú về đề tài, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc; được đánh giá là đỉnh cao của thể loại truyện kì Việt Nam thời trung đại. *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* thuộc nhóm truyện viết về đề tài nho sĩ.



Trả lời câu hỏi

1. Xác định người kể chuyện trong *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*. Những lời kể nào giúp bạn có được sự hình dung ban đầu về tính cách của nhân vật Tử Văn?
2. Nêu các sự kiện chính của câu chuyện. Các sự kiện đó được trình bày theo trình tự nào?
3. Tóm tắt diễn biến câu chuyện xử án. Chỉ ra các yếu tố góp phần làm nên chiến thắng của Tử Văn trong phiên toà. Theo bạn, yếu tố nào đóng vai trò quyết định trong chiến thắng đó?
4. Nhân vật Tử Văn được khắc hoạ chủ yếu qua những chi tiết nào? Chọn phân tích một số chi tiết tiêu biểu, từ đó, nhận xét khái quát về tính cách nhân vật này.
5. Sáng tạo chi tiết người đi đường gặp Tử Văn ngồi trên “xe quan Phán sự” và việc người đời sau truyền nhau về “nhà quan Phán sự”, tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?
6. Thế giới thần linh, ma quỷ trong truyện là sản phẩm hư cấu nghệ thuật của Nguyễn Dữ. Khám phá thế giới đó, bạn hiểu thêm được điều gì về chủ đề của tác phẩm?
7. Nêu quan niệm về kẻ sĩ được thể hiện trong lời bình cuối truyện. Bạn có đồng tình với quan niệm đó không? Vì sao?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện trong *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*.

Chữ người tử tù

Nguyễn Tuân



Dựa vào nhan đề Chữ người tử tù, bạn thử suy đoán xem tác phẩm viết về câu chuyện gì.



1 Nhận được phiên trát⁽¹⁾ của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường⁽²⁾, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại⁽³⁾ giúp việc trong đề lao:

– Này, thầy bát⁽⁴⁾, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao⁽⁵⁾. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao! Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?

Tóm tắt nội dung cuộc trò chuyện giữa nhân vật quản ngục và thầy thơ lại.

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

– Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy?

– Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhò đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. À, nhưng mà thông thả. Thầy bảo ngục tốt⁽⁶⁾ nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khoá và vượt ngục nữa không?

(1) *Phiên trát*: tờ lệnh của quan trên truyền xuống.

(2) *Đốc bộ đường*: dinh quan Tổng đốc.

(3) *Thơ lại*: tức *thư lại*, là viên chức trông coi việc giấy tờ ở cửa quan.

(4) *Thầy bát*: người mang hàm bát phẩm – bậc thứ tám trong chín bậc quan chức thời phong kiến.

(5) *Huấn Cao*: Huấn đạo họ Cao (Huấn đạo là chức quan trông coi việc học ở một huyện).

(6) *Ngục tốt*: lính coi ngục.

– Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!

– Ồ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chặc lưỡi?

– Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiêng tiếc.

– Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại vạ miệng thì khốn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiếng, đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ có cho mấy thằng thập nó đánh bạc nghe!

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa⁽¹⁾ ở giá gương, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư⁽²⁾ cũ đã nhợt màu vàng son, một cây đèn để leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngực quan bản khoản ngồi bóp thái dương. Tiếng trống thành phủ gần đây đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngực tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiếng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ đầm sương, vắng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen trắng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân trời không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiếng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lẫn lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, son đã mờ, đĩa dầu sớ⁽³⁾ trên cây đèn nển vơi lần mực dầu. Hai ngọn bắc lép bép nổ, rụng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng có dấu son ti Niết⁽⁴⁾. Viên quan coi ngục ngắc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bắc. Ba cái tim bắc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy.

Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự⁽⁵⁾, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ.

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc; tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Chú ý các chi tiết cho biết ngoại hình, suy nghĩ, lời nói, sở thích, môi trường sống của quan ngục và những câu văn khái quát được tính cách nhân vật này.

(1) *Hèo hoa*: cái gậy làm bằng thân cây hèo, có cuốn tua ở trên đầu.

(2) *Án thư*: bàn đặt sách vở, giấy bút, dùng làm nơi để đọc và viết.

(3) *Đĩa dầu sớ*: đĩa đựng dầu ép từ hạt quả sớ, đặt tim bắc để thấp sáng.

(4) *Ti Niết*: nơi coi việc tư pháp trong một tỉnh.

(5) *Tư lự*: lo nghĩ.

Ông trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền⁽¹⁾ tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghi ngại về câu nói ban chiều của thầy thơ lại. “Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hắn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biết đái ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác⁽²⁾ với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hắn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu”.

Theo bạn, viên quản ngục sẽ đối xử với Huấn Cao như thế nào? Chi tiết nào ở phần 1 có thể khiến bạn suy đoán như vậy?

② Sớm hôm sau, lính tỉnh dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều hôm qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi, làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông dài tám thước⁽³⁾. Cái thang dài ấy đặt ngang trên sáu bộ vai gầy. Cái thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắc lên mỏ cân, có thể nặng đến bảy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tử tù. Gỗ thân gông đã cũ và mồ hôi cổ, mồ hôi tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một nước quang dầu bóng loáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại xỉn lại những chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huấn Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí:

– Rệp cắn tôi, đổ cả cổ lên rồi. Phải dỡ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông đầu cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đùa một câu:

– Các người chả phải tập nữa. Mai một chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bấy giờ tha hồ mà tập. Đứng dậy không ông lại phết cho mấy hèo bây giờ.

Huấn Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thành gông xuống thêm đá tảng đánh thuyềnh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhần mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tấm những điểm nâu đen.

Hình dung hoàn cảnh của cuộc gặp gỡ giữa quản ngục và Huấn Cao.

Cánh cửa đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một bọn thợ nề, thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai.

(1) *Tâm điền*: lòng dạ con người.

(2) *Cáo giác*: tố giác ai đó với chính quyền để kết tội.

(3) *Thước*: đơn vị đo độ dài thời xưa, khoảng 0.33 m.

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nể, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn⁽¹⁾ đối riêng với Huấn Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại:

– Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng⁽²⁾. Xin thầy để tâm cho. Hắn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ “để tâm” có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giờ những mánh khoé hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung:

– Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chớ nhiều lời.

Bọn lính giãn cả ra, nhìn nhau và không hiểu. Sáu tên tử tù có ngục nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu, với thức nhắm, người thơ lại lễ phép nói: “Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm”.

Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu và ăn thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình⁽³⁾ lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm, quản ngục mở khoá cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huấn:

Huấn Cao đã tiếp nhận sự “biệt đãi” của quản ngục như thế nào?

– Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất.

Ông đã trả lời quản ngục:

– Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huấn đã đợi một trận lời đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục. Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bức mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu: “Xin lĩnh ý”. Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không đặt chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa: năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tương tất của quản ngục: “Hay là hắn muốn dò đến những điều bí mật

(1) *Biệt nhỡn*: cái nhìn, thái độ ứng xử thể hiện sự kính trọng đặc biệt.

(2) *Thủ xướng*: người cầm đầu, khởi xướng một vụ việc nào đó.

(3) *Hứng sinh bình*: niềm hứng thú trong cuộc sống bình thường.

của ta?”. “Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ti Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta kí rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận”.

Trong đề lao, ngày đêm của tử tù đợi phút cuối cùng, đúng như lời thơ xưa, vẫn đặng đặng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời quấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại⁽¹⁾ giữ tù. Quản ngục chỉ mong mỗi một ngày rất gần đây ông Huấn sẽ dịu bớt tính nết, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho... cho mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện⁽²⁾ của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoảnh⁽³⁾, trừ chỗ tri kỉ⁽⁴⁾, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo là có một vật báu trên đời.

Dự đoán xem Huấn Cao có bằng lòng cho chữ viên quản ngục không.

Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai một đây, ông Huấn bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời nữa.

3 Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình bộ Thượng thư trong kinh bắt giải ông Huấn Cao và các bạn đồng chí của ông vào kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tinh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói: “Dạ xin ngài cứ yên tâm, đã có tôi” rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đẩy cửa buồng giam, hót hơ hót hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng quản ngục, và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: “Về bảo chủ ngục, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh⁽⁵⁾ không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình⁽⁶⁾ và một bức trung đường⁽⁷⁾ cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhơn liên tài⁽⁸⁾ của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

(1) *Tiểu lại*: viên chức nhỏ nơi cửa quan.

(2) *Sở nguyện*: điều mình hằng mong ước.

(3) *Khoảnh*: khó tính, hay kén chọn, kiêu kì, cao ngạo.

(4) *Tri kỉ*: người hiểu mình.

(5) *Nhất sinh*: suốt một đời.

(6) *Tứ bình*: bộ tranh hoặc thư pháp gồm bốn bức có kích thước tương đương, có mối liên kết với nhau về chủ đề.

(7) *Bức trung đường*: còn gọi là bức hoành phi, hình chữ nhật, đặt nằm ngang, thường ở phía trên và giữa hai câu đối nơi điện thờ.

(8) *Liên tài*: quý trọng người có tài.

4 Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột phân gián.

Trong một không khí khói toả như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc toả cay mắt, họ dụi mắt lia lia.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bung chấu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản⁽¹⁾, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đỉnh đạc bảo:

– Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thôi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Tôi bảo thực đấy: thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương⁽²⁾ cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rục rục xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức châm⁽³⁾, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

Lưu ý các chi tiết được tác giả sử dụng để dựng cảnh cho chữ:

- Bối cảnh: thời gian, không gian.
- Lời nói, cử chỉ, hành động của người xin chữ và người cho chữ.

Nhân vật Huấn Cao khuyên quản ngục điều gì? Quản ngục có thái độ như thế nào trước lời khuyên đó?

Nội dung câu chuyện được kể có giống với suy đoán của bạn lúc mới đọc nhan đề tác phẩm hay không?

(Tuyển tập Nguyễn Tuân, tập một, NXB Văn học, Hà Nội, 1981, tr. 126 – 133)

⁽¹⁾ *Lạc khoản*: dòng chữ nhỏ ở góc dưới bức tranh, trường, câu đối,... ghi ngày tháng, tên người vẽ, viết.

⁽²⁾ *Thiên lương*: bản tính tốt đẹp vốn có của con người.

⁽³⁾ *Bức châm*: bức viết một bài châm (*châm*: một thẻ văn cổ, ngắn, có vần, thường mang nội dung giáo huấn).

Nguyễn Tuân (1910 – 1987) quê ở làng Nhân Mục, nay thuộc quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Ông là tác giả có đóng góp lớn cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại, đặc biệt trên hai thể loại chính là truyện ngắn và tùy bút.

Sáng tác của Nguyễn Tuân bộc lộ cái tôi độc đáo, tài hoa, uyên bác; tràn đầy niềm say mê cái đẹp; thể hiện tấm lòng thiết tha gắn bó với cảnh sắc quê hương xứ sở và thái độ nâng niu, trân trọng các giá trị văn hoá của dân tộc. Lối viết của Nguyễn Tuân khá cầu kì, lôi cuốn người đọc bằng ngòi bút giàu cảm hứng lãng mạn và tài nghệ sử dụng ngôn ngữ bậc thầy. Ông đã góp cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại nhiều tác phẩm xuất sắc: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn, 1940), *Thiếu quê hương* (tập tùy bút, 1940), *Chùa Đàn* (tiểu thuyết, 1946), *Sông Đà* (tập tùy bút, 1960), *Cô Tô* (kí, 1965),...

Chữ người tử tù được in lần đầu trên tạp chí *Tao Đàn* (số 1, năm 1939) với nhan đề *Giòng⁽¹⁾ chữ cuối cùng*, được in lại trong tập truyện ngắn *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân.

Hầu hết nhân vật chính trong *Vang bóng một thời* là những con người tài hoa mà lỡ thời, bất mãn, bế tắc trước thực trạng xã hội đương thời. Họ là hiện thân của những vẻ đẹp còn sót lại từ quá khứ: thú chơi tao nhã, nếp sống thanh cao, tinh thần hào hiệp, nghĩa khí,...



Trả lời câu hỏi

1. Hãy xác định tình huống truyện trong *Chữ người tử tù*.
2. Lời kể về nhân vật quản ngục (trong phần 1) là của ai? Lời kể ấy tác động đến cách nhìn của bạn về nhân vật này như thế nào?
3. Sự kiện nào đã tạo nên bước chuyển trong thái độ của Huân Cao với quản ngục? Sau sự kiện ấy, mối quan hệ của họ đã thay đổi như thế nào?
4. Nhân vật Huân Cao được tác giả khắc hoạ qua những chi tiết tiêu biểu nào? Hãy dựa vào các chi tiết đó để khái quát đặc điểm tính cách Huân Cao.
5. Chỉ ra các yếu tố khiến cảnh cho chữ trở thành một cảnh tượng “xưa nay chưa từng có”. Hãy phân tích ý nghĩa của cảnh tượng kì lạ đó.
6. Theo bạn, tác giả đã gửi gắm những thông điệp gì qua câu chuyện xin chữ và cho chữ?
7. Nêu và nhận xét về một điểm chung mà bạn nhận thấy giữa hai nhân vật Tử Văn (*Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*, Nguyễn Dữ) và Huân Cao (*Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân).

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong truyện ngắn *Chữ người tử tù*.

⁽¹⁾ *Giòng*: dòng, viết theo chính tả của văn bản gốc.

Sử dụng từ Hán Việt

1. Giải thích nghĩa của những từ ngữ Hán Việt được in đậm trong các câu văn dưới đây:

a. Kẻ kia là một cư sĩ, trung thuần lắm liệt, có công với **tiên triều**, nên Hoàng thiên cho được hưởng cúng tế ở một ngôi đền để đền công khó nhọc. Mà lại là một kẻ **hàn sĩ**, sao dám hỗn láo, tội ác tự mình làm ra, còn trốn đi đường nào?

(Nguyễn Dữ, *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*)

b. Xin đại vương **khoan dung** tha cho hắn để tỏ cái đức rộng rãi. Chẳng cần đòi hỏi dây dưa. Nếu thẳng tay trị tội nó, sợ hại đến cái đức **hiếu sinh**.

(Nguyễn Dữ, *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*)

c. Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có **nghĩa khí**, tôi muốn châm chước ít nhiều.

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*)

d. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái **hoài bão tung hoành** của một đời con người.

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*)

2. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*)

a. Tìm 5 từ Hán Việt trong đoạn văn trên.

b. Thử thay thế một từ Hán Việt trong đoạn văn trên bằng 1 từ hoặc cụm từ biểu đạt ý nghĩa tương đương. Hãy đối chiếu câu, đoạn văn gốc với câu, đoạn văn mới để rút ra nhận xét về sự thay thế này.

c. Dựa vào ngữ cảnh, hãy nêu tác dụng của việc sử dụng các từ Hán Việt trong đoạn văn trên.

3. Hãy tìm 6 từ Hán Việt có một trong những yếu tố tạo nên các từ sau: *cương trực*, *hàn sĩ*, *hiếu sinh*. Đặt một câu với mỗi từ Hán Việt tìm được.

4. Hãy chỉ ra lỗi dùng từ Hán Việt trong các câu sau và sửa lại:

a. Việc chăm chỉ đọc sách giúp ta tích lũy được nhiều trí thức bổ ích.

b. Tại phiên toà nơi cỏi âm, nhân vật Tử Văn đã thể hiện được sự cứng cỏi, ngang tàng của hàn sĩ.

c. Thói quen học tập theo kiểu “nước đến chân mới nhảy” là một yếu điểm của nhiều bạn học sinh.

VIẾT

Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

(Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật)

Trước một tác phẩm truyện, mỗi người đọc có thể có những cảm nhận, quan điểm riêng biệt. Khi cần chia sẻ những cảm nhận, quan điểm đó, chúng ta có thể sử dụng kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện. Ở dạng bài viết này, bạn cần làm rõ chủ đề của truyện là gì, truyện có những nét đặc sắc nào về hình thức nghệ thuật. Để việc giải đáp các vấn đề đó có sức thuyết phục, bạn hãy chú ý vận dụng những kiến thức về thể loại đã được học trong phần Tri thức ngữ văn.

Yêu cầu

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- Tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính).
- Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.
- Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện.

Giá trị hay là sự vô giá của quà tặng trong truyện ngắn *Quà Giáng sinh* của O. Hen-ry (O.Henry)

Linh Nguyễn

Không phải ngẫu nhiên mà quà tặng cũng như chuyện tặng quà – nhận quà thường được quan tâm đặc biệt ở nhiều nền văn hoá khác nhau thuộc các thời đại khác nhau. Tặng quà không chỉ đơn thuần là hành vi cho – nhận mà quan trọng hơn, đó là sự bày tỏ mối quan tâm và chia sẻ tình cảm giữa con người với con người.

Tuy nhiên, giá trị thực sự của món quà nằm ở đâu? Giá trị vật chất của món quà hay cách thức tặng quà, thời điểm tặng quà? Điều gì quan trọng hơn: tính thiết thực của món quà hay tính biểu tượng của món quà? Đó vẫn là những chủ đề gây tranh cãi. Trong truyện ngắn *Quà Giáng sinh* được đăng báo lần đầu tiên tháng 12 năm 1905 và xuất bản dưới dạng sách trong một tuyển tập truyện ngắn vào năm 1906, nhà văn nổi tiếng người Mỹ O. Hen-ry đã đưa ra một quan niệm độc đáo về giá trị hay sự vô giá của quà tặng.

Nhan đề bài viết cho biết tên truyện, tên tác giả và hướng phân tích của người viết.

Giới thiệu và cung cấp thông tin khái quát về tác phẩm.

Câu chuyện kể về một cặp vợ chồng trẻ sống ở Niu-Oóc (New York) là Dim (Jim) và Ê-đê-la (Della). Hai vợ chồng sống trong một căn phòng nhỏ tồi tàn, Dim có việc làm nhưng tiền thù lao rất thấp, còn Ê-đê-la vẫn chưa may mắn kiếm được việc làm. Vào ngày trước Giáng sinh, khi chỉ có trong tay một đồng tám mươi bảy xu tiền tiết kiệm, nhưng lại muốn tìm cho chồng “một món quà có ý nghĩa, một thứ có thể biểu hiện được tất cả tình yêu cô dành cho anh”, Ê-đê-la đã quyết định bán đi sợi tóc nâu dài tuyệt đẹp của mình để mua một sợi dây đeo bằng vàng cho chiếc đồng hồ quả quýt vàng gia truyền của Dim. Tuy nhiên, khi vui sướng trao tặng cho anh món quà đó, cô mới biết rằng Dim của cô đã bán chiếc đồng hồ quý giá đó đi để lấy tiền mua cho cô những chiếc kẹp tóc tuyệt đẹp mà anh biết là cô rất thích. Rốt cuộc, Dim không còn chiếc đồng hồ để mà dùng sợi dây đeo và Ê-đê-la không còn mái tóc dài để tô điểm nó bởi những chiếc kẹp tóc. Câu chuyện kết thúc bằng chi tiết hai vợ chồng nhất trí cất hai món quà “đáng yêu” đi và cùng ngồi xuống ăn tối.

Tóm tắt nội dung chính của truyện ngắn.

O. Hen-ry đã xây dựng một cốt truyện đơn giản. Nhân vật của truyện chỉ có ba người: Dim, Ê-de-la và người phụ nữ mua tóc của Ê-de-la – chủ của hiệu “Ma-đam E-loi” (“Madame Eloise”). Trong đó, hai vợ chồng Ê-de-la và Dim là hai nhân vật chính. Ê-de-la là nhân vật được miêu tả kĩ nhất: toàn bộ quá trình từ lúc cô mong muốn được tặng chồng một món quà mà anh yêu thích vào dịp Giáng sinh, cho đến khi cô có ý định hi sinh mái tóc để mua món quà đó và biến ý định này thành hiện thực. Dim chỉ xuất hiện vào đoạn sau của câu chuyện, nhưng độc giả có thể hình dung anh đã trải qua một quá trình tương tự Ê-de-la. Toàn bộ thời gian diễn ra câu chuyện được gói gọn vào một buổi tối trước ngày Giáng sinh và không gian hầu như chỉ bó hẹp trong căn phòng nhỏ nghèo nàn của hai vợ chồng. Những lời thoại trong truyện cũng đi theo xu hướng ngắn gọn, giản đơn. Đường như tác giả muốn độc giả tập trung mọi sự chú ý vào tình huống truyện trớ trêu với những bước ngoặt bất ngờ. Tính chất bất ngờ được duy trì liên tục qua hàng loạt chi tiết bắt đầu từ khi Ê-de-la quyết định bán đi mái tóc óng ả của mình cho đến khi họ cùng cất hai món quà đi và ngồi xuống ăn tối. Sự trớ trêu của tình huống nằm ở chỗ: cả hai đều đã bán đi thứ quý giá nhất của cá nhân mình để có thể tặng cho người kia một món quà hết sức giá trị (cả về độ đắt tiền, về tính thiết thực, cũng như về niềm vui tinh thần) nhưng cuối cùng, hai món quà giá trị đó lại trở thành “vô giá trị” vào chính thời điểm họ trao tặng quà cho nhau: những chiếc kẹp tóc mà Dim mua cho vợ là vô dụng vì tóc vợ anh đã bị cắt cụt, còn sợi dây đeo đồng hồ không biết dùng để làm gì khi Dim không còn trong tay chiếc đồng hồ. Tình huống trớ trêu đã được tháo gỡ bởi hành động mà họ cùng thống nhất: cất đi cả hai món quà, và cùng ngồi ăn tối trong tình yêu thương.

Phân tích cốt truyện, nhân vật, tình huống truyện, lời thoại,...

Phân tích đoạn kết của truyện dựa vào các dẫn chứng lấy từ văn bản truyện.

Quà Giáng sinh được kể từ lời người kể chuyện ngôi thứ ba. Câu chuyện được diễn ra một cách khách quan trước mắt độc giả, và người kể hầu như không đưa ra bất cứ nhận xét, bình luận nào về mọi diễn biến của câu chuyện. Truyện cũng kết thúc theo hướng mở: có thể trong tương lai, như Ê-de-la nói, tóc cô “sẽ dài ra mà”, và biết đâu đấy, Dim có thể có lại được chiếc đồng hồ quý giá, và hai món quà lại được sử dụng, nhưng cũng có thể chúng sẽ mãi mãi không được dùng đến. Tuy vậy, có thể thấy chủ đề của câu chuyện đã được thể hiện một cách rõ ràng: giá trị thực sự của món quà nằm ở những

Nêu tác dụng của việc kể chuyện từ ngôi thứ ba.

Xác định chủ đề của truyện.

điều tưởng chừng vô hình và trừu tượng nhất là sự trân trọng, yêu thương mà người tặng quà dành cho người nhận quà. Đó chính là điều làm nên “sự vô giá” của những món quà. O. Hen-ry đã chứng tỏ mình là một nhà kể chuyện bậc thầy trong câu chuyện này.

Một điểm khá đặc biệt của câu chuyện này là đoạn kết, nơi chứa đựng một thông điệp về Ma-dai – những người thông thái đã tặng quà cho Chúa Hài đồng trong máng cỏ (Nguyên văn của truyện này là “The Gift of the Magi”) và tác giả kết luận rằng: “... Tuy nhiên lời cuối cùng dành cho những người khôn ngoan ngày nay là: trong những người tặng quà, hai người này là thông thái nhất. Trong tất cả người tặng quà và nhận quà, họ là hai người thông thái nhất. Ở nơi đâu họ cũng là người thông minh nhất. Họ là những Ma-dai”. Đó là một phương thức để O. Hen-ry, một lần nữa, nhấn mạnh quan niệm của ông về giá trị của những món quà. Cách thức ông dẫn dắt câu chuyện đến điểm kết khiến người đọc khó mà không đồng cảm và tán thành với đánh giá nói trên của người kể chuyện. Hiểu theo nghĩa rộng, truyện ngắn này không chỉ nói về những món quà mà chủ yếu luận về cái được gọi là “giá trị” trong cuộc sống.


Nhấn mạnh và mở rộng chủ đề truyện.

Ra đời cách đây đã hơn 100 năm, nhưng *Quà Giáng sinh* vẫn là một trong những truyện ngắn về Giáng sinh được yêu thích nhất và cũng là một trong những truyện ngắn được độc giả biết đến nhiều nhất của O. Hen-ry [...] Truyện ngắn này còn được “tái sinh” nhiều lần dưới các hình thức nghệ thuật khác nhau như kịch nghệ, điện ảnh và xuất hiện trong nhiều trường học, được kể đi kể lại dưới các dạng thức khác nhau trên các phương tiện truyền thông. Ngắn gọn, súc tích nhưng không kém phần bất ngờ, đơn giản mà gợi nhiều liên tưởng, tác phẩm này là một truyện ngắn mời gọi những cách đọc khác nhau trong những thời điểm khác nhau của cuộc đời.

Phần kết luận tóm lược các ý kiến đánh giá đã trình bày trong bài viết.

Khẳng định giá trị của truyện: độ phổ biến, sức sống lâu bền, khả năng tái sinh,...

(Linh Nguyễn,
tạp chí *Văn học và tuổi trẻ*, số tháng 10/ 2020, tr. 11 – 14)

-  1. Vấn đề chính được bàn luận là gì?
2. Bài nghị luận trên giúp người đọc có được hiểu biết gì về truyện ngắn *Quà Giáng sinh*?
3. Tác giả bài viết đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Lựa chọn một tác phẩm truyện mà bạn yêu thích, gọi cho bạn nhiều hứng thú và suy ngẫm (có thể là tác phẩm chưa được học). Chú ý đến yêu cầu về thể loại để lựa chọn tác phẩm phù hợp (Bài viết tham khảo về truyện ngắn *Quà Giáng sinh* đã thực hiện yêu cầu theo hướng đó).

– Đọc lại để nắm bắt tác phẩm ở mức độ khái quát nhất; xác định những yếu tố hay vấn đề của tác phẩm sẽ được phân tích, đánh giá (chủ đề, cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôi kể, lời thoại,...).

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để tìm ý, có thể đặt ra các câu hỏi:

– Vì sao tác phẩm này được lựa chọn để phân tích, đánh giá? Điều gì khiến bạn yêu thích tác phẩm?

– Câu chuyện được kể trong tác phẩm đã diễn ra như thế nào?

– Chủ đề của truyện là gì?

– Truyện có những nét đặc sắc nào về nghệ thuật (cách xây dựng cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật; cách sử dụng ngôi kể, lời thoại,...)?

– Những câu, đoạn nào trong truyện cần được trích dẫn và phân tích để làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật?

– Cần nhận xét, đánh giá như thế nào về thành công hay hạn chế của tác phẩm?

Lập dàn ý

Phân bố các ý tìm được ở trên vào từng phần của bài viết theo gợi ý sau:

Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm. Chia sẻ với người đọc lí do bạn lựa chọn tác phẩm này để phân tích, đánh giá; điều khiến bạn yêu thích tác phẩm.

Thân bài:

– Tóm tắt nội dung chính của truyện.

– Phân tích, đánh giá về chủ đề của truyện dựa trên cứ liệu dẫn ra từ tác phẩm.

– Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. Mỗi phân tích, đánh giá đều cần có những chi tiết tiêu biểu được dẫn ra từ tác phẩm.

Kết bài: Khái quát nội dung chính đã trình bày ở thân bài, khẳng định giá trị của tác phẩm, đưa ra một số ý tưởng mở rộng,...

Viết

Viết bài theo dàn ý đã lập. Khi viết, cần chú ý:

– Mở bài cần thu hút được sự chú ý của người đọc, nêu được lí do bạn yêu thích tác phẩm. Chẳng hạn, trong bài viết tham khảo, người viết lựa chọn *Quà Giáng sinh* vì tác phẩm đã đưa ra quan niệm độc đáo của nhà văn về một vấn đề gây tranh cãi là quà tặng và việc tặng quà.

– Các luận điểm triển khai ở thân bài cần tập trung vào chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện. Trật tự các luận điểm có thể linh hoạt: phân tích, đánh giá chủ đề trước và phân tích, đánh giá những điểm đặc sắc về nghệ thuật sau hoặc ngược lại. Trong bài viết tham khảo trên, người viết đã phân tích, đánh giá các đặc sắc nghệ thuật trước, sau đó mới phân tích, đánh giá chủ đề.

– Tránh lối phân tích, đánh giá chung chung. Mỗi luận điểm trong bài viết đều cần được làm sáng tỏ bằng các chi tiết, dẫn chứng cụ thể từ tác phẩm truyện.

– Thể hiện được ý kiến đánh giá riêng của người viết về tác phẩm truyện.

– Khi dẫn các ý kiến phân tích, đánh giá của người khác về tác phẩm, cần ghi rõ nguồn.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

– Đọc lại bài và chỉnh sửa theo hai cấp độ: ý lớn và chi tiết. Rà soát lại xem các ý trong dàn ý đã được triển khai thành các đoạn văn sáng rõ và mạch lạc chưa. Nếu chưa hợp lí thì cần sắp xếp lại các ý.

– Xem xét các luận điểm đã được làm sáng tỏ bằng những chi tiết cụ thể từ văn bản chưa. Nếu chưa thì cần bổ sung để đảm bảo tất cả các phân tích, đánh giá đều có căn cứ thuyết phục.

– Rà soát các lỗi chính tả và ngữ pháp có thể có. Chú ý cách sử dụng từ Hán Việt. Nếu có từ nào còn băn khoăn vì chưa hiểu thật rõ nghĩa, hãy tra cứu lại hoặc thay thế bằng từ khác.

Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện

Yêu cầu

- Nêu được tên truyện, tên tác giả; khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- Trình bày được các nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện một cách thuyết phục: nêu luận điểm rõ ràng, phối hợp linh hoạt phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật được nội dung thuyết trình.

Chuẩn bị nói và nghe

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

– Nếu sử dụng lại kết quả của bài viết thì đề tài của bài nói đã được xác định (nói về cùng một tác phẩm và vấn đề nổi bật của tác phẩm ấy). Trên cơ sở bài viết đã được chỉnh sửa, hãy thu gọn hệ thống luận điểm, dẫn chứng thành một dàn ý phù hợp cho bài nói; chỉ chọn giữ lại những luận điểm và dẫn chứng quan trọng.

– Có thể tìm đọc tác phẩm khác và chọn nói về một vấn đề, một khía cạnh nổi bật của tác phẩm đó.

Tìm ý và sắp xếp ý

Để tránh nói chung chung hoặc lan man, bạn cần phải đặt tên cho bài nói (tên bài thể hiện rõ điều muốn nói, cả về nội dung và định hướng). Việc xác định ý và sắp xếp ý cũng được thực hiện theo quy trình giống như ở hoạt động Viết trước đó.

Xác định từ ngữ then chốt

Có thể sử dụng các cụm từ phù hợp với kiểu bài nói này như: Về tác phẩm này, tôi xin tập trung nói về vấn đề...; Ấn tượng nổi bật nhất của tôi về tác phẩm là...; Đó là lí do không thể không nói đến khi lí giải sức hấp dẫn của tác phẩm này...;

Chuẩn bị nghe

Tìm hiểu trước về bài nói. Bạn nên đọc lại các tri thức về thể loại truyện đã được học trong bài này. Ngoài ra, nếu người nói cho biết trước tác phẩm truyện sẽ được sử dụng làm đề tài nói, bạn có thể tìm đọc tác phẩm, phác thảo những suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác phẩm ấy.

Thực hành nói và nghe

| Người nói | Người nghe |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">– <i>Mở đầu</i>: Nêu đề tài của bài nói, trình bày lí do lựa chọn đề tài.– <i>Triển khai</i>: Trình bày các ý của bài nói (theo dàn ý đã chuẩn bị).– <i>Kết luận</i>: Tóm tắt lại nội dung chính của bài nói, đưa ra một số ý tưởng mở rộng. <p>Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none">– Sử dụng các từ ngữ chuyển tiếp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi. Ví dụ: <i>đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng, tóm lại, thứ nhất, thứ hai,...</i>– Sử dụng giọng nói và ngữ điệu thích hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết,...– Sử dụng có hiệu quả các động tác hình thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe và di chuyển vị trí một cách hợp lí.– Sử dụng các hình ảnh, biểu đồ,... (nếu có) với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói. | <ul style="list-style-type: none">– Chú ý lắng nghe bài nói của bạn.– Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra các ý kiến của mình để đối thoại với người nói.– Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn chưa rõ.– Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình. |

Trao đổi

Người nghe đưa ra các nhận xét, góp ý, câu hỏi về bài nói. Người nói tiếp nhận và trao đổi lại (thể hiện sự tán đồng hoặc không tán đồng, trả lời câu hỏi, bàn luận mở rộng,...).

Lưu ý: Có nhiều cách đọc, cách giới thiệu và đánh giá khác nhau về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện, vì vậy, khi trao đổi, cả người nói và người nghe nên đối thoại trên tinh thần cởi mở, sẵn sàng chấp nhận sự khác biệt trong quan điểm.

– Thực hiện tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày dựa trên các nội dung được nêu trong bảng sau:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|---|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Bài trình bày chọn được tác phẩm truyện phù hợp với những yêu cầu về thể loại, có khả năng gợi được hứng thú cho người nghe. | | |
| 2 | Bài trình bày có đủ ba phần: <i>Mở đầu, Triển khai, Kết luận</i> . | | |
| 3 | Thông tin về tác phẩm được trình bày sáng rõ, mạch lạc. Các ý cơ bản trong bài nói được làm nổi bật. | | |
| 4 | Các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ được phối hợp sử dụng một cách hiệu quả. | | |
| 5 | Có phong cách trình bày tự tin, gây được ấn tượng với người nghe về vấn đề mình muốn phân tích, đánh giá. | | |
| 6 | Sẵn sàng tiếp thu các ý kiến phản hồi, góp ý; đối thoại với những người nghe trên tinh thần tôn trọng quan điểm riêng của nhau. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Ba truyện kể *Thần Trụ Trời, Thần Sét, Thần Gió* giúp bạn hiểu được gì về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của truyện thần thoại Việt Nam?
2. Vẽ sơ đồ hoặc lập bảng tổng hợp về các văn bản đã học theo gợi ý sau:

| Tác phẩm | Ngôi kể | Nhân vật chính | Sự kiện chính |
|---|---------|----------------|---------------|
| <i>Thần Trụ Trời</i> | | | |
| <i>Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên</i> | | | |
| <i>Chữ người tử tù</i> | | | |

3. Tìm đọc một số truyện thần thoại Việt Nam và thế giới. Chọn một tác phẩm mà bạn yêu thích và chỉ ra các yếu tố đặc trưng của truyện thần thoại: cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật, lời kể,...
4. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ) hoặc *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân).

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Không gian, thời gian và các sự kiện chính của câu chuyện.
- Những phẩm chất của nhân vật Tê-dê (Theseus) và quan niệm về người anh hùng của người Hy Lạp thời cổ đại.
- Các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của truyện thần thoại *Tê-dê*.

Tê-dê

(Trích, *Thần thoại Hy Lạp*)

Ê-đi Ha-min-tơn (Edith Hamilton)⁽¹⁾ kể

① Người anh hùng vĩ đại của người A-ten (Athens)⁽²⁾ là Tê-dê. Chàng đã có nhiều cuộc phiêu lưu và tham dự nhiều sự kiện quan trọng đến nỗi ở A-ten người ta có câu “Không có việc gì mà không có Tê-dê”.

② Chàng là con của vua Ê-giê (Aegeus) tại A-ten. Tuy nhiên thuở nhỏ chàng sống nơi quê mẹ, trong một thành phố phía nam Hy Lạp⁽³⁾. Ê-giê quay trở về Hy Lạp lúc Tê-dê chưa sinh ra, nhưng trước khi đi ông có đặt một thanh kiếm và một đôi giày vào trong một cái hố và lấp lại bằng một tảng đá lớn. Ông làm việc này với sự chứng kiến của vợ và dặn rằng khi nào đưa con trai – nếu nàng sinh ra con trai – của họ lớn lên đủ mạnh để lăn hòn đá này đi và lấy những thứ cất bên dưới thì hãy cho nó đến A-ten nhận cha. Đứa bé sinh ra là con trai và khoẻ mạnh hơn các trẻ khác rất nhiều, thế nên khi mẹ cậu cuối cùng dẫn cậu đến nơi hòn đá thì cậu nhấc nó lên một cách dễ dàng. Bà bèn bảo cậu rằng đã đến lúc cậu đi tìm cha và đã có một chiếc thuyền được ông ngoại cậu dành sẵn cho cậu. Nhưng Tê-dê không muốn đi bằng đường thuỷ vì chuyến đi như thế quá an toàn

⁽¹⁾ Ê-đi Ha-min-tơn là nhà văn, nhà nghiên cứu người Mỹ, tác giả của nhiều cuốn sách có giá trị như *The Greek Way* (*Con đường Hy Lạp*, 1930), *The Roman Way* (*Con đường La Mã*, 1932), *The Prophets of Israel* (*Những nhà tiên tri của I-xra-en* (*Israel*), 1936), *Mythology* (*Thần thoại*, 1942), *The Echo of Greek* (*Tiếng vọng của Hy Lạp*, 1957),...

⁽²⁾ A-ten: thủ đô của Hy Lạp hiện nay. Đây cũng là một trong những thành phố có lịch sử lâu đời nhất trên thế giới. Thời cổ đại, A-ten là một thành bang thịnh vượng, một trung tâm triết học, học thuật và nghệ thuật của châu Âu. Tên của thành phố có liên quan đến nhân vật A-tê-na (Athena – nữ thần thủ công mỹ nghệ, trí tuệ và chiến tranh chính nghĩa) trong thần thoại Hy Lạp.

⁽³⁾ *Hy Lạp*: quốc gia nằm ở phía nam bán đảo Ban-căng (Balkan), nơi sinh ra một trong những nền văn minh giàu thành tựu nhất thời cổ đại.

và nhân nhã. Ý nghĩ của chàng là sớm trở thành một đại anh hùng, và an toàn, dễ dãi không phải là cách để đạt tới điều đó. Chàng luôn luôn mơ tưởng được như Hê-ra-cờ-lét (Hercules) – vị anh hùng sáng chói nhất trong các anh hùng của người Hy Lạp, và chàng quyết hành động sao cho sáng chói như thế. Điều này hoàn toàn tự nhiên bởi vì hai người là anh em họ.

③ Do đó, chàng khẳng khái từ chối chiếc thuyền mà mẹ và ông ngoại chàng đã thuyết phục chàng sử dụng, chàng bảo rằng đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ và chàng quyết tâm đi đến A-ten bằng đường bộ. Đây là một chuyến đi dài và rất nguy hiểm vì bọn cướp đầy rẫy trên đường. Tuy nhiên, chàng đã tiêu diệt sạch bọn chúng, chẳng để sót lại một tên nào có thể quấy nhiễu khách bộ hành tương lai [...].

④ Ta có thể tưởng tượng là cả nước Hy Lạp đã rộn lên bao lời ca ngợi chàng thanh niên đã quét sạch khỏi đất nước này những đau đớn khổ cho khách bộ hành. Khi đến A-ten chàng đã là một vị anh hùng được tri ân, được nhà vua mời dự đại tiệc và dĩ nhiên ông không biết Tê-dê là con mình. Thực ra ông còn e ngại sự được lòng dân chúng rộng rãi của chàng trai này, cho rằng hẳn có thể được dân chúng tôn lên làm vua, nên ông cho mời chàng ta tới với ý định đầu độc chàng. Âm mưu này không phải của ông mà là của Mê-đê (Medea), nhân vật nổi tiếng trong cuộc săn tìm bộ lông cừu bằng vàng⁽¹⁾, nàng ta đã biết được Tê-dê là ai và nhờ vào pháp thuật của mình mà gây được ảnh hưởng lớn với Ê-giê. Nàng không muốn vị thế của mình bị suy giảm vì sự xuất hiện của gã con trai này. Nhưng trong lúc nàng ta đưa chén thuốc độc mời Tê-dê thì Tê-dê vì muốn được cha mình tức khắc nhận ra mình nên rút thanh kiếm ra. Nhà vua nhận ngay ra thanh kiếm ấy và hất chén thuốc độc xuống đất. Mê-đê tẩu thoát như nàng vẫn luôn làm thế [...].

⑤ Vua Ê-giê sau đó tuyên cáo khắp nước rằng Tê-dê, là con trai và là người kế vị mình. Nhân vật thừa kế ngai vàng này ngay sau đó đã có cơ hội để tự mình làm cho người dân A-ten mến mộ.

⑥ Nhiều năm trước khi chàng đến A-ten, thành phố này đã trải qua một tai hoạ khủng khiếp. Mi-nô-xơ (Minos), vị vua đầy quyền lực của xứ Cờ-rét (Crete) đã bị mất

⁽¹⁾ Trong truyện *Cuộc tìm kiếm bộ lông cừu vàng*, Mê-đê đã giúp đỡ Gia-dông (Jason) lấy được bộ lông cừu vàng của vua cha.

đứa con trai duy nhất của mình là Ăng-đrô-giê (Androgenes) trong khi cậu ta đến thăm vua xứ A-ten. Ê-giê đã làm một điều mà không một chủ nhà nào dám làm, ông bắt vị khách của mình thực hiện một cuộc viễn chinh hiểm nghèo – đi giết một con bò mộng nguy hiểm. Nhưng rồi con bò mộng đã giết chết chàng trai. Vua Mi-nô-xơ đem quân đánh chiếm A-ten và tuyên bố sẽ làm cỏ đất nước này nếu mỗi chín năm người dân ở đây không cống nạp cho ông một đoàn bảy thiếu nữ và bảy thanh niên. Một số phận khủng khiếp chờ đợi những con người này. Khi đến Co-rét, họ sẽ bị đem cho quái vật Mi-nô-tơ (Minotaur) ăn thịt.

Mi-nô-tơ là một quái vật một nửa hình bò mộng, một nửa hình người, con của Pa-đi-pha-ê (Pasiphaë – vợ của Mi-nô-xơ) và một con bò mộng trắng tuyệt đẹp. Thần Pô-de-i-đông (Poseidon) đã tặng cho Mi-nô-xơ con bò mộng này để ông ta hiến tế cho thần nhưng Mi-nô-xơ không nỡ giết chết con bò và giữ lại cho mình. Để trừng trị Mi-nô-xơ, thần Pô-de-i-đông đã khiến cho Pa-đi-pha-ê say mê con bò này đến phát điên.

Khi Mi-nô-tơ được sinh ra, Mi-nô-xơ đã không giết nó. Ông truyền cho Đê-đan (Daedalus), một kiến trúc sư và nhà sáng chế đại tài, xây một chỗ để giam nhốt nó sao cho nó không thể thoát ra được. Đê-đan đã xây dựng nên Mê cung nổi tiếng khắp thế giới. Một khi đã vào trong ấy, người ta sẽ đi theo mãi những con đường ngoằn ngoèo của nó mà chẳng bao giờ tìm được lối ra. Những chàng trai cô gái thành A-ten sẽ lần lượt được đưa vào đây cho Mi-nô-tơ, không có đường nào để trốn thoát cả. Dù chạy hướng nào họ cũng sẽ đâm sầm vào con quái vật, còn nếu đứng yên thì nó sẽ từ trong Mê cung lao ra bất cứ lúc nào. Đây là số phận đang chờ đợi mười bốn nam nữ thanh niên chỉ vài ngày sau khi Tê-dê đến A-ten. Đã sắp đến ngày giao nộp cống vật.

7 Tê-dê tức thời bước tới tự nguyện làm một trong các nạn nhân. Tất cả mọi người đều mến yêu lòng tốt của chàng và khâm phục sự cao thượng của chàng – nhưng không ai có ý nghĩ rằng chàng tính chuyện đi giết con quái vật. Tuy nhiên, chàng đã nói với cha mình và hứa rằng nếu thành công, thì lúc trở về chàng sẽ cho kéo chiếc buồm màu trắng lên thay cho chiếc buồm màu đen của chiếc thuyền chở cống vật, để cho vua Ê-giê biết tin sớm trước khi thuyền đến đất liền là con mình được bình an.

Khi các nạn nhân trẻ tuổi được đưa đến Co-rét, họ phải đi qua trước dân chúng trên đường đi tới Mê cung, A-ri-an (Ariadne), con gái vua Mi-nô-xơ, cũng ở trong số người đứng xem và khi mới nhìn thấy Tê-dê nàng đã đem lòng yêu chàng. Nàng cho mời Đê-đan và bảo ông phải chỉ cho nàng cách để thoát ra khỏi Mê cung, rồi nàng cho tìm gặp Tê-dê để bảo với chàng rằng nàng sẽ giúp chàng thoát ra nếu chàng hứa đưa nàng về A-ten và cưới nàng làm vợ. Như ta có thể đoán được, chàng đã sẵn sàng chấp nhận điều này và nàng đã chỉ cách mà Đê-đan nói với nàng, đó là một cuộn chỉ mà chàng sẽ buộc một đầu vào bên trong cánh cửa và trải dần ra trong lúc bước đi. Chàng đã làm thế và chắc chắn mình sẽ tìm được đường ra khi cần, chàng bèn mạnh dạn đi vào Mê cung để tìm con Mi-nô-tơ. Chàng thấy nó đang ngủ và lao vào ghim chặt nó xuống đất rồi dùng nắm tay – chàng chẳng có vũ khí nào khác – đâm con quái vật cho đến chết.

Khi Tê-dê rời khỏi cuộc chiến khủng khiếp thì cuộn chỉ vẫn còn ở đấy. Có cuộn chỉ trong tay, con đường đi ra thật là dễ dàng. Những người kia đi theo chàng rồi họ đón A-ri-an cùng lên thuyền vượt biển hướng về A-ten.

8 Trên đường về họ ghé vào đảo Na-xô-xơ (Naxos) và những gì xảy ra ở đây được kể lại khác nhau. Một truyện thì nói rằng Tê-dê đã bỏ rơi A-ri-an. Nàng ta ngủ quên và Tê-dê đã cho thuyền ra đi mà không có nàng, nhưng rồi thần Đi-ô-ni-dô-xơ (Dionynus – thần Rượu) đã tìm thấy và an ủi nàng. Một truyện khác thì nói nhẹ tội hơn cho Tê-dê. Nàng bị say sóng dữ dội, phải đưa vào bờ cho tỉnh lại, trong lúc Tê-dê quay trở về thuyền làm vài việc cần, một luồng gió mạnh đẩy chiếc thuyền ra biển và giữ ở ngoài đó một thời gian lâu. Khi quay trở lại thì A-ri-an đã chết và chàng vô cùng đau khổ.

Cả hai truyện trên đều giống nhau ở chỗ là khi về gần đến A-tê-na chàng đã quên căng cánh buồm màu trắng. Do quá vui mừng vì sự thành công của chuyến đi khiến họ không còn nhớ gì trong đầu hoặc do chàng quá buồn phiền vì chuyện A-ri-an. Từ nhiều ngày qua, vua Ê-giê đã từ trên đỉnh E-rô-pô-lít (Aeropolis) mãi mắt trông chừng ra biển và rồi ông nhìn thấy cánh buồm màu đen, ông nghĩ đây là dấu hiệu con mình đã chết, nên ông đã gieo mình từ mỏm đá cao xuống biển. Vùng biển nơi ông đã chết từ đó gọi là biển Ê-giê.

9 Tê-dê trở thành vua xứ A-ten, vị vua sáng suốt nhất và liêm khiết nhất. Chàng tuyên bố với dân chúng rằng chàng không muốn cai trị họ, chàng muốn lập một chính quyền nhân dân trong đó mọi người đều bình đẳng. Chàng từ bỏ vương quyền và tổ chức một khối cộng đồng, lập một hội trường lớn để các công dân hội họp và biểu quyết. Chức vụ duy nhất mà chàng còn giữ lại cho mình là chức Tổng chỉ huy quân đội. Nhờ đó A-ten trở thành một thành phố hạnh phúc và thịnh vượng nhất trên Trái Đất, mái nhà duy nhất của nền tự do chân chính, một nơi trên Trái Đất mà người dân tự quản lí mình. Vì lí do này mà trong trận đại chiến của Bảy vị anh hùng chống xứ Te-bơ (Thebes)⁽¹⁾ khi những người Te-bơ chiến thắng không chịu chôn xác quân địch đã chết thì những người bại trận đã quay sang nhờ Tê-dê và dân A-ten giúp đỡ, vì tin rằng những con người tự do dưới một nhà lãnh đạo như thế sẽ không bao giờ để cho người chết sa cơ phải chịu xử tệ. Họ đã không nghĩ sai. Tê-dê liền dẫn quân đi đánh xứ Te-bơ, chiến thắng quân Te-bơ và buộc họ phải để cho người chết được chôn cất. Nhưng khi đã là người chiến thắng chàng không bắt người dân Te-bơ phải chịu các thứ tội mà họ đã gây ra. Chàng tỏ ra vô cùng hào hiệp. Chàng không cho quân sĩ của mình vào thành phố để cướp bóc. Chàng đến đây không phải để xâm hại Te-bơ mà là để chôn cất những người đã chết, và sau khi làm xong nhiệm vụ này chàng dẫn quân trở về A-ten.

(Theo Ê-đi Ha-min-tơn, *Huyền thoại phương Tây*,
Chương Ngọc dịch, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2004, tr. 188 – 195)

⁽¹⁾ *Te-bơ*: thành bang ở trung phần bán đảo Pê-lô-pôn-nét (Peloponnese), Hy Lạp.

Yêu cầu cần đạt

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình).
- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thơ thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- Nhận biết được lỗi dùng từ và lỗi về trật tự từ, biết cách sửa những lỗi đó.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
- Biết nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG **TRI THỨC NGŨ VĂN**

Thơ và thơ trữ tình

Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới.

Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Nhân vật trữ tình

Nhân vật trữ tình (còn gọi là chủ thể trữ tình) là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

Hình ảnh thơ

Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là những ấn tượng thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

Vần thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ

Vần thơ: sự cộng hưởng, hoà âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Vần có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.

Nhịp điệu: những điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mĩ về thế giới.

Nhạc điệu: cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệp, phối hợp thanh điệu bằng – trắc,...

Đối: cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (tương phản).

Thi luật: toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hoà thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ,...

Thể thơ: sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.

Lỗi dùng từ và lỗi về trật tự từ trong câu

Khi sử dụng tiếng Việt, cần tránh những lỗi cơ bản trong cách dùng từ như lỗi lặp từ, lỗi dùng từ không đúng nghĩa, lỗi dùng từ không đúng phong cách.

Trong cụm từ hay trong câu tiếng Việt, các từ được sắp xếp theo một trật tự có quy tắc riêng. Việc vi phạm trật tự này sẽ khiến thông tin muốn truyền đạt bị hiểu nhầm, hiểu sai và theo đó, hiệu quả giao tiếp bị hạn chế.

Chùm thơ hai-cư (haiku) Nhật Bản



Bài thơ ngắn nhất mà bạn đã từng đọc là bài nào? Điều gì khiến nó được lưu lại mãi trong tâm trí của bạn?



1. Trên cành khô
cánh quạ đậu
chiều thu.

(Ba-sô – Basho, Nhật Chiêu dịch, *Ba nghìn thế giới thom*, NXB Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 23)

Hãy hình dung về màu sắc, không khí của khung cảnh được gọi tả trong bài thơ.

2. Ôi hoa triêu nhan⁽¹⁾!
Dây gàu vương hoa bên giếng
Đàn hình xin nước nhà bên.

(Chi-ô – Chiyo, Nhật Chiêu dịch, *Ba-sô và thơ hai-cư*, NXB Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 314)

Ấn tượng mà hình ảnh “hoa triêu nhan” và “dây gàu” gợi ra cho bạn là gì?

3. Chậm rì, chậm rì
Kìa con ốc nhỏ
Trèo núi Phu-gi (Fuji).⁽²⁾

(It-sa – Issa, Nhật Chiêu dịch, *Ba nghìn thế giới thom*, Sđd, tr. 385)

Khi nhắc đến “con ốc” và “núi Phu-gi”, người ta thường nghĩ đến những đặc điểm nào của chúng?

⁽¹⁾ *Triêu nhan*: loài hoa rất phổ biến ở Nhật Bản, được người Nhật gọi bằng nhiều cái tên gợi cảm như “kim tuyến của ban mai”, “trăng lúc chiều tà”, “cô gái đậu tía”,... Hoa triêu nhan cũng là hình ảnh xuất hiện nhiều trong thơ Chi-ô.

⁽²⁾ *Núi Phu-gi*: ở Việt Nam thường được gọi theo âm Hán Việt là núi Phú Sĩ, ngọn núi cao nhất Nhật Bản (3 776 m). Từ lâu, ngọn núi này đã khơi gợi cảm hứng cho nhiều nghệ sĩ và là địa điểm du lịch quen thuộc của người Nhật và du khách nước ngoài.

Hai-cư là thể thơ truyền thống có vị trí quan trọng trong văn học Nhật Bản, đồng thời được xem là một trong những hình thức cô đọng nhất của thơ ca thế giới. Bài thơ hai-cư trong tiếng Nhật chỉ gồm 3 dòng (dòng 1 và dòng 3 có năm âm tiết; dòng 2 có bảy âm tiết). Bản dịch tiếng Việt trong sách giáo khoa tuy không đáp ứng được đầy đủ đòi hỏi của quy tắc trên nhưng vẫn đảm bảo được sự ngắn gọn, hàm súc đặc trưng của thể thơ này. Thơ hai-cư thường biểu hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên bằng những hình ảnh trong sáng, nhẹ nhàng nhưng cũng đậm tính tượng trưng.

Khởi nguồn từ Nhật Bản, ngày nay, hai-cư đã trở thành thể thơ được sáng tác bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới. Thơ hai-cư hiện đại có những đặc điểm riêng về bút pháp trong khi vẫn bảo lưu một số nguyên tắc quan trọng của tư duy và mỹ cảm của thơ hai-cư truyền thống như bài thơ được cấu tứ quanh một phát hiện mang tính chất “bùng nổ” về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, về sự tương thông đầy bí ẩn giữa thế giới và con người; thơ thiên về khơi gợi hơn là miêu tả và diễn giải. Sức sống và sự hấp dẫn của thơ hai-cư nằm ở khả năng kiệm lời mà vẫn gợi nhiều cảm xúc và suy tưởng.

Mát-chư-ô Ba-sô (Matsuo Basho, 1644 – 1694) là nhà thơ nổi tiếng của văn học Nhật. Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ hai-cư, đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của Nhật Bản.

Chi-ô (1703 – 1775) là người đánh dấu sự hiện diện của các tác giả nữ trong truyền thống thơ hai-cư. Trước bà, thơ hai-cư của tác giả nữ thường bị coi thường và quên lãng. Bà đã trở thành một tiếng nói thơ ca độc đáo, được nhiều người yêu thích.

Cô-ba-y-a-si Ít-sa (Kobayashi Issa, 1763 – 1828) là nhà thơ kiêm tu sĩ Phật giáo. Ông còn là họa sĩ tài ba, nổi tiếng với những bức tranh có đề các bài thơ hai-cư do chính ông sáng tác.



Trả lời câu hỏi

1. Hãy nhận diện hình ảnh trung tâm ở từng bài thơ hai-cư trên và cho biết đặc điểm chung của các hình ảnh ấy.
2. Xác định mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba-sô với các yếu tố thời gian và không gian.
3. Bài thơ của Chi-ô được triển khai xoay quanh phát hiện nào? Theo bạn, vì sao phát hiện này lại dẫn dắt nhân vật trữ tình sang “xin nước nhà bên”?
4. Từ những đặc điểm thường được liên hệ khi hình dung về “con ốc” và “núi Phú-gi”, hãy nhận xét về tương quan giữa hai hình ảnh này.
5. Khoảnh khắc được thể hiện trong bài thơ của Ba-sô có thể khơi gợi những cảm xúc gì ở người đọc?
6. Từ bài thơ của Chi-ô, hãy bình luận về ý nghĩa triết lí trong cách ứng xử của con người đối với thiên nhiên mà bài thơ gợi ra.
7. Bạn cảm nhận như thế nào về hành trình “chậm rì” của con ốc trong bài thơ của Ít-sa?

Kết nối đọc – viết

Từ việc đọc ba bài thơ trên, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày về điều bạn cảm thấy thú vị nhất ở thể thơ hai-cư.

Thu hứng (Cảm xúc mùa thu)

Đỗ Phủ

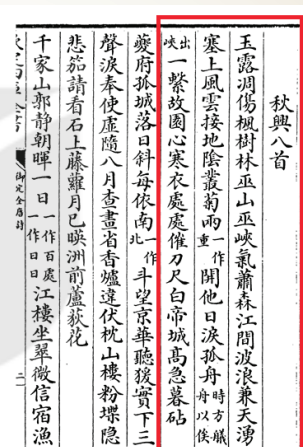


- Bạn đã được làm quen với một số bài thơ Đường luật trong sách giáo khoa Ngữ văn cấp Trung học cơ sở. Hãy chia sẻ ấn tượng của bạn về đặc điểm hình thức cũng như nội dung của những bài thơ thuộc thể loại này.
- Bạn đã bao giờ xa gia đình và thấy nhớ nhà? Nếu có thể, hãy chia sẻ về trải nghiệm ấy của bạn.



Phiên âm

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu sơn⁽¹⁾, Vu giáp⁽²⁾ khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai⁽³⁾ tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch Đế⁽⁴⁾ thành cao cấp mộ châm.



Nguyên văn *Thu hứng* (bài 1)
trong bản in khắc gỗ chùm 8 bài
Thu hứng ở Toàn Đường thi

Dịch nghĩa

Sương móc trắng xoá làm tiêu điều cả rừng cây phong,
Núi Vu, kềm Vu hơi thu hiu hắt.
Giữa lòng sông, sóng tung vọt trùm bầu trời,
Từ trên cửa ải, gió mây sà xuống khiến mặt đất âm u.
Khóm cúc nở hoa đã hai lần làm tuôn rơi nước mắt ngày trước,
Con thuyền lẻ loi thắt chặt mãi tấm lòng nhớ về vườn cũ.
Chỗ nào cũng rộn ràng đao thước để may áo rét,
Về chiều, từ trên thành Bạch Đế cao, tiếng chày nện vải nghe càng dồn dập.

(1) *Vu sơn*: núi Vu, nay thuộc thành phố Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

(2) *Vu giáp*: kềm Vu, là hẻm núi kéo dài từ huyện Vu Sơn (thành phố Trùng Khánh) đến huyện Ba Đông (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc).

(3) *Lưỡng*: một số bản chép *trùng*. *Lưỡng khai*: (đã) hai lần nở. *Trùng khai*: nở thêm một lần nữa.

(4) *Bạch Đế*: toà thành được xây trên núi cao, ở bờ bắc sông Trường Giang, thuộc thành phố Trùng Khánh.

Dịch thơ

Bản dịch 1

Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn non hiu hắt, khí thu loà.
Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước,
Thành Bạch, chày vang bóng ác tà.

(Nguyễn Công Trứ dịch, *Ngữ văn 10*, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014, tr. 146)

Khung cảnh mùa thu được tái hiện trong bài thơ (màu sắc, không khí, trạng thái vận động của sự vật).

Hãy nhận diện phép đối trong cả nguyên tác và bản dịch nghĩa trong các cặp câu thơ 3 – 4 và 5 – 6.

Bản dịch 2

Móc trắng rừng phong vẽ úa gầy,
Vu sơn, Vu giáp khí thu dày.
Lòng sông sóng tận lưng trời nháy,
Đầu ải mây sà mặt đất bay.
Lệ cũ nở hai mùa cúc đỏ,
Lòng quê buộc một chiếc thuyền đây.
Nơi nơi áo lạnh đòi dao thước,
Bạch Đế thành hôm rộn tiếng chày.

(Khương Hữu Dụng dịch, *Thơ Đỗ Phủ*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1962, tr. 229)

Âm thanh của tiếng dao thước may áo, tiếng chày đập vải gọi ra không khí gì?

Thơ Đường luật còn gọi là thơ cận thể. Đó là thể thơ ngũ ngôn hay thất ngôn làm theo những nguyên tắc thi luật được đặt ra từ thời Đường.

Thơ Đường luật có ba dạng chính: thơ bát cú (8 câu), thơ tuyệt cú (4 câu) và thơ bài luật (dạng kéo dài của thơ Đường luật), trong đó thơ bát cú (đặc biệt là thất ngôn bát cú) được xem là dạng cơ bản nhất.

Về bố cục, một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật gồm bốn cặp câu thơ (liên thơ), tương ứng với bốn phần: đề – thực – luận – kết. Bài thơ chỉ gieo một vần (thường là vần bằng) ở các câu 1 – 2 – 4 – 6 – 8 (chữ cuối của câu thứ nhất có thể gieo vần hoặc không). Về luật bằng trắc, thơ Đường luật có quy định về sự hoà thanh trong từng câu và trong cả bài để đảm bảo sự cân bằng, hài hoà cho âm hưởng của toàn bộ bài thơ. Về đối, thơ Đường luật bát cú yêu cầu đối ở câu thực và luận.

Thơ Đường luật có một mô hình thi luật chặt chẽ, hướng tới sự cân đối, hài hoà về cấu trúc của toàn bộ bài thơ. Mô hình thi luật này phản ánh cảm quan về vũ trụ của người Trung Quốc thời trung đại, theo đó, vũ trụ là một thể thống nhất và giữa các bộ phận của vũ trụ có sự liên thông, tương ứng với nhau.

Về mặt ngôn từ, nét đặc sắc của thơ Đường luật thể hiện ở chỗ: có thể chỉ bằng một vốn từ ngữ hữu hạn, thậm chí quen thuộc, các nhà thơ vẫn tạo nên được những cách biểu đạt hết sức tinh tế, gợi ra nhiều liên tưởng và ý nghĩa. Về cấu tứ, thơ Đường luật có đặc trưng nổi bật là xây dựng tứ thơ theo các mối quan hệ tương đồng hoặc đối lập, tả ít gợi nhiều, tả gián tiếp hơn là trực tiếp, nhờ đó, mở ra không gian cho người đọc cảm nhận bài thơ.

Đỗ Phủ (712 – 770) tên chữ là Tử Mĩ, người tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Những biến cố chính trị dữ dội của thời đại, cảnh li tán, khốn khó của gia đình, tình trạng bệnh tật liên miên đã tác động mạnh đến nhận thức và cảm hứng của Đỗ Phủ, khiến âm điệu thơ ông có phần bi thương.



Nhà thơ Đỗ Phủ,
tranh của Trương Triệu Hoà

Thơ Đỗ Phủ nổi lên ba chủ đề lớn: nhiệt huyết yêu nước, phản kháng cường quyền, cảm thông với số phận dân đen. Ông sáng tác ở nhiều thể thơ, cả cổ thể và cận thể. Đỗ Phủ được người đời sau tôn làm Thi thánh (Thánh thơ). Thơ ông hiện còn trên 1000 bài.

Năm 763, loạn An – Sử tới hồi kết thúc nhưng tình hình xã hội vẫn chưa yên. Mùa thu năm 766, Đỗ Phủ vẫn đang sống những tháng ngày phiêu bạt, ốm đau, khốn khó tại Quỳ Châu (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) nên cảm thời thế và viết một chùm tám bài thơ thất ngôn bát cú nổi tiếng có nhan đề chung là *Thu hứng*. Văn bản được học là bài đầu tiên của chùm thơ này.



Trả lời câu hỏi

1. Mô tả một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) được thể hiện trong bài thơ *Thu hứng*.
2. Đối chiếu hai bản dịch thơ với nguyên văn (thông qua bản dịch nghĩa), từ đó, chỉ ra những chỗ hai bản dịch thơ có thể chưa diễn đạt hết sắc thái và ý nghĩa của nguyên văn.
3. Những hình ảnh và từ ngữ nào được dùng để gợi không khí cảnh thu trong bốn câu đầu của bài thơ? Khung cảnh mùa thu này có thể gợi cho bạn những ấn tượng gì?
4. Qua các từ ngữ và hình ảnh ở hai câu thơ 5 – 6, người đọc có thể nhận biết được điều gì về nhân vật trữ tình?
5. Việc mô tả khung cảnh sinh hoạt của con người ở hai câu thơ kết có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình?
6. *Thu hứng* được viết trong một hoàn cảnh đặc biệt của cuộc đời Đỗ Phủ. Phải chăng tác phẩm chỉ thể hiện nỗi niềm thân phận cá nhân của nhà thơ?
7. Có ý kiến cho rằng câu thơ nào trong bài thơ cũng thể hiện cảm xúc về mùa thu, nỗi niềm tâm sự của tác giả trong mùa thu. Bạn suy nghĩ gì về ý kiến này?

Kết nối đọc – viết

Những yếu tố làm nên đặc trưng và sức hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ hai-cư có nhiều điểm gần gũi nhau. Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về những điểm tương đồng ấy.

Mùa xuân chín

Hàn Mặc Tử



- *Bạn có nhớ những bài thơ, những câu thơ nào về mùa xuân mà mình đã từng đọc?*
- *Điều gì khiến bạn có ấn tượng hay thích thú ở những bài thơ, câu thơ ấy?*



Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang.

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
– Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi.

Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi
Hồn hển như lời của nước mây
Thầm thì⁽¹⁾ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây.

Khách xa, gặp lúc mùa xuân chín
Lòng trí bàng khuâng sực nhớ làng
– Chị ấy, năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?

Chú ý:

- Các vần được gieo trong bài thơ;
- Những từ ngữ có thể gọi ra nhiều nét nghĩa hoặc nhiều khả năng liên tưởng về âm thanh, hình ảnh;
- Những kết hợp từ ngữ ít gặp trong lời nói thông thường.

(Hàn Mặc Tử, *Thơ*,
Sở Văn hoá và Thông tin Nghĩa Bình, 1988, tr. 78)

⁽¹⁾ *Thầm thì*: thầm thì, tha thiết.

Hàn Mặc Tử (1912 – 1940) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở huyện Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Năm 18 tuổi, ông theo gia đình vào sống tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Hàn Mặc Tử qua đời trong lúc trị bệnh phong tại nhà thương Quy Hoà.

Hàn Mặc Tử sáng tác với nhiều bút danh như Lệ Thanh, Phong Trần, Minh Duệ Thị,... Ông là một đại diện độc đáo của phong trào Thơ mới, là nhân vật trụ cột của Trường thơ Loạn Bình Định – một nhóm thi sĩ cùng chia sẻ nhiều quan điểm thẩm mỹ táo bạo, bao gồm Chế Lan Viên, Quách Tấn, Yến Lan, Bích Khê, Hoàng Diệp,...

Thơ Hàn Mặc Tử bộc lộ một thế giới nội tâm mãnh liệt với những cung bậc cảm xúc được đẩy đến tột cùng. Ngôn ngữ thơ của ông giàu cảm giác mạnh với nhiều hình ảnh độc đáo, thể hiện trí tưởng tượng phóng khoáng, thậm chí dị kì.

Một số tập thơ tiêu biểu của Hàn Mặc Tử: *Gái quê* (1936), *Thơ Hàn Mặc Tử* (1942), *Chơi giữa mùa trăng* (thơ không vần, 1944),...

Phong trào Thơ mới (1932 – 1945) được xem là sự kiện mở ra “một thời đại mới trong thi ca” Việt Nam. Thơ mới đánh dấu sự chấm dứt của mười thế kỉ thơ ca trung đại, đưa thơ Việt Nam vào quỹ đạo hiện đại. Thơ mới chịu ảnh hưởng của thơ ca Pháp, đặc biệt là trào lưu chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng, nhưng về cơ bản, nó là hiện tượng được nảy sinh và phát triển từ khát vọng giải phóng cái tôi cá nhân và nhu cầu đổi mới nghệ thuật của các nhà thơ Việt Nam.

Về mặt nội dung, Thơ mới bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo.

Về mặt hình thức, Thơ mới là sự đột phá mạnh mẽ khỏi những nguyên tắc thi pháp chi phối mười thế kỉ thơ trung đại Việt Nam. Bài thơ được tổ chức theo dòng chảy tự nhiên của cảm xúc thay vì theo mô hình luật thơ đã định sẵn từ trước. Câu thơ và các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn. Hình ảnh thơ thể hiện rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách nhà thơ quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới.

Với những cách tân quan trọng cả về nội dung và hình thức, Thơ mới đã mở ra nhiều khả năng phát triển đa dạng của thơ Việt Nam hiện đại.



Trả lời câu hỏi

1. Nhan đề bài thơ *Mùa xuân chín* được cấu tạo bởi những từ thuộc từ loại nào và có thể gọi ra cho bạn những liên tưởng gì?
2. Trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ được thể hiện bằng những từ ngữ nào?
3. Hãy nhận xét về ngôn từ của bài thơ trên hai khía cạnh sau:
 - Bài thơ có những sự lựa chọn và kết hợp ngôn từ nào khiến bạn đặc biệt chú ý? Hãy nói cụ thể hơn cảm nhận của bạn về điều này.
 - Ngôn từ của bài thơ đã gợi lên một khung cảnh mùa xuân như thế nào?
4. Mô tả cách ngắt nhịp và gieo vần trong bài thơ. Chỉ ra những chỗ mà cách ngắt nhịp, gieo vần này có thể gây được ấn tượng đặc biệt với người đọc (chú ý đến vai trò của các dấu câu, sự biến hoá của cách ngắt nhịp, vị trí gieo vần). Từ đó, hãy so sánh mức độ chặt chẽ trong cách ngắt nhịp và gieo vần trong bài thơ này với một bài thơ trung đại làm theo thể Đường luật.
5. Con người trong bài thơ hiện diện qua những hình ảnh nào? Hình ảnh nào gắn với nhân vật trữ tình? Hình ảnh nào là đối tượng quan sát hay nằm trong tâm tưởng của nhân vật trữ tình?
6. Hình ảnh, nhịp và vần trong bài thơ có mối liên hệ như thế nào với mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình?
7. Hãy nêu cảm nhận của bạn về nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một câu thơ hoặc một hình ảnh trong bài thơ *Mùa xuân chín* của Hàn Mặc Tử đã gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc.

Bản hoà âm ngôn từ trong *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư^(*)

Chu Văn Sơn⁽¹⁾



Qua những bài đã học về thơ, hãy chia sẻ những điều bạn thấy thú vị và khó khăn khi tiếp cận một bài thơ trữ tình.



1 Từng có câu: “Thu là thơ của đất trời, thơ là thu của lòng người”. Có thể còn ai đó hoài nghi cái chân lí này của người xưa. Nhưng nếu một lần đọc những bài như *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư thì nỗi hoài nghi vẩn vơ kia dễ dàng tan biến. “Hồn thơ” và “hồn thu” ở đây đã đồng vọng mà thành *Tiếng thu*:

Tiếng thu

Em không nghe mùa thu
dưới trăng mờ thốn thức?

Em không nghe rạo rục
hình ảnh kẻ chinh phu
trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rừng thu
lá thu kêu xào xạc,
con nai vàng ngơ ngác
đạp trên lá vàng khô?

Trước khi đọc tiếp văn bản của Chu Văn Sơn, hãy dừng lại đọc bài thơ của Lưu Trọng Lư và liệt kê những yếu tố hình thức ở bài thơ có thể gây ấn tượng và liên tưởng mạnh ở người đọc.

(*) Lưu Trọng Lư (1911 – 1991) sinh tại huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, được xem là một trong những thi sĩ đầu tiên khởi xướng và tích cực cổ vũ cho phong trào Thơ mới. Trong phong trào Thơ mới, Lưu Trọng Lư được ghi nhận là một hồn thơ sầu mộng, ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, dễ gọi sự cảm động. Các tác phẩm chính của ông: *Tiếng thu* (thơ, 1939), *Người sơn nhân* (tập truyện ngắn, 1933), *Chiếc cáng xanh* (truyện dài, 1941), *Khói lam chiều* (truyện dài, 1941), *Toả sáng đôi bờ* (thơ, 1959), *Hồng Gấm, tuổi hai mươi tới rồi* (kịch thơ, 1973), *Bao la sầu* (thơ, 1989).

(1) Chu Văn Sơn (1962 – 2019) là nhà nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại. Các tác phẩm chính đã xuất bản: *Ba đỉnh cao Thơ mới: Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử* (2005), *Thơ – điệu hồn và cấu trúc* (2007), *Tự tình cùng cái Đẹp* (2019).

② Con người cổ điển vốn xem tĩnh là gốc của động, là gốc của sự vận động trong tạo vật. Cho nên người ta đã có cả một quan niệm triết học và mỹ học về cái tĩnh. Tĩnh được xem là trạng thái vĩnh viễn, là nét đẹp vĩnh hằng của tạo vật thiên nhiên trường cửu không di dịch này. Vì thế, bước vào thơ thiên nhiên xưa là bước vào một thiên nhiên tĩnh lặng, miên viễn. Yên bình, thanh vắng trở thành một đặc tính của vẻ đẹp thiên nhiên trong nghệ thuật cổ điển. Ấy là cái tĩnh đầy an nhiên minh triết của thi nhân xưa.

Trong đoạn 2 và 3, thao tác lập luận chính mà tác giả sử dụng là gì?

③ Thơ mới không thế! Nếu như gom toàn bộ Thơ mới lại để mà lắng nghe, thì cái âm hưởng đặc trưng nhất vang lên từ đáy hồn Thơ mới chính là tiếng XÔN XAO. Các thi sĩ Thơ mới ít nhìn thiên nhiên bằng cái nhìn chiêm nghiệm. Họ muốn vào dò la cái sự sống tiềm tàng chất chứa bên trong lòng tạo vật. Bằng mối liên hệ tương ứng vi diệu giữa tâm hồn cá nhân và tâm hồn tạo vật, họ đã khám phá ra sự sống bí mật đầy xôn xao trong lòng thiên nhiên. Bên trong mỗi tạo vật kia chất chứa bao biến thái tinh vi và bí mật. Bên trong mỗi tạo vật là cả một thế giới riêng vừa mơ hồ vừa hiển hiện mà người ta chỉ nắm bắt được bằng thi cảm: thế giới huyền diệu! Nó là cái cựa mình của nụ hoa, là tiếng thở dài của lá, là nỗi rạo rực của nhụy phấn, tiếng đập cánh của những giấc mơ, tiếng rung của những đường trăng, là tiếng ngân của những làn ánh sáng, là sự hồn hển nước mây, là sự run rẩy băng khuâng của thứ nắng lơ lửng, ... Thế giới Thơ mới là vạn vật lên men say, là tạo vật ở trạng thái thăng hoa. Vì thế mà XÔN XAO đã thành điệu hồn riêng của Thơ mới.

④ *Tiếng thu* không phải là một âm thanh riêng rẽ nào, cũng không phải là một tập hợp giản đơn nôm na của nỗi thồn thức trong đất trời, nỗi rạo rực trong lòng người và tiếng xạc xào của lá rừng. *Tiếng thu* là một điệu huyền.

Xác định câu chủ đề của đoạn 4.

Tiếng thu là cả một bản hoà âm vừa mơ hồ vừa hiển hiện của bao nỗi xôn xao ngấm ngầm trong lòng tạo vật đang hoà điệu với nỗi xôn xao huyền diệu của hồn thi nhân.

⑤ Có lẽ bởi sự cộng hưởng ấy mà “bản hoà âm mùa thu” đã tìm thấy cho mình một “bản hoà âm ngôn từ” để cất lên thành *Tiếng thu*. Vâng, ta đang nói đến một trong những nét đặc sắc nhất của thi phẩm này: âm điệu. *Tiếng thu* đã được kí thác vào một cấu trúc ngôn từ chứa chan tính nhạc. Nghe trong tổng thể, thậm chí còn thấy bài thơ tựa tựa một ca khúc. Sao lại né tránh, lại xem nhẹ việc cảm thụ phương diện âm nhạc của *Tiếng thu*? Bên cạnh

Từ đoạn 5 đến đoạn 7, tác giả tập trung phân tích những yếu tố hình thức nào của bài thơ?

câu “Thi trung hữu hoạ”, người xưa chẳng đã từng nói “Thi trung hữu nhạc” đó thôi! Và chẳng áng thơ ca chân chính nào cũng xâm chiếm tâm hồn người đọc trước hết bằng âm điệu của nó. Âm điệu thơ bao giờ cũng là sự cất cánh, sự hiển hiện của cái ta gọi là hồn thơ. Nghe được âm điệu riêng thì xem như đã cảm nhập được cái hồn, cái thần của thơ rồi vậy. Mà ở đây, dường như nhạc lại là cái hình thức của *Tiếng thu*, là cái chân dung của thi phẩm. Xem nhẹ điều này chẳng phải là bỏ qua phần hồn mà chỉ chú trọng đến phần thân xác của thơ hay sao? Điều cốt yếu là cảm nhận nhạc tính trong sự hoà điệu giữa TIẾNG THU và TIẾNG THƠ thế nào thôi!

6 Có thể khi in, bài thơ được sắp xếp thành khổ, cũng có thể in liền không chia khổ. Nhưng điều này không có ý nghĩa quyết định, nó chỉ thuần tuý là sự trình bày bề ngoài. Cấu trúc ngôn từ tự nó đã chia bài thơ thành ba phần nội dung, tương ứng với ba câu hỏi. Và như thế, dù muốn hay không, tự nó cũng hình thành ba khổ, bất chấp sự tán đồng hay phản bác của người phân tích. Ba phần nội dung hợp thành một chỉnh thể theo kết cấu rất âm nhạc.

7 Chúng ta đều biết “lặp lại” và “phát triển” là một quy luật rất thông thường của âm nhạc. Âm nhạc của ngôn từ cũng không nằm ngoài quy luật ấy. *Tiếng thu* quả là một chỉnh thể chặt chẽ và nhuần nhuyễn, đẹp như một giai điệu thu. Có thể ví với một giai điệu, bởi sự hoà nhập tự nhiên hài hoà giữa “vân” và “nhịp”. *Tiếng thu* hiệp vân bằng cả hai hệ thống: vân bằng (*mùa thu – trăng mờ – chính phu – rừng thu – vàng khô*) và vân trắc (*thôn thức – rạo rực – xào xạc – ngơ ngác*),... Vân điệu nhờ vậy vừa giàu có vừa nhất quán. Bởi “bằng” cũng chỉ một vân (vân u), “trắc” cũng chỉ một vân (vân ưc – ac). Sức quyến rũ của bài thơ, trước hết, nằm ở sự quyến hoà của hai chuỗi vân bằng và vân trắc này. Còn nhịp điệu có lẽ được tạo ra trước hết bởi thể loại. Bài thơ thuộc thể ngũ ngôn, gồm chín câu, mỗi câu năm chữ, tạo ra bước nhịp lớn đều đặn, êm đềm suốt toàn bài. Ba khổ thơ, khổ nào cũng mở đầu bằng cụm từ *Em không nghe*, tạo nên điệp khúc rõ rệt. Đúng hơn là như một khúc thức gồm ba lời. Khúc thức không chỉ lặp lại mà còn phát triển. Ba khổ thì khổ một: 2 dòng, khổ hai: 3 dòng, và khổ ba: 4 dòng. Sự gia tăng tương ứng với từng mảng nội dung, từng bước đẩy cảm xúc lên cao trào.

8 Người viết vừa phân tích, mô tả cấu trúc ngôn từ mang tính nhạc của thi phẩm này. Nhưng điều đó phỏng có ích gì nếu như không làm vang lên được cái “tiếng thu”?

9 Có phải mùa thu là mùa nhạy cảm nhất trong năm? Có phải vào mùa thu ngay cả những người vô tâm nhất cũng có thể nghe thấy những rung động tinh vi của trời đất?

Từ đoạn 8 đến đoạn 12, tác giả tập trung phân tích khía cạnh gì của bài thơ?

Lưu Trọng Lư đang muốn chia sẻ, muốn tìm kiếm sự đồng điệu, hay đang muốn phô bày những cảm nhận huyền diệu mình mới nghe được trong hư ảo qua một thoáng nghiêng tai thi sĩ? Ba khổ thơ nói đến ba thứ tiếng của mùa thu. Chẳng biết là ngẫu nhiên hay được sắp đặt một cách tinh vi, nhuần nhị mà ba “tiếng” ấy lần lượt cất lên theo một trật tự phát triển: từ tiếng thồn thức của mùa thu dưới ánh trăng mờ, đến tiếng rạo rục của lòng người cô phụ, đến tiếng lá thu kêu *xào xạc* – nghĩa là từ xa đến gần, từ mơ hồ đến cụ thể, từ toàn thể đến cá thể, từ cảnh vật đến nhân vật, từ hình sắc đến thanh âm, từ bề sâu đến bề ngoài, từ kín khuất đến phát lộ. Nhưng lắng kỹ mà xem, thực ra thồn thức và rạo rục chưa thực là âm thanh. Những tiếng ấy hiện hữu mà mơ hồ. Toàn bài chỉ có duy nhất một từ tượng thanh: *xào xạc*. Vậy *Tiếng thu* là bao gồm cả những tiếng có thể nghe được một cách trực quan cả những tiếng chỉ nhận được bằng linh cảm, thi cảm. Nhưng trong ba tiếng trên dường như chứa đựng một tương quan khác. *Thồn thức* và *rạo rục* là những âm nền còn *xào xạc* là âm nổi: Phải chăng nổi thồn thức của tạo vật, nổi rạo rục của lòng người đã cộng hưởng thành nổi xôn xao mệnh mang đang rung lên bên trong lòng trời đất này. Còn tiếng *xào xạc* kia chỉ là sự phát lộ thành tiếng ra bên ngoài của nổi xôn xao ngấm ngấm đó thôi? Hồn thu bàng bạc trong toàn bài nhưng nó hiện hình sống động nhất là ở cái tiếng *xào xạc* ấy. Nghe cái tiếng thu này, ta dễ nhớ đến một tiếng thu khác của Nguyễn Đình Thi về sau này:

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội

Những phố dài xào xạc hơi may.

(*Đất nước*)

10 *Xao xạc* và *xào xạc* thực chỉ là một âm thôi, khác nào như một nốt nhạc chơi ở hai cung khác nhau. Ấy thế mà không thể thay thế được. *Xao xạc* đanh và cao, gợi được tiếng lá quét mình trên đường phố, nó là cái hơi thu phố phường. Còn *xào xạc* lại trầm và đục, trong không khí này, đã gợi được vẻ âm u và huyền bí của rừng già:

Em không nghe rừng thu

lá thu kêu xào xạc,

11 Tiếng *thồn thức* của đất trời còn mơ hồ, tiếng *rạo rục* của lòng người cô phụ có phần rõ rệt hơn! Có thể em không nghe! Nhưng còn tiếng *xào xạc* gần gũi thế, lẽ nào em không nghe? Cấu trúc lời thơ vừa lặp lại vừa phát triển như thế khiến cho tiếng thu ngày một xốn xang hơn và lòng thi nhân (người cất lên tiếng hỏi tìm sự đồng điệu) cũng ngày một khắc khoải hơn!

12 Sự hoà điệu giữa tiếng thu và tiếng thơ còn tỏ ra tinh tế hơn trong âm hưởng của nó. Toàn bài có thể ngắt thành 18 tiết tấu, thì số tiết tấu bằng là 11, còn tiết tấu trắc là 7. Bằng chiếm ưu thế. Toàn bài có 49 âm thì có tới 30 âm bằng, âm trắc chỉ có 19. Bằng cũng chiếm ưu thế! Lại nữa, toàn bài có những câu hoàn toàn viết bởi âm bằng: “Em không nghe mùa thu”, “Em không nghe rừng thu”. Vậy là âm điệu chung đã nghiêng hẳn về bằng. Bởi thế chúng ta thấy *Tiếng thu* có một điệu êm đềm, thanh thoát mà tiêu tao. Cái nền bằng của âm hưởng dường như mang trong nó cái không khí âm u bàng bạc, mơ màng cái nhịp rung trầm trong lòng cõi thu mệnh mông. Nhưng điều độc đáo chưa phải ở phần bằng, mà ở phần trắc. Đáng kể nhất là những vần chân thuộc về âm trắc. Chúng đều là những từ láy. Bản thân từ láy đã gọi được sự điệp âm, sự nhấn nhá, luyến láy. Chúng lại đi liền thành chuỗi càng làm cho sắc thái ngân luyến vang vọng hơn, lên cao hơn. Khác nào trên cái nền bằng thanh tĩnh mơ màng của đất trời chợt ngân lên những *Tiếng thu*. Khác nào trên cái nền mơ hồ những thồn thức rạo rực xốn xang vô hình thấy động lên một tiếng xạc xào của lá! Sự tương phản bằng trắc ấy lại chính là sự hài hoà, sự hài thanh để cho *Tiếng thu* thành một bản hoà âm đó vậy?

13 Tôi cứ nghĩ, Lưu Trọng Lư chính là chú nai kia, bởi cái nghiêng tai ngơ ngác thi sĩ của nó. Nó ngơ ngác vì không nghe ra hay vì tiếng thu quá đổi lạ lùng. Nó chỉ nghe có một tiếng lá thu kêu xào xạc thôi, mà đằng sau tiếng xào xạc kia là biết bao rạo rực, thồn thức của đất trời. Chỉ có một tín hiệu duy nhất là tiếng *xào xạc* nhưng cái âm thanh của lá rừng thực đã là vị sứ giả của cái vương – quốc – thu huyền bí, là phát ngôn chính thức và hàm súc của *Tiếng thu*. Ẩn sau tiếng *xào xạc* là cả một giao hưởng vô hình của những nổi xôn xao huyền diệu. Đó vừa là trạng thái của thiên nhiên tạo vật, vừa là điệu hồn của thi sĩ và của thời đại cộng hưởng trong một cấu trúc ngôn từ thi ca tinh vi và đẹp đẽ.

Xác định câu chủ đề của đoạn 13.

(Theo Chu Văn Sơn, *Thơ – điệu hồn và cấu trúc*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 45 – 53)



Trả lời câu hỏi

1. Theo phân tích của tác giả, “tiếng thu” và “tiếng thơ” tương ứng với những bình diện nào trong bài thơ của Lưu Trọng Lư?
2. Trình tự của bài viết đi từ “tiếng thu” hay “tiếng thơ”? Theo tác giả, “tiếng thu” trong bài thơ của Lưu Trọng Lư là gì?
3. Đánh giá về tính hợp lí của cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết.
4. Theo tác giả, sự khác biệt lớn nhất trong cách miêu tả thiên nhiên của Thơ mới so với thơ cổ điển là gì? Nguyên nhân nào dẫn đến sự khác biệt ấy?
5. Khi phân tích ngôn từ trong bài thơ *Tiếng thu*, những thao tác nào được nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn thường xuyên sử dụng? Theo bạn, tại sao những thao tác ấy lại rất cần thiết trong việc cảm thụ giá trị thẩm mĩ của ngôn từ thơ?
6. Từ gợi ý trong bài viết của Chu Văn Sơn, theo bạn, sức hấp dẫn của một bài thơ nằm ở những yếu tố nào?

Kết nối đọc – viết

Qua các tác phẩm được giới thiệu trong bài *Vẻ đẹp của thơ ca*, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) chia sẻ về điều làm bạn thấy thú vị, hấp dẫn khi đọc thơ.

Thực hành tiếng Việt

Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa

1. Hãy tìm lỗi dùng từ trong các câu sau và nêu cách sửa lỗi thích hợp:

a. *Nhà thơ Cô-ba-y-a-si Ít-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản.*

b. *Đề tài, chủ đề, cảm hứng cũng như nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng, khác nhau.*

Lỗi dùng từ và cách sửa

• Lặp từ

- Trường hợp một từ ngữ được dùng nhiều lần trong một câu, một đoạn khiến câu, đoạn đó trở nên nặng nề, rườm rà được coi là lỗi lặp từ. Cách sửa: bỏ từ ngữ bị lặp hoặc thay bằng đại từ hay từ ngữ đồng nghĩa.
- Chẳng hạn, câu *Có lẽ thơ hai-cư dường như là thể thơ kiệm lời bậc nhất mắc lỗi lặp*

c. Bài thơ “Thu hứng” là một trong những thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ.

d. Nhà thơ đã mượn trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.

e. Được sinh ra trong một gia đình tri thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách.

g. Bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh của nhân vật trữ tình – người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng.

h. Hình ảnh hoa triêu nhan vương dây gàu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất ư bất ngờ.

2. Trường hợp nào dưới đây được xem là mắc lỗi về trật tự từ? Hãy đưa ra cách sửa lỗi cho trường hợp ấy.

a. Một bộ phận độc giả đông đảo đã không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.

b. Là thể thơ ngắn nhất thế giới, hai-cư được xem như một “đặc sản” của văn chương Nhật Bản.

c. Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch sự kiện hơn là mạch cảm xúc của bài thơ.

từ, có thể viết lại như sau: Có lẽ hai-cư là thể thơ kiệm lời bậc nhất.

- Cần phân biệt lỗi lặp từ với phép lặp trong liên kết câu và lặp tu từ (điệp ngữ). Lỗi lặp từ thể hiện sự vụng về, thiếu cẩn thận trong việc sử dụng ngôn ngữ.

• Dùng từ không đúng nghĩa

- Nguyên nhân đưa đến lỗi này là người viết không hiểu đúng nghĩa của từ ngữ mình dùng, nhất là các thành ngữ, từ Hán Việt, thuật ngữ khoa học.
- Để khắc phục lỗi này, cần biết sử dụng thường xuyên từ điển tiếng Việt, từ điển Hán Việt, từ điển thuật ngữ chuyên ngành có uy tín.

• Dùng từ không đúng phong cách ngôn ngữ của kiểu, loại văn bản

- Lỗi này thường do người viết chưa ý thức được những ràng buộc của ngữ cảnh hay tính đặc thù của kiểu loại văn bản, từ đó lựa chọn từ ngữ không thích hợp, làm giảm hiệu quả giao tiếp. Chẳng hạn, trong câu *Bài thơ có nhiều lỗi diễn đạt hơi bị lạ so với ngôn ngữ thông thường*, cụm từ “hơi bị lạ” có tính khẩu ngữ, không nên dùng ở một bài viết có tính trường quy. Có thể viết lại câu này như sau: *Bài thơ có nhiều lỗi diễn đạt khác lạ so với ngôn ngữ thông thường*.
- Để khắc phục, người viết cần phải quan tâm thực sự đến hoàn cảnh giao tiếp, nắm vững đặc điểm phong cách ngôn ngữ của kiểu, loại văn bản được sử dụng.

Lỗi trật tự từ và cách sửa

- Nhiều cụm từ, câu trong tiếng Việt chỉ khác nhau do trật tự sắp xếp giữa các từ, ví dụ: hộp sữa/ sữa hộp; viên thuốc/ thuốc viên;

d. Rất nhiều hình ảnh đời thường xuất hiện trong thơ hai-cư Nhật Bản.

e. Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.

g. Điều làm thích thú người đọc ở bài thơ này là cách đọc đảo gieo vần.

h. Trong bài thơ “Tiếng thu”, đóng vai trò quan trọng là các từ láy tượng thanh.

i. Nhà thơ cho phép thơ lãng mạn giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.

3. Phát hiện các lỗi dùng từ và trật tự từ (nếu có) trong đoạn văn đã viết theo yêu cầu của phần Kết nối đọc – viết.

4. Sưu tầm các trường hợp vi phạm lỗi dùng từ và trật tự từ trong một số văn bản báo chí. Phân tích lỗi và đưa ra phương án sửa chữa.

Sao không bảo nó đến? Sao bảo nó không đến?/ Nó đến sao không bảo?;... Cần phân biệt lỗi trật tự từ với biện pháp tu từ đảo ngữ trong sáng tác văn học. Trong văn học, phép đảo ngữ là biện pháp thay đổi trật tự từ so với trật tự từ do ngữ pháp quy định, làm tăng hiệu quả biểu đạt cho lời văn nghệ thuật, chẳng hạn:

Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê **trắng** điểm một vài bông hoa

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang, nắng trở chiều

(Xuân Diệu, *Thơ duyên*)

- Trong giao tiếp thông thường, các từ trong câu cần được sắp xếp theo trình tự đúng với quy tắc ngữ pháp. Nếu không tuân thủ thì câu bị coi là mắc lỗi về trật tự từ. Chẳng hạn, câu *Bài thơ đã thi vị miêu tả khung cảnh mùa xuân làng quê* có thể được sửa lại như sau: *Bài thơ đã miêu tả khung cảnh mùa xuân làng quê một cách thi vị*; hoặc: *Bài thơ đã thi vị hoá khung cảnh mùa xuân làng quê*.
- Để khắc phục lỗi trật tự từ, cần phải nắm vững quy tắc ngữ pháp, hiểu được mục đích giao tiếp. Đặc biệt, cần thường xuyên luyện tập cách sử dụng tiếng Việt.

Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ không phải là một bài phát biểu cảm nhận đơn thuần. Kiểu bài viết này đòi hỏi sự chặt chẽ trong lập luận, sự sáng rõ, sắc nét của luận điểm và sự mạch lạc trong tổ chức bài viết. Bởi vậy, người viết cần nắm chắc các tri thức về đặc trưng thi ca đã được giới thiệu trong bài học và được làm rõ qua các tiết đọc văn bản để có những phân tích, đánh giá thuyết phục. Mặt khác, kiểu bài này cũng vẫn khuyến khích người viết thể hiện những rung cảm và tưởng tượng của mình khi chiêm lĩnh bài thơ.

Yêu cầu

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá).
- Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...).
- Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.

Bài viết tham khảo

Những điều xanh của mùa xuân (Đọc *Mùa xuân xanh* của Nguyễn Bính)

Không phải vô cớ trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945), Nguyễn Bính lại được mệnh danh là “thi sĩ của mùa xuân”. Theo thống kê của Đỗ Anh Vũ, trong số 271 bài thơ sáng tác trước năm 1945 của Nguyễn Bính, có đến 35 bài trực tiếp nhắc đến mùa xuân, 41 bài nhắc đến chữ Tết⁽¹⁾. Bức tranh xuân trong thơ Nguyễn Bính có khi hiện lên với nét tươi tắn, hồn hậu, lại cũng có khi nặng trĩu nỗi niềm, tâm sự. *Mùa xuân xanh* thuộc mảng thứ nhất. Bài thơ nhỏ gọn, giản dị mà vẫn làm toát lên được sức sống phơi phới của vạn vật lúc xuân về và cả nét tình tứ đậm chất “chân quê”.

⁽¹⁾ Đỗ Anh Vũ, *Nguyễn Bính: Tết và xuân*, báo *Đại đoàn kết*, số ra ngày 18/01/2016.

Mùa xuân xanh

*Mùa xuân là cả một mùa xanh
Giời ở trên cao, lá ở cành
Lúa ở đồng tôi và lúa ở
Đồng nàng và lúa ở đồng anh.*

*Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh
Tôi đợi người yêu đến tự tình
Khởi lũy tre làng tôi nhận thấy
Bắt đầu là cái thất lưng xanh.*

1937

(Nguyễn Bính, in trong *Tuyển tập Nguyễn Bính*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 64)

Hãy bắt đầu bằng những ấn tượng được gọi ra từ nhan đề và câu mở đầu bài thơ. Có lẽ mỗi nhà thơ đều có những cảm nhận của riêng mình về sắc màu đặc trưng của mùa xuân. Xuân Diệu gọi tên mùa xuân bằng sắc hồng mơn mẩn: “Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!” (*Vội vàng*). Hàn Mặc Tử vẽ bức tranh xuân bằng những từ ngữ gợi gam màu ấm nóng, thể hiện trạng thái viên mãn của mùa xuân vào độ chín (*Mùa xuân chín*). Còn Nguyễn Bính thì định nghĩa: “Mùa xuân là cả một mùa xanh”. Định nghĩa này tự nhiên như thể chẳng cần phải giải thích bởi “mùa xuân” và “mùa xanh” không chỉ gần âm mà còn gần nghĩa. Cả hai đều khơi dậy những liên tưởng tương đồng về ý nghĩa như sự khởi đầu, niềm hi vọng, sức sống, tuổi trẻ...

*Nêu ấn tượng trước sự
gợi mở của nhan đề và
câu mở đầu bài thơ.*

Mạch thơ được tổ chức theo lối diễn dịch. Ý niệm “mùa xuân” được cụ thể hoá trong các hình ảnh trải dọc bài thơ: bầu trời, cây lá, ruộng đồng, lũy tre và cuối cùng là “chiếc thất lưng xanh” của người thôn nữ. Mỗi hình ảnh lại gợi ra những sắc thái khác nhau của mùa xanh: trời xanh trong, lá xanh biếc, lúa xanh mát, cỏ xanh non, tre xanh ngắt và chiếc thất lưng xanh thắm. Điểm nhìn của nhân vật trữ tình vận động từ cao xuống thấp, theo đó, cả bầu trời lẫn mặt đất, cả thiên nhiên lẫn con người đều hiện lên trong trạng thái tươi tắn, dào dạt sức sống.

*Phân tích mạch triển
khai hệ thống hình ảnh
trong bài thơ.*

Nhìn vào từng câu thơ và quan hệ giữa các cặp câu thơ trong cả bài, có thể dễ nhận thấy nhà thơ chủ ý khai thác hiệu quả phép đối: “Giời ở trên cao/ lá ở cành”;

“Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh/ Tôi đợi người yêu đến tự tình”, cũng như các phép điệp từ, điệp cấu trúc được triển khai xuyên suốt bài thơ. Các biện pháp tu từ này có thể gọi ra hình dung về trạng thái sống đôi, hô ứng giữa các tạo vật trong vũ trụ, giữa con người với các tạo vật và cuối cùng, giữa con người với con người. Tất cả đều đang tồn tại trong sự cận kề, giao hoà, tình tự. Như vậy, trong chỉnh thể bài thơ, “mùa xuân xanh” vừa là mùa tươi mà cũng vừa là mùa tình.

Phân tích phép đối, phép điệp và hiệu quả thẩm mỹ mà các phép tu từ này gọi ra.

Cả hai khổ thơ mở ra một không gian đồng nội thân thuộc. Nhưng hình thức và tình ý trong bài thơ đã mang những yếu tố hiện đại khác biệt với những bài thơ về làng cảnh trong văn học dân gian hay văn học trung đại. Thứ nhất, nếu trong thơ ca truyền thống, thiên nhiên thường được mô tả với những thuộc tính vốn có của nó thì ở đây, tạo vật lại được tạo hình theo những ấn tượng và xúc cảm chủ quan của con người. Điều này được thể hiện rõ nét ở câu thơ: “Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh”. Biện pháp nhân hoá khiến cỏ cũng trở thành một sinh thể khát khao tình tự. Nhân vật trữ tình không chỉ nhìn ngắm cảnh vật mà còn phổ vào nó những xốn xang trong nội tâm của chính mình. Đến ngay cả “trên mộ” – nơi đánh dấu sự kết thúc của đời người, cỏ cũng ngời lên sắc xanh khi xuân về, cũng đang rạo rực ngóng đợi thanh minh. Thiên nhiên trong *Mùa xuân xanh* không mang vẻ bình lặng của một trạng thái vĩnh cửu muôn đời. Thay vào đó, thiên nhiên như cũng đang rung động theo những cảm xúc đang dâng lên rộn ràng ở nhân vật trữ tình.

Liên hệ, so sánh với thơ truyền thống để làm rõ những nét mới mẻ của bài thơ.

Thứ hai, trong bài thơ có sự xuất hiện của kiểu câu thơ vắt dòng – một hiện tượng hầu như không bắt gặp khi đọc thơ trung đại:

*Lúa ở đồng tôi và lúa ở
Đồng nàng và lúa ở đồng anh.*

hay

*Khởi lữ tre làng tôi nhận thấy
Bắt đầu là cái thắt lưng xanh.*

Ở những câu thơ vắt dòng này, nhịp điệu nương theo cảm xúc của con người hơn là tuân thủ quy tắc của ngữ pháp. Nhịp điệu ấy là nhịp điệu của nỗi hân hoan và cả niềm hồi hộp khi “đợi người yêu đến tự tình”. Lời thơ vừa nao nức nhưng vẫn có gì ngập ngừng, vừa e ấp mà cũng vừa loi lả qua cách sử dụng các đại từ một cách lấp lửng “đồng tôi – đồng nàng” – “đồng anh”. Nhịp điệu và lời thơ gợi nhớ đến cách nói đùa đầy duyên dáng thường bắt gặp trong ca dao xưa, nhưng cảm xúc chứa đựng trong đó lại là một tình điệu mới. Điệu cảm xúc trong bài thơ chính là một biểu hiện của

ái tình “trăm hình muôn trạng” (chữ của Lưu Trọng Lư, dẫn lại theo Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam*)⁽¹⁾. Chỉ đến thời đại của Thơ mới, khi ý thức cá nhân của con người được giải phóng, trạng thái tinh thần đặc biệt này mới thực sự trở thành đối tượng mà thơ ca muốn khám phá và tìm cách biểu đạt.

Bài thơ khép lại bằng hình ảnh người thôn nữ trong chiếc thắt lưng xanh, không khỏi làm người ta liên hệ đến câu ca dao tình tứ: “Hỡi cô thắt dải lưng xanh/ Có về Nam Định với anh thì về”. Cô gái chỉ được khắc hoạ bằng một nét chấm phá, tập trung vào chiếc thắt lưng nhưng cũng đủ gợi hình dung về vẻ đẹp nữ tính. Thay vì nép mình lại sau thiên nhiên như trong thơ ca trung đại, con người giờ đã hiện diện ở tiền cảnh. Bài thơ kết lại khi mọi sự của con người mới bắt đầu, kết mà như thể bỏ lửng. Nhưng đó là sự bỏ lửng thi vị mà ta cũng hay bắt gặp trong nhiều bài thơ tình lãng mạn khác. Nó thể hiện mỹ cảm đặc trưng của chủ nghĩa lãng mạn vốn nâng niu tất cả những gì ở trạng thái khởi nguyên, trong sáng và hồn nhiên.

Tóm lại, *Mùa xuân xanh* là bài thơ của niềm vui sống, của sự chan hoà giữa con người với tạo vật, là khúc dạo đầu của tình yêu lứa đôi. Những giá trị nhân bản ấy lại được thể hiện bằng một thứ ngôn từ thơ ca tự nhiên, giản dị nhưng vẫn có tính hiện đại. Có lẽ bởi những yếu tố ấy, trải qua nhiều năm tháng, bài thơ của Nguyễn Bính vẫn còn xanh mãi trong tâm trí của người đọc.

Khẳng định giá trị thẩm mỹ và giá trị nhân bản của bài thơ.

(Nhóm biên soạn)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1. Bài viết tham khảo cảm nhận và phân tích bài thơ *Mùa xuân xanh* (Nguyễn Bính) vừa theo tuyến hình ảnh trải dọc bài thơ, vừa theo trình tự câu thơ, khổ thơ. Cách cảm nhận và phân tích đó có những ưu thế gì nổi bật?
2. Trong bài nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ, thực chất của việc phân tích chủ đề là gì?
3. Người viết đã đánh giá bài thơ như thế nào? Nêu nhận xét khái quát về tính thuyết phục của đánh giá đó.

⁽¹⁾ Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam* (bản in lần thứ 11), NXB Văn học, Hà Nội, 1995, tr. 17.

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

- Lựa chọn bài thơ sẽ được phân tích, đánh giá. Cân nhắc để chọn đúng bài thơ đã thật sự làm bạn rung cảm và tin vào giá trị nghệ thuật của nó. (Bài thơ gây cho bạn những ấn tượng đặc biệt gì về hình ảnh, nhịp điệu, giọng điệu? Tình cảm và tư tưởng trong bài thơ đã khiến bạn xúc động như thế nào?)
- Tìm đọc tham khảo những bài viết, ý kiến liên quan đến bài thơ bạn sẽ phân tích, đánh giá.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

– Đọc lại bài thơ đã lựa chọn. Có thể đọc thầm hoặc đọc thành tiếng để cảm nhận đầy đủ hơn về âm điệu, nhịp điệu của nó. Chú ý những cách diễn đạt lạ, có thể lần đầu mình bắt gặp và những hình ảnh gây ấn tượng. Sau khi đọc, hãy suy nghĩ vì sao bài thơ lại có những cách tổ chức và kết hợp ngôn từ đặc biệt như vậy.

Chẳng hạn, khi đọc bài thơ *Mùa xuân xanh* của Nguyễn Bính, cần quan tâm đến nhan đề bài thơ, cách sử dụng các đại từ một cách lấp lửng (đồng *tôi*, đồng *nàng*, đồng *anh*),... Cũng cần chú ý đến nhịp điệu của bài thơ và giọng điệu của nhân vật trữ tình (Bài thơ có nhịp nhanh hay chậm? Giọng điệu của nhân vật trữ tình sôi nổi hay rụt rè, náo nức hay ngập ngừng?). Không nên bỏ qua sự cụ thể hoá những điệu xanh của mùa xuân thành các hình ảnh trải dọc bài thơ.

– Thử liên kết âm điệu, nhịp điệu, ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ và chú ý xem mạch liên kết này có thể đem đến cho bạn sự bất ngờ nào trong cảm xúc, liên tưởng và nhận thức.

Ví dụ, ở bài viết tham khảo, người viết đã phát hiện về cấu trúc hô ứng và sóng đôi của hệ thống hình ảnh và văn bản ngôn từ của bài thơ, từ đó khẳng định rằng hình thức nghệ thuật này thể hiện cảm quan độc đáo của nhà thơ về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.

– Tìm hiểu thêm thông tin về tác giả và hoàn cảnh sáng tác, chú ý bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá, văn học của bài thơ – có thể giúp hiểu sâu hơn về ngôn ngữ, hình ảnh, cảm xúc và tư tưởng của bài thơ.

Có thể thấy trong bài viết tham khảo, tác giả đã có ý thức đặt bài thơ *Mùa xuân xanh* trong mối liên hệ với phong trào Thơ mới, so sánh nội dung và hình thức của bài thơ với thơ ca dân gian và trung đại, từ đó chứng minh sự hài hoà giữa tính hiện đại và tính truyền thống của bài thơ.

– Khi phân tích nội dung nghệ thuật của bài thơ, chú ý vận dụng các thao tác so sánh và liên tưởng một cách thích hợp. (Ví dụ: so sánh từ ngữ mà nhà thơ lựa chọn với những từ đồng nghĩa, gần nghĩa, từ đó lí giải vì sao lựa chọn của nhà thơ có thể được xem là tối ưu.)

– Cần tập trung vào những phương diện hình thức nghệ thuật và nội dung của bài thơ mà người đọc xem là độc đáo, mới mẻ, thú vị. Ví dụ, bài phân tích *Mùa xuân xanh* đã chú ý nhấn mạnh vào cái mới, cái mang tính hiện đại trong cảm nhận về thiên nhiên và sự biểu hiện tình cảm của con người.

– Khi đánh giá bài thơ, cần chú ý đầy đủ các giá trị thẩm mỹ và giá trị nhân văn của nó. (Bài thơ gợi cho bạn những trải nghiệm đặc biệt gì về cảm giác, cảm xúc, nhận thức? Những trải nghiệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với bạn?)

Chẳng hạn, trong bài phân tích *Mùa xuân xanh*, tác giả cho rằng niềm vui sống toát lên từ bài thơ của Nguyễn Bính là một giá trị nhân bản; bài viết *Bản hoà âm ngôn từ trong “Tiếng thu” của Lưu Trọng Lư* cho rằng *Tiếng thu* mang trong nó những tâm tình thời đại được thể hiện trong một cấu trúc ngôn từ thơ ca đẹp đẽ.

Lập dàn ý

Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, thời điểm ra đời, nơi xuất bản, đánh giá chung của dư luận,...) và nêu vấn đề chính sẽ được tập trung phân tích trong bài viết.

Thân bài (cần triển khai các ý):

– Phân tích, đánh giá mạch ý tưởng, cảm xúc của nhân vật trữ tình (nhân vật trữ tình muốn biểu đạt điều gì, thông qua hình tượng nào, với cái nhìn và thái độ ra sao,...).

– Phân tích, đánh giá sự phát triển của hình tượng chính (qua các khổ, đoạn trong bài) và tính độc đáo của những phương tiện ngôn từ đã được sử dụng (từ ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ,...).

– Phân tích, đánh giá nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ đề, thể loại (của chính nhà thơ hoặc của những tác giả khác).

Kết bài: Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ đối với người viết bài nghị luận.

Viết

– Mỗi ý trong dàn ý cần được triển khai thành một đoạn văn; từng đoạn văn đều có câu chủ đề, được đặt ở vị trí thích hợp.

– Cần chú ý dẫn các dòng thơ, khổ thơ có thể minh họa tốt cho ý đã được nêu, kèm theo những lời bình, phân tích phù hợp, tránh tình trạng nói chung chung thiếu căn cứ.

– Cần thể hiện được sự rung động thật sự của mình trước bài thơ nhưng tránh lối nói đại ngôn hay sử dụng quá nhiều những câu cảm thán.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

– Đọc lại và kiểm tra bài viết, đồng thời đối chiếu với các yêu cầu của đề bài, mục đích mà người viết đã đặt ra.

– Thử tóm tắt lại bài viết (khoảng 120 chữ) để tự đánh giá về mức độ chặt chẽ và sự sáng rõ của các luận điểm.

– Chỉnh sửa các lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

NÓI VÀ NGHE

Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

Yêu cầu

- Cung cấp được các thông tin chung về bài thơ một cách ngắn gọn: tên bài thơ, tác giả, đề tài, thể thơ,...
- Làm rõ được niềm hứng thú của bản thân đối với những nét đặc sắc về nội dung và hình thức của một tác phẩm thơ.
- Nêu lên quan điểm cá nhân về vấn đề thuyết trình, thuyết phục được người nghe và đặt câu hỏi để mời gọi những thảo luận xa hơn.
- Thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.

Chuẩn bị nói và nghe

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên.

Tìm ý và sắp xếp ý

Xem lại hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói. Ví dụ, từ bài viết phân tích bài thơ *Mùa xuân xanh* của Nguyễn Bính, có thể triển khai bài thuyết trình theo bố cục: Tại sao *Mùa xuân xanh* là một bài thơ xuân đáng thưởng thức? Nhan đề bài thơ có gì đặc biệt? Sự triển khai hình ảnh trong bài thơ theo trục ngang (trục văn bản ngôn từ) và theo trục dọc (trục văn bản hình tượng) được thể hiện như thế nào? Tìm những nét mới của bài thơ này so với thơ ca dân gian và thơ ca trung đại.

Xác định từ ngữ then chốt

Cần ghi nhớ những từ ngữ quan trọng đã được dùng trong bài viết nhằm phân tích một điểm sáng nào đó ở bài thơ. Ví dụ, khi chuyển bài viết phân tích *Mùa xuân xanh* thành bài thuyết trình, cần nhấn mạnh những phát hiện của người viết về bài thơ của Nguyễn Bính như câu thơ vắt dòng, phép nhân hoá, bút pháp chấm phá,...

Phương tiện hỗ trợ

– Chuẩn bị bài trình chiếu PowerPoint⁽¹⁾ với các thông tin chất lọc (có thể triển khai các luận điểm thành gạch đầu dòng, dùng các kí hiệu để nhấn mạnh những từ ngữ trọng tâm đã được xác định ở trên), cần cân nhắc về số lượng slide sử dụng. Có thể sử dụng các kênh âm thanh, kênh hình ảnh (Lưu ý: hình ảnh cần phải tương thích với bài thơ đã chọn. Chẳng hạn, với bài *Mùa xuân xanh*, nên minh hoạ bằng những hình ảnh mùa xuân gắn liền với nông thôn, đồng quê).

– Người nói cũng có thể chuẩn bị văn bản tác phẩm thơ sẽ thuyết trình để cung cấp cho người nghe trước khi trình bày bài nói.

Chuẩn bị nghe

– Tìm hiểu về tác phẩm hoặc các tác phẩm thơ sẽ được thuyết trình, xem lại những tri thức ngữ văn có liên quan, đọc các tài liệu mà người nói có thể đã chuẩn bị và cung cấp.

– Chuẩn bị tâm thế lắng nghe và xác định các vấn đề chủ yếu cần đối thoại với người nói: những từ ngữ, hình ảnh nên được chú ý phân tích, cách sử dụng thao tác phân tích,...

Thực hành nói và nghe

Người nói

– *Mở đầu*: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, có thể sử dụng nhiều cách dẫn dắt khác nhau để tạo không khí cho giờ học. Ví dụ, với bài thơ *Mùa xuân xanh*, có thể đặt câu hỏi cho người nghe như: “Mùa xuân là nguồn cảm hứng muôn thuở của thi ca. Có lẽ nhà thơ nào cũng ít nhất một lần từng viết về mùa xuân. Trong thơ ca Việt Nam, các bạn có biết nhà thơ nào viết nhiều nhất về mùa xuân không?”. Đây không phải là yêu cầu bắt buộc nhưng để tránh việc nói mà như đọc, người nói cần khơi gợi được sự tương tác từ người nghe.

Lưu ý: Có thể chỉ cần chọn một phương diện nào đó về tư tưởng, tình cảm hoặc hình thức nghệ thuật của bài thơ mà mình thấy tâm đắc để thuyết trình.

– *Triển khai*: Trình bày lần lượt các thông tin có trong bài viết theo hình thức tóm lược, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có). Dành nhiều thời gian hơn để nói về những giá trị nổi bật của bài thơ mà mình đã cảm nhận được. Nên nhấn mạnh các thao tác mình đã sử dụng để phát hiện giá trị thẩm mĩ hay tư tưởng trong bài thơ (liên tưởng, đối lập). Với bài thuyết trình về bài thơ *Mùa xuân xanh*, cần nhấn mạnh đến các phương diện: (1) Nhan đề; (2) Mạch thơ; (3) Nhịp điệu; (4) “*Mùa xuân xanh*”: truyền thống và

⁽¹⁾ Ở những nơi có điều kiện dạy học phù hợp.

hiện đại. Có thể coi đây là các mục lớn để thiết kế slide trong trường hợp người thuyết trình sử dụng phương tiện trình chiếu.

– *Kết luận*: Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện hình thức và nội dung. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ những góc nhìn khác, phát hiện khác về bài thơ.

Người nghe

Trong khi nghe bạn thuyết trình, cần:

- Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình.
- Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi.
- Chú ý đến phong thái của người thuyết trình (ví dụ: sự tự tin, khả năng điều tiết giọng nói, ngôn ngữ, cử chỉ,...).

Trao đổi

Người nghe

- Chia sẻ những điểm bạn thấy hợp lí và hấp dẫn trong bài thuyết trình.
- Nêu những điểm còn gây băn khoăn ở bài thuyết trình; góp ý, bổ sung một số nội dung giúp bài nói hoàn thiện hơn. Có thể dựa vào những tri thức ngữ văn trong bài để trao đổi về nội dung và các thao tác phân tích của người nói.
- Đưa ra góc nhìn khác hay cách cảm thụ khác của mình đối với bài thơ.
- Có thể đặt một số câu hỏi để người nói chia sẻ thêm những cảm xúc về bài thơ.

Người nói

- Trả lời những thắc mắc từ phía người nghe.
- Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành đối với những góp ý xác đáng, nghiêm túc.
- Tự đánh giá phần trình bày của mình và chia sẻ thêm về cách trình bày đã lựa chọn.
- Phản hồi và trao đổi với các ý kiến khác với tinh thần tôn trọng và cầu thị.

Lưu ý: Cả người nói và người nghe cùng bổ sung những yêu cầu phải đảm bảo khi giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ.

– Sử dụng bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|---|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Lựa chọn được tác phẩm thơ phù hợp để thực hiện yêu cầu giới thiệu, đánh giá. | | |
| 2 | Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá ở tác phẩm thơ đã chọn. | | |
| 3 | Xây dựng được bố cục hợp lí cho bài thuyết trình căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm thơ và mục tiêu thuyết trình. | | |
| 4 | Chú ý đặc trưng của thể loại thơ khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình. | | |
| 5 | Phát huy được ưu thế tác động của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe. | | |
| 6 | Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Qua bài học này, theo bạn, những điều gì làm nên vẻ đẹp của thơ ca?
2. Thảo luận nhóm về một trong các chủ đề: (1) *Tại sao nên đọc thơ?*; (2) *Thế nào là một bài thơ hay?*
3. Đọc lại tất cả tác phẩm thơ đã học trong bài. Sưu tầm, tập hợp một số bài thơ khác cùng thể thơ hoặc cùng đề tài và ghi chép ngắn gọn những điều bạn tâm đắc khi đọc những bài thơ đó.
4. Tìm đọc thêm một số bài phân tích thơ, từ đó rút ra những kinh nghiệm về cảm nhận và phân tích thơ ca.
5. Hãy phân tích một bài thơ được bạn đánh giá là hay (ngoài bài đã được phân tích trong phần Viết của bài học).

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Cảm nhận sự biến hoá của nhịp điệu, sự phóng khoáng trong cách xây dựng hình ảnh thơ, sự dụng công trong cách tổ chức mạch thơ.
- Lắng nghe dòng chảy cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình được biểu hiện một cách sống động, sắc nét trong sự tự do của hình thức thơ ca.

Cánh đồng

Ngân Hoa⁽¹⁾

Những đoá cúc vừa hái về từ cánh đồng mùa xuân rộng lớn.

Toả sáng trên chiếc bình gốm sẫm màu

Chạm vào em một chiếc lá già nua, một nụ hoa bé bỏng, một hơi thở run run, một làn sương ẩm ướt

Chạm vào em một mảnh lót trong veo, một vang rền trầm đục, một nức nở âm u, một lặng câm rức rở...

*

Em chạy về với cánh đồng rộng lớn mùa xuân

Chân ngập trong đất mềm tươi xốp

Em gọi tên những loài hoa chưa kịp mọc

Em gọi tên những trái cây chưa kịp ra đời

Những trái cây đang ngủ trong hạt mầm vừa nứt

Đang ngủ trong đoá hoa nấp dưới đất cày

*

Dưới lớp đất cày có những chiếc bình gốm

Chưa kịp thành hình chờ đợi các loài hoa.

Tháng 02/1995

(Ngân Hoa, *Cánh đồng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1996, tr. 49 – 50)

⁽¹⁾ Tên khai sinh là Nguyễn Thị Ngân Hoa (sinh năm 1970), là nhà văn, nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Các tác phẩm văn học đã xuất bản: *Cánh đồng* (thơ, 1996), *Quà của mùa thu* (tập truyện ngắn, 1996), *Những bông huệ* (thơ, 1999). Bài thơ *Cánh đồng* thuộc chùm thơ được giải B (không có giải A) trong cuộc thi Thơ trên tuần báo *Văn nghệ* năm 1995.

NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Biết nhận ra và khắc phục những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.
- Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.
- Có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có trách nhiệm.

ĐỌC

TRI THỨC NGŨ VĂN

Văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ. Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học,... Căn cứ vào đề tài được đề cập và nội dung triển khai, có thể chia văn bản nghị luận thành nhiều tiểu loại, trong đó nghị luận xã hội và nghị luận văn học là hai tiểu loại phổ biến, quen thuộc. Ở những bối cảnh văn hoá và thời đại khác nhau, văn bản nghị luận có những đặc điểm riêng. Khi viết văn bản nghị luận, tùy vào tính chất của thể văn được chọn (hịch, cáo, tựa, bạt, phẩm luận,...) và nội dung bàn luận, các tác giả có thể sử dụng cả yếu tố biểu cảm và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục cho văn bản.

Các yếu tố chính của văn bản nghị luận

Luận đề là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm,... được tập trung bàn luận trong văn bản. Việc chọn luận đề để bàn luận luôn cho thấy rõ tầm nhận thức, trải nghiệm, sở trường, thái độ, cách nhìn nhận cuộc sống của người viết. Thông thường, luận đề của văn bản được thể hiện rõ từ nhan đề.

Luận điểm là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề. Nhờ hệ thống luận điểm (gọi đơn giản là hệ thống ý), các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách thức nhất định.

Lí lẽ, bằng chứng được gọi gộp là luận cứ. Lí lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic, được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ và đứng vững. Bằng chứng là những căn cứ cụ thể, sinh động được khai thác từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ.

Bài nghị luận xã hội

Bài nghị luận xã hội là một trong nhiều dạng của văn bản nghị luận, đề cập các vấn đề xã hội được quan tâm rộng rãi, không đi vào những vấn đề, lĩnh vực quá chuyên sâu, nhằm tạo được sự hồi đáp tích cực, nhanh chóng từ phía người đọc, người nghe. Đề tài của bài nghị luận xã hội rất phong phú, thường được xếp vào hai nhóm chính: bàn về một hiện tượng xã hội; bàn về một tư tưởng, đạo lí có tính phổ cập. Đáp ứng yêu cầu chung của một văn bản nghị luận, bài nghị luận xã hội cũng phải xác lập được luận đề rõ ràng; triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng; có lời văn chính xác, sinh động.

Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản

- Các câu trong một đoạn văn, các đoạn văn trong một văn bản đều phải hướng về một chủ đề hay một nội dung bao trùm và phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Nếu không, đoạn văn hoặc văn bản đó mắc lỗi mạch lạc.
- Các câu trong một đoạn văn, các đoạn văn trong một văn bản còn phải được kết nối chặt chẽ với nhau trên phương diện hình thức ngôn ngữ. Lỗi liên kết thể hiện rõ khi các phép liên kết như lặp, thế, nối,... không được sử dụng trong trường hợp cần thiết hoặc bị dùng sai.

Hiền tài là nguyên khí của quốc gia^(*)

(Trích)

Thân Nhân Trung



- *Bạn nghĩ gì khi nhìn thấy (trực tiếp hoặc qua phim ảnh) những hàng bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)?*
- *Bạn đã thấy, đã nghe câu “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” ở đâu, trong hoàn cảnh nào?*



1 [...] Tôi dẫu nông cạn vụng về, nhưng đâu dám từ chối, xin kính cẩn chấp tay cúi đầu mà làm bài kí rằng:

2 “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương⁽¹⁾ chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng. Đã yêu mến cho khoa danh⁽²⁾, lại đề cao bằng tước trật⁽³⁾. Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ. Lại nêu tên ở tháp Nhạn⁽⁴⁾, ban danh hiệu Long hổ⁽⁵⁾, bày tiệc Văn hi⁽⁶⁾. Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất.

Lưu ý câu “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” được nhắc ở ngay đầu mạch lập luận.

Các vị vua anh minh đã ban ân gì cho kẻ sĩ?

^(*) *Hiền tài*: người tài giỏi, có phẩm chất cao quý nổi bật, là thành phần ưu tú của xã hội.

Nguyên khí: chất làm nên cơ sở tồn tại và phát triển của một hiện tượng sống cụ thể hoặc của đất nước, xã hội.

⁽¹⁾ *Thánh đế minh vương*: bậc cai trị (vua, chúa) tài giỏi, sáng suốt.

⁽²⁾ *Khoa danh*: danh tiếng của người thi đỗ.

⁽³⁾ *Tước trật*: chức tước và cấp bậc.

⁽⁴⁾ *Tháp Nhạn*: tên một ngọn tháp của chùa Từ Ân, dựng đầu thế kỉ VIII đời nhà Đường ở Tràng An (Trung Quốc), nơi có khắc tên những người đỗ tiến sĩ. Đây chỉ chung chốn lưu danh người đỗ đại khoa.

⁽⁵⁾ *Long hổ*: bảng ghi tên những người đỗ tiến sĩ, gọi theo cách của người đời Đường. *Danh hiệu Long hổ*: danh hiệu tiến sĩ.

⁽⁶⁾ *Tiệc Văn hi*: tiệc mừng người mới thi đỗ tiến sĩ.

3 Nay thánh minh⁽¹⁾ lại cho rằng, chuyện hay việc tốt tuy có một thời lừng lẫy, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ lưu về sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan⁽²⁾, khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua. Há chỉ là chuộng văn suông, ham tiếng hão mà thôi đâu.

Lí do chính của việc dựng bia là gì?

4 Ôi kẻ sĩ chốn trường ốc⁽³⁾ lều tranh, phận thật nhỏ mọn mà được triều đình đề cao rất mực như thế, thì họ phải làm thế nào để tự trọng tấm thân mà ra sức báo đáp?

5 Hãy đem họ tên những người đỗ khoa này mà điểm lại. Có nhiều người đã đem văn học, chính sự ra tô điểm cho cảnh trị bình suốt mấy chục năm, được quốc gia tin dùng. Cũng không phải không có những kẻ vì nhận hối lộ mà hư hỏng, hoặc rơi vào hàng ngũ bọn gian ác, có lẽ vì lúc sống họ chưa được nhìn tấm bia này. Ví thử hồi đó được mắt thấy thì lòng thiện tràn đầy, ý xấu bị ngăn chặn, đâu còn dám nảy sinh như vậy được? Thế thì việc dựng tấm bia đá này lợi ích rất nhiều: kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện theo đó mà gắng, dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, vừa để rèn giũa danh tiếng cho sĩ phu⁽⁴⁾, vừa để củng cố mệnh mạch⁽⁵⁾ cho nhà nước. Thánh thần⁽⁶⁾ đặt ra đâu phải vô dụng. Ai xem bia nên hiểu ý sâu này.

(*Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 41 – 42)

Thân Nhân Trung (1418 – 1499) là một danh sĩ thời Hậu Lê, người tỉnh Bắc Giang. Ông đỗ tiến sĩ năm 1469, được triều đình trọng dụng, đã góp nhiều công sức trong việc tuyển chọn và đào tạo nhân tài. Ông từng là một thành viên chủ chốt của Hội Tao đàn do vua Lê Thánh Tông sáng lập.

Năm 1484, Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn *Bài kí đề danh tiến sĩ⁽⁷⁾ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo⁽⁸⁾ thứ ba* (*Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí*) để khắc lên bia đặt trong Văn Miếu, khởi đầu cho việc dựng bia ghi danh tiến sĩ sẽ thành truyền thống về sau.

Hiền tài là nguyên khí của quốc gia là một đoạn trích trong bài văn bia nói trên. Trước đoạn này, tác giả nêu chủ trương bồi dưỡng, trọng dụng hiền tài của các triều vua Lê. Sau đoạn này là danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442).

(1) *Thánh minh*: ở đây chỉ vua Lê Thánh Tông.

(2) *Cửa Hiền Quan*: cửa của người hiền, ở đây chỉ nhà Thái học của trường Quốc Tử Giám.

(3) *Trường ốc*: nơi học hành, thi cử.

(4) *Sĩ phu*: người trí thức.

(5) *Mệnh mạch*: tính mệnh (mạng) và huyết mạch, hai thứ quan trọng nhất của con người. *Mệnh mạch* ở đây dùng để chỉ vận mệnh đất nước.

(6) *Thánh thần*: ở đây chỉ vua Lê Thánh Tông.

(7) *Đề danh tiến sĩ*: ghi tên họ người đỗ tiến sĩ.

(8) *Đại Bảo*: niên hiệu vua Lê Thái Tông từ năm 1440 đến năm 1442.

Văn bia là loại văn khắc trên bia đá, gồm nhiều thể khác nhau, rất phổ biến thời trung đại, thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Nhiều bài văn bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc.



Trả lời câu hỏi

1. Tìm trong đoạn 2 của văn bản những từ ngữ thể hiện thái độ trọng dụng hiền tài của “các đấng thánh đế minh vương”.
2. Trong văn bản có một câu trực tiếp nói về mục đích của việc dựng bia ghi danh những người đỗ tiến sĩ. Bạn hãy cho biết đó là câu nào.
3. Xác định luận đề của văn bản và cho biết vì sao bạn xác định như vậy.
4. Xét về nội dung, đoạn 3 có mối quan hệ như thế nào với đoạn 2?
5. Bạn hãy khái quát về nội dung của đoạn 4 và cho biết đoạn này đảm nhận chức năng gì trong mạch lập luận.
6. Khi viết bài văn bia, tác giả đã thể hiện ít nhất hai tư cách: một là của người truyền đạt “thánh ý”; hai là của kẻ sĩ được trọng dụng, thường suy nghĩ về việc báo đáp. Việc thống nhất hai tư cách đó đã chi phối như thế nào đến cách triển khai luận điểm của tác giả?
7. Tìm một vài dẫn chứng lịch sử (từ những tác phẩm, tài liệu đã học và tìm hiểu thêm) để làm sáng tỏ nhận định sau đây của tác giả bài văn bia: “Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên.”
8. Qua việc đọc văn bản ở trên, bạn hiểu gì về tầm quan trọng của việc xác định mục đích viết và bày tỏ quan điểm của người viết trong văn nghị luận?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài.

Yêu và đồng cảm

(Trích)

Phong Tử Khải



- *Bạn hiểu thế nào về sự đồng cảm trong cuộc sống? Khi bày tỏ sự đồng cảm với người khác hoặc khi nhận được sự đồng cảm của ai đó, bạn có tâm trạng như thế nào?*
- *Bạn thường có những cảm xúc gì mỗi lần tiếp xúc với một tác phẩm nghệ thuật (văn học, hội họa, âm nhạc,...)? Thử lí giải vì sao bạn có cảm xúc ấy.*



1 Một đứa bé vào phòng tôi, giúp tôi sắp xếp đồ đạc. Thấy cái đồng hồ quả quýt úp mặt xuống bàn, nó lật lại hộ. Thấy chén trà đặt phía sau quai ấm trà, nó chuyển đến trước vôi ấm. Thấy đôi giày dưới gầm giường một xuôi một ngược, nó đảo lại giúp. Thấy dây treo tranh trên tường buông thõng thò ra ngoài, nó bắc ghế trèo lên giấu vào trong hộ. Tôi cảm ơn: “Cháu chăm quá, toàn dọn dẹp hộ chú thôi!”.

Tác giả mở đầu bài viết bằng một câu chuyện, điều đó gây được ấn tượng gì với bạn?

Nó trả lời: “Không đâu, chẳng qua thấy chúng như thế, cháu cứ bứt rứt không yên!”.

Đúng vậy, nó từng nói: “Đồng hồ quả quýt úp mặt xuống bàn, nó bực bội lắm đấy!”.

“Chén trà nắp sau lưng mẹ thì làm sao uống sữa được?”

“Giày chiếc xuôi chiếc ngược, làm sao chúng nói chuyện được với nhau?”

“Bím tóc của bức tranh thòng ra trước, trông như con ma vậy.”

Tôi phục sát đất tấm lòng đồng cảm phong phú của chú bé này. Từ đó tôi quả thực cũng để tâm tới vị trí của đồ vật, tạo điều kiện để chúng được dễ chịu. Vị trí đặt để chúng có dễ chịu, ta nhìn mới thấy thư thái. Bấy giờ tôi mới sực nhận ra đó là tâm cảnh⁽¹⁾ trước cái đẹp, là thủ pháp thường dùng trong văn miêu tả, là vấn đề cấu trúc thường gặp trong hội họa. Những thứ đó đều được phát triển ra từ sự đồng cảm. Người bình thường chỉ có thể đồng cảm với đồng loại

Tác giả phục chú bé vì sự chăm chỉ hay vì điều gì khác?

⁽¹⁾ *Tâm cảnh*: cảnh tượng trong lòng, do lòng cảm nhận mà nên.

hoặc cùng lắm là với động vật mà thôi, còn nghệ sĩ lại có lòng đồng cảm bao la quảng đại như tấm lòng trời đất, trải khắp vạn vật có tình cũng như không có tình.

② Hôm sau tới trường cấp ba dạy nghệ thuật, tôi cũng giảng cho các em thế này: Mọi vật trên đời đều có nhiều mặt, mỗi người chúng ta chỉ thấy được một mặt mà thôi. Ví như cùng một gốc cây, nhưng nhà khoa học, bác làm vườn, chú thợ mộc, anh hoạ sĩ lại nhìn nhận nó dưới những góc độ khác nhau. Nhà khoa học thấy được tính chất và trạng thái của nó, bác làm vườn thấy sức sống của nó, chú thợ mộc thấy chất liệu của nó, anh hoạ sĩ thấy dáng vẻ của nó. Nhưng cái nhìn của anh hoạ sĩ lại khác hẳn ba người kia. Ba người kia đều có mục đích, đều nghĩ tới quan hệ nhân quả của cái cây, còn anh hoạ sĩ lại chỉ thưởng thức dáng vẻ của cái cây hiện tại, không còn mục đích gì khác. Thế nên anh hoạ sĩ thường nhìn thấy khía cạnh hình thức, chứ không phải khía cạnh thực tiễn. Nói cách khác là chỉ thấy thế giới của Mĩ chứ không phải thế giới của Chân và Thiện⁽¹⁾. Tiêu chuẩn giá trị trong thế giới của Mĩ khác hẳn trong thế giới của Chân và Thiện, chúng ta chỉ thưởng thức dáng vẻ, màu sắc, hình dạng của sự vật, chứ không quan tâm tới giá trị thực tiễn của nó.

Góc nhìn riêng về sự vật được thể hiện thế nào ở những người có nghề nghiệp khác nhau?

Bởi vậy một gốc cây khô, một tảng đá lạ chẳng có giá trị sử dụng gì cả, nhưng trong mắt các hoạ sĩ [...] lại là một đề tài tuyệt vời. Bông hoa dại không tên, trong mắt nhà thơ cũng đẹp để lạ thường. Bởi vậy thế giới mà nghệ sĩ thấy có thể coi là một thế giới đại đồng⁽²⁾, bình đẳng. Tấm lòng của nghệ sĩ đối với mọi sự vật trên đời đều đồng cảm và nhiệt thành.

③ [...] Hoạ sĩ đưa tấm lòng mình về trạng thái hồn nhiên như trẻ nhỏ để miêu tả trẻ em, đồng thời cũng đặt lòng mình vào biểu cảm đau khổ của người ăn mày để khắc hoạ ăn mày. Tấm lòng của hoạ sĩ thường đồng điệu đồng cảm, cùng buồn cùng vui, cùng khóc cùng cười với đối tượng miêu tả; nếu không có tấm lòng đồng cảm bao la như thế mà chăm chăm vào kĩ thuật vẽ thì chắc chắn không thể trở thành hoạ sĩ thực sự được. Dù có vẽ được thì tối đa cũng chỉ là thợ vẽ mà thôi.

Phải chăng đồng cảm là một phẩm chất không thể thiếu ở người nghệ sĩ?

Nhờ có tấm lòng đồng cảm bao la như thế nên hoạ sĩ cũng đồng thời có được sức mạnh tinh thần phong phú mà dư dật⁽³⁾. Nếu nó không đủ khoáng đạt để đồng điệu

⁽¹⁾ *Mĩ, Chân, Thiện*: các thuật ngữ của Mĩ học, Đạo đức học, Triết học chỉ những giá trị lớn của đời sống mà con người luôn phấn đấu đạt tới.

⁽²⁾ *Thế giới đại đồng*: thế giới có sự giao hoà, đồng cảm, chia sẻ với nhau giữa mọi đối tượng (nghĩa trong văn bản).

⁽³⁾ *Dư dật*: giàu có, tràn đầy (*dư*: thừa ra; *dật*: tràn ra ngoài).

với anh hùng thì không mô tả được anh hùng, nếu nó không đủ dịu dàng để hoà nhịp cùng thiếu nữ thì không khắc hoạ được thiếu nữ. Do đó, nghệ sĩ lớn ắt là những người có nhân cách vĩ đại.

④ Lòng đồng cảm của nghệ sĩ không chỉ dành cho đồng loại mà trải khắp sinh vật và phi sinh vật ở mọi nơi; chó ngựa cỏ hoa, trong thế giới của Mĩ đều là vật sống có linh hồn, biết cười biết khóc. Nhà thơ thường nghe thấy chim cuốc kêu ra máu, con dế mùa thu, thấy hoa đào cười gió đông, bướm bướm đất xuân về, nếu xét dưới góc nhìn thực tiễn thì những điều đó đều là lời làm nhảm của nhà thơ. Thực ra nếu chúng ta bước được vào thế giới của Mĩ, mở rộng lòng ra để biết đồng cảm nhiều hơn với vạn vật thì sẽ cảm nhận được rõ rệt những tình cảnh ấy. Hoạ sĩ và nhà thơ chẳng khác gì nhau, hoạ chẳng là hoạ sĩ chú trọng đến hình dạng và tư thái⁽¹⁾ mà thôi. Chưa đích thân trải nghiệm sức sống của rồng ngựa thì chẳng vẽ được rồng ngựa, không chứng kiến vẻ đẹp rắn rỏi của từng bách thì đâu hoạ nổi từng bách. [...] Hoạ sĩ chúng tôi vẽ một cái bình hoa là phải để tâm vào bình hoa, để mình biến thành bình hoa cảm nhận cái lực của bình hoa mới thể hiện được cái thần của bình hoa. Tấm lòng chúng tôi phải chiếu sáng cùng với bình minh thì mới miêu tả được bình minh, dập dờn theo sóng bể lần lần thì mới khắc hoạ được sóng bể. Đây là cảnh giới⁽²⁾ “ta và vật một thể⁽³⁾”, vạn vật đều thu cả vào tâm trí của người nghệ sĩ.

Trong sáng tạo nghệ thuật, sự đồng cảm được biểu hiện như thế nào?

⑤ [...] Người bình thường bẩm sinh ít nhiều cũng đã có sự đồng điệu đồng cảm với hình dạng tư thái của vạn vật rồi. Cách bày biện trang trí nhà cửa, hình dạng màu sắc đồ đạc, sở dĩ đòi hỏi mĩ quan⁽⁴⁾, là để phù hợp với thiên bẩm⁽⁵⁾ ấy. Thấy toàn những hình dạng màu sắc đẹp đẽ, tâm hồn chúng ta cũng thư thái lây; trái lại nếu chỉ thấy rặt những hình dạng, màu mè xấu xí, chúng ta cũng đâm ra khó chịu. Có điều mức độ đồng cảm nông sâu cao thấp khác nhau. Có lẽ chẳng ai trên đời hoàn toàn vô cảm với thế giới của hình dạng và màu sắc cả, có chăng là kẻ tư chất nông cạn cùng cực hoặc là nô lệ của lí trí, ấy đúng thực là người “vô tình” vậy.

Về mặt này chúng ta không thể không ca tụng các em bé. Bởi trẻ em phần lớn rất giàu lòng đồng cảm. Hơn nữa, chúng không chỉ đồng cảm với con người mà bằng một cách hết sức tự nhiên, còn đồng cảm với hết thảy sự vật như chó mèo, hoa cỏ,

(1) *Tư thái*: dáng vẻ, tình trạng bề ngoài.

(2) *Cảnh giới*: tình trạng, trạng thái mà tinh thần hoặc hoạt động của con người đạt tới.

(3) *Ta và vật một thể*: tình trạng hoà hợp làm một giữa cái chủ quan của con người và thế giới nói chung.

(4) *Mĩ quan*: bề ngoài đẹp đẽ (nghĩa trong văn bản).

(5) *Thiên bẩm*: phẩm chất vốn có từ khi sinh ra.

chim cá, bướm sâu,... Chúng hồn nhiên trò chuyện với chó mèo, hồn nhiên hôn lên hoa cỏ, hồn nhiên chơi với búp bê, tấm lòng chúng chân thành mà tự nhiên hơn nghệ sĩ nhiều! Chúng thường để ý đến những việc mà người lớn không chú tâm⁽¹⁾ đến, phát hiện ra những điểm mà người lớn không phát hiện được. Bởi vậy bản chất của trẻ thơ là nghệ thuật.

Người sáng tạo nghệ thuật học được ở trẻ em những điều gì?

Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép, nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Chỉ có kẻ thông minh mới không khuất phục, dù bên ngoài chịu đủ thứ áp bức thì bên trong vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý nọ. Những người ấy chính là nghệ sĩ.

6 Các nhà phê bình nghệ thuật phương Tây khi bàn về tâm lí nghệ thuật, có cách nói gọi là “đặt tình cảm vào”, chỉ việc chúng ta đặt tình cảm của mình vào tác phẩm nghệ thuật hoặc thiên nhiên đẹp đẽ, đồng cảm với chúng, bấy giờ sẽ thể nghiệm được tư vị⁽²⁾ của cái đẹp. Chúng ta lại biết hành vi hoà mình này hay gặp nhất trong cuộc sống của trẻ nhỏ. Chúng thường dốc hết hứng thú vào chơi đùa mê mải, quên cả đói rét mệt mỏi.

[...] Tuổi thơ quả là thời hoàng kim trong đời người! Tuy thời hoàng kim của chúng ta đã trôi qua, nhưng nhờ bồi dưỡng về nghệ thuật, chúng ta vẫn có thể thấy lại thế giới hạnh phúc, nhân ái và hoà bình ấy.

(Phong Tử Khải, *Sống vốn đơn thuần*, Tổ Hình dịch, NXB Hà Nội – Công ti Văn hoá & Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2020, tr. 268 – 273)

Phong Tử Khải (1898 – 1975) là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc. Tản văn và những bức “mạn họa” của ông được công chúng đặc biệt ưa thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hoá phương Đông lẫn văn hoá phương Tây. Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật.

Sống vốn đơn thuần là tập văn – họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả. Văn bản *Yêu và đồng cảm* được trích từ chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là *Sống mà học nghệ thuật*.

⁽¹⁾ *Chú tâm*: tập trung tinh thần vào một việc gì.

⁽²⁾ *Tư vị*: vị ngon hoặc sức hấp dẫn nói chung.



Trả lời câu hỏi

1. Tìm trong văn bản những đoạn, những câu nói về trẻ em và tuổi thơ. Vì sao tác giả lại nhắc nhiều đến trẻ em và tuổi thơ như vậy?
2. Mặc dù không ít lần nói tới danh xưng “hoạ sĩ”, nhưng trên thực tế, điều tác giả muốn bàn luận không chỉ bó hẹp trong phạm vi hội hoạ. Những từ ngữ nào trong văn bản giúp bạn nhận ra điều đó?
3. Xác định nội dung trọng tâm của từng phần đã được đánh số trong văn bản và đánh giá sự liên kết giữa các phần.
4. Tác giả đã nêu lên những lí lẽ, bằng chứng nào để khẳng định tầm quan trọng của sự đồng cảm trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật?
5. Tác giả đã phát hiện ra những điểm tương đồng gì giữa trẻ em và người nghệ sĩ? Sự khâm phục, trân trọng trẻ em của tác giả được hình thành trên cơ sở nào?
6. Theo bạn, nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc ở phần 1, sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản *Yêu và đồng cảm* sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?
7. Nhà thơ Xuân Diệu từng viết: “Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non” (*Đôi mắt xanh non*, trong tập *Riêng chung*, NXB Văn học, Hà Nội, 1960). Dựa vào nội dung văn bản *Yêu và đồng cảm*, hãy nêu lí do khiến nhà thơ Xuân Diệu đề nghị như vậy.

Kết nối đọc – viết

Sự đồng cảm tạo nên vẻ đẹp gắn kết của thế giới. Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề này.

Chữ bầu lên nhà thơ

(Trích)

Lê Đạt



- Trong hình dung của bạn, nhà thơ phải là người thế nào? Bạn có cho rằng việc làm thơ gắn liền với những phút cao hứng, “bốc đồng”?
- Bạn nhớ hoặc thích định nghĩa nào về thơ, nhà thơ hay công việc làm thơ?



1 Tôi xin phép được nhắc lại tóm tắt một số ý kiến cần thiết đã được phát biểu tại cuộc Hội thảo Văn Miếu và trong tập *Bóng chữ*⁽¹⁾:

- Văn xuôi chủ yếu dựa vào “ý tại ngôn tại”⁽²⁾.
- Thơ khác hẳn, dựa vào “ý tại ngôn ngoại”⁽³⁾. Đã “ý tại ngôn ngoại” tất nhiên phải cô đúc và đa nghĩa.
- Người ta làm thơ không phải bằng ý mà bằng chữ.
- Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng”, nghĩa tự vị⁽⁴⁾ của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gọi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ.

Phải chăng tác giả đã nhầm khi viết “ý tại ngôn tại”?

“Nghĩa tiêu dùng” và “nghĩa tự vị” – hai cụm từ này có diễn đạt cùng một ý không?

Nói như Va-lê-ri⁽⁵⁾, chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về hoá trị⁽⁶⁾ [...].

⁽¹⁾ *Bóng chữ*: tập thơ của Lê Đạt, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, in lần đầu năm 1994.

⁽²⁾ *Ý tại ngôn tại*: ý nằm gọn trong lời đã nói hoặc viết ra (lời đã nói hết được ý cần nói).

⁽³⁾ *Ý tại ngôn ngoại*: ý ở ngoài lời (lời chưa nói hết được ý mà chỉ gợi mở để người nghe, người đọc tiếp tục tìm kiếm, xác định).

⁽⁴⁾ *Tự vị*: sách tra cứu, có chức năng tập hợp, xếp loại và giải nghĩa các đơn vị chữ thuộc một hệ thống văn tự đặc thù như chữ Hán, chữ Nôm; hiện nay thường được đồng nhất với tự điển, từ điển và được xem là cách gọi cũ của tự điển, từ điển.

⁽⁵⁾ *Va-lê-ri*: tên đầy đủ là Pôn Va-lê-ri (Paul Valéry, 1871 – 1945), nhà thơ, triết gia người Pháp.

⁽⁶⁾ *Hoá trị*: thuật ngữ hoá học, chỉ khả năng liên kết của nguyên tử hay một gốc nào đó với một số các nguyên tử hoặc gốc khác theo những tỉ lệ xác định. Ở đây, tác giả muốn lưu ý khả năng gọi liên tưởng và kết nối khác nhau giữa chữ trong thơ và chữ trong văn xuôi.

② Người ta hay nói đến công phu người viết tiểu thuyết. Tôn-xtôi⁽¹⁾ đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết đồ sộ *Chiến tranh và hoà bình*. Phlô-be⁽²⁾ cân nhắc chữ trên cân tiểu li như một thầy lang bốc những vị thuốc công phạt⁽³⁾ có thể chết người.

Nhưng các nhà lí thuyết ít nói đến công phu của nhà thơ. Ngược lại thiên hạ sính ca tụng những nhà thơ viết tức khắc trong những cơn bốc đồng, những nhà thơ thiên phú⁽⁴⁾.

Trời cho thì trời lại lấy đi. Những cơn bốc đồng thường ngắn ngủi.

Tôi rất biết *những câu thơ hay đều kì ngộ*, nhưng là kì ngộ kết quả của một thành tâm kiên trì, một đa mang đắm đuối, làm động lòng quý thân, chứ không phải may rủi đơn thuần.

Làm thơ không phải đánh qu⁽⁵⁾. Và không ai trúng số độc đắc suốt đời.

Có người hiểu lầm câu nói của Trang Tử⁽⁶⁾ *vứt thánh bỏ trí* để coi thường việc học tập, rèn luyện, làm như Trang Tử khuyến khích một nỗ lực vô văn hoá.

Vứt thánh bỏ trí được lắm. Nhưng trước khi vứt, khi bỏ phải có đã chứ.

Tôi rất ghét cái định kiến quái gở, không biết xuất hiện từ bao giờ: các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng tàn lụi sớm.

Đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho.

Mà trời tuy là kho vô tận, thường khi cũng bủn xỉn lắm. Hình như tất cả những người “cho” đều bủn xỉn. Và hoàn toàn sống dựa vào viện trợ, dầu⁽⁷⁾ là hào phóng, vô tư nhất nhiều khi còn khổ quá đi ăn mày.

Tác giả “rất ghét” hay “không mê” những gì? Ngược lại, ông “ưa” đối tượng nào? Bạn có nghĩ rằng mình đã hiểu đúng điều tác giả muốn nói?

Tôi không mê những nhà thơ thần đồng. Tôi ưa những nhà thơ một nắng hai sương, lấm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổ bát mồ hôi lấy từng hạt chữ.

(1) *Tôn-xtôi*: tên đầy đủ là Lép Ni-cô-lai-ê-vích Tôn-xtôi (Lev Nikolayevich Tolstoy, 1828 – 1910), nhà văn Nga, tác giả của nhiều tiểu thuyết lớn như: *Chiến tranh và hoà bình*, *An-na Ka-rê-ni-na* (Anna Karenina), *Phục sinh*,...

(2) *Phlô-be*: tên đầy đủ là Guy-xta-vơ Phlô-be (Gustave Flaubert, 1821 – 1880), nhà văn Pháp, tác giả của các tiểu thuyết như: *Bà Bô-va-ry* (Bovary), *Xa-lam-bô* (Salammbô), *Giáo dục tình cảm*,...

(3) *Vị thuốc công phạt*: vị thuốc có tác dụng mạnh, có thể cắt cơn bệnh lập tức nhưng cũng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng.

(4) *Nhà thơ thiên phú*: nhà thơ có tài năng bẩm sinh (được trời cho).

(5) *Đánh qu*: lợi dụng thời cơ để tiến hành những vụ làm ăn có khả năng đem lại món lợi lớn.

(6) *Trang Tử* (369 – 286 trước Công nguyên): triết gia Trung Hoa thời cổ đại.

(7) *Dầu*: cũng như *dù* (kết từ).

Chúng ta cần học những nhà thơ như Lý Bạch⁽¹⁾, Xa-a-đi⁽²⁾, Gớt⁽³⁾, Ta-go⁽⁴⁾, ở vào buổi chiều tóc bạc vẫn thu hoạch những mùa thơ dậy thì.

Cái trẻ, cái già của nhà thơ quyết định không phải đo ở tuổi trời, mà ở nội lực của chữ.

Pi-cát-xô⁽⁵⁾ có nói một câu khá thâm thúy: “Người ta cần rất nhiều thời gian để trở nên trẻ.”

Có lẽ vì vậy mà tôi rất ủng hộ lời phát biểu của một nhà thơ Pháp, gốc Do Thái Ết-mông Gia-bét⁽⁶⁾: *Chữ bầu lên nhà thơ*.

Gia-bét muốn nói rằng không có chức nhà thơ suốt đời. Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ lại phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ.

Tôi không nhớ Gít-đơ⁽⁷⁾ hay Pét-xoa⁽⁸⁾ – nhà thơ lớn Bồ Đào Nha đã có một nhận xét khá nghiêm khắc về Vích-to Huy-gô⁽⁹⁾:

Vích-to nhiều lần tưởng mình là Huy-gô.

Như thế có nghĩa mặc dầu là một thiên tài đồ sộ đã không ít lần Huy-gô không được tái cử vào cương vị nhà thơ qua cuộc bỏ phiếu của chữ.

③ Con đường thơ gồm nhiều con đường riêng rất khác nhau của từng người. Không có đại lộ chung một chiều cho tất cả.

Ta có thể nói con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ.

Nhưng, dầu theo con đường nào, một nhà thơ cũng phải cúc cung tận tụy đem hết tâm trí dùi mài và lao động chữ, biến ngôn ngữ công cộng thành ngôn ngữ đặc sản độc nhất làm phong phú cho tiếng mẹ như một lão bộc trung thành của ngôn ngữ.

(Lê Đạt, *Đối thoại với đời & thơ*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 86 – 88)

“Không có chức nhà thơ suốt đời”, vậy lúc nào một “nhà thơ” không còn là nhà thơ nữa?

(1) Lý Bạch (701 – 762): nhà thơ đời Đường, Trung Quốc; được người đời sau tôn là Thi tiên.

(2) Xa-a-đi: bút danh của Xa-a-đi Si-ra-đi (Saadi Shirazi, 1210 – 1291, có tài liệu ghi là 1292), nhà thơ Ba Tư thời trung đại.

(3) Gớt: tên đầy đủ là Giô-han Vôn-gang von Gớt (Johann Wolfgang von Goethe, 1749 – 1832), nhà thơ, nhà viết kịch, tiểu thuyết gia, nhà khoa học người Đức; tác giả của *Phao-xơ* (*Faust*, kịch), *Nỗi đau của chàng Véc-te* (*Werther*, tiểu thuyết) và nhiều tác phẩm thơ ca.

(4) Ta-go: tên đầy đủ là Ra-bin-đra-nát Ta-go (Rabindranath Tagore, 1861 – 1941), nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch người Ấn Độ, được trao giải Nô-ben (Nobel) Văn học năm 1913.

(5) Pi-cát-xô: tên đầy đủ là Pa-blô Ru-ít Pi-cát-xô (Pablo Ruiz Picasso, 1881 – 1973), họa sĩ người Tây Ban Nha, một trong những người khởi xướng trường phái và trào lưu hội họa lập thể.

(6) Ết-mông Gia-bét (Edmond Jabès, 1912 – 1991): nhà văn, nhà thơ người Pháp gốc Do Thái.

(7) Gít-đơ: tên đầy đủ là An-đrê Gít-đơ (André Gide, 1869 – 1951), tiểu thuyết gia người Pháp, được trao giải Nô-ben Văn học năm 1947.

(8) Pét-xoa: tên đầy đủ là Phéc-năng-đô Pét-xoa (Fernando Pessoa, 1888 – 1935), nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình người Bồ Đào Nha.

(9) Vích-to Huy-gô (Victor Hugo, 1802 – 1885): nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch người Pháp. Các tác phẩm tiêu biểu: *Những người khốn khổ*, *Nhà thờ Đức Bà Pa-ri* (Paris), *Thằng cười* (tiểu thuyết); *Trăm tư*, *Truyền kì các thời đại* (tập thơ);...

Lê Đạt (1929 – 2008) tên khai sinh là Đào Công Đạt, quê ở tỉnh Bắc Giang. Ông là nhà thơ luôn có ý thức tìm tòi, cách tân, đề cao lao động chữ nghĩa và từng tự nhận mình là “phu chữ”.

Tác phẩm chính: *Bóng chữ* (thơ, 1994), *Hèn đại nhân* (tập truyện, 1994), *Ngó lời* (thơ, 1997), *Mi là người bình thường* (tập truyện, 2007), *U75 từ tình* (thơ – đoản ngôn, 2007). Năm 2006, Lê Đạt được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Chữ bầu lên nhà thơ in lần đầu trên báo *Văn nghệ*, số 34, năm 1994. Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông.



Trả lời câu hỏi

1. Vấn đề chính được bàn luận trong văn bản này là gì?
2. Hãy tìm trong văn bản một câu có thể nêu bật được ý cốt lõi trong quan niệm về thơ của tác giả.
3. Ở phần 2 của văn bản, tác giả đã tranh luận với hai quan niệm khá phổ biến:
 - Thơ gắn liền với những cảm xúc bột phát, “bốc đồng”, làm thơ không cần cố gắng.
 - Thơ là vấn đề của những năng khiếu đặc biệt, xa lạ với lao động làm lụi và nỗ lực trau dồi học vấn.

Những lí lẽ, bằng chứng mà tác giả nêu lên đã thực sự thuyết phục chưa? Hãy nói rõ ý kiến của bạn.

4. Tác giả không trực tiếp định nghĩa khái niệm *chữ*. Dựa vào “ý tại ngôn ngoại” của văn bản, bạn hãy thử thực hiện công việc này.
5. Bạn có ý kiến gì về luận điểm: “Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng”, nghĩa tự vị của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ”? Nếu tán đồng với tác giả Lê Đạt, hãy đưa ra một ví dụ để minh họa.
6. Bài viết của Lê Đạt đã giúp bạn hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ về một nhận định mà bạn thấy tâm đắc trong văn bản *Chữ bầu lên nhà thơ* của Lê Đạt.

Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa

1. Nêu nhận xét khái quát về mạch lạc và liên kết trong văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*.
2. Đọc các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Đoạn 1

Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép, nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Chỉ có kẻ thông minh mới không khuất phục, dù bên ngoài chịu đủ thứ áp bức thì bên trong vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý nọ. Những người ấy chính là nghệ sĩ.

(Phong Tử Khải, *Yêu và đồng cảm*)

- a. Tại sao nó được coi là một đoạn văn?
- b. Hãy chỉ ra mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn trên.
- c. Dấu hiệu nào cho thấy mạch lạc giữa đoạn văn này và các đoạn văn khác của văn bản *Yêu và đồng cảm*?
- d. Trong đoạn văn, những từ ngữ nào được lặp lại nhiều lần? Cách dùng từ ngữ như vậy có tác dụng gì?

Đoạn 2

Nhà nước ta rất coi trọng hiền tài. Người hiền tài có những năng lực vượt trội so với người bình thường và có thể làm được nhiều việc lớn. Hiền tài trong lịch sử thời nào cũng có. Tên của những hiền tài và sự nghiệp của họ luôn được nhân dân ghi nhớ.

- a. Vì sao phép lặp từ đã được sử dụng ở các câu trên mà đoạn văn vẫn rời rạc?
- b. Đoạn văn đã mắc lỗi mạch lạc như thế nào?

Lỗi về mạch lạc trong đoạn văn và trong văn bản

• Nhận biết lỗi

Các câu trong đoạn văn hoặc các đoạn văn trong văn bản không cùng nói về một chủ đề hoặc có câu, đoạn văn được triển khai lạc khỏi chủ đề chung đã xác định.

• Khắc phục lỗi

- Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn hoặc văn bản.
- Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu, đoạn văn không hướng vào chủ đề.
- Viết thêm câu hoặc đoạn văn phát triển chủ đề.

Đoạn 3

Thay vì cầm một cuốn sách để đọc, nhiều người bây giờ chỉ biết lăm lăm trong tay một chiếc điện thoại thông minh. Mặc dù không thấy được ích lợi của sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên không ít người hầu như đã vứt bỏ thói quen đọc sách. Nó tuy rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.

a. Dấu hiệu nổi bật giúp nhận ra lỗi về mạch lạc trong đoạn văn là gì?

b. Chỉ ra các dấu hiệu của lỗi liên kết trong đoạn văn.

c. Đề xuất cách sửa để đảm bảo đoạn văn có mạch lạc và liên kết.

Lỗi về liên kết trong đoạn văn và văn bản

• Nhận biết lỗi

Giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản không có phương tiện kết nối cần thiết hoặc có nhưng không phù hợp, khiến đoạn văn hay văn bản trở nên rời rạc.

• Khắc phục lỗi

- Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu hoặc giữa các đoạn văn.
- Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai.
- Nếu chưa có phương tiện kết nối cần thiết thì phải bổ sung. Có thể viết thêm câu, đoạn văn phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch trình bày.

VIẾT

Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

Trong đời sống xã hội, sự đồng thuận luôn là vấn đề được mọi người quan tâm. Vì sự đồng thuận đó, mỗi chúng ta không ít lần được đặt vào tình huống phải thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm, có khi bằng lời nói trực tiếp, có khi bằng bài luận. Để viết bài luận thuyết phục, ngoài việc nắm vững quy cách triển khai bài văn nghị luận nói chung, bạn phải chứng tỏ được nhiều điều: sự hiểu biết về chuẩn mực ứng xử; tinh thần cảm thông, chia sẻ với đối tượng được thuyết phục; niềm tin tưởng vào điều mình đang hướng tới; nét lịch lãm, tế nhị trong cách sử dụng ngôn ngữ;...

Yêu cầu

- Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.
- Chỉ ra được các biểu hiện hoặc khía cạnh của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.
- Phân tích tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó đối với cá nhân và cộng đồng.
- Nêu những giải pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp.

Điện thoại thông minh và người dùng, ai là ông chủ?

Thời đại chúng ta đang sống là thời đại của công nghệ thông tin, thời đại chúng kiến những tiến bộ vượt bậc của công nghệ chế tạo máy tính, chế tạo các thiết bị điện tử phục vụ nhu cầu trao đổi thông tin ngày càng lớn của con người.

Không có gì lạ con người của thời đại này, chẳng loại trừ tôi và bạn, rất mê công nghệ thông tin, mê những sản phẩm công nghệ của thời đại thông tin. Bây giờ, nhìn quanh, đâu cũng thấy người đang nói – nghe điện thoại hoặc dán mắt vào điện thoại thông minh. Từ đó, một chứng bệnh mới xuất hiện, tràn lan ở nhiều tầng lớp, đối tượng, thể hiện rõ nhất ở những người trẻ tuổi chúng ta: bệnh nghiện điện thoại thông minh. Đây quả là một hiện tượng đáng phải suy nghĩ.

Xác lập vị thế, giọng điệu người trong cuộc, người chứng kiến, trải nghiệm,...

Nêu thói quen cần từ bỏ.

Trước hết, tôi cho rằng, không nên xem điều chúng ta đang nói ở đây là một cái gì quá bất thường và chỉ mang tính tiêu cực. Nhờ điện thoại thông minh, chúng ta có thể thực hiện được việc kết nối với mọi người một cách nhanh chóng, bất kể mình hay người mình có nhu cầu trao đổi thông tin đang đi đâu, ở chốn nào. Trong xã hội ngày nay, mấy ai từ chối việc sở hữu một chiếc điện thoại thông minh, trừ những trường hợp quá đặc biệt. Có nó trong tay, người ta có thể truy cập internet, vào các trang mạng, nhất là mạng xã hội,... để tiếp nhận vô vàn thông tin hấp dẫn, để bày tỏ sự yêu thích, viết bình luận, để đăng những bức ảnh mới chụp, gửi một dòng trạng thái mong tìm được sự chia sẻ của cộng đồng mạng rộng khắp thế giới hay tìm đến những trò chơi điện tử, những bài hát, bộ phim ưa thích,... Đây là một lí do tạo nên con nghiện điện thoại thông minh mà chúng ta đã nói từ đầu.

Bày tỏ thái độ cảm thông, hiểu biết, chia sẻ để gây thiện cảm hay tạo nên ấn tượng tích cực cho đối tượng được thuyết phục.

Tôi đã từng nghiện điện thoại thông minh và tôi thực sự hiểu chứng nghiện đó ảnh hưởng không tốt thế nào tới cuộc sống của mình. Có một thời gian khá dài, tôi ôm nó trong mọi lúc mọi nơi, cả khi thức lẫn khi ngủ, cả khi đang tham gia sinh hoạt tập thể, ở nơi công cộng hay khi đã rút về chốn riêng tư. Rồi nhà đi đâu, tôi có thể quên nhiều thứ, nhưng không thể quên điện thoại thông minh, vì đó là điều không thể tưởng tượng nổi. Thật là thảm họa khi đang dùng mà máy báo nguồn điện đã tới vạch đỏ hay đường kết nối internet chập chờn. Vậy tôi đã làm gì với thiết bị kì lạ này?

Ồi, làm sao nói hết được. Chưa khai thác được bao nhiêu tính năng ứng dụng của nó mà đã hết thời gian của ngày, của tuần, của tháng. Chiếc điện thoại thông minh được cầm lăm lăm trong tay luôn đòi tôi dí sát mắt vào, đòi tôi phải dùng, để nó nhấp nháy biến ảo. Nó chẳng khác gì một người thích làm nũng, không cho phép tôi từ chối. Cuộc sống thực xung quanh tôi bỗng trở nên vô vị, nhạt nhẽo. Thời tiết đẹp ư? Thiên nhiên kì thú ư? Những giao tiếp thân mật ư? Có gì lạ đâu nhỉ, so với những điều tôi được gặp, được thấy, được biết qua điện thoại thông minh này? Từ đó, thời gian biểu học tập của tôi bị xé vụn. Tôi học bài hấp tấp, trả bài vội vàng, chỉ mong chóng gạt bỏ tất cả để được ngồi với người bạn điện tử nhỏ bé. Đi chơi với bạn thân, chuyện trò nhiều lắm cũng chỉ có mấy câu ậm ừ, vì ai cũng xoay xoay với chiếc máy xinh xinh của mình. Về nhà, tình hình không khá hơn. Tôi không còn mặn mà với việc trả lời những câu hỏi han yêu thương của bố mẹ, anh chị em và cũng không buồn tỏ thái độ quan tâm tới những người ruột thịt. Quả là bất nhã và vô tình... Chưa hết, vì nghiện điện thoại thông minh mà tôi trở nên biếng ăn, kém ngủ, người trở nên mệt mỏi, phản ứng trước cái gì cũng chậm chạp, như thể mình đang rơi tòm vào một thế giới xa lạ, tuy thực mà ảo, chưa kể, thị lực của tôi cũng giảm sút nhiều,... Thật may, nhờ sự giúp đỡ của những người thân trong gia đình và thầy cô, bè bạn, tôi cũng dần thoát được chứng nghiện ghê gớm kia, để trở về với trạng thái sống tươi vui, bình thường, dù chiếc điện thoại thông minh vẫn còn đó và vẫn được tôi sử dụng một cách chủ động, thông minh (chả nhẽ nó thông minh mà tôi chịu thua kém nó hay sao?).

Chỉ ra các biểu hiện của thói quen cần từ bỏ và phân tích mặt tiêu cực của thói quen đó.

Bạn của tôi! Tôi biết bạn đang gặp khó khăn với chứng nghiện điện thoại thông minh mà quá nhiều người trong chúng ta từng mắc, đang mắc. Tôi viết bài này để chia sẻ với bạn những suy nghĩ, tâm tình, mong sao tất cả chúng ta chọn được một lối sống phù hợp, hài hoà với thế giới nhiều thay đổi này. Từ bỏ một thói quen, một nếp sống không phải là chuyện một lúc mà làm được. Nhưng nếu có được nhận thức rành mạch, có quyết tâm, lại được sự hỗ trợ của những người thân yêu, chắc chắn chúng ta sẽ vượt qua được những trở lực không hề nhỏ. Mong một ngày, khi gặp nhau, đi chơi với nhau, chiếc điện thoại thông minh của mỗi đứa vẫn được


Bày tỏ tinh thần sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ của mình đối với người được thuyết phục.

để yên trong túi, để chúng ta có thể nhìn vào mắt nhau, nắm tay nhau, trao đổi những câu chuyện thật ấm áp, trong một không gian dịu lành, đầy thân thiện. Lúc đó, nếu muốn, ta có thể rút chiếc máy của mình ra, làm một “pô” ảnh kỉ niệm vui vẻ. Nhưng điện thoại thông minh ơi, mày nhớ, đừng mè nheo đòi thêm gì nữa nhé!

Thế giới mạng quả rất hấp dẫn nhưng nó không thể thay thế được thế giới thật quanh ta. Mọi thiết bị dù hoàn hảo đến đâu cũng chỉ là công cụ phục vụ cho cuộc sống của con người. Thật không nên để công cụ trở thành “ông chủ” của mình, chi phối mình trong cuộc sống. Một chiếc điện thoại thông minh là bạn của ta, nhưng đây không phải là người bạn duy nhất, chưa kể, đó chỉ là “người bạn công nghệ”. Mọi nhận thức sai lệch xung quanh vấn đề này dễ khiến ta đánh mất vai trò của một chủ thể tích cực trong cuộc sống.

Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử.

(Nhóm biên soạn)

-  1. Từ những điều bài viết tham khảo gợi lên, theo bạn, muốn thực sự thuyết phục được người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm, người viết phải đặc biệt lưu ý những điểm gì?
2. Vị thế của người thuyết phục có cần được thể hiện không? Nếu có, nên thể hiện như thế nào?
3. Khi triển khai nội dung thuyết phục, việc suy đoán về những lí lẽ phản bác của người được thuyết phục có ý nghĩa gì?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Có thể lựa chọn các đề tài:

- Về các thói quen cần từ bỏ: đi học muộn, không làm bài tập ở nhà, không chuẩn bị bài mới, hay ăn quà vặt trong lớp học, hay dựa dẫm ỷ lại,...
- Về các quan niệm cần từ bỏ: kì thị người khác giới, kì thị người tàn tật, coi thường những người có hoàn cảnh khó khăn,...

Nhìn chung, đề tài được chọn nên là các thói quen hay quan niệm mang tính phổ biến, gây ảnh hưởng tiêu cực đối với việc xây dựng môi trường giao tiếp, môi trường sống tốt đẹp, văn minh, văn hoá.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để tìm ý, có thể đặt ra các câu hỏi:

- Thói quen hay quan niệm ấy có phổ biến không?
- Thói quen hay quan niệm cần từ bỏ ấy có những biểu hiện cụ thể nào?
- Vì sao cần phải từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy? (Nó ảnh hưởng không tốt đến bạn và môi trường hoặc cộng đồng như thế nào?)
- Việc từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy nên được thực hiện ra sao?
- Tôi và tập thể có thể hỗ trợ gì cho bạn?

Lập dàn ý

Mở bài: Nêu thói quen hay quan niệm mà người viết chuẩn bị thuyết phục người khác từ bỏ (có thể gợi ra bối cảnh của việc thuyết phục và xác định vị thế phát ngôn của người viết).

Thân bài:

- Trình bày biểu hiện của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.
- Phân tích lí do nên từ bỏ thói quen hay quan niệm đó.
- Đề xuất cách từ bỏ và các bước từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp.
- Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi người được thuyết phục từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp.

Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm đã được đề cập.

Viết

- Dựa vào dàn ý đã lập để thực hiện bài viết.
- Cần chọn giọng điệu ân cần, cảm thông khi thể hiện lí lẽ thuyết phục. Dù khi viết, bạn không nhất thiết phải nêu tên người được thuyết phục, nhưng bạn cần hình dung về đối tượng đang nghe mình nói một cách hết sức cụ thể. Điều này sẽ giúp bài viết tránh được những lời hô hào chung chung.
- Cần nêu những bằng chứng tích cực để bài viết thể hiện rõ tính chất động viên.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

- Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để đảm bảo không bỏ sót ý.
- Thay thế những từ ngữ có thể tạo nên giọng điệu thuyết phục không thích hợp, chẳng hạn những từ ngữ toát lên sắc thái mệnh lệnh, quyết đoán: không được, cần phải,... Bỏ những ý, những câu dễ tạo ra phản ứng ngược từ phía người được thuyết phục.
- Bổ sung những ý, những câu thể hiện sự cảm thông, chia sẻ cần thiết với đối tượng được thuyết phục nếu thấy còn thiếu.
- Chỉnh lại những điểm thiếu nhất quán và chưa phù hợp với bối cảnh thuyết phục, đặc biệt là việc sử dụng các đại từ xưng hô.
- Rà soát để đảm bảo không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản.

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau

Yêu cầu

- Xác định rõ vấn đề cần thảo luận.
- Bao quát được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần được trao đổi thêm,...).
- Thể hiện được thái độ tán thành hay phản đối trước những ý kiến đã phát biểu.
- Nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể).
- Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

Chuẩn bị thảo luận

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

- Đề tài thảo luận cần được thống nhất trong cả lớp trước khi tiết học diễn ra hoặc ngay đầu tiết học.
- Nếu tiếp tục triển khai một đề tài nào đó của phần Viết trong bài học này, cần có những điều chỉnh cần thiết về diễn đạt. Ví dụ: xung quanh chuyện điện thoại thông minh, nếu “bài luận thuyết phục” khuyên ta “cai nghiện” điện thoại thông minh thì bài nói tham gia thảo luận sẽ hướng tới trả lời câu hỏi: Chúng ta nên sử dụng điện thoại thông minh thế nào cho hợp lí?

– Để cuộc thảo luận đạt chất lượng tốt, có được nhiều ý kiến hay, nên chọn những đề tài gắn với đời sống của các bạn, đồng thời có ý nghĩa chung với cộng đồng. Ví dụ: xây dựng văn hoá đọc, tôn trọng sự khác biệt, tham gia hoạt động thiện nguyện,...

Tìm ý và sắp xếp ý

Để ý kiến tham gia thảo luận thực sự có nội dung, cần chú ý trả lời các câu hỏi theo trình tự: Vấn đề chúng ta bàn có ý nghĩa như thế nào? Chúng ta đã có ý kiến khác nhau ra sao? Sự khác biệt ý kiến đó có nguyên nhân từ đâu? Ý kiến của tôi là gì và tôi đã dựa vào cơ sở nào để nêu ý kiến đó? Chúng ta nên thống nhất với nhau trên những điểm nào?

Xác định từ ngữ then chốt

Với những cuộc thảo luận thuộc loại này, từ ngữ thường được dùng là: quan điểm (quan điểm của tôi là,...), góc độ (tôi nhìn nhận vấn đề theo một góc độ khác với bạn,...), khía cạnh (còn một khía cạnh khác cần phải chú ý là,...), theo tôi, tôi cho rằng,...

Chuẩn bị nghe

– Tìm hiểu trước về vấn đề thảo luận để có cơ sở nắm bắt đúng ý những người nói và đánh giá được chuẩn xác các ý kiến tham gia thảo luận. Những điều cụ thể cần tìm hiểu trước: Vấn đề gì sẽ được thảo luận trong tiết học? Vấn đề đó lâu nay đã được bàn đến như thế nào? Có khía cạnh gì cần được trao đổi lại và khơi sâu thêm?...

– Phác thảo trước trong sổ tay hay vở ghi chép những loại nội dung cần ghi lại khi theo dõi cuộc thảo luận.

Thảo luận

Khi thảo luận về một vấn đề đời sống có những ý kiến khác nhau, dưới sự điều hành của giáo viên hoặc cán bộ lớp, các thành viên luân phiên trình bày quan điểm của mình, đồng thời lắng nghe ý kiến của người khác để phản hồi. Mỗi cá nhân vừa ở tư cách người nói, vừa ở tư cách người nghe. Đích đến cuối cùng là tìm được tiếng nói chung, xác định một cách hiểu thống nhất về vấn đề. Việc thảo luận được thực hiện theo các bước sau:

– *Mở đầu*: Người điều hành nêu vấn đề đời sống cần thảo luận, đề nghị thư kí ghi chép các ý kiến.

– *Triển khai*: Lần lượt từng người phát biểu ý kiến về vấn đề. Người phát biểu tiếp sau có thể tán thành hoặc phản đối ý kiến của người nói trước đó và trình bày ý kiến của mình.

Nếu phản đối, cần có sự phân tích, đưa ra lí lẽ và bằng chứng rõ ràng, cụ thể. Người bị phản đối có thể giải thích thêm hoặc tranh luận lại để bảo vệ quan điểm của mình. Khi tồn tại

những bất đồng giữa các ý kiến, người điều hành cần định hướng thảo luận một cách tập trung để đi đến thống nhất.

– **Kết thúc:** Căn cứ vào bản ghi chép của thư kí, người điều hành tóm tắt các ý kiến, rút ra điểm đồng thuận thể hiện qua cuộc thảo luận.

Tự đánh giá sự tham gia thảo luận của bản thân và đánh giá cuộc thảo luận theo các nội dung sau đây:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|---|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Chọn được vấn đề thảo luận đích đáng và bám sát vấn đề đó trong suốt quá trình thảo luận. | | |
| 2 | Nắm bắt được sự tiến triển của cuộc thảo luận để điều chỉnh nội dung ý kiến cho phù hợp. | | |
| 3 | Thể hiện được sự đa dạng của những góc nhìn khác nhau về vấn đề (mỗi ý kiến góp một góc nhìn, một cách đánh giá riêng). | | |
| 4 | Biết chốt lại những điểm đạt được sự nhất trí giữa những người tham gia thảo luận. | | |
| 5 | Gợi ra được những điều cần tiếp tục suy nghĩ sau cuộc thảo luận. | | |
| 6 | Góp phần tạo được không khí đối thoại cởi mở, tôn trọng lẫn nhau. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Ba văn bản đọc trong bài (*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, Yêu và đồng cảm, Chữ bầu lên nhà thơ*) đã giúp bạn hiểu được gì về đặc điểm nội dung và hình thức của văn nghị luận?
2. Theo bạn, trong văn nghị luận, yếu tố tự sự có thể sử dụng ở những trường hợp nào và với mức độ ra sao?
3. Hãy lập bảng hoặc sơ đồ tư duy để so sánh các văn bản đọc trong bài theo một số điểm gợi ý sau: luận đề; cách triển khai luận điểm; cách nêu lí lẽ và bằng chứng; lí do chọn cách triển khai luận điểm và nêu lí lẽ, bằng chứng;...
4. Thảo luận nhóm về cách nhận diện đặc điểm riêng của văn bản nghị luận xã hội.
5. Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận đề cập những vấn đề có liên quan tới nội dung các văn bản đã học trong bài. Chú ý xác định quan hệ kết nối giữa các văn bản và tập hợp chúng vào các nhóm có đặc điểm nội dung hoặc hình thức gần gũi (Ví dụ: nhóm văn bản bàn về việc trọng dụng nhân tài, nhóm văn bản bàn về những vấn đề cơ bản của sáng tạo nghệ thuật,...).

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Cách nhìn nhận về thế giới mạng thông qua một trải nghiệm cá nhân.
- Việc xác định thái độ chủ động trước thế giới mạng.
- Sức hấp dẫn riêng của cách nghị luận dưới hình thức tâm sự, thổ lộ.

Thế giới mạng & tôi

(Trích)

Nguyễn Thị Hậu⁽¹⁾

Mỗi ngày lướt mạng ta có thể nhận ra muôn mặt của cuộc sống, và có khi, bất ngờ nhận ra khả năng “biến hoá” của chính mình.

Trên thế giới mạng ảo mà thật (lúc này lúc khác) bạn sẽ thể hiện sự kiêu ngạo/ yếu đuối/ hài hước/ lãng mạn/ nghiêm trang/ nhạt nhẽo/ thú vị/ độc đoán... Có thể bạn sẽ như một con người khác: nhà khoa học/ nhà thơ/ nhà văn/ nhà phê bình thoải mái bình luận về văn hoá nghệ thuật/ nhân vật/ sự kiện... Ở đó, bạn có thể trở về thế hệ *tuổi teen*⁽²⁾ khi bày tỏ cảm xúc “sến như con hến” về mùa thu về mưa về nắng... có thể bạn sẽ tự tin thể hiện mình giỏi giang/ duyên dáng/ đẹp trai/ xinh gái/... Ở đó, bạn bình đẳng với tất cả khi được tự do tỏ bày/ bộc lộ/ bức xúc/ tán thưởng/ phản đối/ tranh luận/ đồng tình...

Có khi sau những lúc lang thang trên mạng như thế, bạn thấy nỗi cô đơn nén chặt trong mình dường như được loãng ra, nhạt đi và nhẹ đi,...

Ở trên mạng, bạn có thể nhảy từ “nhà” này sang “nhà” khác, ngó nghiêng nhìn ngắm các chủ nhà và những mối quan hệ của họ. Có khi bạn làm quen với người này người khác, cũng có khi bạn “cắt đứt” không thương tiếc với một ai đó... Có khi bạn tham gia vào câu chuyện của nhà này nhà kia, có khi đi qua không để lại dấu vết gì nhưng cũng như ngoài đời, những gì nhận được từ thế giới mạng có thể sẽ để lại trong bạn một ấn tượng khó phai.

⁽¹⁾ Nguyễn Thị Hậu: sinh năm 1958, là nhà nghiên cứu khảo cổ, văn hoá.

⁽²⁾ Tuổi teen: tuổi mới lớn (khoảng từ 13 đến 19 tuổi).

Có khi sau những lúc lang thang như thế, dường như bạn càng thấy “cô đơn trên mạng” nhiều hơn...

Ở trên mạng, bạn có thể nói/viết bằng thứ ngôn ngữ do bạn lựa chọn, chỉ cần được là chính mình trong/tại thời điểm đó. Dù viết gì và viết thế nào, những gì bạn viết trên mạng chắc chắn là một phần con người bạn. Và cũng như trong cuộc sống, những status⁽¹⁾ và comment⁽²⁾, những note⁽³⁾ và entry⁽⁴⁾ của bạn cũng phải chịu sự va đập của thế giới mạng. Bạn “ném” ra cái gì thì thế giới mạng sẽ trả lại bạn cái đó. Thật đấy! Thế giới mạng rất “tinh tướng”, không phải cứ đạo mạo lên mặt dạy đời chê bai tất cả thì “mạng” sẽ vì nể, hay bỏ bã tếu táo thậm chí “chửi” như hát hay thì “mạng” sẽ coi thường xa lánh. Và cũng như trong đời sống, cái gì cũng có giới hạn của nó. Để nhận ra được cái giới hạn này, ở trên mạng hay ngoài đời, đều không dễ. Quá đi một chút, từ bỏ bã tếu táo trở nên đanh đá hỗn hào, từ nhận xét khen chê sẽ thành tâng bốc hay mạt sát,... Sự tương tác tức thời và “không biên giới” của thế giới mạng có sức quyến rũ mê hoặc ghê gớm đồng thời là một sức mạnh có thể “huỷ diệt” một cá nhân chỉ trong chốc lát. Thế giới mạng như một tấm gương của cuộc sống, chỉ có điều cần lưu ý, nó là tấm gương phóng đại nhiều lần những tốt đẹp hay xấu xa của mỗi con người, của một xã hội.

Nhưng cái làm cho con người cần đến “mạng” chính là khả năng chia sẻ và cộng hưởng nhiều lần, từ những mối quan hệ “ảo” ở trên mạng ta có thể sẽ tìm thấy những người bạn thật sự. Tình bạn trên mạng cũng phải chịu sự thử thách va đập, có khi còn hơn ở ngoài đời. Vì vậy, đừng ngạc nhiên khi qua một thời gian, có người bạn “thật” lại trở thành “ảo”, mối quan hệ tưởng bền chặt bỗng hoá như mưa bóng mây,...

Biết vậy nhưng tôi vẫn lướt mạng mỗi ngày, bởi vì mạng cho tôi một cuộc sống phong phú, đa dạng, luôn đặt tôi trước thử thách khi đối diện tấm gương phóng đại ấy: tỉnh táo để biết nhìn ra chân giá trị của mình, của người.

(Nguyễn Thị Hậu, *Thế giới mạng & tôi*, NXB Văn học, Hà Nội, 2014, tr. 15 – 18)

(1) *Status*: dòng trạng thái của người dùng trên trang mạng xã hội.

(2) *Comment*: phần bình luận dòng trạng thái.

(3) *Note*: bài viết trên trang mạng xã hội.

(4) *Entry*: bài viết trên trang nhật kí trực tuyến thịnh hành những năm 2000.

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ giữa chúng; nêu được ý nghĩa của tác phẩm đối với người đọc.
- Hiểu được cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.
- Viết được báo cáo nghiên cứu, có sử dụng trích dẫn, cước chú; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.
- Biết trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề.
- Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại còn truyền đến nay.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGỮ VĂN

Sử thi

Sử thi (anh hùng ca) là thể loại tự sự dài, dung lượng đồ sộ, ra đời vào thời cổ đại. **Cốt truyện của sử thi** xoay quanh những biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh của toàn thể cộng đồng như chiến tranh hay công cuộc chinh phục thiên nhiên để ổn định và mở rộng địa bàn cư trú.

Nhân vật sử thi là người anh hùng đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lí tưởng và khát vọng chung của cộng đồng. **Không gian sử thi** kì vĩ, cao rộng, mang tính cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người. **Thời gian sử thi** là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng.

Lời kể trong sử thi thành kính, trang trọng; nhịp điệu chậm rãi; trần thuật tỉ mỉ, lặp đi lặp lại những từ ngữ khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật, sự vật; thường xuyên sử dụng biện pháp tu từ so sánh và điệp ngữ. Lời người kể chuyện và cả lời nhân vật nhiều khi mang tính khoa trương, cường điệu.

Sử thi không chỉ lưu dấu những biến cố quan trọng trong lịch sử của một cộng đồng, mà còn phản ánh diện mạo đời sống tinh thần, hệ giá trị, niềm tin của cộng đồng ấy. Nhiều chủ đề trong sử thi vẫn còn có ý nghĩa lớn đối với nhân loại. Những tác phẩm sử thi như *Ma-ha-bha-ra-ta* (*Mahabharata*), *Ra-ma-ya-na* (*Ramayana*) (Ấn Độ); *I-li-át* (*Iliad*), *Ô-đi-xê* (*Odyssey*) (Hy Lạp); *Đăm Săn* (Việt Nam);... vẫn tiếp tục khơi nguồn cảm hứng cho nhiều sáng tạo thuộc nhiều loại hình nghệ thuật đời sau.

Trích dẫn trong văn bản

Trích dẫn trong văn bản thường có hai loại: trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp. **Trích dẫn trực tiếp** là đưa nguyên văn một phần câu, một câu, một đoạn văn,... của bản gốc vào bài viết và toàn bộ phần trích dẫn này phải được đặt trong ngoặc kép. **Trích dẫn gián tiếp** là sử dụng ý tưởng của người khác và diễn đạt lại theo cách viết của mình nhưng phải đảm bảo trung thành với ý tưởng được trích dẫn. Phần trích dẫn gián tiếp không phải đặt trong dấu ngoặc kép. Khi tạo lập văn bản, cần tránh lạm dụng trích dẫn vì điều đó dẫn đến tình trạng ý kiến riêng của người viết bị lu mờ hoặc chỉ còn mang tính chất phụ hoạ.

Để việc trích dẫn đảm bảo tính chính xác, khoa học, khách quan, các phần trích dẫn cần được ghi rõ nguồn gốc, bao gồm thông tin về tác giả, tên văn bản gốc, nơi công bố, thời gian công bố văn bản, vị trí của phần trích dẫn trong văn bản gốc.

Phản bị tỉnh lược trong văn bản

Phản bị tỉnh lược là phần thông tin ít quan trọng của văn bản gốc (theo cách nhìn và định hướng sử dụng văn bản của người tổ chức bản thảo) đã được lược bỏ, giúp cho nội dung văn bản trích dẫn trở nên tập trung và cô đọng hơn. Phần bị tỉnh lược thường được đánh dấu bằng dấu ngoặc vuông và dấu ba chấm [...].

Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác^(*)

(Trích *I-li-át*)

Hô-me-rơ (Hómèros)



Trong cuộc sống, việc thực hiện bổn phận với cộng đồng và với gia đình nhiều khi mâu thuẫn. Theo bạn, ứng xử thế nào mới là hợp tình, hợp lý?



Cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa (Troy) của quân A-kê-en (Achaean)⁽¹⁾, tức quân Hy Lạp, bước sang năm thứ mười vẫn không phân thắng bại.

A-khin (Achilles), dũng tướng tài giỏi nhất của quân Hy Lạp, tức giận vì bị chủ soái A-ga-mem-nông (Agamemnon)⁽²⁾ tước mất chiến lợi phẩm là nàng Bri-dê-ít (Briseis), quyết không tham chiến, đồng thời qua mẹ của mình là nữ thần Thê-ti-xơ (Thetis), cầu xin thần Dớt (Zeus) làm cho quân Hy Lạp thất bại. Thần Dớt (Zeus) hứa hẹn, nhưng chưa thực hiện lời hứa. Thoả thuận về một cuộc chiến tay đôi chấm dứt chiến tranh không thành, quân Hy Lạp và quân Tơ-roa lại tiếp tục giao chiến. Cuộc chiến nơi hạ giới luôn có sự can thiệp của các vị thần chia làm hai phe ủng hộ hai bên. Quân Hy Lạp nhất thời giành thế áp đảo. Hoàng tử Héc-to, chủ soái quân đội thành Tơ-roa, quay vào thành thúc giục binh sĩ, khẩn cầu nữ thần A-tê-na giúp đỡ. Chàng ghé về nhà thăm vợ con.

Héc-to về tới ngôi nhà êm ấm của mình, nhưng không thấy Ăng-đrô-mác cánh tay trắng ngần trong buồng như thường lệ. Nàng cùng con thơ với cô hầu gái xống áo thướt tha, đứng trên tháp canh nức nở, lòng đắng cay chan chứa nỗi buồn. Vào nhà, Héc-to không trông thấy phu nhân hiền thực của mình. Chàng bước qua ngưỡng cửa, dừng lại, hỏi mấy nô tì: “Này, các người mau nói hết ta hay, phu nhân Ăng-đrô-mác đâu rồi? Nàng đi gặp chị gặp em, qua chỗ những cô dâu trang phục diễm lệ⁽³⁾, hay tới đền thờ A-tê-na cùng các

^(*) Nhan đề đoạn trích do người biên soạn sách giáo khoa đặt (Héc-to (Hector): hoàng tử thành Tơ-roa; Ăng-đrô-mác (Andromache): phu nhân của Héc-to).

⁽¹⁾ A-kê-en: một trong bốn tộc người lớn nhất sinh sống trên đất Hy Lạp cổ đại. Ở đây dùng để chỉ chung những người ở bán đảo Hy Lạp, phân biệt với những người Tơ-roa ở bán đảo Tiểu Á.

⁽²⁾ A-ga-mem-nông: thủ lĩnh của người A-kê-en trong chiến tranh thành Tơ-roa.

⁽³⁾ Diễm lệ: đẹp rực rỡ, lộng lẫy.

phu nhân thành Tơ-roa vấn tóc chỉnh tề dâng lễ cầu xin nữ thần rủ lòng thương, người con thịnh nộ?”. Đáp lời Héc-to, tì nữ quản gia nhanh nhẩu nói: “Bẩm, ngài đã yêu cầu, con xin thưa rõ. Không phải phu nhân đi gặp chị gặp em, hay qua chỗ những cô dâu trang phục diễm lệ. Cũng không phải bà tới đền thờ A-tê-na, cùng các phu nhân thành Tơ-roa vấn tóc chỉnh tề dâng lễ cầu xin nữ thần người con thịnh nộ. Nghe tin quân A-kê-en khí thế áp đảo, những chiến binh Tơ-roa của chúng ta buộc phải thoái lui, phu nhân vội vã tới toà tháp lớn thành I-li-ông (Ilion)⁽¹⁾. Như người mất trí, bà vừa đi vừa chạy lên thành, đầu không ngoảnh lại. Nhũ mẫu⁽²⁾ bồng con thơ tắt tả theo sau”.

Lưu ý những chi tiết miêu tả hành động và tâm trạng của Ăng-đrô-mác.

Tì nữ đáp vậy. Héc-to tức thì rời nhà, chạy ngược theo những dãy phố thành Tơ-roa xây dựng khang trang. Xuyên qua phố xá thành Tơ-roa rộng lớn, chàng tới cổng Xkê (Skey) (qua đó là bước ra bình nguyên ngoài thành lũy). Chính tại đây phu nhân Ăng-đrô-mác nhào tới đón chàng.

Trong phục trang diễm lệ, Ăng-đrô-mác toát lên vẻ cao quý của nàng công chúa con vua Ê-ê-xi-ông (Eetion) quả cảm. Vua Ê-ê-xi-ông sống ở dưới chân núi rừng Pla-cốt (Placos). Ông là đại thống lãnh của những người Ki-li-kiêng (Cilician) thành Te-bơ. Người con gái được nhà vua gả cho Héc-to sáng loáng khiên đồng chính là nàng Ăng-đrô-mác.

Ăng-đrô-mác tới bên chàng, theo sau là cô hầu gái bồng một hài nhi vô tư, thơ dại. Cậu bé đẹp như một vì sao sáng trên trời ấy chính là con trai thương yêu, duy nhất của họ. Héc-to đặt tên cho cậu là Xca-măng-đri-ốt (Skamandrios), còn với mọi người – cậu là A-xchi-a-nắc (Astyanax)⁽³⁾, con của người trấn giữ thành Tơ-roa.

Trông thấy con thơ, người cha mỉm cười, không nói. Phu nhân lại bên chàng, nước mắt đầm đìa.

Xiết chặt tay chàng, nàng nức nở: “Ôi, chàng thật tệ! Lòng can đảm của chàng sẽ huỷ hoại chàng! Chàng chẳng biết thương cả con trai thơ dại, cả người mẹ thiếu não này. Ra trận, bọn A-kê-en nhất loạt xông lên sẽ tức khắc hạ sát chàng, chẳng mấy nữa thiếp thành goá phụ. Thiếp nguyện xuống mồ sâu còn hơn để mất chàng. Chàng bỏ thiếp lại một mình, còn gì thiết tha trên cõi đời này nữa.

Lí do nào khiến Ăng-đrô-mác không muốn Héc-to ra trận?

⁽¹⁾ I-li-ông: tên gọi khác của thành Tơ-roa. Nhan đề sử thi I-li-át có nguồn gốc từ tên gọi này.

⁽²⁾ Nhũ mẫu: người nuôi con người khác bằng sữa của mình, phục vụ trong những gia đình quyền quý.

⁽³⁾ A-xchi-a-nắc: trong tiếng Hy Lạp cổ có nghĩa là “người trấn giữ thành phố”.

Phận thiếp toàn những khổ đau. Thiếp chẳng còn cha, mẹ hiền cũng không còn nữa. A-khin có đôi chân nhanh đã hạ sát lão vương cha thiếp, triệt phá tận nền móng thành Te-bơ công lớn tường cao, đô thị đẹp đẽ của những người Ki-li-kiêng. Tự tay hắn đã hạ sát vua Ê-ê-xi-ông, song không dám tước vũ khí, bởi hãi sợ hành vi không chính trực tự tâm can. Hắn thiếu nguyên thi hài của người cùng vũ khí tinh xảo, vun đất thành gò chôn cất. Quanh gò mọc lên những cây tiểu du⁽¹⁾ do những nàng con gái thần Dớt choàng áo da dê, những tiên nữ nanh-phơ⁽²⁾ chăm sóc. Rồi cả bảy người anh cùng cha với thiếp, chỉ trong một ngày, lần lượt đi về thế giới bên kia. Họ bị A-khin sáng láng, con trai của Pê-lê (Peleus), đánh bại tại bãi chẵn những đàn bò đứng đỉnh và những đàn cừ lông trắng như mây. Còn mẹ thiếp, nữ hoàng xứ Pla-cốt⁽³⁾ đại ngàn, bị hắn bắt giải đi cùng những chiến lợi phẩm của mình. Hắn chỉ trả lại tự do cho bà khi nhận được khoản chuộc lớn không kể xiết. Về tới cung vua cha, bà lại đột ngột bị nữ thần xạ thủ Ác-tê-mít (Artemis) cướp đi sinh mệnh⁽⁴⁾. Héc-to chàng hỡi, giờ đây với thiếp, chàng là cha và cả mẹ kính yêu; chàng là cả anh trai duy nhất, cả đức lang quân cao quý của thiếp. Xin chàng hãy rủ lòng thương thiếp và con mà đừng ra trận, hãy ở lại trên tháp canh này, đừng để trẻ thơ phải mồ côi, vợ hiền thành goá phụ. Hãy bố trí một toán quân chốt chặn chỗ cây vả, nơi dễ leo lên tường thành, dễ vào thành nhất. Đã ba lần, những dũng sĩ quả cảm dưới sự chỉ huy của I-đô-mê-nê (Idomeneus)⁽⁵⁾ danh tiếng, của hai gã A-giắc (Ajax)⁽⁶⁾, hai người con lừng danh của A-tơ-rê (Atreus)⁽⁷⁾ và người con trai dũng mãnh của Ti-đê (Tydeus)⁽⁸⁾ tấn công vào chính chỗ này. Chắc hẳn, có vị tiên tri nào phán bảo, hay linh tính thôi thúc chúng xông vào nơi đó”.

Héc-to lấy lòng, mũ trụ sáng loáng, đáp lời nàng:

“Phu nhân ơi, cả ta cũng lo lắng khôn nguôi về mọi điều nàng nói. Nhưng sẽ hỏ thẹn xiết bao với những chiến binh

và những người phụ nữ thành To-roa sống áo thướt tha,

nếu ta ở lại đây, như kẻ hèn nhát, đứng nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữa, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân. Ta biết, bằng cả trái tim và lí trí, tự ta biết rõ: sẽ tới ngày thành To-roa thiêng liêng liêng thất thủ.

Lưu ý những lí lẽ khiến Héc-to vẫn quyết định ra trận.

(1) *Tiểu du*: một loại cây gỗ nhỏ, lá có cuống ngắn, chóp nhọn, rìa mép có răng cưa, mặt trên xanh lục tươi, hơi ráp, mặt dưới xanh nhạt, mọc nhiều ở vùng khí hậu ôn đới.

(2) *Nanh-phơ*: nữ thần sông núi. Theo thần thoại Hy Lạp, các tiên nữ nanh-phơ là con gái của thần Dớt – chúa tể các vị thần.

(3) *Pla-cốt*: rừng núi thuộc thành bang Te-bơ, lãnh địa của những người Ki-li-kiêng.

(4) *Bị nữ thần xạ thủ Ác-tê-mít cướp đi sinh mệnh*: người Hy Lạp cổ đại cho rằng người chết đột ngột không rõ lí do chính là bị trúng tên của nữ thần săn bắn Ác-tê-mít.

(5), (6), (7), (8) *I-đô-mê-nê, A-giắc, hai người con lừng danh của A-tơ-rê, người con trai dũng mãnh của Ti-đê*: các dũng tướng của quân Hy Lạp.

Cả vua Pri-am (Priam)⁽¹⁾ cùng thần dân giương cao ngọn giáo của người cũng sẽ bị tiêu diệt. Song điều làm tim ta tan vỡ không chỉ là nỗi thống khổ sẽ tới của những thần dân thành Tơ-roa, của chính hoàng hậu Hê-cu-ba (Hecuba)⁽²⁾ và quốc vương Pri-am, không chỉ là nỗi thống khổ của đàn em trai ta rồi đây sẽ bị đòn thù ác nghiệt quật ngã xuống đất bụi mịt mờ, mà còn là nỗi thống khổ của nàng! Một gã A-kê-en sáng loáng khiến đồng sẽ tới bắt nàng đi. Lã chã tuôn dòng lệ đắng, nàng sẽ không còn ngày tháng tự do. Nàng sẽ phải làm nô lệ, ở Ác-gốt (Argos)⁽³⁾ dệt vải cho người, hay phải lặn lội tới tận lạch nguồn sông Mét-xê-ít (Messeis)⁽⁴⁾, Hi-pê-rê (Hipereia)⁽⁵⁾ lấy nước: cực nhọc trăm bề, đắng cay muôn nỗi. Một ngày, thấy nàng tuôn rơi hàng lệ, ai đó sẽ bảo: “Đó là vợ của Héc-to, kẻ can trường nhất trong số những người Tơ-roa giỏi luyện ngựa từng chiến đấu giữ thành I-li-ông năm xưa. Người nói vậy lại là đánh thức nỗi thống khổ luôn mới lại trong lòng nàng. Nàng quên nhớ người chồng lẽ ra có thể cứu nàng khỏi kiếp tội đời. Song lúc ấy ta đã không còn, đã bị vùi dưới đất dày từ trước khi thấy nàng bị đoạ dày ô nhục và nghe được tiếng than xé ruột của nàng!”.



Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác và A-xchi-a-nắc,
tranh của Các Phờ-ri-đơ-rích Đê-clơ
(Karl Friedrich Deckler)

Dứt lời, Héc-to lừng danh cúi xuống muốn ôm con trai vào lòng. Nhưng cậu bé khóc ré lên, nhào người về phía nhũ mẫu xống áo thuột tha. Ánh đồng sáng loá và cái ngù bờm ngựa cong cong trên mũ trụ của cha làm nó e sợ. Người cha hồn hậu và người mẹ dịu hiền bật cười. Héc-to tháo ngay mũ trụ sáng loáng của mình đặt xuống đất. Rồi chàng bồng cậu con trai thân yêu lên tay, thom nó, vừa nâng nó lên cao, đu đưa, vừa khấn cầu con trai của thần Crô-nốt (Cronos)⁽⁶⁾ và các vị thần khác: “Hỡi thần Dớt và các vị thần vĩ đại! Xin hãy cho con trai tôi, cũng được như cha, nổi danh giữa những người Tơ-roa về sức mạnh và trị vì thành I-li-ông thật oai hùng.

Hình dung về cảnh tượng được miêu tả.

(1) *Pri-am*: quốc vương thành Tơ-roa, cha của Héc-to.

(2) *Hê-cu-ba*: hoàng hậu thành Tơ-roa, mẹ của Héc-to.

(3) *Ác-gốt*: thành bang ở đông bắc bán đảo Pê-lô-pôn-nết, Hy Lạp.

(4), (5) *Mét-xê-ít, Hi-pê-rê*: hai con sông ở thành bang Ác-gốt.

(6) *Con trai của thần Crô-nốt*: thần Dớt.

Để một ngày kia, thấy chàng trở về từ trận chiến, người ta phải thốt lên: “Chà, chàng đã vượt xa thân phụ của mình!”. Để với chiến lợi phẩm vấy máu, sau khi đánh bại kẻ thù, chàng trai từ chiến trận trở về làm vui lòng người mẹ”.

Nói rồi, chàng trao cậu con trai yêu quý tận tay cho vợ. Người mẹ ôm chặt con vào bầu ngực thơm tho, cười qua hàng lệ. Lòng Héc-to nhói buốt. Chàng đưa tay vuốt ve nàng, rồi cất lời an ủi: “Phu nhân khốn khổ của ta ơi! Nàng đừng dẫn vật lòng mình quá thế! Một người trần mắt thịt không thể bất chấp số phận mà bắt ta xuống địa phủ của thần Ha-đét (Hades)⁽¹⁾ được. Và đã sinh ra trên mặt đất này, chẳng một ai, dù quả cảm hay rụt rè, có thể trốn chạy được số phận. Nàng hãy về nhà chăm lo công việc của mình, quay xa kéo sợi, dệt vải, sai bảo nữ tì chăm chỉ. Chiến tranh là bốn phận của mỗi người đàn ông sinh ra tại thành I-li-ông này, nhất là ta”.

Chú ý đến ý thức của Héc-to về số phận và bốn phận.

Dứt lời, chàng nâng mũ trụ đồng thau sáng loáng lên. Còn Ăng-đrô-mác bước về nhà, hàng lệ tuôn rơi, chốc chốc lại ngoái nhìn theo bóng hình phu quân yêu quý.

(Hải Phong dịch, tạp chí *Toán học và Văn học trong nhà trường*, số ra tháng 2/2021, tr. 34 – 37)

Hô-me-rơ, nhà thơ huyền thoại của Hy Lạp cổ đại, được coi là tác giả của sử thi *I-li-át* và *Ô-đi-xê*. Một số tài liệu từ thời cổ đại ước định Hô-me-rơ sống trong khoảng thế kỉ VIII – VII trước Công nguyên, nhưng không thống nhất về quê quán của nhà thơ: không rõ ở Hy Lạp hay ở Tiểu Á. Theo truyền thuyết, ông bị mù và là một người hát rong – kể chuyện tài năng. Một số học giả cho rằng Hô-me-rơ có thể là một cái tên hư cấu, hoặc là tên gọi chung cho một tập thể người hát rong – kể chuyện từ thời cổ đại. Dù thế nào đi nữa, hai bộ sử thi cùng các tác phẩm được coi là của Hô-me-rơ cũng trở thành những mẫu mực của văn chương đối với nhiều thời đại về sau.

I-li-át được cho là ra đời từ thế kỉ thứ VIII trước Công nguyên. Đây là thiên sử thi đồ sộ gồm 15 693 câu thơ, chia làm 24 khúc ca, kể về những sự kiện diễn ra trong 51 ngày, năm thứ mười cuộc chiến tranh của những người Hy Lạp tấn công thành Tơ-roa ở vùng tây bắc bán đảo Tiểu Á, cuộc chiến tranh được xác định là đã diễn ra vào khoảng thế kỉ XII trước Công nguyên. Với cốt truyện được huyền thoại hoá, *I-li-át* ngợi ca vẻ đẹp lí tưởng của con người trong chiến tranh.

Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác là đoạn trích từ câu thơ 370 đến 496, khúc ca VI, sử thi *I-li-át*. Sau khi từ biệt Ăng-đrô-mác, Héc-to ra trận, dũng cảm chiến đấu với dũng tướng A-giắc của quân Hy Lạp. Thần Dớt bắt đầu thực hiện lời hứa của mình: làm cho quân Hy Lạp thất thế. Quân Tơ-roa đánh lui quân Hy Lạp tới các chiến thuyền ngoài bờ biển. Pa-tơ-rô-clơ (Patroclus), chiến hữu thân cận của A-khin, mượn giáp trụ và vũ khí của A-khin xung trận. Pa-tơ-rô-clơ bị Héc-to giết chết. Nỗi đau thương và khát vọng trả thù cho bạn thôi thúc A-khin quay lại chiến trường, giành thế áp đảo cho

⁽¹⁾ *Xuống địa phủ của thần Ha-đét*: Ha-đét là vị thần cai quản cõi âm. Ở đây ám chỉ cái chết.

quân Hy Lạp. A-khin giết chết Héc-to, kéo xác chàng quanh thành. A-khin trả lại thi hài Héc-to cho vua Pri-am khi xúc động trước nỗi đau và lời cầu xin của người cha tới chuộc xác con. Sử thi *I-li-át* khép lại với lễ an táng Héc-to cùng những binh sĩ tử trận của cả hai bên.

Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là một trong những cảnh ấn tượng nhất trong sử thi *I-li-át* và trong lịch sử văn học nhân loại. Nhà nghiên cứu văn hoá Hy Lạp cổ đại M. Ga-xpa-rốp khẳng định: “[...] sự tương phản bi thảm của bầu không khí chiến tranh hung hiểm với cuộc sống gia đình êm ấm”⁽¹⁾ trong tình tiết này đã tạo nên ấn tượng sâu sắc trong lòng nhiều thế hệ độc giả. Từ trang sử thi của Hô-me-rơ, cảnh Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác đã khơi nguồn cảm hứng bất tận cho sáng tác nghệ thuật thời sau.



Trả lời câu hỏi

1. Biến cố nào dẫn đến việc Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác? Vì sao có thể xem đó là biến cố đặc trưng cho thể loại sử thi?
2. Xác định những từ ngữ lặp lại khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật trong đoạn trích. Theo bạn, vì sao sử thi lại có cách khắc hoạ nhân vật như vậy?
3. Phân tích những đặc trưng của không gian sử thi trong đoạn trích.
4. Những lời nói, hành động của Ăng-đrô-mác thể hiện phẩm chất gì của nhân vật?
5. Vì sao Héc-to vẫn quyết định mở cổng thành nghênh chiến với quân Hy Lạp? Bạn suy nghĩ gì về hành động đó của nhân vật?
6. Đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác* đã đặt ra những vấn đề nhân sinh nào? Những vấn đề đó còn có ý nghĩa với đời sống ngày nay không? Vì sao?
7. Qua những lời nói, hành động của Héc-to, hãy xác định những phẩm chất tạo dựng nên hình mẫu người anh hùng của Hy Lạp thời cổ đại.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết mà bạn cho là đặc sắc nhất trong đoạn trích.

⁽¹⁾ Mi-kha-in Ga-xpa-rốp (Mikhail Gasparov), *Hy Lạp hấp dẫn – Những mẫu chuyện về văn hoá Hy Lạp cổ đại*, Mát-xcơ-va, 1995.

Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời

(Trích Đăm Săn)

Sử thi Ê-đê



- *Tìm hiểu và chia sẻ với các bạn thông tin về một số đặc điểm văn hoá của người Ê-đê (ví dụ: trang phục, ẩm thực, nhà ở, lễ hội,...).*
- *Tìm hiểu ý nghĩa của biểu tượng mặt trời trong một số nền văn hoá.*



Sau khi đã chiến thắng Mtao Grư và Mtao Mxây để giải cứu Hơ Nhị, Hơ Bhi, Đăm Săn trở nên một tù trưởng giàu mạnh, danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi. Nhưng chàng vẫn quyết tâm đi hết tháng hết năm để chinh phục Nữ Thần Mặt Trời, để “từ người Ê-đê bên bờ sông cho đến người M’Nông ở dưới thấp không còn một ai dám trái lời”, không một tù trưởng nào có thể sánh với chàng. Bị Nữ Thần Mặt Trời từ chối, Đăm Săn kiên quyết ra về, mặc Nữ Thần Mặt Trời cảnh báo là chàng sẽ chết khi mặt trời lên.

① Hai người ra đi ⁽¹⁾. Mười ngày họ ngủ lại, sáu đêm họ nằm lại dọc đường. Họ đi suốt tháng suốt năm, lúc nghe sông nước rì rào, lúc nghe biển cả gào thét, người cưỡi ngựa được, người cưỡi ngựa cái, ngựa thở hổn hển ha hổn hển.

Họ đến làng Đăm Par Kvây. Bọn đàn ông con trai trong làng chạy ra tận giếng làng để xem, còn bọn đàn bà con gái thì đứng nhìn từ các sào sên. Ai ai cũng đã từng nghe đồn Đăm Săn là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa.

Đăm Săn đến bãi ven làng, rồi đến nhà Đăm Par Kvây. Người trong nhà chạy xuống, kẻ giữ ngựa tháo yên, người đưa lời thăm hỏi. Chồm lên hai lần, chàng leo hết cầu thang. Chàng giậm chân trên sàn sên, hai lần sàn sên làm như vỗ cánh, bảy hàng cột nhà chao qua chao lại từ đông sang tây. Chàng giắt chà gạc⁽²⁾ lên, rồi ngồi xuống, trông nghênh nghênh như con rắn trong hang, ngang ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung. Chàng nói nói cười cười, tiếng oang oang như sấm gầm sét dậy. Khắp các tù trưởng không một ai như chàng Đăm Săn cả!

Chú ý các chi tiết mô tả Đăm Săn khi đến nhà của Đăm Par Kvây.

⁽¹⁾ Hai người ra đi: chỉ Đăm Săn và Tăng Mãng, người được Đăm Săn nhờ dẫn đường tới nơi ở của Nữ Thần Mặt Trời.

⁽²⁾ Chà gạc: loại dao đi rừng có nhiều chức năng (chặt cây, phát rẫy, làm vũ khí tự vệ hay tấn công,...), cán thường được làm bằng gỗ cứng hoặc thân tre già gần gốc, chỗ tra lưỡi uốn cong, lưỡi sắt được rèn kĩ, mài sắc, đôi khi có tạo hình cầu kì thể hiện vị thế và uy quyền của người sở hữu.

Đăm Par Kvây – Ô các con, ơ các con, đem gối ra cho diêng⁽¹⁾ của ta nào, đem chiếu đem chăn ra cho diêng của ta nào!

Tôi tố trải dưới một chiếu trắng, trải trên một chiếu đỏ làm chỗ ngồi cho nhà tù trưởng. Rồi họ đem ra thuốc sợi cả hòm đồng, thuốc lá cả sọt đại, trầu vỏ cả gùi to. Không còn sợ thiếu thuốc thiếu trầu cho Đăm Săn ăn, hút. Họ đốt một gà mái ấp, giết một gà mái đẻ, giã gạo trắng như hoa êpang, sáng như ánh mặt trời, nấu com mời khách. Họ đi lấy rượu, đem ra một ché tuk⁽²⁾ da lươn, một ché êbah⁽³⁾ M'ông, trên vẽ hoa kơ-ư, dưới lượn hoa văn, tại ché hình mỏ vẹt sâu lỗ. Đó là những cái ché ngà giá phải ba voi. Ai đi lấy nước cứ đi lấy nước, ai đánh chiêng cứ đánh chiêng, ai cấm cần cứ cấm cần. Cần cấm rồi, người ta mời Đăm Săn ngồi vào uống. Đăm Săn ngồi vào uống, vừa uống vừa nói chuyện:

Hình dung cảnh tiếp đón Đăm Săn trong nhà Đăm Par Kvây. Chú ý các chi tiết về đời sống văn hoá và phong tục của người Ê-đê.

Đăm Par Kvây – Ô diêng, ơ diêng, rượu tôi đã cột, gà tôi đã đốt, com tôi đã dọn trong mâm đồng chậu thau, xin mời diêng đến ăn cho! Xin hỏi diêng đi có việc gì? Phải chăng đã có kẻ đến đánh diêng tại nhà, vây diêng tại làng, bắt hết trai gái làng diêng đi rồi phải không?

Đăm Săn – Không phải thế đâu, diêng ơi. Tôi đi đây chẳng vì công này, cũng không vì việc nọ. Tôi đến rủ diêng, muốn cùng diêng mặt giáp mặt bàn xem chúng ta đi bắt Nữ Thần Mặt Trời có được hay không?

Đăm Par Kvây – Ấy chết, diêng ơi! Rừng này nhiều cọp, đường này nhiều rắn, không ai vào bắt Nữ Thần Mặt Trời được đâu! Đường đi hái cà người ta trồng chông lớn, đường đi hái ớt người ta trồng chông nhỏ, người lớn đi chết đằng người lớn, nhà giàu đi chết đằng nhà giàu, dũng tướng đi chết đằng dũng tướng.

Dự báo về hành trình tới nhà Nữ Thần Mặt Trời.

Đăm Săn – Người dũng tướng chắc chết mười mươi vẫn không lùi bước há cũng không vào đó được sao! (Ông Đu, ông Điê⁽⁴⁾ nghe được liền đốt cho Đăm Săn một đuét vào người). Diêng không cho tôi đi, cũng mặc. Tôi đã mang theo

⁽¹⁾ *Diêng*: bạn bè thân thiết, gần bó như anh em.

^{(2), (3)} *Ché tuk, ché êbah*: đồ đựng bằng gốm, thân tròn giữa phình to, miệng loe, thường dùng để ủ rượu, đựng rượu; ché gồm nhiều loại với kích thước và hoa văn đa dạng, có giá trị trao đổi khác nhau, trong đó tuk và êbah thuộc loại ché quý.

⁽⁴⁾ *Ông Đu, ông Điê*: là hai vị thần cao nhất trong hệ thống thần của người Ê-đê. Ông Điê được coi là thần sáng tạo (*pô cih*), là thần ban phước (*pô thiê*). Ông Đu được coi là thần giữ gìn sinh mệnh của con người.

đây các ngải⁽¹⁾ từng giúp ông chúng tôi chiến thắng, những ngải cho sức mạnh chém tê giác dưới vực, giết hùm beo trên rừng. Để xem tê giác, hùm beo có chết dưới mũi giáo lưỡi gươm của Đăm Săn này hay không! Dù diêng có bảo đường đi lắm rết, nhiều bọ cạp, núi rừng đầy tê giác, hùm beo, chưa từng có ai đi vào đó, tôi cũng không nghe diêng đâu.

Đăm Par Kvây – Ối chao! Chết thật đó, diêng ơi! Nước thì nhiều đĩa, rừng thì nhiều vắt, người ta chưa hề đem nhau đi vào đó bao giờ. Ven rừng đầy xương người. Trong rừng đầy xương bò, xương trâu. Biết bao tù trưởng nhà giàu, biết bao dũng tướng anh hùng đã bỏ mạng nơi đây. Rừng Đen⁽²⁾ đất nhão là nơi đã chôn vùi nhiều tù trưởng nhà giàu. Tôi cột diêng bằng thùng, tôi trói diêng bằng dây, tôi không cho diêng đi vào đấy đâu. Tôi xin cúng cầu phúc cho diêng một lợn, tôi xin tiễn chân diêng một trâu, tôi không cho diêng đi vào rừng thiêng của Nhà Trời đâu. Ở đấy, chông lớn nhiều như lông nhím, chông nhỏ nhiều như lông chó, con sóc nhảy vào thân nó cũng khó mà vẹn toàn nữa là!

Lời khuyên của Đăm Par Kvây với Đăm Săn.

Đăm Săn – Mặc, diêng cứ để tôi làm bàn trang tôi san đường tôi đi⁽³⁾. Gặp cạp, tôi sẽ giết cạp. Gặp tê giác, tôi sẽ giết tê giác.

Chú ý thái độ của Đăm Săn khi nghe lời khuyên của Đăm Par Kvây.

Đăm Par Kvây – Giữ diêng, diêng không ở. Cầm diêng, diêng không dừng. Vậy diêng định đốt đuốc ra đi trong đêm này ư?

Đăm Săn – Khắp vùng Ê-đê trên cao, M'ông dưới thấp, khắp tây đông, thử hỏi còn ai dám chống lại Đăm Săn này, chống lại người tù trưởng giàu mạnh đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa này? Tôi không sợ đâu.

Đăm Par Kvây – Cột không dừng, giữ không ở, đốt đuốc ra đi giữa canh khuya. Diêng hãy coi chừng kéo rơi vào rừng cỏ cần đất nhão. Rừng bà Sun Y Rít đó diêng ơi.

Đến đây Đăm Par Kvây quay gót trở về. Trời đã nửa đêm, gà đã te te gáy.

⁽¹⁾ Ngải: thuốc có phép mê hoặc hay khuất phục người khác (theo mê tín).

⁽²⁾ Rừng Đen: Người Ê-đê cho rằng đất với trời vốn là một, từ khi trời tách khỏi đất thì bên kia phần đất cứng dành cho người ở là một vùng đất đen, ban đêm cứng, ban ngày nhão ra và dính như sáp ong, trên mặt đất chỉ mọc mỗi thứ cỏ lông (kman). Vùng đất đen này được giao cho bà Sun với người cháu là Y Rít cai quản. Với gốc tích và đặc điểm đó, nó được gọi bằng những cái tên khác nhau là Rừng Đen, Rừng (Đất) Sáp Đen, Rừng bà Sun Y Rít, Rừng cỏ cần đất nhão (cỏ lông),...

⁽³⁾ Ý nói tôi sẽ khắc phục mọi khó khăn, nguy hiểm trên đường đi.

Đằm Par Kvyê – Ô diêng, ơ diêng, trời đã gần sáng, mặt trời muốn ló lên rồi, diêng hây thúc ngựa chạy nhanh giữa lúc trời còn tối, đất còn cứng. Có ánh mặt trời chiếu xuống là đất sẽ nhão ra. Rừng bà Sun Y Rít sẽ bắt đầu động đấy.

② Thế là Đằm Săn ra đi. Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân, không màng ăn uống. Chàng đi, đi mãi, rừng núi quanh hiu, vắng như không, không như vắng. Nhưng rồi chàng cũng đến được bãi thả trâu bò, rồi bãi thả điều làng ông Đu, ông Điê. [...] Sau đó là cảnh người đi lại như trong sương mù. Chàng liền đến bờ rào làng xem, thì thấy dưới giếng dây đồng, trên giếng dây sắt. Cảnh làng người anh giữ mặt trời, người em giữ mặt trăng⁽¹⁾ quả là đẹp thật! Chỗ hai anh em họ ở là một cánh núi ngăn một dòng nước đục chảy cho đến nơi đất giáp với trời⁽²⁾. Chàng đi đến nhà cô gái không chồng, nàng Hơ Kung của chàng Y Đu, nàng thì đã vào ở giữ mặt trăng, còn chàng thì đã vào ở giữ mặt trời. Ở đây sấm nổ âm âm, mưa đổ ào ào, tiếng vó ngựa ngày đêm nghe rầm rập. Từ đây, Đằm Săn đứng ngắm ngôi nhà của Nữ Thần Mặt Trời. Cầu thang trông như cái cầu vòng. Cối giã gạo bằng vàng, chày cũng bằng vàng. Chày của tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh.

Đổi chiếu từ ngữ miêu tả ngôi nhà Nữ Thần Mặt Trời với phần chú thích văn bản.

Hình dung về cảnh tượng ngôi nhà Nữ Thần Mặt Trời.

Đằm Săn xuống ngựa, tháo yên. Khi chàng nhào lên cầu thang thì trong nhà người ta đã nghe. Khi chàng giậm chân bước trên sàn hiên thì trong nhà người ta đã thấy. Chàng vào nhà. Toà nhà dài dằng dặc, voi vây chặt sàn sân, chiêng xếp đầy nhà ngoài, công chất đầy nhà trong, tôi trai tó gái như ong đi lấy nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, các xà ngang xà dọc đều thếp vàng. Khắp các nhà giàu có, không thấy đâu có một ngôi nhà như vậy cả.

Đằm Săn gác chà gác lên, rồi đến ngôi trên ghế. Người đi ra đi vào nhà trong nhà ngoài đưa mắt nhìn chàng, thấy chàng oai như một vị thần. Tiếng xì xào ca ngợi chàng đã vọng tới tai Nữ Thần Mặt Trời ở nhà trong.

Nữ Thần – Ô các con, ơ các con, khách nào ở ngoài ấy?

⁽¹⁾ Người anh giữ mặt trời, người em giữ mặt trăng: tức Y Đu và Hơ Kung, hai nhân vật trong văn học dân gian Ê-đê, là hai người canh giữ mặt trăng và mặt trời, dù yêu nhau nhưng phải sống cách biệt, chỉ gặp nhau khi có nhật thực, nguyệt thực.

⁽²⁾ Theo nhiều người Ê-đê kể, cánh núi này chính là ở Đrai Hling trên sông Xê-rê-pốc ngày nay, nơi tận cùng phía tây lãnh thổ của người Ê-đê xưa. Nói “một dòng nước đục chảy cho đến nơi đất giáp với trời” là nói đến dòng nước đục ở gần cánh núi đó.

Người hầu – Thưa bà, chúng con không được quen. Khách mặc một áo lụa đẹp, khoác ngoài một áo chiến⁽¹⁾ cũng thật là đẹp. Lòng chân như chải, lòng đùi như chuốt, tiếng nghe như chong chóng gõ mõ⁽²⁾. Khắp các đầu làng không có một ai như khách cả.

Tưởng tượng về hình ảnh Nữ Thần Mặt Trời.

Nữ Thần bỏ váy cũ mặc váy mới. Chưa hài lòng với váy này, nàng lấy váy kia. Nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp. Mái tóc nàng vén bên tai trông thật là đẹp. Nàng từ trong buồng đi ra, cửa buồng liền bừng sáng. Nàng đi trông như điều bay ó liệng, như nước lững lờ trôi cũng không bằng. Lỡ chân hụt bước chẳng, nàng liền tần ngần đứng lại hay ngồi xuống⁽³⁾ không một ai giống như nàng cả. Tiếng nàng lạnh lạnh, người chưa tới mà tiếng đã vắng lại. Thật không thấy có một ai như nàng cả. Trước mặt Đăm Săn là một cô gái thân hình như cái nụ tai, cổ như cổ công, nàng rõ ràng là con của Thần Đất và Thần Trời rồi!

Nữ Thần – Hỡi người con của trần thế, người muốn gì?

Đăm Săn – Vâng, tôi đã đến đây, tôi muốn có người nấu cơm canh tôi ăn, dệt khố áo tôi mặc.

Nữ Thần – Thế phải chăng người còn là lưỡi dao chưa tra cán, còn là cái chốt chưa có lỗ cài, là gái còn ở không, trai còn ở rồi?

Đăm Săn – Tôi là lưỡi dao đã vương cán, là lưỡi giáo đã có tay cầm. Dưới trần gian, trai gái nào mà không có đôi có lứa⁽⁴⁾.

Nữ Thần – Thế sao bây giờ đằng lưng người còn ung, đằng bụng người còn nói nói cười cười với người khác? Người nghĩ gì vậy?

Đăm Săn – Tôi muốn có vợ lẽ thứ hai, muốn cả ba vợ tôi đều là những nàng tiên xinh đẹp. Tôi muốn đem nàng xuống trần làm duê⁽⁵⁾, làm êngai⁽⁶⁾, làm chị làm em với Hơ Nhị, Hơ Bhi.

Nữ Thần – Sao ta lại đi? Tạo hoá đã định quê hương đất tổ của Mặt Trời Mặt Trăng là nơi cuối đất chân trời này rồi cơ mà.

Đăm Săn – Nàng dù không đi thì tôi cũng đã rẽ đất đến đầu gối, lội bùn đến ngang hông, na đất na bùn đến nhà nàng rồi.

Nữ Thần – Nhưng nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp tê giác ngựa trâu sẽ chết hết. Chết cả người Kur, người Lào vì hết đất làm nương. Chết cả người Ê-đê Ê-ga vì không còn nước uống.

Vì sao Nữ Thần Mặt Trời từ chối Đăm Săn?

(1) *Áo chiến* (nguyên văn là *ao thắt*): loại áo gọn gàng, phù hợp cho chiến đấu.

(2) *Chong chóng gõ mõ* (nguyên văn *dhiă*): một công cụ tự động đuổi chim ở rẫy bằng tiếng động.

(3) Là một công thức nói về cách đi đứng sao cho đẹp khi lỡ chân hụt bước.

(4) Ý của Nữ Thần Mặt Trời là muốn hỏi Đăm Săn đã có vợ chưa, và ý của Đăm Săn trả lời là đã có vợ rồi.

(5),(6) *Duê, êngai*: từ chỉ những người nữ cùng họ trong thị tộc mẫu hệ.

Chết cả gắm ghi cu xanh⁽¹⁾ vì không còn trái ăn. Nếu ta đi, cây trong rừng sẽ tuyệt diệt, cây trên rú sẽ chết khô, lau lách sẽ ngừng đâm chồi, cỏ cây sẽ tàn lụi, đất đai sẽ nứt nẻ, sông suối sẽ cạn khô. Thôi, người hãy đi lấy gùi nước về đi! Ta sắp ra đi đây.

Đăm Săn – Tôi không về. Với cây chà gác phát rẫy này, tôi đã rạch rừng tôi đi. Tôi đã giết tê giác trong thung, giết cọp beo trên núi, giết kên kên quạ dữ trên ngọn cây, chém ma thiêng quỷ ác trên đường đi. Tôi thương nàng da diết, lòng dạ tôi khôn nguôi, vì vậy tôi đã đến đây với nàng, muốn cùng nàng nên nghĩa vợ chồng, có lấy được nàng tôi mới về.

Nữ Thần – Từ cái sán sán này, người hãy về đi! Người hãy đi khỏi cái nhà này đi! Ta là con của Thần Trời, dù người mới chỉ được ăn cơm, tắm nước lã, hương nghệ chưa vương⁽²⁾ cũng đành vậy.

Lưu ý phản ứng của Đăm Săn khi bị Nữ Thần Mặt Trời từ chối.

Đăm Săn – Tôi nghĩ tôi thương nàng, hỏi người con của Thần Trời, nhưng cho đến bây giờ đàng lưng nàng đã không ung, đàng bụng nàng cũng không ưa, cả tiếng nói tiếng cười với tôi nàng cũng tiếc. Tôi đành quay về làng hoang nhà cũ của tôi vậy, tôi quay về ăn thịt trâu thịt bò của tôi vậy.

Nữ Thần – Ấy, người đừng ra về vội! Ta ra đi bây giờ đây, người chết mất thôi.

Đăm Săn – Sống được chết đành! Tôi về đây.

Tưởng tượng cảnh Đăm Săn trong Rừng Đen.

3 Thế là Đăm Săn ra về. Chàng nhảy lên ngựa ra đi.

Lúc này, mặt trời mới ló lên ở đầu núi, ngựa của Đăm Săn vẫn còn kiêu được. Khi ngựa đến giữa Rừng Đen thì mặt trời đã lên cao, mỗi lúc mỗi thêm cao ngựa bắt đầu bị dính ở chân. Mặt trời lên cao nữa, khi nó chấm ngang cây xà dọc phía đông thì đất loãng ra. Ngựa tuy nhiên vẫn còn chạy được, nó tiếp tục chạy nhưng lún dần cho đến khi bị dính ngang đầu gối. Từ đó, nó phải đi bước một, cứ bước một đi mãi. Khi mặt trời lên quá cây xà dọc phía đông, ngựa đã lún đến sát bẹn, nhưng nó vẫn ráng bước tới. Cho đến khi mặt trời đứng bóng thì ngựa không sao bước tới được nữa. Nó đã bị ngập đến ngang lưng đến mức cả ngựa, cả Đăm Săn đều chìm xuống.

(Nguyễn Hữu Thấu sưu tầm, biên dịch, chỉnh lí, *Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan*, tập II, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 66 – 72)

Đăm Săn (hay còn gọi là *Bài ca chàng Đăm Săn*) là pho sử thi nổi tiếng của người Ê-đê. Sử thi **Đăm Săn** thường được diễn xướng theo lối kể khan, trong đó già làng vừa kể, hát, vừa sử dụng nét mặt, điệu bộ để diễn tả câu chuyện bên bếp lửa nhiều đêm liền, trong các nhà dài, trên chòi rẫy, vào dịp lễ hội hay lúc nông nhàn. Nghe kể khan **Đăm Săn** là một truyền thống văn hoá của người Ê-đê.

⁽¹⁾ *Gắm ghi cu xanh*: các loại chim cu gáy.

⁽²⁾ *Hương nghệ chưa vương*: ý nói chưa phải là người trưởng thành.



Trả lời câu hỏi

1. Tóm tắt những sự kiện chính trong đoạn trích. Những sự kiện đó thể hiện phẩm chất gì của người anh hùng Đăm Săn?
2. Lời kể, lời miêu tả, lời đối thoại có vai trò gì trong việc khắc hoạ nhân vật? Hãy làm rõ những đặc trưng của lời văn sử thi trong đoạn trích này.
3. Người kể chuyện trong đoạn trích này là ai? Hãy tìm hiểu một số thông tin về hình thức kể chuyện sử thi của người Ê-đê.
4. Theo bạn, hình tượng Nữ Thần Mặt Trời trong sử thi *Đăm Săn* mang những ý nghĩa gì?
5. Bạn có suy nghĩ gì về cái chết của Đăm Săn trong Rừng Đen? Phải chăng đó là kết quả tất yếu của việc theo đuổi một mục tiêu vượt quá giới hạn con người?
6. Qua đoạn trích *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời*, bạn nhận ra những đặc trưng nào trong phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê xưa?
7. Qua hai đoạn trích *Héc-tô từ biệt Ăng-đrô-mác* và *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời*, hãy nêu những điểm tương đồng và khác biệt trong quan niệm của người Hy Lạp cổ đại và người Ê-đê về người anh hùng.

Kết nối đọc – viết

Phải chăng một tác phẩm sử thi ra đời ở một thời đại quá xa xôi như *I-li-át* hay *Đăm Săn* không còn nhiều ý nghĩa đối với con người hiện đại?

Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày quan điểm của bạn.

Sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản

1. Đọc đoạn văn viết về tác giả Hô-me-rơ, sử thi *I-li-át* cùng đoạn giới thiệu đoạn trích *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác* (tr. 103 – 104) và cho biết:

a. Tại sao lời trích dẫn trong đoạn văn giới thiệu về tác giả Hô-me-rơ không sử dụng dấu ngoặc kép?

b. Câu văn được đưa vào ngoặc kép trong đoạn văn từ “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là” đến “sáng tác nghệ thuật thời sau” có nội dung gì?

c. Phần được đánh dấu ngoặc vuông ([...]) ở đoạn văn từ “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác được coi là” đến “sáng tác nghệ thuật thời sau” có ý nghĩa gì?

2. Đọc đoạn văn trong phần 2 đoạn trích *Đằm Sắn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời*, từ câu: “Thế là Đằm Sắn ra đi” đến “Chày của tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh” và cho biết:

a. Phần cước chú ở chân trang bao gồm những thông tin gì, được trình bày bằng hình thức như thế nào? Cho biết chức năng, tác dụng của những thông tin đó.

b. Đoạn văn có bao nhiêu cước chú? Các cước chú đó thuộc những loại nào?

Để tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, cần tránh các lỗi thường gặp khi sử dụng trích dẫn:

- Sử dụng trích dẫn (trực tiếp hoặc gián tiếp) nhưng không ghi rõ xuất xứ.
- Sử dụng trích dẫn trực tiếp nhưng không đặt trong dấu ngoặc kép.

3. Tìm ở các bài đã học những ví dụ về trích dẫn (trực tiếp hoặc gián tiếp), cước chú và tình lược trong văn bản.

Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề

Báo cáo nghiên cứu là văn bản trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề dựa trên các dữ liệu khách quan, chính xác, đáng tin cậy. Viết báo cáo nghiên cứu là một hoạt động thực hành giúp bạn phát triển kỹ năng tìm hiểu, khám phá về đời sống xã hội và tự nhiên (con người, sự kiện, địa điểm, môi trường,...) qua tư liệu thu thập được và trình bày kết quả tìm hiểu, khám phá đó.

Vấn đề nghiên cứu có thể là một vấn đề đời sống hoặc một vấn đề gợi ra từ tác phẩm văn học mà bạn đã đọc.

Yêu cầu

- Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu đặt ra trong báo cáo.
- Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực.
- Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phông tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kể thừa những kết quả nghiên cứu đã có.
- Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

Bài viết tham khảo

Một số dấu ấn của sử thi Ấn Độ *Ra-ma-ya-na*⁽¹⁾ trong văn hoá Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Ra-ma-ya-na là một trong hai bộ sử thi lớn nhất của người Ấn Độ, bên cạnh *Ma-ha-bha-ra-ta*. Tương truyền, sử thi *Ra-ma-ya-na* do Van-mi-ki (Valmiki)⁽²⁾, một tu sĩ Bà La Môn, sáng tác bằng tiếng Phạn vào thế kỉ III trước Công nguyên. Tác phẩm này cũng được coi là một trong những pho sử thi cổ đại đồ sộ nhất của văn học thế giới. Không chỉ có vị trí quan trọng trong văn hoá của Ấn Độ, *Ra-ma-ya-na* còn có sức ảnh hưởng sâu rộng trong văn hoá Đông Nam Á. Nhiều dân tộc Đông Nam Á đều có những phiên bản *Ra-ma-ya-na*, gắn liền với những đặc thù lịch sử, văn hoá,

Giới thiệu vấn đề nghiên cứu.

Sử dụng cước chú cho những từ ngữ, chi tiết cần được giải thích.

⁽¹⁾ *Ra-ma-ya-na* là một trong hai bộ sử thi nổi tiếng nhất của Ấn Độ, xuất hiện vào khoảng thế kỉ III trước Công nguyên. Sử thi *Ra-ma-ya-na* có ảnh hưởng sâu rộng đến nền văn hoá Ấn Độ cũng như văn hoá của nhiều quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia (Campuchia), Việt Nam,...

⁽²⁾ *Van-mi-ki*: nhà thơ Ấn Độ thời cổ đại (khoảng thế kỉ V trước Công nguyên), được coi là tác giả đầu tiên của sử thi *Ra-ma-ya-na*.

tôn giáo của dân tộc mình. Có thể nói đến sử thi *Riêm Kê* của Cam-pu-chia, *Sri Rama* của In-đô-nê-xi-a (Indonesia),... Việt Nam và Ấn Độ vốn là hai đất nước có sự giao lưu văn hoá từ thời cổ đại và dấu ấn của *Ra-ma-ya-na* trong văn hoá Việt Nam cũng có những điểm thú vị, đáng khám phá.

Khái quát quan điểm nghiên cứu.

2. Giải quyết vấn đề

a. Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong văn học dân gian và văn học viết thời trung đại

Trước hết, người Chăm có sử thi *Tewa Murnô* được xem là một phiên bản bản địa của *Ra-ma-ya-na*. Đây là tác phẩm văn học được người Chăm yêu quý và tôn trọng, thậm chí là niềm tự hào của người Chăm về dân tộc mình. Tuy có nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng sử thi này vay mượn cốt truyện từ tác phẩm *Hikayat Deva Murno* của Ma-lai-xi-a (Malaysia) nhưng *Hikayat Deva Murno* lại chính là một dị bản của *Ra-ma-ya-na*. Trong sử thi của người Chăm, đã có những biến đổi nhất định về cốt truyện, về nhân vật. Tác phẩm kể về hành trình tìm cha của hoàng tử Tewa Murnô, lồng trong đó là chuyện tình của hoàng tử và công chúa Ratna và những cuộc chiến của chàng với đối thủ, Tewa Samulaik.

Trình bày các kết quả nghiên cứu.

Luận điểm 1

Bảng chứng để làm sáng tỏ luận điểm 1.

Có lẽ nét đặc sắc nhất của sử thi Chăm là tính khoan dung của nó khi dân gian vẫn dành sự độ lượng cho ngay cả nhân vật đối thủ của Tewa Murnô, thay vì để cho nhân vật bị tiêu diệt.

Theo nhà nghiên cứu Phan Đăng Nhật, ngay trong *Lĩnh Nam chí quái* của Trần Thế Pháp (chưa rõ năm sinh, năm mất), một tập truyện truyền kì ra đời dưới thời nhà Trần, truyện *Dạ Thoa vương* có thể xem là một phiên bản tóm lược sử thi này (1). Tuy nhiên, theo ý kiến của nhà nghiên cứu Đinh Gia Khánh, truyện này có nguồn gốc Chăm. Trong các cộng đồng dân tộc của Việt Nam, văn hoá Chăm-pa có nhiều mối quan hệ mật thiết với văn hoá Ấn Độ và dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong văn hoá của cộng đồng Chăm cũng đậm nét nhất. Sử thi *Ra-ma-ya-na* để lại ảnh hưởng của nó lên nhiều loại hình nghệ thuật của người Chăm (2).

Luận điểm 2

Bảng chứng để làm sáng tỏ luận điểm 2.

b. Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong nghệ thuật điêu khắc

Không chỉ ở lĩnh vực văn học, dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* hiện diện rất đậm nét trong nghệ thuật điêu khắc – một thành tựu nghệ thuật nổi bật của văn

Luận điểm 3

minh Chăm. Tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng, người xem có thể quan sát nhiều hoạt cảnh trong sử thi *Ra-ma-ya-na* được tái tạo trên các bức phù điêu. Có lẽ thú vị hơn cả là hình tượng Ha-nu-man (Hanuman) – thần Khỉ, nhân vật trợ giúp cho hoàng tử

Ra-ma (Rama), giúp chàng lập nên những chiến công kì vĩ – được khắc hoạ rất sống động, thể hiện sự cầu kì, công phu trong nghệ thuật điêu khắc của người Chăm. Theo tác giả Hồ Tấn Tuấn, đáng chú ý hơn cả là bức phù điêu *Chiến sĩ và khi*. Tác phẩm này đã tái tạo lại một cảnh tượng kì vĩ trong sử thi *Ra-ma-ya-na*: cuộc giao đấu giữa Ha-nu-man và quỷ Ra-va-na (Ravana). Nhìn vào những tác phẩm điêu khắc này, có thể thấy các nghệ nhân người Chăm đã bị hấp dẫn bởi sự kì vĩ, hoành tráng của pho sử thi Ấn Độ (3).

Bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm 3.

c. Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong văn hoá đương đại

Không chỉ để lại những dấu ấn trong văn hoá Việt Nam thời cổ trung đại, sử thi *Ra-ma-ya-na* còn là nguồn cảm hứng cho một số tác phẩm nghệ thuật Việt Nam hiện đại. Năm 1988, lần đầu tiên, sử thi này được dịch giả Phạm Thuỷ Ba dịch toàn văn sang tiếng Việt. Trong lời giới thiệu bản dịch tiếng Việt của sử thi này, nhà nghiên cứu Phan Ngọc đã cho rằng điều kì diệu nhất làm nên sự vĩ đại của *Ra-ma-ya-na* là sự khám phá tâm lí nhân vật. Ông khẳng định: “Có thể nói không quá đáng rằng chỉ đến lúc Sếch-xpia (Shakespeare) xuất hiện, Van-mi-ki mới có đối thủ” (4). Trên sân khấu Việt Nam, sử thi này đã được hai nhà soạn kịch Lưu Quang Thuận – Lưu Quang Vũ chuyển thể thành tác phẩm chèo *Nàng Xi-ta* (Sita). Vở diễn cho đến giờ vẫn được xem là một dấu son của nghệ thuật chèo hiện đại. Có thể nói, hai nhà soạn kịch đã có những cải biên thú vị để khiến sử thi *Ra-ma-ya-na* phù hợp với tâm lí và quan niệm đạo đức của người Việt Nam. Vở chèo này hiện vẫn còn thường xuyên được công diễn và nhận được sự yêu thích của công chúng. Mới nhất, trong tập truyện *Lời tiên tri của giọt sương* (2011), nhà văn Nhật Chiêu đã sáng tạo một truyện cực ngắn có tên là *Sử thi nàng Xi-ta*. Không kể nhan đề, truyện ngắn này chỉ cô đúc trong sáu chữ:

Luận điểm 4

Bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm 4.

Sử dụng từ ngữ, câu văn chính xác, khách quan.

“Sử thi nàng Xi-ta”
(mới phát hiện, tuyệt ngắn)
Đất.

3. Kết luận

Không có nhiều tác phẩm văn học nước ngoài để lại dấu ấn sâu sắc lên nhiều cộng đồng văn hoá của người Việt Nam từ quá khứ đến hiện tại như sử thi *Ra-ma-ya-na*. Việc nghiên cứu những dấu ấn này vẫn cần được tiếp tục với một quy mô mới, chiều sâu mới, để qua đó, chúng ta có thể hiểu thêm và củng cố mối quan hệ giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và Ấn Độ.

Tóm tắt, mở rộng và nâng cao vấn đề.

Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu.

Gợi mở những vấn đề mới.

(Nhóm biên soạn)

Tài liệu tham khảo

1. Phan Đăng Nhật (2000), *Sử thi Việt Nam trong mối quan hệ với sử thi nước ngoài*, Việt Nam học, Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất, Hà Nội.
2. Vũ Quỳnh – Kiều Phú (1960), *Lĩnh Nam chích quái*, Đinh Gia Khánh – Nguyễn Ngọc San phiên dịch, chú thích và giới thiệu, NXB Văn hoá, Viện Văn học, Hà Nội.
3. Hồ Tấn Tuấn (2016), *Hiện thân của thần Ha-nu-man bất tử*, <https://baodanang.vn/bao-da-nang-xuan-2016>.
4. *Ra-ma-ya-na – Sử thi Ấn Độ* (1988), NXB Văn học, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trật tự, có ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, nơi công bố.



1. Vấn đề (câu hỏi) nghiên cứu của tác giả trong bài viết là gì?
2. Để triển khai bài viết, tác giả đã sử dụng những luận điểm chính nào?
3. Tác giả đã sử dụng những loại bằng chứng nào để làm sáng tỏ các luận điểm chính?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Lựa chọn đề tài

Hãy bắt đầu bằng điều khiến bạn thấy hứng thú và quan tâm nhất sau khi đọc một tác phẩm văn học hay một tài liệu nào đó. Điều gì ở tác phẩm hấp dẫn bạn? Đây là điều bạn muốn tìm hiểu thêm? Trong các tài liệu mà bạn đọc, liệu có điểm gì mâu thuẫn hoặc chưa sáng tỏ hay không? Ví dụ: sau khi đọc đoạn trích *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời*, có thể bạn muốn biết thêm về đời sống của người Ê-đê; sau khi đọc xong đoạn trích *Héc-tô từ biệt Ăng-đrô-mác*, có thể bạn muốn tìm hiểu thêm về lịch sử thành Tơ-roa và dấu tích của những địa danh được nhắc tới trong tác phẩm trên bản đồ thế giới đương đại...; sau khi xem một bộ phim hay một tác phẩm văn học lấy cảm hứng từ các nhân vật, cốt truyện trong sử thi, bạn có ý tưởng so sánh các tác phẩm đó với các sử thi thời cổ đại,... Trong số những ý tưởng đã được phác thảo ở phần trên, hãy chọn một ý tưởng mà bạn tâm đắc nhất để làm đề tài cho bài viết của mình. Dĩ nhiên, bạn cũng có thể chọn một đề tài khác phù hợp.

Thu thập thông tin

Để có được thông tin cần thiết cho báo cáo nghiên cứu, bạn cần tìm đọc các sách báo có liên quan. Các tài liệu trên Internet cũng là nguồn cung cấp quan trọng mà bạn cần khai thác. Chỉ cần đánh những từ khoá có liên quan đến vấn đề nghiên cứu vào ô quy định ở một số trang mạng hỗ trợ tìm kiếm phổ biến trên Internet, bạn có thể nhanh chóng tìm thấy đường dẫn để mở và đọc những tài liệu hữu ích. Trước khi quyết định sử dụng thông tin từ một tài liệu nào đó, xin nhớ kiểm tra độ tin cậy dựa vào những tiêu chí như: Tác giả của

tài liệu là ai? Có phải là chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực có liên quan hay không? Tổ chức nào công bố tài liệu hay quản lí trang mạng có tài liệu mà bạn tìm thấy? Tác giả hay tổ chức đó công bố tài liệu nhằm mục đích gì? Bạn có thấy nội dung của tài liệu được trình bày khách quan và thuyết phục không?

Xây dựng đề cương

– Trước khi xây dựng đề cương, cần tập hợp những thông tin thu thập được thành các ý, xoay quanh những câu hỏi chung như: Vấn đề được chọn nghiên cứu có thể triển khai như thế nào? Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung tìm hiểu, khám phá? Vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa gì?...

Câu trả lời cho những câu hỏi trên có thể tìm thấy trong những thông tin mà bạn đã thu thập từ bước thực hành viết ở trên hoặc sẽ thu thập thêm (nếu cần).

– Trên cơ sở các ý huy động được, bạn xây dựng thành một đề cương, sắp xếp các ý theo trật tự nhất định, chẳng hạn theo trật tự thời gian, trật tự không gian, theo logic của vấn đề,... Đây có thể coi là bản tóm tắt ngắn gọn những thông tin chính của một báo cáo nghiên cứu, vừa thể hiện cô đọng kết quả của quá trình chuẩn bị viết, vừa định hướng cho toàn bộ quá trình viết tiếp theo. Đề cương nghiên cứu cần có các phần sau:

Đặt vấn đề: Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu.

Giải quyết vấn đề: Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.

Kết luận: Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới.

Ví dụ: **Dấu ấn của sử thi Ấn Độ *Ra-ma-ya-na* trong văn hoá Việt Nam**

1. Đặt vấn đề

Sử thi *Ra-ma-ya-na* có ảnh hưởng đáng kể tới văn hoá Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử khác nhau với những biểu hiện đa dạng.

2. Giải quyết vấn đề

a. Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong văn học dân gian và văn học viết thời trung đại

– Sử thi Chăm *Tewa Mưnô*

– Truyện *Dạ Thoa vương* (Trần Thế Pháp)

b. Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong nghệ thuật điêu khắc

Phù điêu *Chiến sĩ và khí*

c. Dấu ấn của sử thi *Ra-ma-ya-na* trong văn hoá đương đại

– Kịch *Nàng Xi-ta* (Lưu Quang Vũ)

– Truyện cực ngắn *Sử thi nàng Xi-ta* (Nhật Chiêu)

3. Kết luận

4. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo: Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố.

Bạn cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng một sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển ý tưởng trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng, để làm sáng tỏ các ý.

Viết

– Triển khai mỗi luận điểm đã được xác định trong đề cương thành một đoạn văn. Mỗi đoạn văn cần có câu chủ đề, được đặt ở đầu hoặc cuối đoạn văn. Các câu khác trong đoạn cần cung cấp thông tin, chi tiết để làm sáng tỏ câu chủ đề. Mỗi đoạn văn chỉ nên diễn đạt một luận điểm.

– Chú ý sử dụng ngôn ngữ phù hợp. Tuy chưa phải là một nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp nhưng báo cáo nghiên cứu cũng cần sử dụng ngôn ngữ khoa học, khách quan, trung tính (ví dụ: sử dụng đại từ nhân xưng “chúng tôi” thay vì dùng “tôi”, sử dụng các số liệu, thông tin khách quan thay vì nêu các nhận định cảm tính, tránh thể hiện cảm xúc của người viết).

– Sử dụng các từ ngữ liên kết để thể hiện mối quan hệ logic giữa các ý, các đoạn như: thứ nhất, thứ hai, thứ ba, tuy nhiên, tóm lại,...

– Khi trích dẫn dù trực tiếp hay gián tiếp, cần ghi nguồn trích dẫn theo đúng quy cách.

– Sắp xếp các tài liệu tham khảo theo đúng thông lệ: trật tự dựa vào trật tự chữ cái đầu tiên trong tên hoặc họ của tác giả.

– Có thể chọn đưa vào báo cáo nghiên cứu một số sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... phù hợp.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Tự rà soát lại bài báo cáo nghiên cứu của mình theo các tiêu chí sau:

– Phần giới thiệu nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, gây được sự chú ý và hấp dẫn đối với người đọc.

– Các luận điểm chính đã được làm sáng tỏ qua những dữ liệu, bằng chứng xác thực, đáng tin cậy.

– Các phần được sắp xếp theo trật tự logic, có sự liên kết chặt chẽ, không có sự trùng lặp.

– Không có các thông tin thừa, không liên quan trực tiếp đến đề tài.

– Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi từ ngữ và câu.

Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề

Yêu cầu

- Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề đó.
- Trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm của bài nói.
- Nêu thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài ở phần cuối bài nói.

Chuẩn bị nói và nghe

Chuẩn bị nói

Trong việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, người nói cần đưa tới cho người nghe những thông tin khái quát, trung thực về nội dung công việc đã hoàn thành ở phần Viết. Để đáp ứng được yêu cầu này, cần thực hiện các thao tác sau:

- Tóm tắt báo cáo kết quả nghiên cứu đã viết (trong khoảng 1 – 1,5 trang giấy).
- Gạch chân những luận điểm hoặc thông tin chính của bài viết. Ghi chú về các ngữ liệu minh hoạ quan trọng cần được nêu lên khi trình bày về từng luận điểm.
- Xác định đúng những từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm để dễ nhớ và dễ triển khai luận điểm, đảm bảo cho bài nói có trọng tâm, không sa vào lối kể chuyện, bình tán dông dài.
- Chuẩn bị PowerPoint (nếu có): PowerPoint cần được soạn với các thông tin chất lọc, hình ảnh, video minh hoạ sinh động, thể hiện nét đặc trưng của báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề.

Chuẩn bị nghe

Tìm hiểu trước về tên của báo cáo kết quả nghiên cứu sẽ được trình bày để có định hướng nghe phù hợp. Phác ra những câu hỏi ban đầu về vấn đề để dễ theo dõi nội dung của bài trình bày. Chẳng hạn, nếu báo cáo được nghe có tên là “Một số dấu ấn của sử thi Ấn Độ *Ra-ma-ya-na* trong văn hoá Việt Nam” thì câu hỏi có thể nảy sinh là: Bằng cách nào mà sử thi *Ra-ma-ya-na* có thể lưu truyền tới Việt Nam? Ảnh hưởng của sử thi *Ra-ma-ya-na* đối với Việt Nam thể hiện ở những điểm nào?... Với những câu hỏi loại này, người nghe sẽ thể hiện được một tâm thế nghe tích cực.

Thực hành nói và nghe

Người nói

- *Mở đầu*: Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện.
- *Triển khai*: Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong bản viết theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có). Có thể tổ chức lại nội dung từng luận điểm theo hình thức *câu hỏi – lời đáp* (vì thực chất của việc nghiên cứu là tìm lời đáp cho những thắc mắc nảy sinh trong quá trình tiếp xúc với đối tượng).
- *Kết luận*: Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính; cảm ơn người nghe và tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến trao đổi, đối thoại.

Người nghe

- Theo dõi cách trình bày của người nói, ghi ra giấy những câu hỏi, ý nghĩ nảy sinh trong quá trình nghe.
- Hỗ trợ bạn trong việc sử dụng bản trình chiếu (nếu có).

Trao đổi

Người nghe

Dựa vào những gì đã chuẩn bị trước khi nghe và tiếp nhận được trong khi nghe, nêu câu hỏi hay bổ sung ý kiến về những nội dung cụ thể của báo cáo; nêu cách nhìn nhận và đánh giá khác (nếu có) về vấn đề được báo cáo đề cập. Cần góp ý kĩ về cách trình bày kết quả nghiên cứu của người nói.

Người nói

Trả lời các câu hỏi, làm sáng tỏ thêm các vấn đề được người nghe nêu lên; nêu hướng hoàn thiện báo cáo cũng như cách trình bày báo cáo.

Người nói, người nghe tự đánh giá và đánh giá về bài nói (báo cáo kết quả nghiên cứu) theo các nội dung gợi ý sau:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|--|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Vấn đề nghiên cứu nêu trong báo cáo có ý nghĩa và gây hứng thú. | | |
| 2 | Báo cáo cung cấp thông tin rõ ràng về các thao tác nghiên cứu đã sử dụng. | | |
| 3 | Báo cáo thể hiện được sự phù hợp giữa kết quả đạt được với mục tiêu nghiên cứu. | | |
| 4 | Phong thái trình bày tự tin, chủ động. | | |
| 5 | Các phương tiện hỗ trợ được sử dụng hiệu quả. | | |
| 6 | Việc điều chỉnh cách trình bày nhằm thu hút sự chú ý của người nghe đã được quan tâm thích đáng. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Lập bảng tổng hợp những đặc trưng của sử thi được thể hiện trong hai đoạn trích *Héc-tô từ biệt Ăng-đrô-mác* và *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời* trên các phương diện: nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, người kể chuyện.
2. Tìm đọc thêm các tài liệu viết về Hy Lạp và Ấn Độ thời cổ đại. Tóm tắt nội dung chính và trích dẫn những thông tin quan trọng trong các tài liệu, có sử dụng cước chú.
3. Tập thuyết trình về một vấn đề văn hoá, lịch sử Tây Nguyên và lắng nghe phản hồi của bạn về bài thuyết trình của mình.
4. Đọc thêm các tác phẩm văn học hiện đại mang âm hưởng sử thi hoặc lấy cảm hứng từ các nhân vật, sự kiện, địa điểm trong sử thi (Ví dụ: *Bài ca chim Cho-rao* của Thu Bồn, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm,...) và nhận xét về ảnh hưởng của thể loại sử thi trong văn học Việt Nam hiện đại.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Xác định các phẩm chất của nhân vật chính được thể hiện qua lời nói, hành động.
- Tìm hiểu cách miêu tả nhân vật.
- Chú ý đến lời của người kể chuyện, giọng điệu kể chuyện.
- Đọc phần chú thích để hiểu về các yếu tố văn hoá xoay quanh đoạn trích.

Ra-ma buộc tội^(*)

(Trích *Ra-ma-ya-na*)

Van-mi-ki

Gia-na-ki (Janaki)⁽¹⁾ khiêm nhường đứng trước Ra-ma. Ra-ma nói: “Hỡi phu nhân cao quý! Ta đưa nàng tới đây sau khi đã đánh bại kẻ thù. Ta đã làm tất cả bằng khả năng của mình. Ta đã trả thù kẻ lăng nhục ta và con giận của ta đã hả. Ngày hôm nay, ai nấy đều đã được chứng kiến tài nghệ của ta. Ta đã làm tròn lời hứa, và giờ đây không

^(*) Trích sử thi *Ra-ma-ya-na* của Ấn Độ. Tên văn bản do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

⁽¹⁾ *Gia-na-ki*: một tên khác của Xi-ta, gọi theo tên nhà vua Gia-na-ka (Janaka). Khi cày đất chuẩn bị cho lễ tế sinh, vua Gia-na-ka thấy một bé gái xinh đẹp trên luống cày liền mang về nuôi, đặt tên là Xi-ta (có nghĩa luống cày). Xi-ta chính là con của nữ thần Đất Mẹ Pri-thi-vi (Prithvi).

còn gì vương mắc với chính mình. Nàng đã bị gã Rắc-sa-xa (Rakshasa)⁽¹⁾ tâm địa xảo trá bắt cóc khi vắng mặt ta, đó là do số phận nàng xui nên, nhưng ta đã gỡ cho nàng khỏi điều vu khống. Kẻ nào bị quân thù lăng nhục mà không đem tài nghệ của mình ra để trả thù là kẻ tầm thường. Ngày hôm nay, việc chàng Ha-nu-man hảo hán vượt biển cả đã kết thúc thành công; việc đốt phá Lan-ka (Lanka) và những kì tích khác đã đem lại vinh quang. Ngày hôm nay, tài nghệ và những lời khuyên sáng suốt của Vi-phi-sa-na (Viphisana)⁽²⁾ đã hoàn toàn được chứng tỏ; cả những cố gắng của chàng cũng thành công tốt đẹp, chàng đã từ bỏ người anh bất hảo của mình, ủng hộ đại nghĩa của ta và nương tựa vào ta”.

Nghe những lời đó, Gia-na-ki mở tròn đôi mắt đắm lệ. Thấy người đẹp khuôn mặt bông sen với những cuộn tóc lượn sóng đứng trước mặt mình, lòng Ra-ma đau như dao cắt. Nhưng vì sợ tai tiếng, chàng bèn nói với nàng, trước mặt những người khác: “Để trả thù sự lăng nhục, ta đã làm những gì mà một con người phải làm: ta đã tiêu diệt Ra-va-na. Cũng như đại đạo sĩ A-ga-xti-a (Agastia) nhờ công sám hối khổ hạnh đã giải thoát cho các xứ phương Nam khỏi nỗi kinh khiếp đối với In-van và Va-ta-pi⁽³⁾, ta cũng giải thoát cho cõi thế gian này khỏi mối lo sợ Ra-va-na. Phải biết chắc điều này: chẳng phải vì nàng mà ta đánh thắng kẻ thù với sự giúp đỡ của bạn bè. Ta làm điều đó vì nhân phẩm của ta, để xoá bỏ vết ô nhục, để bảo vệ uy tín và danh dự của dòng họ lừng lẫy tiếng tăm của ta. Ta làm điều đó chính là để chứng tỏ ta không thuộc về một gia đình bình thường. Nay ta phải nghi ngờ tư cách của nàng, vì nàng đã lưu lại lâu trong nhà một kẻ xa lạ. Giờ đây, nàng đang đứng trước mặt ta, nhưng trông thấy nàng, ta không chịu nổi, chẳng khác nào ánh sáng đối với người bị đau mắt. Vậy ta nói cho nàng hay, nàng muốn đi đâu tùy nàng, ta không ưng có nàng nữa. Người đã sinh trưởng trong một gia đình cao quý có thể nào lại lấy về một người vợ từng sống trong nhà kẻ khác, đơn giản chỉ vì mục ta là một vật để yêu đương? Nàng đã bị quấy nhiễu khi ở trong vạt áo của Ra-va-na, đôi mắt tội lỗi của hắn đã hau háu nhìn khắp người nàng, vậy làm sao ta có thể nhận nàng về khi nghĩ tới gia đình cao quý đã sinh ra ta?

Nay mục đích cứu nàng đã đạt được rồi, ta không cần đến nàng nữa. Nàng muốn đi đâu tùy ý. Hỡi phu nhân cao quý! Ta nói rõ cho nàng hay, chẳng chút quanh co, ngập ngừng:

(1) *Rắc-sa-xa*: một loài yêu quỷ. Ra-va-na, kẻ bắt cóc Xi-ta, là vua của yêu quỷ Rắc-sa-xa sống trên đảo Lan-ka.

(2) *Vi-phi-sa-na*: em trai của Ra-va-na. Khuyên Ra-va-na trả Xi-ta lại cho Ra-ma không được, Vi-phi-sa-na đã từ bỏ người anh tội lỗi của mình sang chiến đấu bên phe của Ra-ma. Sau khi tiêu diệt Ra-va-na, Ra-ma đưa Vi-phi-sa-na lên ngôi cai trị đảo Lan-ka.

(3) *In-van và Va-ta-pi*: hai anh em yêu quỷ độc ác thường ăn thịt các tu sĩ Bà La Môn. Chúng bị đạo sĩ A-ga-xti-a tiêu diệt.

nàng có thể để tâm đến Lắc-ma-na (Laksmāna), Bha-ra-ta (Bharata), Xa-tru-na (Xatruna)⁽¹⁾, Xu-gri-va (Xugriva)⁽²⁾, hay nếu nàng thích, nàng có thể đi theo Vi-phi-sa-na cũng được...

Thấy nàng yêu kiều xinh đẹp, lại có được nàng trong nhà hấn, Ra-va-na đâu có chịu đựng được lâu”.

Nghe những lời giận dữ đó của Ra-ma, Gia-na-ki đau đớn đến nghẹt thở, như một cây dây leo bị vòi voi quật nát. Nghe những lời tố cáo chưa từng có, trước mặt đông đủ mọi người, Gia-na-ki xấu hổ cho số kiếp của nàng. Nàng muốn tự chôn vùi cả hình hài thân xác của mình. Mỗi lời nói của Ra-ma xuyên vào trái tim nàng như một mũi tên. Nước mắt nàng đổ ra như suối. Lấy tà áo lau nước mắt, rồi bằng giọng nghẹn ngào, nức nở, nàng nói: “Cớ sao chàng lại dùng những lời lẽ gay gắt khó tả như vậy đối với thiếp, giống như một kẻ thấp hèn chửi mắng một con mụ thấp hèn? Thiếp đâu phải là người như chàng tưởng! Thiếp có thể lấy tư cách của thiếp ra mà thề, hãy tin vào danh dự của thiếp. Suy từ hành vi của loại phụ nữ thấp hèn, chàng đã ngỡ vực tất cả giới phụ nữ, nhưng như thế đâu có phải. Nếu chàng có hiểu biết thiếp chút đỉnh thì xin hãy từ bỏ mối ngờ vực không căn cứ đó đi.

Chàng xem, Ra-va-na đã đụng tới thiếp khi mà thiếp đang chết ngất đi, làm thế nào tránh được? Về điều đó, chỉ có số mệnh của thiếp là đáng bị chê trách, nhưng những gì nằm trong vòng kiểm soát của thiếp, tức trái tim thiếp đây, là thuộc về chàng. Thiếp có thể làm gì với cái thân thiếp đây, bởi nó có thể phụ thuộc vào kẻ khác, khi thiếp hoàn toàn ở dưới quyền lực của hấn. Thiếp còn gì là thanh danh, nếu như chàng vẫn chưa hiểu được thiếp qua tình yêu của thiếp và qua tiếp xúc với tâm hồn của thiếp. Hồi chàng phái Ha-nu-man⁽³⁾ tới dò tin tức về thiếp, cớ sao chàng không gửi cho thiếp lời nhắn nhủ chàng từ bỏ thiếp? Nếu thế thì thiếp đã kết liễu đời mình ngay trước mặt chàng Va-na-ra (Vanara)⁽⁴⁾ đó rồi. Mà sự thế đã như vậy, thì chàng chẳng cần phải mạo hiểm để có thể nguy hại đến thân mình; và các bạn hữu của chàng đã khỏi phải chịu đựng những phiền muộn, đau khổ. Hồi Đức vua! Như một người thấp hèn bị con giận giày vò, Người đang nghĩ về thiếp như một phụ nữ tầm thường. Tên thiếp là Gia-na-ki, bởi vì thiếp có liên quan đến lễ tế sinh của nhà vua Gia-na-ka chứ không phải vì thiếp sinh ra trong gia đình đó; chỉ có nữ thần Đất là mẹ của thiếp thôi. Vì không thể suy xét cho đúng đắn, chàng đã không hiểu được bản chất của thiếp. Chàng không nghĩ đến vì sao hồi còn

(1) *Xa-tru-na*: em của Ra-ma (cũng như Bha-ra-ta, Lắc-ma-na).

(2) *Xu-gri-va*: vua của loài khỉ Va-na-ra sống ở núi rừng trên cao nguyên Ê-đê-can (Deccan), miền Nam Ấn Độ.

(3) *Ha-nu-man*: một tướng tài ba, dũng cảm của loài khỉ Va-na-ra.

(4) *Va-na-ra*: ở đây chỉ Ha-nu-man.

thanh niên chàng đã cưới thiếp. Tình yêu của thiếp, lòng trung thành của thiếp nay xem ra hoàn toàn vô ích!”.

Nói dứt lời, Gia-na-ki oà khóc. Nàng nói với Lắc-ma-na lúc này đang buồn bã và suy nghĩ ủ ê: “Hỡi Lắc-ma-na, em hãy chuẩn bị cho chị một giàn hoả thiêu. Với nông nỗi đáng buồn hiện nay, đó là phương thức duy nhất cho chị. Chị không muốn sống sau những lời tố cáo lầm lạc như vậy. Chồng chị không hài lòng về chị, chàng đã ruồng rẫy chị trước mặt mọi người. Giờ thì chị sẽ từ bỏ tấm thân này cho ngọn lửa”.

Cố nén cơn giận, Lắc-ma-na nhìn Ra-ma, và qua nét mặt, cử chỉ của người anh, Lắc-ma-na đoán được động cơ của anh. Chàng chuẩn bị một giàn hoả thiêu cho Xi-ta.

Vào lúc đó, chẳng có ai trong đám bạn hữu dám nói gì với Ra-ma, hoặc nhìn vào chàng; lúc đó nom chàng khủng khiếp như thần Chết vậy.

Ra-ma vẫn ngồi, mắt dán xuống đất, Xi-ta lượn quanh chàng rồi bước tới giàn lửa. Sau khi cúi lạy chư thần, dâng Bra-ma (Brahma)⁽¹⁾, nàng thưa với thần Lửa A-nhi (Agni)⁽²⁾: “Nếu con trước sau một lòng một dạ với Ra-ma thì cúi xin thần hãy tìm cách bảo vệ con. Ra-ma đã coi một phụ nữ trinh tiết như một kẻ gian dối, nhưng nếu con trong trắng, xin thần A-nhi phù hộ cho con”.

Nói dứt lời, Gia-na-ki lượn quanh giàn thiêu rồi dừng cảm bước vào ngọn lửa. Ai nấy, già cũng như trẻ, đau lòng đứt ruột xem nàng Gia-na-ki đứng trong giàn hoả. Trước mặt mọi người, trang tuyệt thế giai nhân đó nạp mình cho lửa. Các bậc thánh, các chư thần nhìn Gia-na-ki bước vào lửa, chẳng khác một lễ vật trong lễ tế sinh.

Thấy nàng như vậy, như một thiên thần bị đuổi khỏi trời do một thần chú nguyên rủa, các phụ nữ bật ra tiếng kêu khóc thảm thương. Cả loài Rắc-sa-xa lẫn loài Va-na-ra cùng kêu khóc vang trời trước cảnh tượng đó.



Tượng thờ các nhân vật trong sử thi *Ra-ma-ya-na*

(*Ngữ văn 10*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2019, tr. 56 – 59)

⁽¹⁾ *Bra-ma*: thần Sáng tạo, một trong ba vị thần tối cao của đạo Bà La Môn.

⁽²⁾ *A-nhi*: thần Lửa, rất quan trọng trong văn hoá Ấn Độ. Trong lễ hiến tế, con người dâng lễ vật trên giàn lửa, thần A-nhi đóng vai trò trung gian giữa con người và các vị thần. Trong hôn lễ, cô dâu và chú rể đi vòng quanh lửa thiêu bảy vòng, thần A-nhi làm chứng cho sự thề nguyện thủy chung suốt đời của họ. Thần Lửa có mặt ở khắp mọi nơi, biết tất cả mọi hành động tốt, xấu mà con người đã làm, nên nghi lễ thử lửa được tin là có thể kiểm chứng đức hạnh con người. Lửa còn có sức mạnh thanh tẩy. Hoả táng là nghi lễ tang ma của Ấn Độ, được xem như lễ tế sinh cuối cùng mà người chết dâng mình như một lễ vật cho thần linh.

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản được học.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.
- Viết được báo cáo nghiên cứu, có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.
- Biết lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu.
- Có thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha truyền lại.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGŨ VĂN

Chèo

Chèo nguyên là một loại hình kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, thường được diễn ở sân đình trong thời gian có các lễ hội. Về sau, chèo được chuyên nghiệp hoá dần với sự hình thành của các gánh chèo, đoàn chèo.

Nghệ thuật chèo mang tính tổng hợp, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với sự hỗ trợ của các đạo cụ, nhạc khí dân tộc độc đáo, trên cơ sở một *tích trò* (còn gọi *tích truyện*, *chèo bản* hay đơn giản là *tích*) có sẵn.

Tích trò là yếu tố đầu tiên, quan trọng nhất của vở chèo, làm điểm tựa cho toàn bộ hoạt động biểu diễn, tuy có tính ổn định nhưng vẫn dễ ngổ ngảng thêm thắt, bổ sung cho diễn viên. Vì thế, một tích trò có nhiều dị bản là một sáng tạo mang tính tập thể. Tích trò của chèo dân gian (tích chèo) thường được xây dựng dựa vào truyện cổ tích hay truyện thơ Nôm, thể hiện các đề tài sinh hoạt, đạo đức gần gũi với khán giả bình dân.

Nhân vật của chèo không xa lạ với đời sống thường ngày của người dân lao động xưa, gồm nhiều hạng người trong xã hội, có địa vị, nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác khác nhau. Xét theo tính cách, nhân vật chèo được phân thành hai loại chính: *vai chín* (tích cực) và *vai lệch* (tiêu cực). Mỗi loại nhân vật thường tự biểu hiện mình bằng một số làn điệu hát và động tác múa đặc trưng. Gây được ấn tượng mạnh nhất trong các vở chèo thường là những *vai nữ*, *vai hề*.

Tuồng

Tuồng là một loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là *tuồng cung đình* và *tuồng dân gian*.

Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu hay đã kích một số hạng người nhất định trong xã hội. Một tích tuồng thường có nhiều dị bản, do nó được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền.

Xuý Vân giả dại

(Trích chèo Kim Nham)



- Giữa sự nở rộ của muôn vàn phương tiện nghe nhìn và các hoạt động giải trí hấp dẫn, bạn nghĩ như thế nào nếu ai đó đề nghị bạn bỏ chút thời gian xem một vở chèo cổ?
- Bạn có thấy tò mò khi nghe đến tên lớp chèo Xuý Vân giả dại hay không? Hãy tận dụng các điều kiện hiện có của mình để xem lớp chèo này hoặc toàn bộ vở chèo Kim Nham.



Kim Nham là một nho sinh, trọ học ở Trảng An⁽¹⁾. Sau khi kết duyên với Xuý Vân, chàng tiếp tục lên kinh miệt mài đèn sách đợi khoa thi, để Xuý Vân sống trong cảnh cô đơn, buồn bã. Ở quê, Xuý Vân bị gã Trần Phương tán tỉnh, hứa hẹn ngon ngọt. Nàng giả điên với hi vọng thoát khỏi Kim Nham để theo Trần Phương. Sau những cố gắng chạy chữa cho vợ không thành, Kim Nham đành phải để nàng được tự do. Xuý Vân tìm đến Trần Phương nhưng bị hắt trở mặt, quay lưng. Từ chỗ giả điên, Xuý Vân đã hoá điên thật. Đoạn trích dưới đây thể hiện cảnh Xuý Vân tự dựng lên màn điên loạn của chính mình.

XUÝ VÂN (Nói lệch)⁽²⁾:

Đau thiết thiết van⁽³⁾,
Than cùng bà Nguyệt⁽⁴⁾.
Đánh cho lê liệt,
Chết mệt con đồng.
Bắt đò sang sông,
Bớ đò, bớ đò⁽⁵⁾.

Hình dung khi thể hiện lời thoại này, diễn viên sẽ có động tác diễn xuất tương ứng như thế nào.

(1) *Trảng An*: nguyên là tên gọi một kinh đô cũ của Trung Quốc, ở đây dùng để chỉ Hà Nội với thái độ trân trọng.
(2) *Nói lệch*: một lối nói có giọng điệu riêng trong chèo, thường được dùng để tạo không khí sôi nổi hoặc gấp gáp.
(3) *Đau thiết thiết van*: đau đớn quá đến mức phải kêu lên.
(4) *Bà Nguyệt*: là một vị thần, cùng với ông Tơ cai quản chuyện tình yêu đôi lứa (theo quan niệm dân gian Việt Nam, gần với quan niệm về Nguyệt lão trong văn hoá Trung Quốc).
(5) *Bớ đò*: tiếng gọi đò quen thuộc ngày xưa.

(*Via*)⁽¹⁾:

Tôi kêu đồ, đồ nợ không thừa,
Tôi càng chờ càng đợi, càng trưa chuyển đồ.

(*Hát quá giang*)⁽²⁾:

Nên tôi phải luy⁽³⁾ đồ,
Cách con sông nên tôi phải luy đồ,
Bời ông trời tối, phải luy cô bán hàng.
Chả nên gia thất thì về,
Ở làm chi mãi cho chúng⁽⁴⁾ chê, bạn cười.
Tôi chấp tay lạy bạn đừng cười,
Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng.
Gió trăng thời mặc gió trăng,
Ai ơi giữ lấy đạo hằng⁽⁵⁾ chớ quên.
Chị em ơi!
Ra đây có phải xưng danh không nhỉ?

*Lời thoại này thể hiện
trạng thái tâm lí gì của
nhân vật?*

(*Đế*)⁽⁶⁾:

Không xưng danh, ai biết là ai?

XUÝ VÂN:

Bước chân vào tôi thưa rằng vậy,
Chẳng giấu gì Xuý Vân là tôi,
Tuy đại đột, tài cao vô giá,
Thiên hạ đồn rằng tôi hát hay đã lạ,
Ai cũng gọi là cô ả Xuý Vân.
Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương,
Nên đến nỗi điên cuồng, rồ dại.

*Chú ý cách nhân vật
chèo xưng danh, tự giới
thiệu trước khán giả.*

(1) *Via*: một lối nói có giọng điệu riêng trong chèo, được dùng làm cầu nối để bắt vào điệu hát chính.

(2) *Hát quá giang*: một điệu hát chèo, còn được gọi là *hát gọi đồ*, thường dùng khi diễn tả tâm trạng hệt hắng của nhân vật.

(3) *Luy*: nhún mình, tạm chiều theo ý của người khác để được việc riêng.

(4) *Chúng*: người đời. *Chúng bạn*: bạn bè nói chung.

(5) *Đạo hằng*: chuẩn mực đạo đức vững bền (nghĩa trong văn bản).

(6) *Đế*: nói lời chêm vào hoặc tiếng nói chêm vào, phụ họa với lời nói của diễn viên chèo đang diễn (tiếng đế xuất phát từ khán giả hay từ người đứng trong cánh gà sân khấu).

(Hát điệu con gà rừng)⁽¹⁾:

Con gà rừng ăn lẫn với công,
Đắng cay chẳng có chịu được, ức!
Mà để lảng giềng ai hay?
Bông bông dất, bông bông dứ,
Xa xa lắ, xa xa lú,
Lảng giềng ai hay, ức bởi xuân huyền⁽²⁾.
Chờ cho bông lúa chín vàng,
Để anh đi gặt, để nàng mang com.
Bông bông dất, bông bông dứ,
Xa xa lắ, xa xa lú,
Lảng giềng ai hay, ức bởi xuân huyền.

*Hình ảnh vợ chồng
quần quýt xuất hiện ở
đây có ý nghĩa gì?*

(Tiếng trống nhịp nổi lên, Xuý Vân múa điệu bắt nhện, xe tơ, dệt cửi. Múa xong, Xuý Vân hát lên rồi cười và hát điệu sa lệch⁽³⁾...)

Rủ nhau lên núi Thiên Thai⁽⁴⁾,
Thấy hai con quạ đang ăn xoài trên cây.
Ba cô bán mắ trong làng,
Mắ không bán hết, còn quang với thùng...
Chị em ơi, tôi than thân tôi vài câu nhé.

(Đế):

Ờ.

XUÝ VÂN (Nói điệu sử rầu)⁽⁵⁾:

Than ôi!
Tôi thương nhân ngãi, tôi nhớ nhân tình⁽⁶⁾,
Đêm năm canh tôi thức cả vừa năm.

*Chú ý sự ý thức của
nhân vật về chính mình.*

⁽¹⁾ *Điệu con gà rừng*: một điệu hát chèo, thường được dùng khi muốn diễn tả nỗi niềm đắng cay, bức tức của nhân vật.

⁽²⁾ *Xuân huyền*: cha mẹ. Xuân, huyền là hai loại cây sống lâu, thường được ví với cha (*xuân*) và mẹ (*huyền*).

⁽³⁾ *Điệu sa lệch*: một điệu hát chèo, thường được dùng khi cần thể hiện tâm trạng lưu luyến, nhớ thương hay ai oán.

⁽⁴⁾ *Núi Thiên Thai*: một ngọn núi nhỏ thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

⁽⁵⁾ *Điệu sử rầu*: một lối nói có giọng điệu ngâm nga, chậm rãi, thường được dùng ở những lớp chèo giàu tính trữ tình, khi nhân vật giải bày tâm sự.

⁽⁶⁾ *Nhân ngãi, nhân tình*: người tình (dùng trong bối cảnh đang nói về quan hệ yêu đương không đứng đắn).

(Hát sắp)⁽¹⁾:

Than rằng nhân ngãi, cựa tình⁽²⁾ tôi đâu,
Con cá rô nằm vũng chân trâu,
Để cho năm bảy cần câu châu vào!

(Nói):

Chị em ơi, tôi hát xuôi cũng được,
Mà tôi hát ngược cũng hay,
Tôi hát câu này cho chị em nghe nhé!

(Hát ngược)⁽³⁾:

Chiếc trống com⁽⁴⁾, ai khéo vỗ nên bông,
Một đàn các cô con gái lội sông té bèo.
Chuột đậu cành rào, muỗi ấp cánh dơi,
Ông Bụt kia bẻ cổ con nai,
Cái trứng gà mà tha con quạ lên ngồi trên cây.
Ở trong đình có cái khua, cái nhôi⁽⁵⁾,
Ở trong cái nón có cái kèo, cái cột,
Ở dưới sông có cái phố bán bát,
Lên trên biển ta đón gổ làm nhà,
Con vâm⁽⁶⁾ kia ấp trứng ba ba,
Cười con gà mà đi đánh giặc!

Lưu ý ngôn ngữ và cách liên hệ bất thường của người điên hoặc giả điên.

(Xuý Vân vào, vừa đi vừa cười điên dại).

(Ngữ văn 10 Nâng cao, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2018, tr. 128 – 132)

(1) *Hát sắp*: một điệu hát chèo, thường có tiết tấu tươi vui, rộn ràng.

(2) *Cựa tình*: người yêu cũ (nghĩa trong văn bản).

(3) *Hát ngược*: một điệu hát chèo, thường được dùng khi cần diễn tả tâm trạng điên loạn của nhân vật, lời hát được khai thác từ loại ca dao nói ngược.

(4) *Trống com*: một loại trống nhỏ, cũng là loại nhạc cụ thuộc bộ gõ.

(5) *Khua, nhôi*: những bộ phận trong chiếc nón bằng cỏ truyền của người Việt.

(6) *Con vâm*: con voi.

Kim Nham nêu cao bài học đạo lí khi thể hiện quan hệ gia đình, chồng vợ, đồng thời cũng bộc lộ sự cảm thông với thân phận của người phụ nữ trong xã hội nam quyền xưa.

Kim Nham hội tụ được những tinh hoa của nghệ thuật chèo, vừa giàu tính bi kịch, vừa đầy tiếng cười hài hước, có những lớp, những màn⁽¹⁾ hết sức đặc sắc, gắn liền với tài năng biểu diễn của các nghệ sĩ qua nhiều thời.

Tích trò **Kim Nham** có một số dị bản, kể khác nhau ít nhiều về nguồn gốc gia đình Xuý Vân, nguyên do chính khiến Xuý Vân giả điên và đoạn kết thúc số phận bi kịch của nàng.

Xuý Vân giả dại là lớp chèo thuộc loại đỉnh cao không chỉ của riêng vở **Kim Nham** mà còn của cả nền chèo cổ Việt Nam. Đã có nhiều diễn viên khẳng định tài năng xuất chúng của mình nhờ lớp chèo này như Dịu Hương, Diễm Lộc, Thuý Ngân,...



Trả lời câu hỏi

1. Nêu nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xuý Vân.
2. Trong lớp chèo *Xuý Vân giả dại*, đoạn lời thoại nào thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điên” của nhân vật? Vì sao bạn xác định như vậy?
3. Hãy chọn phân tích một đoạn lời thoại để làm rõ những mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm của nhân vật Xuý Vân.
4. Đoạn lời thoại được thể hiện theo điệu “con gà rừng” cho biết những điều gì về cảnh ngộ đời sống cũng như niềm mong ước của Xuý Vân?
5. Qua đoạn xưng danh của Xuý Vân, có thể nhận ra được những đặc điểm gì của sân khấu chèo (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn,...)?
6. Nêu một số đặc điểm của ngôn ngữ chèo mà bạn nhận biết được qua đoạn trích (thể thơ quen dùng; chất liệu ca dao, dân ca;...).
7. Qua lớp chèo này, bạn hiểu thêm được những điều gì về đời sống văn hoá làng xã Việt Nam thuở xưa?
8. Xuý Vân giả dại để che giấu điều gì? Bạn đánh giá như thế nào về hành động này của nhân vật?
9. Với văn bản lớp chèo *Xuý Vân giả dại*, ta chỉ cần khoảng 3 phút để đọc xong, nhưng để diễn trên sân khấu, cần tới gần 15 phút. Từ thực tế này, có thể rút ra được nhận xét gì về nghệ thuật chèo? (Gợi ý: chức năng của tích trò; tầm quan trọng của diễn xuất gồm hát, múa và các hình thức biểu cảm khác;...)

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về nỗi niềm của nhân vật Xuý Vân được thể hiện qua lớp chèo *Xuý Vân giả dại*.

⁽¹⁾ *Lớp, màn*: những đoạn tương đối độc lập của tích trò hay vở diễn.

Huyện đường^(*)

(Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*)



- *Bạn đã xem biểu diễn tuồng bao giờ chưa? Bạn nghĩ sao khi loại nghệ thuật sân khấu truyền thống này đang gặp khó khăn trên con đường đến với khán giả hiện đại?*
- *Hãy tìm xem trên internet toàn bộ hoặc từng trích đoạn của vở tuồng này.*



Một đêm nọ, Ốc (kẻ chuyên nghề “đào ngạch”) hợp tác với Nghêu (thầy bói) đột nhập nhà trùm Sò (địa chủ) để ăn trộm. Nghêu bị bắt giữ còn Ốc chạy thoát được. Đang khi Ốc đem đồ ăn trộm bán cho Thị Hến – một người goá chồng, làm nghề buôn bán – thì trùm Sò và lí trưởng dẫn người ập đến bắt quả tang. Lí trưởng lợi dụng chuyện này đòi Thị Hến dứt lốt. Việc không thành, tất cả dắt nhau lên huyện đường⁽¹⁾. Tại đây, Ốc bị phạt tù, Nghêu và lí trưởng bị đánh đòn. Riêng lí trưởng, trùm Sò còn phải chi tiền để hối lộ tri huyện⁽²⁾. Nhờ có nhan sắc, Thị Hến không những không bị hạch tội, lại còn được tri huyện và để lại⁽³⁾ “chiếu cố” hên hò. Lũ háo sắc ấy (có thêm cả lí trưởng) rơi vào bẫy của Thị Hến khi giáp mặt nhau tại nhà chị ta và bị các bà vợ đến đánh ghen một trận tơi bời. Đoạn trích dưới đây kể lại một cảnh làm việc nơi huyện đường, vào thời điểm diễn ra cuộc kiện tụng giữa các nhân vật liên quan đến vụ trộm.

Cảnh 1

– Bàn giấy của tri huyện.

Trên tường chính giữa là bức hoành phi đề hai chữ “Huyện đường”. Hai bên có hai câu đối. Bên cạnh câu đối phía trái có cửa vào nhà trong.

Một chiếc bàn to để chính giữa làm bàn giấy của tri huyện, trên bàn có ống bút, nghiên mực, diều bình. Bên trái, bàn giấy của viên đề lại để xây mặt ra khán giả phía phải của sân khấu, trên bàn cũng có nghiên bút và một chồng đơn từ.

Màn mở: tri huyện từ trong nhà bước ra, ngồi vào ghế.

Cách bài trí nơi huyện đường – những chỉ dẫn cho việc thiết kế sân khấu.

(*) Tên văn bản do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

(1) *Huyện đường*: nơi làm việc của bộ máy chính quyền thuộc đơn vị huyện thời phong kiến.

(2) *Tri huyện*: chức quan cai quản một huyện ở Việt Nam thời phong kiến và được duy trì trong thời thuộc Pháp (tại những miền thực dân Pháp đặt chế độ bảo hộ).

(3) *Để lại*: viên thư kí ở huyện đường.

TRI HUYỆN

(Nói lối)⁽¹⁾

Quyền trọng⁽²⁾ trấn nha môn⁽³⁾

Bản chức⁽⁴⁾ xưng tri huyện

Đỉnh chung⁽⁵⁾ đà đủ miếng

Hoa nguyệt⁽⁶⁾ cũng quen mùi

Lấy của cạy ngọn roi

Làm quan nhờ lỗ khẩu⁽⁷⁾

Sự lí thường phân ầu⁽⁸⁾

Được thua tự đồng tiền

Dân xã nếu không kiêng⁽⁹⁾

Bỏ xuống lao⁽¹⁰⁾ giam kĩ

(một lát, cười)

Quan chức nghĩ nên thú vị

Vào ra cũng phải chuyên cần

ĐỀ LẠI (bước ra)

Bẩm quan ạ!

TRI HUYỆN

Vâng, chào thầy. A, thầy Đề này, hôm nay sao mà

(Nói lối)

Nha lại vắng bẩm thân

Dân xã không đấu cáo⁽¹¹⁾

Lưu ý cách tự giới thiệu của nhân vật trong tuồng.

(1) *Nói lối*: một kiểu nói có giọng điệu riêng của tuồng.

(2) *Quyền trọng*: vị trí, uy thế lớn.

(3) *Nha môn*: cửa quan, chốn làm việc của bộ máy quan lại. Nghĩa cả câu: có quyền lớn nhất ở chốn công đường.

(4) *Bản chức*: từ tự xưng của người có chức vụ ở thời xưa với người dân.

(5) *Đỉnh chung*: vạc và chuông. Đây chỉ lợi lộc có được nhờ chức vụ.

(6) *Hoa nguyệt*: ẩn dụ chỉ quan hệ tình ái.

(7) *Lỗ khẩu*: lỗ miệng.

(8) *Phân ầu*: phân xử tùy tiện.

(9) *Kiêng*: nề sợ.

(10) *Lao*: nơi giam giữ.

(11) *Đấu cáo*: kêu cầu, thưa kiện, nhờ phân xử.

ĐỀ LẠI

Vâng, hôm nay chả thấy ai kiện cáo gì cả. Còn vụ Thị Hến, Nguyễn Sò quan đã định dứt khoát thế nào chưa?

TRI HUYỆN

Vụ ấy à? Ý thầy thế nào? *(không đợi đề lại trả lời)* Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được.

ĐỀ LẠI

Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hến thì liệu xử cho xong, bọn này toàn đầu trọc cả.

TRI HUYỆN

Phải, nắm đũa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu. *(cười khoái trá)* Xử Ốc năm năm tù, Nghêu phạt đòn năm chục trượng, lí trưởng đòi ăn lót cần phạt trùng giới⁽¹⁾ năm mươi quan tiền.

Chú ý sự hể hả, trắng trợn của tri huyện khi tự “thưởng thức” những mưu mô của mình.

ĐỀ LẠI

Bẩm quan xử thật sâu sắc, nhưng đã xử Nghêu và Ốc rồi thì lấy lí gì mà không xử Sò và Hến được.

Hoạt động “ăn ý” giữa tri huyện và đề lại.

TRI HUYỆN *(cười)*

Ăn thua là những chỗ khó đẩy đẩy, lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, nói thế nào lại chả được. Thị Hến thì cũng có thể cho về nhưng chưa nên xử vội, vì xử Hến thì phải xử Sò. Thầy hiểu chứ?

ĐỀ LẠI

Vâng ạ, quan xử hay lắm. *(gọi)* Lệ⁽²⁾ đâu?

LÍNH LỆ A *(lễ phép bước ra)*

Bẩm quan dạy ạ.

ĐỀ LẠI

Ra đòi vụ Nguyễn Sò vào hầu, cả bên nguyên, bên bị, nhân chứng.

LÍNH LỆ A

Vâng ạ. *(quay đi)*

⁽¹⁾ Trùng giới: phạt để răn đe.

⁽²⁾ Lệ: lính hầu.

TRI HUYỆN

Lệ hầu đầu?

LÍNH LỆ B (từ trong)

Vâng. (cầm quạt lông ra hầu cạnh tri huyện)

(Có tiếng lệ A nói to bên trong: “Để ba người này vào trước. Đinh Ốc, Phan Nghêu vào sau, ngồi đấy”).

LÍNH LỆ A (dắt lí trưởng, Trùm Sò và Thị Hến vào. Vừa vào, lệ A bắm mấy người đứng lại nói nhỏ)

Nhắc lại ông Trùm, anh xã và chị Hến biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bắm mãi quan mới chịu xử vụ này đây.

Điều gì sẽ xảy ra sau lời nói này của lính lệ A?

LÍ TRƯỞNG

Vâng, tôi biết anh tử tế lắm, chúng ta với nhau rồi.

TRÙM SÒ

Vâng, tôi xin hậu tạ, anh cứ giúp đỡ cho.

LÍNH LỆ A

Thế bây giờ đứng đây, tôi vào bắm lại đã. (chạy vào chấp tay trước bàn giấy tri huyện) Bắm con đã đòi vụ Nguyễn Sò đến hầu ạ.

(Hoàng Châu Ký chỉnh lí, Nghêu, Sò, Ốc, Hến, NXB Phổ thông – Bộ Văn hoá, Hà Nội, 1957, tr. 141 – 145)



Huyện đường (1963), tranh minh hoạ của Nguyễn Đức Nùng

Nghêu, Sò, Ốc, Hến thuộc loại tuồng đồ (tuồng hài), châm biếm sâu sắc nhiều thói tật trong xã hội và lật tẩy bộ mặt xấu xa của một số kẻ thuộc bộ máy cai trị ở địa phương trong xã hội xưa.

Đây là tác phẩm tiêu biểu trong di sản tuồng truyền thống và là vở tuồng đồ thuộc loại đặc sắc nhất.

Tích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* có một số dị bản, kể khác nhau ở một vài chỗ, trong đó có tình tiết đánh ghen cuối vở.

Văn bản *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* do Hoàng Châu Kỳ chỉnh lí (1957) gồm có tất cả ba hồi. Đoạn trích **Huyện đường** thuộc cảnh I của hồi thứ II, thể hiện cảnh tri huyện và đề lại bàn bạc với nhau về cách những nhiều⁽¹⁾ người kêu kiện.



Trả lời câu hỏi

1. Tóm tắt các sự việc trong đoạn trích.
2. Liệt kê những lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật ở huyện đường, từ tri huyện đến đề lại và lính lệ.
3. Đoạn trích cho thấy tri huyện và đề lại không cần phải giữ ý với nhau. Vì sao vậy? Phân tích sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật.
4. Qua theo dõi cảnh tuồng *Huyện đường*, bạn hiểu như thế nào về thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”?
5. Lời tự giới thiệu (qua hình thức nói dối) của nhân vật tri huyện đã giúp người xem, người đọc hiểu được điều gì về con người ông ta? Hãy so sánh lời tự giới thiệu đó của một nhân vật cụ thể trong tuồng với những lời tự giới thiệu thường gặp trong đời sống để rút ra nhận xét cần thiết.
6. Nếu được tham gia dựng lại cảnh *Huyện đường* trên sân khấu, bạn sẽ lưu ý điều gì về diễn xuất của diễn viên? Vì sao?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích.

⁽¹⁾ *Những nhiều*: dựa vào uy thế, vị trí của mình trong bộ máy cai trị để hạch sách, quấy rầy, đòi hỏi cái này cái nọ.

Múa rối nước hiện đại soi bóng tiền nhân⁽¹⁾

Phạm Thuỳ Dung



- Khi nghe cụm từ “con rối”, điều đầu tiên bạn nghĩ tới là gì? Vì sao như vậy?
- Bạn đã có những hiểu biết gì về rối nước? Hãy nêu những điều bạn còn thắc mắc và muốn tìm hiểu sâu thêm về loại hình nghệ thuật này.



Có một trò diễn mà sàn diễn là mặt nước còn diễn viên lại xuất thân từ những miếng gỗ. Có một trò diễn mà con người chỉ thâm lặng đứng ở hậu trường trong khi những hình nhân vô tri lại toả sáng dưới ánh đèn sân khấu. Trò diễn đó chính là múa rối nước, một loại hình nghệ thuật biểu diễn mang đậm hơi thở của nền văn minh lúa nước đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

Hiếm người biết chính xác múa rối nước ra đời từ bao giờ, bởi nó bắt đầu nảy mầm, len lỏi trong lòng các xóm làng chiêm trũng rồi lớn dần lên giữa những sinh hoạt nhỏ bé đời thường. Tương truyền, múa rối nước được hình thành từ thế kỉ XI – XII. Theo thời gian, múa rối nước ngày càng trở nên phổ biến và hoàn thiện thông qua những đúc kết của nhiều thế hệ.

Múa rối nước vốn thường được biểu diễn trong các buổi hội làng hay các dịp lễ tết, khi bà con đã thu xếp xong việc đồng áng để cùng ra đình góp vui. Sau này, rối vào thành phố, rối vào nhà hát, diễn viên vẫn là rối gỗ, sân khấu vẫn là mặt nước, người điều khiển vẫn đứng sau bức màn, nhưng không khí và quy mô của nó đã khác hơn nhiều.

Đoạn chữ in đậm này là sa-pô của văn bản. Hãy nhớ lại các chức năng thông thường của một sa-pô.

Trò rối nước ở Việt Nam ra đời từ bao giờ?

⁽¹⁾ Tiền nhân: người đời trước, người xưa, người thuộc các thế hệ đã qua.

Nghệ thuật múa rối là sự kết hợp độc đáo giữa nghệ thuật tạo hình và kĩ thuật biểu diễn. Để diễn được trò rối nước, người ta phải dựng lên nhà rối (còn gọi là thủy đình) trên mặt ao làng với lối kiến trúc mái chùa cong cùng màn tre, cờ phướn, võng lọng, cổng hàng mã,... tạo nên một sân khấu sinh động. Thời nay, thủy đình được dựng ngay trong các nhà hát và trong các khu du lịch sinh thái,... với sân khấu là hồ nhân tạo. Khán giả làng đứng ngồi xúm xít quanh ao xem rối còn khán giả phố ngồi ghé ngay hàng thẳng lối xem rối. Khán giả làng xem rối giữa hây hây gió trời còn khán giả phố lại xem rối giữa mát mẻ điều hoà. Tuy có sự khác nhau về không gian biểu diễn, nhưng các nghệ nhân và nghệ sĩ đều cố gắng đem lại cho khán giả những nét đặc trưng nghệ thuật rối nước Việt Nam.

Không gian biểu diễn đặc trưng của múa rối nước.

Rối nước khác rối cạn (rối cạn gồm rối tay, rối que, rối dây) là người điều khiển sử dụng hệ thống sào kết hợp với dây để điều khiển con rối. Hệ thống sào, dây giúp người đứng sau bức màn (còn gọi là buồng trò) có thể điều khiển những con rối cử động theo ý muốn. Lối điều khiển đòi hỏi kĩ năng thuần thục, làm sao để các cử động của rối nhịp nhàng và phù hợp với lời thoại, âm nhạc, từ đó lột tả được thần thái nhân vật. Phần thân trên của rối nổi lên mặt nước còn phần chân chìm dưới nước được gắn để giữ thăng bằng và lắp bộ điều khiển. Những con rối được đeo gọt từ gỗ sung (thứ gỗ nhẹ và nổi được trên nước), được tạo hình ngộ nghĩnh với màu sắc rực rỡ, tươi vui và dân dã. Ngoài ra, âm thanh và ánh sáng cũng là yếu tố góp phần quan trọng vào sự thành công của một tiết mục rối nước. Rối nước cần tiếng đàn, tiếng hát, tiếng trống mõ, tiếng kèn sáo và cả những tiếng pháo phụ trợ để thật tròn vai.

Trong trò rối nước, con rối đã được chế tác và điều khiển như thế nào?

Giữa nhịp sống tốc độ thời cách mạng Công nghiệp 4.0, nghệ thuật múa rối vẫn được duy trì và bảo tồn. Bên cạnh những sinh hoạt biểu diễn hội hè đã thành thông lệ ở nhiều làng xã, trên khắp cả nước có rất nhiều địa điểm tổ chức biểu diễn múa rối nước hấp dẫn khán giả, đặc biệt là các khán giả nhỏ tuổi và người nước ngoài. Lớp trẻ được tiếp cận với nghệ thuật biểu diễn dân gian còn người nước ngoài được biết thêm một nét văn hoá đặc sắc của Việt Nam. Tuy nhiên những người tâm huyết với nghệ thuật múa rối còn kì vọng hơn thế. Bởi duy trì được nhưng đã phát triển được hay chưa? Phát triển ở đây không chỉ là nhân rộng địa điểm

Việc bảo tồn, phát triển rối nước có điểm gì chung với bảo tồn, phát triển các loại hình nghệ thuật cổ truyền khác của dân tộc?

biểu diễn, tăng số lượng suất diễn, thu hút được khán giả mua vé, mà cao hơn nữa phải là sự tìm tòi, sáng tạo để đào sâu và phát huy những giá trị vốn có của nghệ thuật múa rối nước mà các thế hệ đi trước đã gây dựng.

Những người yêu nghệ thuật rối nước, những nghệ nhân múa rối nước và tạo tác con rối vẫn luôn trăn trở để gìn giữ môn nghệ thuật truyền thống thấm đẫm tinh thần Việt.

(Theo tạp chí *Heritage*, số ra tháng 7/2019, tr. 116 – 118)



Trả lời câu hỏi

1. Tóm tắt những thông tin chính của văn bản.
2. Tìm trong văn bản những thông tin cho phép khẳng định múa rối nước là “môn nghệ thuật thấm đẫm tinh thần Việt”.
3. Nêu đặc điểm của cách triển khai thông tin trong văn bản. Hãy phân tích mức độ thuyết phục của cách triển khai ấy.
4. Nêu nhận xét về phần sa-pô của văn bản, từ đó rút ra cách viết sa-pô cho một văn bản thông tin nói chung.
5. Nếu được phép bổ sung vào văn bản những thông tin về các câu chuyện được kể trên sân khấu rối nước, bạn có thể nói điều gì?
6. Từ văn bản được học, hãy nêu cảm xúc, suy nghĩ của bạn về rối nước nói riêng và nghệ thuật cổ truyền của dân tộc nói chung.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: *Múa rối nước – món quà kì diệu từ đồng ruộng Việt Nam.*

Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam)

Ở Bài 4, bạn đã bước đầu tập viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề. Đến với bài này, trên cơ sở những dữ liệu mới, bạn có được cơ hội củng cố kĩ năng viết loại văn bản quan trọng này với những nội dung có nhiều thách thức hơn. Hãy biến những thách thức đó thành một cơ hội khám phá, nghiên cứu.

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề muốn nghiên cứu về văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.
- Xây dựng được hệ thống luận điểm sáng rõ; làm nổi bật được các kết quả nghiên cứu với những cứ liệu minh hoạ cụ thể, sát hợp.
- Sử dụng ngôn ngữ khách quan, khoa học để trình bày kết quả nghiên cứu và thể hiện quan điểm đánh giá riêng.
- Khái quát được ý nghĩa của vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam đã chọn nghiên cứu.
- Thể hiện được thái độ trung thực khi kể thừa kết quả nghiên cứu của những người khác.

Bài viết tham khảo

Ngôn ngữ đối thoại trong chèo

Hà Văn Cầu

Ở tất cả mọi loại hình sân khấu, về phương diện kịch bản – và cả trong diễn xuất, *ngôn ngữ đối thoại* luôn luôn giữ vai trò quan trọng nhất.

Ở chèo cũng vậy.

Tác giả chèo xưa có thể là một trí thức bình dân, cũng có thể là người nông dân thất học, bước vào chiếu diễn mới “lợi khẩu thành văn”. Do đó, trong ngôn ngữ sân khấu chèo, đoạn này có thể là những câu thơ chữ Hán đầy điển cố, khó hiểu, đoạn khác lại gần như một câu ca dao nuốt nà, phơi phới tình người. Bất cứ vở chèo cổ nào cũng đều do “tập thể” tác giả ấy sáng tạo nên. Vì vậy, tình trạng “nửa nôm, nửa tự”⁽¹⁾ là hiện tượng đặc biệt trong ngôn ngữ của chèo cổ.

Nêu vấn đề nghiên cứu.

⁽¹⁾ *Nửa nôm nửa tự*: thành ngữ (ít dùng) chỉ cách diễn đạt, nói năng vừa dùng những từ quen thuộc, thông dụng của người Việt (Nôm: chữ Nôm, tiếng Nôm – tiếng của người Việt) vừa dùng những thành ngữ, điển tích lấy từ các kinh sách chữ Hán (tự: chữ, ở đây chỉ Hán văn; trước đây, người Việt coi “nói chữ” là cách nói có sử dụng từ ngữ, chữ nghĩa trong kinh sách Hán văn).

Không thể lấy các quy tắc thơ văn Hán học để phân tích toàn bộ văn chương của chèo cổ mà phải từ những thành tựu văn học cụ thể của chèo, rút ra những quy tắc riêng biệt của nó.

Nêu định hướng nghiên cứu.

Một vở chèo cổ được sáng tác ra là để diễn và chỉ để diễn, không phải để in hay để đọc và giảng dạy, do đó, xem xét các câu văn trong chèo, phải đánh giá chúng theo quan điểm của người hoạt động sân khấu, chứ không thể theo quan điểm của người nghiên cứu văn bản học đơn thuần. Bởi vì, trong chèo cổ, người đọc luôn luôn bắt gặp những câu thơ phá cách, sai cả niêm, luật, vần điệu, song chúng lại rất hoàn chỉnh, rất phù hợp với nhân vật và tình huống khi được biểu diễn trước khán giả.

Chúng tôi xem xét văn học trong chèo cổ luôn luôn với ý nghĩa là ngôn ngữ sân khấu, lấy diễn xuất và lấy hiệu quả truyền cảm của chúng trong diễn xuất là tiêu chuẩn đánh giá. đương nhiên, trong quá trình phân tích, chúng tôi không bỏ qua các quy tắc văn chương đã được vận dụng vào việc sáng tác từ lâu đời.

Trong những nét chung lớn, chúng tôi thu hoạch được những điều sau đây:

Ngôn ngữ trong một vở chèo là phương tiện để xác định thân phận của nhân vật đồng thời lại là sự thể hiện của nhân vật đó.

Trình bày kết quả nghiên cứu.

Một câu đối thoại hay luôn luôn là câu nói vừa giải thích được những đặc điểm riêng của nhân vật đồng thời lại vừa nói lên được hành động của nhân vật đó. Ví dụ: nhân vật Xúy Vân khi giả điên, gặp chồng:

Nêu luận điểm – kết quả nghiên cứu.

KIM NHAM:

Đương cơ⁽¹⁾ lửa cháy

Lại đổ thêm dầu

Cơn có vì đâu

Hoặc tà tí hay là khí huyết⁽²⁾

Dẫn cứ liệu để khẳng định luận điểm.

XUÝ VÂN:

Nham chàng,

Tà gì mà tà

Tí gì mà tí

Tà tí khí huyết

Đàn đàn viêt viêt⁽³⁾

⁽¹⁾ *Đương cơ*: đang lúc, đang ở trong tình cảnh nào đó.

⁽²⁾ *Hoặc tà tí hay là khí huyết*: do bị tà ma (bên ngoài) ám hay do khí huyết (bên trong) bị thương tổn.

⁽³⁾ *Đàn viêt*: bố thí, người bố thí; đây chỉ việc đi khấn vái, cầu cúng mong tai qua nạn khỏi.

Thuốc thuốc thang thang
 Tang tính tình tang
 Hỡi những người tình nhân kia hỡi, lại đây chị hát cho mà nghe:
(Hát):
 Tai nghe lệnh ngự⁽¹⁾
 Ta lối⁽²⁾ gõ sênh⁽³⁾
 Bỏ con thơ dại ta lối đem mình ra đi
 Ai đưa sông Cái thì đưa
 Có lối có chùa, ta lối linh thiêng...

Rõ ràng, thông qua ngôn ngữ của các nhân vật, tác giả đã phát hiện được phẩm chất chủ quan trong hành động của Xuý Vân, một con người đầy dằn vặt bên trong, được thể hiện bằng các trở⁽⁴⁾ câu ngắn, phá luật, với tiết tấu thơ gấp vội. Ngôn ngữ đó, kết hợp với diễn xuất và vũ đạo, làm nổi bật lên bố cục thứ hai của đối thoại tức là những ý ngầm ẩn giấu đằng sau lời trò. Đó là những yếu tố tạo cho tính cách nhân vật và hành động của nhân vật có một sức chứa đựng lớn về tư tưởng, tâm lí, khiến cho trong diễn xuất, người diễn viên có tiền đề biểu hiện nhân vật.

Phân tích sâu và triển khai thêm luận điểm đã nêu.

Do đó, chẳng những khán giả thấy được nhân vật “đang làm gì” mà còn thấy nhân vật đó “làm như thế nào” một cách hết sức sinh động. Hành động của nhân vật nhờ đó mà trở thành điều “có thể trông thấy được”, điều mà chúng ta quen gọi là tính tạo hình sân khấu.

Chính vì thế mà những đoạn ngôn ngữ hay trong chèo xưa đều là những ngôn ngữ hành động gắn liền với tình huống. Ở đó, nhân vật được đặt trước tình huống, đánh giá tình huống và phản ứng với tình huống. Như bà Sùng trong lớp đánh Thị Kính:

Giải kiếp, giải kiếp⁽⁵⁾
 Cả gan thật cả gan
 May con tao sức tỉnh giấc vàng
 Đỉnh đình đình nữa còn gì mà chẳng chết
 Mà có trót say hoa đắm nguyệt
 Trót trong dâu, trên bực hèn hò
 Thú với bà, bà cũng thú đi cho
 Can gì phải dụng tình bất trắc⁽⁶⁾...

⁽¹⁾ *Lệnh ngự*: lệnh, lời truyền của vua ban xuống.

⁽²⁾ *Ta lối*: tiếng đệm trong hát chèo.

⁽³⁾ *Sênh*: nhạc khí cổ làm bằng hai thỏi gỗ cứng, dùng để điểm nhịp khi biểu diễn hay khi xem ca vũ.

⁽⁴⁾ *Trở*: đoạn nhạc trong một điệu hát hay một bài hát được hợp thành từ phần chính (giai điệu của bài ca) và các phần khác, tạo nên lối biểu hiện riêng biệt của hát chèo.

⁽⁵⁾ *Giải kiếp*: cụm từ thường dùng trong khẩu ngữ, chỉ sự may mắn thoát khỏi kiếp nạn.

⁽⁶⁾ *Can gì phải dụng tình bất trắc*: việc gì phải bày những trò khó lường, nguy hiểm.

Hành động và tình huống làm sâu thêm ý nghĩa của ngôn ngữ, làm cho ngôn ngữ có một giọng điệu cá biệt, rõ ràng, có ý nghĩa độc đáo, gây nên trong lòng người nghe, ngoài khái niệm trực tiếp ra, còn cả một loạt những cảm xúc buồn, vui, yêu, giận. [...]

Đó là cách kêu gọi ở người xem một sự thụ cảm tích cực mang tính chất sáng tạo nghệ thuật chứ không ru ngủ người xem.

Xét ngôn ngữ trong một vở chèo, trước hết chúng ta thấy đó là một ngôn ngữ mang tính tư tưởng. Đó là sức sống bên trong của nhân vật, đồng thời lại là chiếc xe chở tư tưởng tác giả. Xúy Vân bước ra sân khấu với tất cả sự sôi nổi, thèm khát hạnh phúc:

*Đau thiết thiết van
Than cùng bà Nguyệt.
Đánh cho lê liệt,
Chết một con đồng.
Bắt đồ sang sông,
Bớ đồ, bớ đồ.*

(Hát):

*Cách con sông nên tôi phải lụy đồ,
Bởi ông trời tối phải lụy cô bán hàng.
Chả nên gia thất thì về,
Ở làm chi mãi cho chúng chê, bạn cười.*

Rõ ràng trong lời trò của Xúy Vân, tác giả muốn gửi gắm một lời kêu gọi giải phóng cá nhân, trước hết là giải phóng phụ nữ.

Tất cả các nhân vật đều nói chung một tiếng nói nhân vật, nhưng tùy tính cách, tùy tình huống, tùy tư tưởng (trong hành động), mỗi nhân vật có một giọng điệu riêng, một hệ thống ngôn ngữ không lặp lại của nhân vật khác. [...]

Trong khi viết ngôn ngữ cho nhân vật, các tác giả xưa rất chú ý đến nhịp điệu và âm luật câu văn. Ở mỗi vở, chúng ta đều tìm được những đoạn thơ hết sức giản dị nhưng lại hết sức trữ tình và trong sáng. Ví dụ: bức thư của Thị Kính để lại sau khi chết (được trình bày dưới hình thức *nói hạnh*⁽¹⁾) lời thơ lắng rất sâu trong lòng người nghe:

*Ôn sơn hải một chút gì chưa báo
Ở sao đành mà đi có sao đành*

*Nêu luận điểm – kết quả
nghiên cứu.*

*Dẫn cứ liệu để khẳng
định luận điểm.*

*Nêu luận điểm – kết quả
nghiên cứu.*

*Dẫn cứ liệu để khẳng
định luận điểm.*

⁽¹⁾ *Nói hạnh*: một lối nói riêng trong nghệ thuật chèo, giống như hình thức đọc kinh, âm điệu chậm rãi, thể hiện tình cảm bi thương.

Phận liễu bồ mười có cũng là không

Sống cũng tủi, thác thời cũng tủi...

Qua các kịch bản cũ, ta thấy được công phu của cha ông chúng ta trong khi viết nên những câu văn hết sức cân nhắc về tiết tấu và vần luật. Đó là những câu tràn đầy mồ hôi và công sức. Xuy Vân phá phách với những câu ngắn gọn:

Điên điên đại đại

Đại đại điên điên

Roi này chị quất rẽ duyên cùng chàng!

Trịnh Nguyên đau xót tuyệt vọng với những lời than vãn kể lể, tưởng như không dứt với người chồng đã qua đời:

(Rỉ vong)⁽¹⁾:

Ồi anh ơi,

Thảm thiết nhường này anh có biết không?

Lòng tôi chí tít chí trung

Trực tiết chờ chồng, nuôi lấy hai con

Ồi anh ơi

(Vĩa ba than)⁽²⁾:

Anh có khôn thiêng xin anh phù hộ

Cho thiếp ra kinh kì

Thiếp khẩn anh rồi thiếp mới rời chân...

Các lời trò ấy, tuy đã phá vỡ các quy định về số chữ của câu, về niêm luật, vần điệu và cách ngắt hơi, nhưng đã có sức sống thật mãnh liệt. Ngày nay trong khi học tập truyền thống, người diễn viên chỉ cần quên một câu, thậm chí quên đôi ba chữ, là lập tức tiết tấu, nhạc điệu của toàn đoạn lời trò bị phá vỡ ngay. [...]

Cũng trong phạm vi ngôn ngữ nhân vật, ở một số vở chèo xưa, có những nhân vật không hề nói tiếng nói của bản thân họ mà nói bằng một loại ngôn ngữ *nâng cao*; ở đó, tác giả chỉ nhằm *tả ý* mà không *tả chân*, *chủ thần* mà không *nệ thực*⁽³⁾.

Ngôn ngữ nhân vật thoát ra tính chất khẩu ngữ hằng ngày mà vươn tới chỗ nửa tượng trưng. Ví dụ nhân vật Thị Kính, vốn là “con nhà cua ốc” mà lại nói bằng thứ ngôn ngữ gọt dũa của trí thức phong kiến, giàu điển cố: *đạo tam tông, côi linh thông, chồi đan quế, thân Lão Lai, chữ tông phu, thừa hoan tất hạ,...*

Nêu luận điểm – kết quả nghiên cứu.

⁽¹⁾ *Rỉ vong*: một làn điệu chèo, có tiết tấu tự do, thể hiện nỗi buồn thương, ngậm ngùi.

⁽²⁾ *Vĩa ba than*: một làn điệu chèo, dùng trong trường hợp kể lể nỗi buồn.

⁽³⁾ *Chủ thần mà không nệ thực*: cốt làm toát được tinh thần chứ không quá câu nệ vào việc làm sao cho giống thực.

Nơi đây, chúng tôi không còn thấy ở nhân vật, một tính cách hay một hình tượng mà chỉ còn thấy một diện mạo trong tình cảnh giả định hết sức chọn lọc, chọn lọc đến mức độ nửa tượng trưng, khiến cho người xem đi vào một thế giới thơ đầy xúc động [...]

Một đặc điểm nữa của ngôn ngữ đối thoại trong chèo là tính ước lệ. Vì chèo là hình thức ca kịch, cung cách biểu diễn là cung cách ước lệ và cách điệu. Đó là những đặc điểm nổi bật trong tính hoàn chỉnh của loại thể và phong cách tự sự dân tộc của chèo. Phong cách đó quán xuyên toàn bộ mọi yếu tố của chèo. Ngôn ngữ văn học là yếu tố đầu tiên cho nên nó phải là *yếu tố cơ sở* làm tiền đề cho nghệ thuật biểu diễn cách điệu và ước lệ. [...]

Nêu luận điểm – kết quả nghiên cứu.

Về mặt hình thái văn học, ngôn ngữ trong chèo được trình bày dưới ba dạng sau đây:

– *Nói thường*: dùng trong những khi trao đổi, dẫn chuyện, đặc biệt dùng cho các nhân vật Hề.

– *Nói có tuyên luật*⁽¹⁾: dùng để trình bày tư tưởng tình cảm, ý đồ, hành động của nhân vật cốt truyện. Loại này rất phong phú, song quan trọng nhất là các loại nói sử.

Nêu luận điểm – kết quả nghiên cứu.

– *Hát*: dùng trong những lớp trữ tình, kịch tính, những lớp cần bộc lộ tâm trạng, những lớp cần tranh luận, trao đổi tâm tình, những lớp cần gây không khí, trình bày dưới các hình thức hát lẻ, hát đôi hoặc hát tập thể.

Câu nói thường trong chèo, tuy là được trình bày theo hình thái tự nhiên trong khi dẫn trò, nó cũng yêu cầu phải vần về và mang tính hình ảnh. [...] Câu nói có tuyên luật và câu hát được xây dựng dưới các hình thức thơ và trong các khuôn nhạc nhất định. Chúng có một vị trí rất quan trọng trong toàn bộ phong cách chèo.

Những vấn đề nghiên cứu về nghệ thuật chèo ngày nay thật nhiều vô kể. Giải quyết các vấn đề đó không phải là công việc của một người, cũng không phải là công việc làm trong một thời gian ngắn. [...] Trong khi chờ đợi những công trình lớn [...] chúng tôi cố gắng phát biểu những thu hoạch bước đầu trong việc học tập truyền thống, nhằm góp những nhất cuộc đầu vào việc khơi nguồn, chắc còn xa mới đáp ứng được yêu cầu của bạn đọc.

Kết luận, nêu ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu.

(Hà Văn Cầu, *Mấy vấn đề trong kịch bản chèo*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1977, tr. 20 – 35)

1. Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho biết điều gì về nội dung và phạm vi nghiên cứu?
2. Báo cáo nghiên cứu có những luận điểm chính nào?
3. Tác giả đã sử dụng cứ liệu như thế nào để làm sáng tỏ các luận điểm?
4. Cuối báo cáo nghiên cứu không có danh mục tài liệu tham khảo. Hãy cho biết suy nghĩ của bạn về điều này.

⁽¹⁾ *Nói có tuyên luật*: nói theo các hình thức thơ có luật lệ riêng.

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Lựa chọn đề tài

– Bài viết tham khảo ở trên giúp bạn hình dung cách triển khai báo cáo nghiên cứu về một đề tài cụ thể. Dựa vào các văn bản vừa học và kết quả tìm kiếm, khám phá thông tin từ nhiều nguồn, trước hết có thể viết về các đề tài: hình tượng Xuý Vân qua lớp chèo *Xuý Vân giả dại*, nhân vật tri huyện qua cảnh tuồng *Huyện đường*, nội dung thường gặp trong các tích chèo, tuồng; cách bài trí sân khấu chèo, tuồng; trống và các loại nhạc cụ khác của chèo, tuồng; việc vận dụng tục ngữ, thành ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo;... Ngoài ra, bạn có thể viết về các đề tài khác gần gũi với trải nghiệm của mình như: thói quen ẩm thực của người Việt; nét đẹp của một số trang phục truyền thống; lễ tục ngày Tết; trò chơi dân gian trong các lễ hội;... (Lưu ý: khi viết về các đề tài trên, cần thể hiện được đòi hỏi riêng của báo cáo nghiên cứu so với một văn bản thuyết minh thông thường).

– Đề tài được lựa chọn nên gắn liền với một vấn đề nào đó (tức là câu hỏi nghiên cứu) còn khiến bạn băn khoăn tìm lời đáp, từng gây cho bạn ít nhiều khó khăn khi bạn muốn tìm hiểu về văn hoá truyền thống Việt Nam.

– Đề tài có thể được nảy sinh qua trao đổi với bạn bè hoặc người khác. Tất cả các ý kiến thu thập được, dù thể hiện niềm đam mê hoặc thờ ơ với văn hoá truyền thống Việt Nam, đều có thể gợi nhiều suy nghĩ, mở đường cho việc nghiên cứu, khám phá của bạn.

Lưu ý: Đề tài càng có tính xác định cao thì việc triển khai bài viết càng thuận lợi, không nên đặt ra và giải quyết một vấn đề quá lớn hoặc nhiều vấn đề cùng một lúc. Chỉ nên chọn đề tài nào mà với nó, bạn có thể nêu được những cảm nhận, phát hiện mới hay cách đánh giá mới của mình, dù ít ỏi.

Thu thập thông tin

Để có được những ý tưởng và luận điểm cần thiết cho báo cáo nghiên cứu, cần tìm đọc, xem các tài liệu, sách, báo, các phương tiện thông tin và truyền thông,... có liên quan để nắm được những ý kiến bàn luận đã có. Cũng có thể gặp trực tiếp các chuyên gia nghiên cứu văn hoá Việt Nam, các nghệ nhân, diễn viên sân khấu truyền thống để học hỏi, tham khảo ý kiến.

Xây dựng đề cương

Trong đề cương nghiên cứu, thành phần quan trọng nhất là hệ thống luận điểm khái quát. Để xây dựng luận điểm cho báo cáo nghiên cứu, cần tập trung suy nghĩ về các câu hỏi sau:

– Vấn đề được chọn nghiên cứu có ý nghĩa gì? (Câu đầu tiên trong báo cáo nghiên cứu tham khảo đã khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu: ngôn ngữ đối thoại luôn giữ vai trò quan trọng nhất.)

– Cần xác định hướng nghiên cứu như thế nào? (Đoạn từ “Không thể lấy...” đến “từ lâu đời” trong báo cáo nghiên cứu tham khảo đã thể hiện yêu cầu này.)

– Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung phân tích? (Báo cáo nghiên cứu tham khảo cho thấy tác giả ý thức rất rõ về điều này khi lần lượt nêu các luận điểm đầu mỗi phần phân tích.)

– Những cứ liệu minh họa nào có thể huy động? (Báo cáo nghiên cứu tham khảo đã chú ý nêu các cứ liệu minh họa rất chọn lọc lấy từ nhiều kịch bản chào khác nhau; với những đề tài khác, có thể sử dụng tranh ảnh, sơ đồ,...)

– Thái độ nên có trước các đối tượng được đề cập là gì? (Báo cáo nghiên cứu tham khảo đã chú ý làm rõ vấn đề này cuối phần trình bày từng luận điểm.)

Cần sắp xếp các luận điểm đã có vào đúng vị trí trong bố cục của báo cáo nghiên cứu:

Đặt vấn đề: nêu động cơ, niềm hứng thú, sự thôi thúc ở người viết khi quyết định chọn đề tài để nghiên cứu (bao hàm trong đó việc gọi tên vấn đề).

Giải quyết vấn đề: lần lượt đánh giá hay trình bày quan điểm về từng khía cạnh của vấn đề (đánh giá bao quát, phân tích từng mặt của đối tượng, tranh luận với các quan điểm đánh giá khác, nêu khuyến nghị,...).

Kết luận: khái quát ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu và kết quả nghiên cứu đạt được.

Viết

– Bám sát đề cương đã lập để viết. Ngay từ đầu, cần thể hiện thái độ trân trọng đối với kho báu văn hoá truyền thống mà ông cha để lại.

– Mỗi luận điểm cần được triển khai thành một đoạn văn, trong đó có câu chủ đề, những ý nhỏ, các cứ liệu phù hợp (tức là bằng chứng về đối tượng được đề cập hay nhận định của những người nghiên cứu đi trước). Các cứ liệu được trích dẫn, phân tích phải đảm bảo độ chính xác tối đa, có xuất xứ rõ ràng.

– Cần chọn hình thức diễn đạt khách quan, cô đọng; tránh dùng các thán từ và lối kể lể lan man, không xoáy vào các luận điểm then chốt.

– Để làm tăng tính thuyết phục của báo cáo nghiên cứu cần chọn đưa vào một số sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... phù hợp.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại báo cáo nghiên cứu, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và đề cương đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện trên các mặt chủ yếu sau:

– Sự tường minh của lí do chọn đề tài.

– Sự nhất quán trong cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề.

– Sự khách quan, chặt chẽ trong lập luận.

– Sự tinh gọn và đầy đủ của các cứ liệu, bằng chứng.

– Sự minh bạch trong việc dẫn nguồn tài liệu hay ghi chú xuất xứ của các ý kiến được trích dẫn.

– Sự tuân thủ các quy tắc ngữ pháp và những quy định về chính tả, cách trình bày văn bản.

Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu

Yêu cầu

- Hiểu rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình.
- Nắm bắt đúng và đánh giá được nội dung chính của bài thuyết trình (vấn đề được đề cập, các luận điểm hay kết quả nghiên cứu đạt được,...).
- Nắm bắt đúng và đánh giá được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả.
- Hiểu và nhận xét được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,... khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu.
- Thể hiện thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả đã đạt được.

Chuẩn bị nói và nghe

Chuẩn bị nói

– Dù đặt trọng tâm vào việc rèn luyện kỹ năng lắng nghe và phản hồi về nội dung thuyết trình kết quả nghiên cứu, nhưng tiết Nói và nghe này không thể thiếu nội dung nói. Nếu là người được chỉ định hay được phân công thuyết trình, bạn cần thực hiện đầy đủ các thao tác đã được hướng dẫn ở Bài 4, trong đó, việc đầu tiên là phải xây dựng được một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu, dựa trên bài hay công trình nghiên cứu đã có.

– Khi thuyết trình, dựa trên văn bản đã soạn, cần nêu rõ vấn đề nghiên cứu, các luận điểm chính được đề xuất, những bằng chứng và lí lẽ đã sử dụng để làm rõ hệ thống luận điểm, đặc biệt cần nhấn mạnh những phát hiện mới về vấn đề. Để việc thuyết trình đạt hiệu quả cao, thu hút được sự chú ý của người nghe, bạn có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,... nhằm cụ thể hoá, trực quan hoá nội dung bài thuyết trình.

Chuẩn bị nghe

– Bạn cần tìm hiểu trước về tên của bài thuyết trình kết quả nghiên cứu, cũng là vấn đề sẽ được trình bày để có được tâm thế chủ động khi nghe và phản hồi về bài thuyết trình. Cần hình dung được những câu hỏi cần giải đáp về vấn đề để dễ nhận ra nét riêng trong cách tiếp cận

và giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu mà tác giả bài thuyết trình đã thực hiện. Ví dụ: Nếu báo cáo được nghe có tên là “Sự chân thật trong hành động giả đại của Xuý Vân (trong đoạn trích *Xuý Vân giả dại*)”, thì câu hỏi có thể nảy sinh lập tức là: Đã giả dại, tại sao lại còn chân thật? Nếu có sự chân thật thì sự chân thật được bộc lộ ở phương diện nào? Tác giả kịch bản cũng như diễn viên đã thể hiện mâu thuẫn này như thế nào trong văn bản ngôn từ cũng như diễn xuất?...

- Ghi những điều bạn đã biết và muốn biết vào bảng K – W – L:

| K (What we know) (Điều bạn đã biết) | W (What we want to learn) (Điều bạn muốn biết) | L (What we learned) (Điều bạn đã học) |
|---|--|---|
| | | |

Thực hành nói và nghe

Người nói

- *Mở đầu*: Nêu vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề đó; trình bày ngắn gọn về cách thức và quá trình thực hiện công việc nghiên cứu.
- *Triển khai*: Dựa vào văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu để trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong công trình nghiên cứu, kết hợp với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có).
- *Kết luận*: Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính, khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu và gợi mở những hướng tiếp cận mới.

Người nghe

- Nắm bắt được mục đích nghiên cứu của người thuyết trình (chú ý lắng nghe phần mở đầu và kết thúc bản thuyết trình để có được những thông tin cần thiết).
- Nhận biết cấu trúc của bài thuyết trình kết quả nghiên cứu (luận điểm lớn, luận điểm nhỏ, bằng chứng, hình ảnh, số liệu,...). Khi lắng nghe thuyết trình, nên ghi lại các từ khóa, dùng một số kí hiệu thông dụng để đánh dấu các luận điểm lớn, luận điểm nhỏ và mối quan hệ giữa chúng.
- Theo dõi và đánh giá được tác dụng tích cực các hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, động tác hình thể mà tác giả của bài hay báo cáo nghiên cứu đã sử dụng lúc thuyết trình.
- Phát hiện các tư liệu, bằng chứng chưa đủ độ tin cậy trong bài thuyết trình: xem xét kĩ xuất xứ các dữ liệu, bằng chứng được cung cấp để kiểm chứng tính chính xác, trung thực, đáng tin cậy của nguồn thông tin, phát hiện ra những điểm mâu thuẫn trong lập luận của người thuyết trình.

Trao đổi

Trao đổi

Người nghe

Sau khi lắng nghe một cách tích cực nội dung bài thuyết trình, bạn có thể phản hồi lại bằng cách:

- Đặt các câu hỏi với thái độ tìm hiểu chân thành để nghị người thuyết trình làm rõ thêm một số vấn đề trong nội dung bài thuyết trình.

- Phản biện những điểm còn mơ hồ, mâu thuẫn, thiếu chính xác trong bài thuyết trình với thái độ xây dựng: chỉ ra những lỗi về lập luận, đối chiếu các dữ liệu được trình bày với các dữ liệu từ các nguồn thông tin khác để giúp người nói chỉnh sửa và hoàn thiện bài thuyết trình.

- Đánh giá khái quát về nội dung bài thuyết trình và sự thuyết trình, chỉ ra được những điểm tích cực và điểm chưa hợp lí.

- Trình bày góc nhìn, cách kiến giải khác về vấn đề được bài thuyết trình đề cập (có thể cung cấp tài liệu của các tác giả khác hoặc đưa ra quan điểm, góc nhìn của riêng bạn về vấn đề này).

Người nói

Tiếp nhận ý kiến, phản hồi và trao đổi với các thành viên khác trong nhóm, lớp với thái độ cầu thị (bảo lưu hoặc tiếp thu, nêu phương án sửa chữa, hoàn thiện,...).

Để tự đánh giá và đánh giá được một cách khách quan, toàn diện về bài thuyết trình, có thể tham khảo các nội dung đánh giá trong bảng sau:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|--|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Vấn đề thuyết trình thú vị và có ý nghĩa, giúp người nghe có thêm hiểu biết mới. | | |
| 2 | Thông tin về quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu chính được thuyết trình rõ ràng, mạch lạc. | | |
| 3 | Bài thuyết trình có đủ ba phần: <i>Mở đầu, Triển khai, Kết luận</i> . | | |
| 4 | Người nói có phong thái tự tin, diễn đạt lưu loát, truyền cảm. | | |
| 5 | Các phương tiện hỗ trợ (PowerPoint, hình ảnh minh họa, bảng biểu,...) được sử dụng hiệu quả. | | |
| 6 | Người nói tương tác tích cực với người nghe khi thuyết trình. | | |
| 7 | Người nói có tinh thần cầu thị khi trao đổi, đối thoại với người nghe. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Nêu ngắn gọn những điều bạn đã biết về chèo, tuồng dân gian qua bài học này. Bạn muốn trang bị thêm những kiến thức gì để có thể khám phá thế giới độc đáo của sân khấu chèo, tuồng?
2. Sau khi học bài học này, bạn có thái độ, tình cảm như thế nào đối với các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian như chèo, tuồng, múa rối nước?
3. Chọn một đề tài phù hợp được gợi ý trong phần Viết để hoàn thành bản báo cáo kết quả nghiên cứu mới (ngoài báo cáo đã viết).
4. Dành thời gian để xem trực tiếp hoặc xem qua internet các vở diễn chèo, tuồng nổi tiếng. Có thể tìm đọc thêm một số tài liệu nghiên cứu chèo, tuồng để bổ sung kiến thức về các loại hình nghệ thuật sân khấu đặc sắc này của dân tộc.
 - Về chèo, có thể tìm đọc: Trần Việt Ngữ, *Về nghệ thuật chèo*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 2013; Bùi Đức Hạnh, *150 làn điệu chèo cổ*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2006; Hà Văn Cầu, *Hề chèo*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005;...
 - Về tuồng, có thể tìm đọc: Mịch Quang, *Tìm hiểu nghệ thuật tuồng*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2017; Hoàng Châu Ký (Chủ biên), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 15A, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994; Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 12, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000;...

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa đoạn trích tuồng *Sơn Hậu* (tuồng cung đình) với đoạn trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* (tuồng dân gian) đã học trước đó.
- Chất bi hùng của sự kiện và nghĩa vua tôi, tình huynh đệ được thể hiện trong đoạn trích – một trong những điều tạo nên sức hấp dẫn mê hoặc của tuồng đối với khán giả thời trước.

Hồn thiêng đưa đường^(*)

Trích tuồng *Sơn Hậu*⁽¹⁾

KIM LÂN:

Phá muôn vòng quân sĩ
Thắng trăm trận pháo tên,
Kiếm Thứ phi⁽²⁾ kiếm chẳng thấy tin,
Tìm mẫu hậu⁽³⁾ tìm không ra tích⁽⁴⁾
Thương tử hoàng còn nhỏ
Khát sữa lại đói cơm.
Cắn máu tay thấm giọt nhi long⁽⁵⁾
Nhất thời trợ miễn ư cơ khát⁽⁶⁾

(*Này*)

Sau lưng không tiếng nhạc
Trước mắt thấy đầu non
Lạc vào chốn sơn trung⁽⁷⁾
Đã không dời nước bước (rồi đây!)
Xưa Hán Minh giúp nước
Mặt trời xuất tan canh⁽⁸⁾.

(*) Tên văn bản do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

(1) *Sơn Hậu*: vở tuồng cổ mẫu mực, ra đời từ khoảng giữa thế kỉ XVIII, chưa rõ tác giả, được nhiều nhà soạn tuồng nổi tiếng như Đào Tấn, Nguyễn Hữu Dĩnh tham gia chỉnh lí. Tóm tắt tích truyện: Vua Tề băng hà, lũ gian thần đứng đầu là Thái sư Tạ Thiên Lăng âm mưu cướp ngôi, tổng giam Phàn thứ phi ngay lúc nàng đang mang thai. Những người trung thành với vua như Nguyệt Hạo (cũng là một thứ phi khác), Tử Trinh, Đồng Kim Lân, Khương Linh Tá,... quyết cứu Phàn thứ phi cùng hoàng tử mới sinh và đưa họ đi trốn. Linh Tá tự nguyện đi sau để cản đường quân phản nghịch do Tạ Ôn Đình chỉ huy. Trong cuộc giao tranh, Linh Tá bị chém rơi đầu, nhưng hồn Linh Tá đã hoá thành ngọn đuốc để đưa đường cho Kim Lân hộ tống hoàng tử và thứ phi về tới thành Sơn Hậu an toàn, chuẩn bị cho cuộc phục thù đánh đuổi gian thần, đưa hoàng tử nhỏ lên ngôi.

(2) *Thứ phi*: vợ vua, địa vị dưới hoàng hậu.

(3) *Mẫu hậu*: mẹ của vua.

(4) *Tích*: dấu vết.

(5) *Nhi long*: rồng nhỏ, chỉ hoàng tử.

(6) *Nhất thời trợ miễn ư cơ khát*: tạm thời giúp qua cơn đói khát.

(7) *Sơn trung*: trong núi.

(8) *Mặt trời xuất tan canh*: mặt trời mọc xua bóng đêm.

(*Hướng chi*)

Nay ta giúp vận Tề quân⁽¹⁾
Sao lại tuyệt kì đăng hoả⁽²⁾
(*Hồn Linh Tá báo đèn hiệu*)

HỒN LINH TÁ:

Đồng Kim Lân hiền hữu⁽³⁾
Đệ⁽⁴⁾ biểu tự⁽⁵⁾ Khương Linh.
Phút sa cơ⁽⁶⁾ bị Tạ Ôn Đình
Hồn em đã xa chơi dị lộ⁽⁷⁾.

KIM LÂN:

Xa nghe tiếng họ Khương đã phải
Những mơ màng lòng gấm khó tin
Có đâu sự nhỡn tiền⁽⁸⁾,
Thác mà còn hiện tại⁽⁹⁾?

HỒN LINH TÁ:

Xưa có lời đoan thệ⁽¹⁰⁾
Nay phải đến báo tin.
Cậy anh phù⁽¹¹⁾ Hoàng tử Thứ phi
Khá gắng sức nghiệp Tề đem lại

KIM LÂN:

Ta⁽¹²⁾ Linh Tá! Ta Linh Tá!
Mệnh dĩ vong⁽¹³⁾! Mệnh dĩ vong!
Thủ cấp lưu tại thử⁽¹⁴⁾
Công hà nhật tấn công⁽¹⁵⁾.

(1) *Tề quân*: vua Tề.

(2) *Tuyệt kì đăng hoả*: không hề có lửa đèn gì hết.

(3) *Hiền hữu*: bạn hiền.

(4) *Đệ*: em trai ruột hoặc em trai kết nghĩa; cũng thường được dùng để tự xưng theo lối khiêm nhường.

(5) *Biểu tự*: tên chữ để cho người ngoài gọi.

(6) *Sa cơ*: rơi vào tình thế rủi ro.

(7) *Dị lộ*: đường khác.

(8) *Nhỡn tiền*: trước mặt.

(9) *Thác mà còn hiện tại*: đã chết mà còn thấy đây.

(10) *Đoan thệ*: lời thề nghiêm trang.

(11) *Phù*: trợ giúp, ủng hộ.

(12) *Ta*: thán từ, giống như “ôi”.

(13) *Mệnh dĩ vong*: mạng đã mất, cũng gần cách nói: người đã chết.

(14) *Thủ cấp lưu tại thử*: đầu còn giữ ở đây.

(15) *Công hà nhật tấn công*: ý nói biết ngày nào được mai táng chu tất.

(Ban)⁽¹⁾:

Kì ba linh lạc trường lưu thủy⁽²⁾
Kinh phá như hà đặc đoàn viên⁽³⁾
Thống thiết các can tràng đoạn đoạn⁽⁴⁾
Sầu đê mê ngọc lệ sái uông uông⁽⁵⁾
Đăn ước bách niên toàn huynh đệ⁽⁶⁾
Thùy tri nhất đán biệt Sâm Thương⁽⁷⁾!
Thùy tri nhất đán biệt Sâm Thương!
Tiếc bấy anh hùng,
Lầm tay phản tặc
Lấy ai phù bật,
Vây cánh cho nhau?
Vị quốc gia chi đại nghĩa⁽⁸⁾
Hoài cơ nghiệp tận kì trung⁽⁹⁾.
(Yêng⁽¹⁰⁾ ôi, như bây giờ)
Phò Hoàng tử đã đành có mỗ⁽¹¹⁾
Ngăn tặc binh⁽¹²⁾ sở cậy⁽¹³⁾ nhà người.
Hồn yêng đà chín suối xa chơi
Biết thuở nào cùng nhau thấy mặt.

HỒN LINH TÁ:

Đồng Kim Lân yêng ôi! Như em đây
Giữa đêm khuya hoá ngọn đèn hồng

(Đến đây)

Đưa chân bạn thoát vòng nguy biến
Gắng mà lần theo em yêng ôi!

(1) *Ban*: từ dùng trong kịch bản tuồng, nhắc diễn viên chú ý chuyển điệu khi biểu diễn.

(2) *Kì ba linh lạc trường lưu thủy*: hoa lạ trôi nổi miền man theo dòng nước.

(3) *Kinh phá như hà đặc đoàn viên*: kinh thành hỗn loạn biết đến khi nào được sum họp.

(4) *Thống thiết các can tràng đoạn đoạn*: đau đớn như gan ruột bị cắt rời từng phần, từng khúc.

(5) *Sầu đê mê ngọc lệ sái uông uông*: buồn miền man, nước mắt chảy ròng ròng.

(6) *Đăn ước bách niên toàn huynh đệ*: những muốn trăm năm anh em toàn vẹn.

(7) *Thùy tri nhất đán biệt Sâm Thương*: đâu ngờ bỗng chốc cách biệt Sâm Thương (*Sâm*, *Thương* là tên hai chòm sao, một chòm ở phía tây (*Sâm*), một chòm ở phía đông (*Thương*), không bao giờ xuất hiện cùng một lúc trên bầu trời).

(8) *Vị quốc gia chi đại nghĩa*: vì việc lớn của quốc gia.

(9) *Hoài cơ nghiệp tận kì trung*: ý nói luôn trung thành với cơ đồ, sự nghiệp của quốc gia.

(10) *Yêng*: anh.

(11) *Mỗ*: tôi.

(12) *Tặc binh*: quân giặc.

(13) *Sở cậy*: nhờ.

KIM LÂN:

Hiển hiện chân hiển hiện⁽¹⁾

Anh linh thị anh linh⁽²⁾!

(Nếu vậy)

Gãm âu thiên đạo⁽³⁾

Trợ ngã Tề triều⁽⁴⁾.

Đoán bên non thấy ngọn hoả hào⁽⁵⁾

Giục tuấn mã⁽⁶⁾ vội vàng theo dõi.

(Hát nam):

Tuấn mã vội vàng theo dõi,

Mặt đoái nhìn chói lợi đường sao.

Sau dù đem lại Tề trào

Dốc đèn ơn đó mới đành dạ đây.

Hồn thương hồn tiếc hây hây

Âm dương một phút từ nay xa vời

(Hồn Linh Tá biến thành ngọn đèn đưa

Kim lân qua đèo đến thành Sơn Hậu)

Ngọn đèn vừa phụt tắt

Chân trời đã hây hây

Anh ơi!

Chốn sơn đầu⁽⁷⁾ anh ở lại đây

(Để cho em)

Nơi Sơn Hậu em tìm qua đó.

Hạ

(Hoàng Châu Ký (Chủ biên), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 15A,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 129 – 131)

(1) *Hiển hiện chân hiển hiện*: ý nói sự thực hiện ra rõ ràng, không còn gì phải nghi ngờ.

(2) *Anh linh thị anh linh*: ý nói đích xác là anh linh của người đã chết.

(3) *Gãm âu thiên đạo*: ưu tư về đạo trung quân (trung với vua).

(4) *Trợ ngã Tề triều*: giúp triều Tề của ta.

(5) *Hoả hào*: lửa hồng.

(6) *Tuấn mã*: ngựa hay, ngựa tốt.

(7) *Sơn đầu*: đầu núi.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

Yêu cầu cần đạt

- Hệ thống hoá những kiến thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một.
- Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp.

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1. Lập bảng tổng hợp hay vẽ sơ đồ tư duy về danh mục các loại, thể loại và nhan đề các văn bản đọc trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một.
2. Trình bày khái quát những kiến thức thu nhận được về đặc điểm từng loại, thể loại văn bản đọc đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một theo bảng gợi ý sau:

| STT | Loại, thể loại | Đặc điểm (nội dung và hình thức) |
|-----|----------------|----------------------------------|
| 1 | Sử thi | |
| 2 | | |

3. Tổng hợp các nội dung thực hành tiếng Việt đã thực hiện trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một theo bảng gợi ý sau:

| STT | Nội dung thực hành | Ý nghĩa của hoạt động thực hành |
|-----|--------------------|---------------------------------|
| 1 | | |
| 2 | | |

4. Liệt kê các kiểu bài viết đã thực hiện trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một và nêu vắn tắt yêu cầu của từng kiểu bài theo bảng gợi ý sau:

| STT | Kiểu bài viết | Yêu cầu của kiểu bài viết |
|-----|---|---------------------------|
| 1 | Văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện | |
| 2 | | |

5. Nhớ lại các nội dung của hoạt động nói và nghe đã thực hiện trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một và cho biết:
- Nội dung nói và nghe nào đã từng quen ở cấp học Trung học cơ sở? Yêu cầu nâng cao đối với các nội dung nói và nghe đó là gì?
 - Nội dung nói và nghe nào lần đầu được thực hiện với sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một? Nêu những thách thức của nội dung nói và nghe đó.

II. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. ĐỌC

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Bài thơ *Thiên Trường vãn vọng* của Trần Nhân Tông

Lê Trí Viễn

① [...] Bài thơ tả một cảnh thôn quê như muôn vàn cảnh thôn quê lúc chiều xuống. Đơn sơ đường nét: mấy nhà dân quây quần, có trước, có sau, mấy trẻ mục đồng véo von tiếng sáo đưa trâu về chuồng, dăm ba đôi cò sà xuống ruộng. Thanh đậm sắc màu: một làn khói mỏng phớt trên xóm thôn, ánh chiều tà còn lưu luyến, cò trắng, lúa xanh. Trừ tiếng sáo và tiếng chân trâu, không còn động tĩnh nào. Ánh chiều lan lặng lẽ, cò là là không tiếng. Một bức tranh thủy mặc, có mà không. Động mà tĩnh. Nhà thơ là thiền sư, con mắt thế tục nhưng tâm thiền.

② [...] Nói gì một cảnh như vậy? Không thể nào khác là một cảnh thanh bình, yên ả, phon phớt chút vui hiền lành, thâm lặng phát ra từ một cuộc sống có phần ấm no, hạnh phúc.

*Thôn hậu, thôn tiền, đạm tự yên,
Bán vô, bán hữu, tịch dương biên.*

Đạm tự yên là nhạt như khói. Khói gì? Làn sương từ mặt đất dâng lên theo chiều xuống nơi nương dâu ruộng lúa đang lên xanh? Hay là khói thổi com chiều ngậy ngậy mùi thơm mà cũng là mùi cả nhà sum vầy chuẩn bị bữa cơm rau mắm nhưng ấm no sau một ngày nắng sương vất vả? *Tịch dương* là chiều tà. Chiều đã tà nhưng xóm thôn chưa đi vào hoàng hôn hẳn. Còn vương vấn đâu đó trên đọt cau, mái rạ đôi mảng ánh vàng như một xác nhận của trời đất niềm hi vọng ấm lòng đã trở về với cuộc sống người dân sau bao cơn binh hoả. Mọi sự náo loạn, đốt phá, cướp bóc, giết chóc huỷ diệt dã man của giặc đã qua. Sương ấy là hơi cây cỏ, đất và nước đã nuôi lúa lên xanh, khói kia là khói quây quần sum họp,... Cái tầm thường sau tai biến ngút ngàn trở thành quý báu gấp bội.

3 Vẫn còn cảnh tượng kì lạ này cực hiếm xưa nay:

Mục đồng địch lí ngư quy tận

Địch lí là trong tiếng sáo. Trong tiếng sáo trẻ chăn trâu, đàn trâu về chuồng hết. Có mặt một con trâu là bằng chứng không còn tên giặc nào. [...] Đây là đàn trâu no nê, chậm rãi về nhà. Trên lưng lại vắt vẻo mấy chú trẻ con nghêu ngao tiếng sáo tiền ngày, nâng nhịp cho trâu từ tốn, nhịp nhàng, ung dung, thư thả, da đen lánh, bụng căng tròn, từng bước về làng. Có ai ngờ: trâu đi trong tiếng nhạc... chữ nghĩa đích vậy. Một cảm nhận kì lạ, một nỗi reo mừng của ý thơ. Đây chỉ là kể chuyện, tả cảnh. Đã là một bừng sáng thẳng hoa của tâm thức, một thần ý, một xúc động tinh vi đến độ tốt cao. [...]

4 Còn một niềm vui khác, thanh tao hơn cũng trở lại theo:

Bạch lộ song song phi hạ điền

Bạch lộ là cò trắng. Lúa đang lên xanh, chân ruộng xấp nước, cò rủ nhau xuống ruộng kiếm ăn. Một nét vui đồng ruộng nhưng được nhấn mạnh, tách riêng *từng đôi*. Dường như giấu trong đó một niềm vui hạnh phúc tình yêu, hoặc cao hơn, một nét sinh sôi của sự sống. Từng đôi có trống có mái chứ không tán loạn, tan tác như thời còn giặc. Cả một cảnh êm ả như dàn ra, bao bọc cho những lúa đôi này: cò trắng, lúa xanh, cá tôm dưới gốc. Chuẩn bị sẵn sàng, kín đáo cho no ấm và cho hạnh phúc sinh sôi. [...]

5 Cảnh giản đơn, đạm bạc, quê mùa mà sức chứa đựng lớn lao, kì vĩ. Không núi cao sông rộng, không thời gian “nghìn năm mây trắng còn bay”, không không gian “vạn lí thiên”, chỉ một khoảnh khắc chiều tà, một góc xóm nhà dân giữa dăm vạt ruộng nương vậy mà là âm vang của cả non sông, đất nước hồi sinh sau khi sạch bóng quân thù – một quân thù khét tiếng, đến đâu là ở đó cỏ cũng không còn mọc nữa.

6 Một người dân thường nhìn ra cảnh này vào thời buổi lịch sử hào hùng ấy với một nỗi hạnh phúc thanh bình tràn ngập cũng đã lạ. Ở đây lại là trong tầm mắt và tâm nghĩ, điệu xúc động của một ông vua thi sĩ. Ông vua ấy – Trần Nhân Tông – đúng là đã tự thân lẫn lộn trong dân, cùng nhân dân vào sinh ra tử gian khổ biết chừng nào mới đánh đuổi được quân giặc, giành lại được cho đất nước, cho dân cảnh sống thanh bình này. Trong xúc cảm sâu xa nhất của người là một sợi khói trên mái rạ lúc chiều buông, một ánh chiều còn nhuộm vàng đợt cau, tán đa, một cánh cò bình yên trên ruộng; thậm chí, bất ngờ nhất, một bước chân trâu ung dung, no nê, chậm rãi lắng nghe tiếng sáo véo von của trẻ mục đồng, từng bước chắc nịch trở về làng cũng reo vui sâu xa tận trong lòng ông: “Ở đất nước này, vừa qua, đúng là để có được một bước chân trâu đi thanh bình phải trả bằng bao nhiêu xương máu, xương máu dân, cả xương máu mình”.

7 Đúng là một ông vua thuở Lý – Trần, vua còn gần gũi với dân, chưa có sự xa cách chín trùng mười lớp như về sau. [...]

(Lê Trí Viễn, *Đến với thơ hay*,

NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 72 – 75)

Chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi

1. Văn bản thuộc loại nào?

- A. Văn bản văn học
- B. Văn bản thông tin
- C. Văn bản nghị luận
- D. Văn bản đa phương thức

2. Câu nào trong bài viết khái quát đầy đủ đặc trưng của cảnh vật được gọi lên từ bài thơ *Thiên Trường vãn vọng*?

- A. Bài thơ tả một cảnh thôn quê như muôn vàn cảnh thôn quê lúc chiều xuống.
- B. Cảnh giản đơn, đạm bạc, quê mùa mà sức chứa đựng lớn lao, kì vĩ.
- C. Không thể nào khác là một cảnh thanh bình, yên ả, phơn phớt chút tươi vui hiền lành, thâm lặng phát ra từ một cuộc sống có phần ấm no, hạnh phúc.
- D. Chiều đã tà nhưng xóm thôn chưa đi vào hoàng hôn hẳn.

3. Bài viết được triển khai theo trình tự nào?

- A. Phân tích lần lượt từng câu thơ một.
- B. Giảng nghĩa từ ngữ trước, sau đó đi vào phân tích ý nghĩa các câu thơ và bài thơ.
- C. Phân tích văn bản thơ, tiếp đó mở rộng liên hệ tới hoàn cảnh sáng tác và vị thế của tác giả bài thơ.
- D. Nêu cảm nhận chung về bài thơ, phân tích bài thơ, đánh giá ý nghĩa của bài thơ.

Trả lời câu hỏi

- 1. Những câu nào trong văn bản cho thấy tác giả Lê Trí Viễn thường xuyên đặt bài thơ vào bối cảnh ra đời của nó để thẩm bình, đánh giá?
- 2. Những hiểu biết về con người và vị thế xã hội của Trần Nhân Tông đã giúp tác giả bài viết khám phá được giá trị nổi bật gì của *Thiên Trường vãn vọng*?
- 3. Những yếu tố nào của thơ nói chung đã được đặc biệt lưu ý xem xét, phân tích trong văn bản này?

2. VIẾT

Chọn một trong các đề sau:

Đề 1. Hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học mà bạn yêu thích.

Đề 2. Khi được học về thần thoại và sử thi, vấn đề gì đã khiến bạn thực sự thấy hứng thú và muốn tìm hiểu sâu hơn? Hãy viết một báo cáo nghiên cứu về vấn đề đó.

Đề 3. Bạn đã ý thức như thế nào về trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia xây dựng một môi trường sống có văn hoá hơn? Hãy thể hiện điều bạn ý thức được đó bằng bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc quan niệm mà bạn cho là không phù hợp với chuẩn mực chung mà cộng đồng tạo dựng.

3. NÓI VÀ NGHE

Chọn thực hiện theo nhóm học tập các nội dung nói và nghe sau:

Nội dung 1. Thảo luận về một vấn đề đời sống hoặc văn học có nhiều ý kiến khác nhau do các bạn tự chọn, dựa trên những hiểu biết và trải nghiệm riêng của mình (chú ý sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).

Nội dung 2. Giới thiệu và đánh giá về một tác phẩm văn học (thơ trữ tình, truyện thần thoại, sử thi, kịch bản chèo, tuồng dân gian,...) theo danh mục được gợi ý trong các phần *Củng cố*, *mở rộng* sau mỗi bài học.

Nội dung 3. Lớp học của bạn đã có những hoạt động trải nghiệm gì trong thời gian qua? Hãy lập đề cương cho bản báo cáo kết quả của hoạt động trải nghiệm đó và trình bày trước nhóm học tập.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

| STT | THUẬT NGỮ | BÀI | TRANG |
|-----|-------------------------------------|---------------|--------------------|
| 1 | bài luật | 2 | 48 |
| 2 | bài luận thuyết phục | 3 | 72, 87, 92, ... |
| 3 | bằng chứng | 1, 3, 4, 5 | 29, 72, 117, ... |
| 4 | báo cáo kết quả nghiên cứu | 5 | 149, 151 |
| 5 | báo cáo nghiên cứu | 4, 5 | 113, 116, 140, ... |
| 6 | bát cú | 2 | 48, 49 |
| 7 | cận thể | 2 | 48, 49 |
| 8 | câu chuyện | 1, 4 | 10, 20, 97, ... |
| 9 | cheo | 4, 5 | 115, 125, 128, ... |
| 10 | chủ đề | 1, 2, 3, 4, 5 | 9, 98, 118, ... |
| 11 | chủ nghĩa lãng mạn | 2 | 51, 64 |
| 12 | chủ nghĩa tượng trưng | 2 | 51 |
| 13 | chủ thể trữ tình | 2 | 43, 44 |
| 14 | chuyển thể | 4 | 115 |
| 15 | cổ thể | 2 | 49 |
| 16 | cốt truyện | 1, 4 | 9, 31, 97, ... |
| 17 | cốt truyện đơn tuyến | 1 | 10 |
| 18 | cước chú | 4 | 97, 112, 121, ... |
| 19 | đạo văn | 4, 5 | 97, 125 |
| 20 | để tài | 1, 2, 4, 5 | 20, 97, 125, ... |
| 21 | đối | 2 | 43, 44, 48, ... |
| 22 | Đường luật | 2 | 47, 49, 60, ... |
| 23 | giá trị thẩm mỹ | 2 | 43, 58, 66, ... |
| 24 | hai-cư | 2 | 45, 49, 60, ... |
| 25 | hành động (của nhân vật) | 4, 5 | 104, 131, 149, ... |
| 26 | hình ảnh | 2, 3, 4, 5 | 43, 46, 119, ... |
| 27 | hình thức nghệ thuật | 1, 2 | 29, 32, 68, ... |
| 28 | hình tượng | 1, 2, 5 | 14, 67, 146, ... |
| 29 | kết cấu | 2 | 55 |
| 30 | không gian (trong tác phẩm văn học) | 1, 2, 4, 5 | 9, 46, 97, ... |
| 31 | kì ảo | 1 | 14, 15, 20 |
| 32 | lí lẽ | 1, 3, 4, 5 | 29, 73, 104, ... |
| 33 | liên kết | 2, 3 | 36, 72, 86, ... |
| 34 | liên thơ | 2 | 48 |
| 35 | lời người kể chuyện | 1, 4 | 9, 31, 97, ... |
| 36 | lời nhân vật | 1, 4 | 9, 97, 98 |
| 37 | luận đề | 3 | 72, 76, 94, ... |
| 38 | luận điểm | 1, 2, 3, 4, 5 | 32, 73, 113, ... |

| STT | THUẬT NGỮ | BÀI | TRANG |
|-----|---------------------------------------|---------------|--------------------|
| 39 | mĩ cảm | 2 | 46, 64 |
| 40 | miêu tả | 1, 2, 4 | 10, 46, 111, ... |
| 41 | mục đích | 3, 4, 5 | 14, 76, 117, ... |
| 42 | người kể chuyện | 1, 4 | 10, 20, 98, ... |
| 43 | nhạc điệu | 2 | 44, 51, 61 |
| 44 | nhân vật | 1, 4, 5 | 9, 98, 125, ... |
| 45 | nhân vật trữ tình | 2 | 43, 59, 71, ... |
| 46 | nhịp điệu | 2 | 43, 63, 71, ... |
| 47 | phiếm chỉ | 1 | 10 |
| 48 | phong trào Thơ mới | 2 | 51, 53, 61, ... |
| 49 | phương thức lưu truyền | 5 | 125 |
| 50 | quan điểm (của người viết, người nói) | 3, 4, 5 | 67, 97, 140, ... |
| 51 | quan điểm thẩm mĩ | 2 | 51 |
| 52 | quyền sở hữu trí tuệ | 4, 5 | 97, 125 |
| 53 | sự kiện | 1, 4 | 9, 103, 121, ... |
| 54 | sử thi | 4 | 97, 104, 113, ... |
| 55 | thần thoại | 1, 4 | 9, 37, 101, ... |
| 56 | thần thoại sáng tạo | 1 | 10, 14 |
| 57 | thần thoại suy nguyên | 1 | 10, 14 |
| 58 | thể loại | 1, 2, 4 | 10, 47, 104, ... |
| 59 | thể thơ | 2 | 44, 46, 48, ... |
| 60 | thi luật | 2 | 43, 44, 48, ... |
| 61 | thơ trữ tình | 2 | 43, 53, 60 |
| 62 | thời gian (trong tác phẩm văn học) | 1, 2, 4 | 9, 46, 97, ... |
| 63 | thông điệp | 1 | 9, 27, 32 |
| 64 | tích truyện | 5 | 125, 152 |
| 65 | tính cách nhân vật | 1, 5 | 20, 142 |
| 66 | tình huống truyện | 1 | 27, 31, 33, ... |
| 67 | tình lược | 4 | 97, 98, 112 |
| 68 | tính ước lệ | 1, 5 | 10, 145 |
| 69 | tính vô danh | 5 | 125 |
| 70 | trật tự từ | 2 | 43, 44, 60, ... |
| 71 | trích dẫn | 1, 4, 5 | 33, 97, 125, ... |
| 72 | truyện | 1 | 9, 13, 14, ... |
| 73 | truyện kể | 1 | 9, 14, 37, ... |
| 74 | từ Hán Việt | 1, 2 | 28, 34, 59, ... |
| 75 | tứ thơ | 2 | 49 |
| 76 | tư tưởng | 1, 2, 5 | 9, 73, 144, ... |
| 77 | tuồng | 5 | 125, 132, 151, ... |
| 78 | tuyệt cú | 2 | 48 |
| 79 | văn (thơ) | 2 | 43, 44, 51, ... |
| 80 | văn bản | 1, 2, 3, 4, 5 | 9, 43, 125, ... |
| 81 | văn bản nghị luận | 1, 2, 3 | 9, 43, 72, ... |
| 82 | vắt dòng | 2 | 63, 67 |
| 83 | yếu tố tự sự | 3 | 94 |

BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

| STT | THUẬT NGỮ | GIẢI THÍCH | TRANG |
|-----|----------------------------|---|--------------------|
| 1 | bài luật | một dạng kéo dài của thơ Đường luật, có yêu cầu về đối và sự luân phiên của các chuỗi vần trong bài | 48 |
| 2 | báo cáo kết quả nghiên cứu | hình thức thông tin khoa học, trong đó người nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu đạt được sau khi kết thúc một đề tài, một dự án nghiên cứu, thử nghiệm nào đó | 149, 151 |
| 3 | báo cáo nghiên cứu | loại văn bản thông tin được tổ chức theo quy cách khoa học nghiêm ngặt, trình bày những thông tin mới về một vấn đề nào đó, kết quả của việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để khảo sát, đánh giá vấn đề theo một quan điểm nhất định | 97, 118, 141, ... |
| 4 | bát cú | một thể thơ Đường luật gồm 8 câu chia thành 4 liên thơ, trong đó các câu ở hai liên giữa bắt buộc phải đối nhau; có hai loại phổ biến là thất ngôn bát cú (mỗi câu 7 chữ) và ngũ ngôn bát cú (mỗi câu 5 chữ), tất cả đều có quy định về các phương diện như luật bằng trắc, niêm, vần, đối, ... | 48, 49 |
| 5 | cận thể | tên gọi chung các thể thơ được viết theo những nguyên tắc riêng định hình từ đời Đường (Trung Quốc), thường gọi là thơ Đường luật | 48, 49 |
| 6 | câu chuyện | khối thống nhất giữa bối cảnh, nhân vật, hành động, diễn biến sự việc được kể tới trong tác phẩm văn học, có chứa đựng một thông điệp nhất định | 10, 27, 97, ... |
| 7 | chèo | một loại hình sân khấu dân gian Việt Nam mang tính tổng hợp, phổ biến ở vùng Bắc Bộ, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với sự hỗ trợ của các đạo cụ, nhạc khí dân tộc độc đáo, trên cơ sở một tích truyện cổ sẵn | 115, 126, 128, ... |
| 8 | chủ nghĩa lãng mạn | một trường phái thơ ở phương Tây thế kỉ XIX có ảnh hưởng lớn trên thế giới, ưu tiên cho việc bộc lộ cảm xúc của con người cá nhân | 51, 64 |
| 9 | chủ nghĩa tượng trưng | một trường phái thơ ở phương Tây thế kỉ XIX gây được ảnh hưởng rộng rãi, thường sử dụng biểu tượng và nhiều thủ pháp khác để biểu đạt cảm nhận của nhà thơ về những cái mơ hồ, khó nắm bắt | 51 |
| 10 | chủ thể trữ tình | người trực tiếp bộc lộ rung động, tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh, sự tình, con người nào đó | 43, 44 |
| 11 | chuyển thể | hình thức tạo một vẻ mặt mới, đời sống mới cho văn bản ngôn từ gốc trong các loại hình nghệ thuật khác như sân khấu, điện ảnh | 115 |
| 12 | cổ thể | những thể thơ có trước đời Đường, phân biệt với thơ cận thể | 49 |
| 13 | cốt truyện đơn tuyến | loại cốt truyện đơn giản thường xoay quanh một nhân vật hoặc sự kiện chính nào đó | 10 |
| 14 | cước chú | chú thích ở chân trang hoặc cuối văn bản cho một từ ngữ, đối tượng nào đó trong văn bản | 97, 112, 118, ... |
| 15 | đạo văn | hiện tượng biến sản phẩm khoa học, sáng tác nghệ thuật của người khác thành của mình mà không tuyên bố, bất chấp quy định về đạo đức trong nghiên cứu khoa học và sáng tạo nghệ thuật | 97, 126 |
| 16 | đối (trong thơ Đường luật) | một quy định trong thơ Đường luật về sự tương ứng với nhau cả về nội dung và hình thức giữa các cặp câu tạo nên hai liên giữa của bài bát cú | 43, 44, 48, ... |
| 17 | Đường luật | cũng gọi là thơ cận thể (xem cận thể) | 47, 49, 60, ... |
| 18 | giá trị thẩm mĩ | một loại giá trị gắn với tác phẩm nghệ thuật, tác động vào cảm nhận về cái đẹp của người tiếp nhận, thưởng thức | 43, 58, 66, ... |
| 19 | hai-cư | một thể thơ truyền thống Nhật Bản có hình thức đặc biệt cô đọng, chỉ gồm 3 câu (câu 1 và câu 3 có năm âm tiết; câu 2 có bảy âm tiết) | 45, 49, 60, ... |
| 20 | liên kết trong văn bản | sự gắn nối với nhau giữa các yếu tố, bộ phận trong văn bản được thực hiện bằng những biện pháp như lặp, thế, nối, ... | 36, 72, 86, ... |
| 21 | liên thơ | tên gọi chung các cặp câu (1 và 2, 3 và 4, 5 và 6, 7 và 8) trong cấu trúc của một bài thơ bát cú Đường luật | 48 |
| 22 | lời nhân vật | lời của nhân vật được tái hiện trong tác phẩm văn học, phân biệt với lời người kể chuyện | 9, 97, 98 |

| STT | THUẬT NGỮ | GIẢI THÍCH | TRANG |
|-----|---------------------------|---|-------------------|
| 23 | luận đề | vấn đề chính được tập trung trình bày, thể hiện trong văn bản | 72, 76, 94,... |
| 24 | luận điểm | ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm,... của tác giả (gọi đơn giản là ý) | 32, 73, 113,... |
| 25 | mĩ cảm | cảm xúc về cái đẹp trong cuộc sống, trong nghệ thuật được tác phẩm văn học gợi lên | 46, 64 |
| 26 | nhân vật trữ tình | còn gọi là chủ thể trữ tình (xem chủ thể trữ tình) | 43, 59, 71,... |
| 27 | phiếm chỉ | chỉ chung, không xác định đối tượng cụ thể nào (người, vật, thời gian,...) | 10 |
| 28 | phong trào Thơ mới | một phong trào thơ diễn ra từ năm 1932 đến năm 1945, đã làm nên một cuộc cách mạng trong thi ca, đưa thơ Việt Nam thực sự bước vào quỹ đạo hiện đại | 51, 53, 61,... |
| 29 | phương thức lưu truyền | cách phổ biến và lưu giữ tác phẩm trong thời gian và không gian | 125 |
| 30 | quyền sở hữu trí tuệ | quyền bảo vệ đối với tài sản trí tuệ, sản phẩm sáng tạo của bộ óc con người | 97, 125 |
| 31 | sử thi | một loại hình sáng tác ngôn từ của thời cổ đại, có nguồn gốc từ các truyền thuyết miệng như thần thoại, truyền thuyết; cốt truyện thường phản ánh những sự kiện lớn của cộng đồng, thể hiện niềm tin và quan niệm giá trị của cộng đồng | 97, 104, 113,... |
| 32 | thần thoại | thể loại truyện kể xa xưa nhất, thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của các thị tộc, bộ lạc thời nguyên thủy | 9, 37, 101,... |
| 33 | thần thoại sáng tạo | thần thoại kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hoá của con người | 10, 14 |
| 34 | thần thoại suy nguyên | thần thoại kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài | 10, 14 |
| 35 | thể thơ | hình thức cố định của thơ với những quy định riêng về bố cục, vần, nhịp, số câu, số tiếng (chữ) trong câu | 44, 46, 48,... |
| 36 | thi luật | luật thơ, tức là những quy định mang tính bắt buộc đối với sáng tác thơ thuộc một thể nào đó | 43, 44, 48,... |
| 37 | thơ trữ tình | phân biệt với thơ tự sự, có nội dung chính là cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình | 43, 53, 60 |
| 38 | tích truyện | còn gọi là tích trò, là câu chuyện chứa đựng thông điệp, có cốt lõi tương đối ổn định, được dùng làm cơ sở cho hoạt động biểu diễn của chèo, tuồng | 125, 152 |
| 39 | tính cách nhân vật | những nét riêng, cốt lõi có tính chất ổn định thể hiện qua suy nghĩ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật trong tác phẩm tự sự hoặc kịch. | 20, 142 |
| 40 | tính ước lệ | một tính chất hay đặc điểm của sáng tác nghệ thuật nói chung, thể hiện rõ nét đặc thù của ngôn ngữ hay hình tượng trong tác phẩm, so với ngôn ngữ hay đối tượng tồn tại trong đời sống thực tế | 10, 145 |
| 41 | tính vô danh | một tính chất của các sáng tác dân gian do tính tập thể và phương thức truyền miệng quy định | 125 |
| 42 | tình lược (khi trích dẫn) | lược bỏ một yếu tố hoặc một phần của văn bản gốc (cụm từ, câu, đoạn), giúp cho nội dung văn bản được tập trung và cô đọng hơn, theo quan niệm và mục đích sử dụng văn bản của người trích dẫn | 97, 98, 112 |
| 43 | trật tự từ | một phương thức ngữ pháp đòi hỏi tuân thủ những nguyên tắc riêng (tuỳ từng ngôn ngữ) trong việc sắp xếp vị trí của từ trong câu hay cụm từ, nhằm thực hiện các chức năng cú pháp và ngữ nghĩa khác nhau | 43, 44, 60,... |
| 44 | trích dẫn | việc dẫn lại câu văn hay ý tưởng của tác giả khác trong sản phẩm ngôn từ của mình kèm theo những dấu hiệu phân biệt riêng | 33, 97, 125,... |
| 45 | tuồng | một loại hình sân khấu cổ truyền Việt Nam, phát triển mạnh ở vùng Trung Bộ, gồm hai dòng dân gian và bác học, mang tính tổng hợp và ước lệ cao, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với sự hỗ trợ của các đạo cụ, nhạc khí độc đáo | 125, 132, 151,... |
| 46 | tuyệt cú | một thể thơ Đường luật có nội dung đặc biệt hàm súc, gồm 4 câu với hai loại chính là ngũ ngôn tuyệt cú (4 câu, mỗi câu 5 chữ) và thất ngôn tuyệt cú (4 câu, mỗi câu 7 chữ); còn được gọi là tứ tuyệt | 48 |
| 47 | tứ thơ | cách lí giải và chiếm lĩnh mới về đối tượng được thể hiện trong thơ ca, là yếu tố cơ bản chi phối mạch triển khai bài thơ và tạo nên cấu trúc chính thể của bài thơ | 49 |
| 48 | vất dòng | một loại câu thơ phổ biến trong thơ hiện đại mà ở đó câu trên phải gắn nối với câu dưới mới thành một câu ngữ pháp trọn vẹn | 63, 67 |
| 49 | yếu tố tự sự | yếu tố kể chuyện có trong văn bản không thuộc loại hình tự sự như văn bản nghị luận, thơ trữ tình | 94 |

BẢNG TRA CỨU

MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT

| STT | YẾU TỐ HÁN VIỆT | NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT |
|-----|-----------------|---|
| 1 | an/ yên | – yên tĩnh, lặng lẽ: <i>an nhiên, an tĩnh,...</i> – sự yên ổn, tốt lành: <i>an lạc, an ninh, an tâm, an toàn, bình an,...</i> – làm cho yên, để yên: <i>an cư, an định, an trí,...</i> |
| 2 | anh | – đẹp, tinh hoa, tinh túy: <i>anh hoa, anh tú, tinh anh,...</i> – tài năng xuất chúng: <i>anh hào, anh hùng, anh kiệt,...</i> |
| 3 | bất | không, chẳng, đừng (phủ định từ): <i>bất an, bất bình, bất công, bất diệt, bất hạnh, bất tất, bất thường, bất trắc,...</i> |
| 4 | dân | – chỉ người, mọi người nói chung: <i>dân chúng, nhân dân,...</i> – thuộc về đại chúng, có tính bình dân: <i>dân ca, dân gian,...</i> – phi quân sự: <i>dân dụng, dân sự,...</i> |
| 5 | đại | – giai đoạn, thời kì lịch sử, đời: <i>cổ đại, hiện đại, triều đại,...</i> – chỉ thời gian nói chung: <i>niên đại, thời đại,...</i> – thay thế: <i>đại biểu, đại diện, đại từ,...</i> |
| 6 | đạo | – con đường: <i>địa đạo, đạo đạo,...</i> – chân lí, lẽ phải cần tuân theo: <i>đạo đức, đạo lí, nhân đạo,...</i> – tư tưởng, học thuyết, tôn giáo: <i>tà đạo, truyền đạo,...</i> |
| 7 | điển | – sách được coi là mẫu mực: <i>kinh điển, tự điển, từ điển,...</i> – việc đời trước, câu chữ – lời nói của người xưa: <i>điển cố, điển tích, dụng điển,...</i> |
| 8 | đơn | – lẻ, một mình, chỉ có một: <i>đơn độc, đơn vị, cô đơn,...</i> – giản dị, không phức tạp: <i>đơn điệu, đơn giản, đơn thuần,...</i> – giấy tờ: <i>đơn từ, đơn thư, truyền đơn,...</i> |
| 9 | giác | – hiểu ra, tỉnh ngộ: <i>giác ngộ, giác tỉnh,...</i> – biết được, cảm nhận được, phát hiện ra: <i>giác quan, cảm giác, phát giác, tri giác,...</i> |
| 10 | giải | – cởi bỏ, tháo ra: <i>giải phóng, giải toả,...</i> – tiêu trừ, làm cho hết, phân tán, tan vỡ, tháo gỡ: <i>giải khát, giải quyết, giải thể, giải trừ, hoà giải,...</i> – trình bày, phân tích, làm cho rõ: <i>giải thích, biện giải, giảng giải, lí giải,...</i> |
| 11 | giáp | tiếp liền, gần sát nhau, áp sát nhau: <i>giáp công, giáp giới, giáp lai,...</i> |
| 12 | giới | – mốc, ranh giới, mức: <i>giới hạn, giới tuyến, cương giới, biên giới, địa giới, tô giới,...</i> – cảnh, cõi: <i>hạ giới, tiên giới, thế giới,...</i> |
| 13 | hào | – người có tài năng xuất chúng: <i>anh hào, hào kiệt, thi hào, văn hào,...</i> – phóng khoáng, không bị câu thúc – trời buộc, nghĩa hiệp: <i>hào hiệp, hào khí, hào phóng,...</i> |
| 14 | hoạt | – sống, cuộc sống: <i>hoạt động, sinh hoạt,...</i> – sống động, sinh động: <i>hoạt bát, hoạt náo, linh hoạt,...</i> |
| 15 | kế | nối theo, nối dõi, tiếp theo: <i>kế nghiệp, kế nhiệm, kế tiếp, kế tục, kế thừa, kế vị,...</i> |
| 16 | kinh | – đường, mạch, sợi dọc: <i>kinh độ, kinh mạch, kinh tuyến,...</i> – trải qua, từng trải: <i>kinh lịch, kinh niên, kinh nghiệm,...</i> – sửa sang, trông coi: <i>kinh doanh, kinh lí, kinh luân, kinh lược,...</i> – sách vở được coi là khuôn mẫu, sách vở của các tôn giáo: <i>kinh điển, kinh nghĩa, kinh sách, kinh truyện, kinh viện,...</i> |

| STT | YẾU TỐ HÁN VIỆT | NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT |
|-----|------------------|--|
| 17 | kì | – lạ, khác thường, hiếm thấy: <i>kì công, kì dị, kì diệu, kì quặc, kì tài, kì thú, kì vĩ,...</i> – bất ngờ, đột ngột: <i>xuất kì,...</i> |
| 18 | luật | quy tắc, khuôn phép, cách thức, pháp lệnh: <i>luật lệ, luật pháp, luật sư, điều luật, định luật,...</i> |
| 19 | mục | – mắt, nhìn, chăm chú, cái cốt yếu: <i>mục kích, mục đích, mục tiêu,...</i> – điều khoản, phần, hạng, tiêu đề, bảng liệt kê: <i>mục lục, điều mục, khoa mục, thư mục,...</i> |
| 20 | nho | – người có kiến thức, học trò: <i>nho sinh, đại nho,...</i> – đạo Nho, học thuyết tư tưởng do Khổng Tử khởi xướng: <i>Nho giáo, Nho gia, Nho học, Nho sĩ,...</i> – có nề nếp, sáng sủa, đẹp đẽ: <i>nho nhã, nho phong,...</i> |
| 21 | phân/ phận/ phần | – chia cắt, phân tách, biện biệt: <i>phân biệt, phân khai, phân số, phân tích,...</i> – một âm khác là phận, chỉ danh vị, phạm vi cụ thể: <i>bộ phận, danh phận, chức phận, số phận,...</i> – một âm là phần, kết quả của việc phân chia, phân loại: <i>phần tử, học phần, thành phần, thị phần,...</i> |
| 22 | phi | – không, chẳng phải là (phủ định từ): <i>phi nhân, phi ngã, phi phạm, phi thường,...</i> – sai trái, không đúng quy tắc – chuẩn mực: <i>phi lí, phi pháp, phi nghĩa,...</i> |
| 23 | phong | – gió, gió thổi: <i>phong ba, phong sương, phong thanh, phong thủy, phong trần,...</i> – cảnh tượng tự nhiên: <i>phong cảnh, phong quang,...</i> – tập tục, thói quen: <i>phong hoá, phong tục, phong thổ, gia phong,...</i> – thần thái, dáng vẻ riêng: <i>phong cách, phong độ, phong lưu, phong mạo, phong thái, phong vị, tác phong,...</i> |
| 24 | sáng | mới, khởi đầu, tạo ra đầu tiên: <i>sáng chế, sáng tác, sáng tạo, khai sáng,...</i> |
| 25 | số | – con số, phép toán: <i>số hiệu, số học, số lượng, đại số,...</i> – vận mệnh, số mệnh: <i>số phận, tướng số,...</i> |
| 26 | tuấn | – tài giỏi, tài trí vượt bậc: <i>tuấn kiệt, anh tuấn,...</i> – đẹp đẽ, to lớn: <i>tuấn nhã, tuấn tú,...</i> |
| 27 | tuyên | truyền bá, nói rõ, nói rộng rãi cho mọi người cùng biết: <i>tuyên bố, tuyên ngôn, tuyên truyền,...</i> |
| 28 | tưởng | nghĩ, suy nghĩ, suy tư; nhớ mong, hoài niệm: <i>tưởng tượng, cảm tưởng, tư tưởng, suy tưởng, tưởng niệm,...</i> |
| 29 | thanh | – xanh, màu xanh: <i>thanh thiên, thanh thủy, đập thanh,...</i> – trẻ, tuổi trẻ: <i>thanh niên, thanh nữ, thanh xuân,...</i> |
| 30 | thời | – thời gian, năm tháng: <i>thời đại, thời gian, thời kì,...</i> – lúc, khi; hiện tại; đúng lúc, hợp thời: <i>thời điểm, thời hiệu, thời sự, thời thế, thời thượng, thời trang, đồng thời,...</i> – cơ hội, vận hội: <i>thời cơ, thời vận,...</i> |
| 31 | thuyết | – nói, giảng, trình bày, giải thích: <i>thuyết minh, thuyết phục, thuyết trình, diễn thuyết,...</i> – ngôn luận, chủ trương: <i>học thuyết, lí thuyết,...</i> – thể văn: <i>luận thuyết, tiểu thuyết,...</i> |
| 32 | vĩ | to lớn, lớn lao, rộng lớn: <i>vĩ đại, vĩ nhân, hùng vĩ, kì vĩ,...</i> |
| 33 | viễn | – xa, xa xôi, dài lâu: <i>viễn cảnh, viễn chinh, viễn du, vĩnh viễn,...</i> – vượt khỏi mức thường; sâu xa, uyên thâm: <i>cao viễn, thâm viễn,...</i> |
| 34 | vũ | chỉ chung không gian, thế giới: <i>vũ trụ, hoàn vũ,...</i> |
| 35 | ý | – ý nghĩ, điều suy nghĩ trong lòng: <i>ý chí, ý định, ý niệm, ý tưởng, ý vị,...</i> – ý, nội dung, tư tưởng: <i>ý kiến, ý nghĩa, ý tưởng, hàm ý, hội ý, ngụ ý,...</i> |

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

| STT | PHIÊN ÂM | TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI | BÀI | TRANG |
|-----|---------------------------|----------------------------|-----|--------------------|
| 1 | Ắc-gốt | Argos | 4 | 102 |
| 2 | Ắc-tê-mít | Artemis | 4 | 101 |
| 3 | A-ga-mem-nông | Agamemnon | 4 | 99 |
| 4 | A-ga-xti-a | Agaxtia | 4 | 122 |
| 5 | A-giắc | Ajax | 4 | 101, 103 |
| 6 | A-kê-en | Achaean | 4 | 99, 100, 102 |
| 7 | A-khin | Achilles | 4 | 99, 100, 103, ... |
| 8 | An-đrê Gít-đơ | André Gide | 3 | 84 |
| 9 | Ăng-đrô-giê | Androgenes | 1 | 40 |
| 10 | Ăng-đrô-mác | Andromache | 4 | 99, 100, 102, ... |
| 11 | A-nhi | Agni | 4 | 124 |
| 12 | An-na Ka-rê-ni-na | Anna Karenina | 3 | 83 |
| 13 | A-ri-an | Ariadne | 1 | 41 |
| 14 | A-ten | Athens | 1 | 38, 39, 41, ... |
| 15 | A-tê-na | Athena | 1 | 38, 41, 99, ... |
| 16 | A-tơ-rê | Atreus | 4 | 101 |
| 17 | A-xchi-a-nắc | Astyanax | 4 | 100, 102 |
| 18 | Ban-căng | Balkan | 1 | 38 |
| 19 | Bha-ra-ta | Bharata | 4 | 123 |
| 20 | Bô-va-ry | Bovary | 3 | 83 |
| 21 | Bra-ma | Brahma | 4 | 124 |
| 22 | Bri-dê-ít | Briseis | 4 | 99 |
| 23 | Các Phờ-ri-đơ-rích Đê-clơ | Karl Friedrich Deckler | 4 | 102 |
| 24 | Cam-pu chia | Campuchia | 4 | 113, 114 |
| 25 | Chi-ô | Chiyo | 2 | 45, 46, 59 |
| 26 | Cô-ba-y-a-si Ít-sa | Kobayashi Issa | 2 | 46, 58 |
| 27 | Cơ-rét | Crete | 1 | 39, 40, 41 |
| 28 | Crô-nốt | Cronos | 4 | 102 |
| 29 | Dim | Jim | 1 | 30, 31 |
| 30 | Dốt | Zeus | 4 | 99, 101, 102, ... |
| 31 | Đê-can | Deccan | 4 | 123 |
| 32 | Đê-đan | Daedalus | 1 | 40, 41 |
| 33 | Đê-la | Della | 1 | 30, 31 |
| 34 | Đi-ô-ni-dô-xơ | Dionynus | 1 | 41 |
| 35 | Ê-đi Ha-min-tơn | Edith Hamilton | 1 | 38, 42 |
| 36 | Ê-ê-xi-ông | Eetion | 4 | 100, 101 |
| 37 | Ê-giê | Aegeus | 1 | 38, 39, 41, ... |
| 38 | E-rô-pô-lít | Aeropolis | 1 | 41 |
| 39 | Ét-mông Gia-bét | Edmond Jabès | 3 | 84 |
| 40 | Gia-dông | Jason | 1 | 39 |
| 41 | Gia-na-ka | Janaka | 4 | 121, 123 |
| 42 | Gia-na-ki | Janaki | 4 | 121, 122, 123, ... |
| 43 | Giô-han Vôn-gang von Gôt | Johann Wolfgang von Goethe | 3 | 84 |
| 44 | Guy-xta-vơ Phlô-be | Gustave Flaubert | 3 | 83 |
| 45 | Ha-đét | Hades | 4 | 103 |
| 46 | hai-cư | haiku | 2 | 45, 56 |
| 47 | Ha-nu-man | Hanuman | 4 | 114, 115, 123, ... |
| 48 | Héc-to | Hector | 4 | 99, 100, 102, ... |
| 49 | Hê-cu-ba | Hecuba | 4 | 102 |
| 50 | Hê-ra-cờ-lét | Hercules | 1 | 39 |
| 51 | Hi-pê-rê | Hipereia | 4 | 102 |
| 52 | Hô-me-rơ | Homèros | 4 | 99, 103, 104, ... |

| STT | PHIÊN ÂM | TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI | BÀI | TRANG |
|-----|-------------------------------|--------------------------|-----|-------------------|
| 53 | I-đô-mê-nê | Idomeneus | 4 | 101 |
| 54 | I-li-át | Iliad | 4 | 98, 99, 103,... |
| 55 | I-li-ông | Ilion | 4 | 100, 102, 103 |
| 56 | In-đô-nê-xi-a | Indonesia | 4 | 114 |
| 57 | I-xra-en | Israel | 1 | 38 |
| 58 | Ki-li-kiêng | Cilician | 4 | 100, 101 |
| 59 | Lắc-ma-na | Laksmana | 4 | 123, 124 |
| 60 | Lan-ka | Lanka | 4 | 122 |
| 61 | Lép Ni-cô-lai-ê-vích Tôn-xtôi | Lev Nikolayevich Tolstoy | 3 | 83 |
| 62 | Ma-đam E-loi | Madame Eloise | 1 | 31 |
| 63 | Ma-ha-bha-ra-ta | Mahabharata | 4 | 98, 113 |
| 64 | Ma-lai-xi-a | Malaysia | 4 | 114 |
| 65 | Mát-chư-ô Ba-sô | Matsuo Basho | 2 | 46 |
| 66 | Mát-xcơ-va | Moskva | 4 | 104 |
| 67 | Mê-đê | Medea | 1 | 39 |
| 68 | Mét-xê-ít | Messeis | 4 | 102 |
| 69 | Mi-kha-in Ga-xpa-rốp | Mikhail Gasparov | 4 | 104 |
| 70 | Mi-nô-tơ | Minotaur | 1 | 40, 41 |
| 71 | Mi-nô-xơ | Minos | 1 | 39, 40, 41 |
| 72 | Nanh-phơ | Nymphé | 4 | 101 |
| 73 | Na-xô-xơ | Naxos | 1 | 41 |
| 74 | Niu-Oóc | New York | 1 | 30 |
| 75 | Nô-ben | Nobel | 3 | 84 |
| 76 | O. Hen-ry | O. Henry | 1 | 30 |
| 77 | Ô-đi-xê | Odyssey | 4 | 98, 103 |
| 78 | Pa-blô Ru-ít Pi-cát-xô | Pablo Ruiz Picasso | 3 | 84 |
| 79 | Pa-đi-pha-ê | Pasiphaë | 1 | 40 |
| 80 | Pa-ri | Paris | 3 | 84 |
| 81 | Pa-tơ-rô-clơ | Patroclus | 4 | 103 |
| 82 | Pê-lê | Peleus | 4 | 101 |
| 83 | Pê-lô-pôn-nét | Peloponnese | 4 | 101, 102 |
| 84 | Phao-xơ | Faust | 3 | 84 |
| 85 | Phéc-năng-đô Pét-xoa | Fernando Pessoa | 3 | 84 |
| 86 | Phu-gi | Fuji | 2 | 45, 46 |
| 87 | Pla-cốt | Placos | 4 | 100, 101 |
| 88 | Pô-de-i-đông | Poseidon | 1 | 40 |
| 89 | Pôn Va-lê-ri | Paul Valéry | 3 | 82 |
| 90 | Pri-am | Priam | 4 | 102, 104 |
| 91 | Pri-thi-vi | Prithvi | 4 | 121 |
| 92 | Ra-bin-đra-nát Ta-go | Rabindranath Tagore | 3 | 84 |
| 93 | Rắc-sa-xa | Rakshasa | 4 | 122, 124 |
| 94 | Ra-ma | Rama | 4 | 114, 121, 124,... |
| 95 | Ra-ma-ya-na | Ramayana | 4 | 98, 113, 115,... |
| 96 | Ra-va-na | Ravana | 4 | 115, 122, 123 |
| 97 | Tê-bơ | Thebes | 1 | 42, 100, 101 |
| 98 | Tê-dê | Theseus | 1 | 38, 39, 41,... |
| 99 | Thê-ti-xơ | Thetis | 4 | 99 |
| 100 | Ti-đê | Tydeus | 4 | 101 |
| 101 | Tơ-roa | Troy | 4 | 99, 100, 103,... |
| 102 | Uy-li-am Sếch-xpia | William Shakespeare | 4 | 115 |
| 103 | Va-na-ra | Vanara | 4 | 123, 124 |
| 104 | Van-mi-ki | Valmiki | 4 | 113, 115, 121 |
| 105 | Véc-te | Werther | 3 | 84 |
| 106 | Vích-to Huy-gô | Victor Hugo | 3 | 84 |
| 107 | Vi-phi-sa-na | Viphisana | 4 | 122, 123 |
| 108 | Xa-a-đi Si-ra-đi | Saadi Shirazi | 3 | 84 |
| 109 | Xa-lam-bô | Salamambo | 3 | 83 |
| 110 | Xa-tru-na | Xatrana | 4 | 123 |
| 111 | Xca-măng-đri-ốt | Skamandrios | 4 | 100 |
| 112 | Xi-ta | Sita | 4 | 115, 117, 122,... |
| 113 | Xkê | Skey | 4 | 100, 104 |
| 114 | Xu-gri-va | Xugriva | 4 | 123 |

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ THỊ VÂN – NGUYỄN THỊ KIM HẰNG

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: NGUYỄN THUY QUỲNH

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM – NGUYỄN DUY LONG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Văn Giáo, *Tam quan nội Văn Miếu*,
1939, tranh màu bột, 33 x 46,5 cm

NGŨ VĂN 10 – Tập một

Mã số: G1HHXV001H22

In ... bản, (QĐ ...) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Số ĐKXB: 183-2022/CXBIPH/36-62/GD.

Số QĐXB: .../QĐ-GD - HN ngày ... tháng ... năm 2021

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31112-2

Tập hai: 978-604-0-31113-9



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 10, tập một
2. Ngữ văn 10, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
4. Toán 10, tập một
5. Toán 10, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 10
7. Lịch sử 10
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
9. Địa lí 10
10. Chuyên đề học tập Địa lí 10
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Vật lí 10
14. Chuyên đề học tập Vật lí 10
15. Hoá học 10
16. Chuyên đề học tập Hoá học 10
17. Sinh học 10
18. Chuyên đề học tập Sinh học 10
19. Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
21. Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
23. Tin học 10
24. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
27. Mĩ thuật 10 – Thiết kế đồ hoạ
28. Mĩ thuật 10 – Thiết kế thời trang
29. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
30. Mĩ thuật 10 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
31. Mĩ thuật 10 – Điều khắc
32. Mĩ thuật 10 – Kiến trúc
33. Mĩ thuật 10 – Hội hoạ
34. Mĩ thuật 10 – Đồ hoạ (tranh in)
35. Mĩ thuật 10 – Thiết kế công nghiệp
36. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10
37. Âm nhạc 10
38. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
39. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10
40. Giáo dục thể chất 10 – Bóng chuyền
41. Giáo dục thể chất 10 – Bóng đá
42. Giáo dục thể chất 10 – Cầu lông
43. Giáo dục thể chất 10 – Bóng rổ
44. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10
45. Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách học sinh

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-31112-2



9 786040 311122

Bản in thử
SÁCH KHÔNG BÁN



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)

PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)

TRẦN NGỌC HIẾU – NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – ĐẶNG LƯU – HÀ VĂN MINH

NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – NGUYỄN THỊ NƯƠNG – ĐỖ HẢI PHONG

NGŨ VĂN

10

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)

PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)

TRẦN NGỌC HIẾU – NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – ĐẶNG LƯU – HÀ VĂN MINH

NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – NGUYỄN THỊ NƯỞNG – ĐỖ HẢI PHONG

NGŨ VĂN

TẬP HAI

(Bản in thử)

10

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

| Bài | NỘI DUNG | | Trang |
|------------------|--|--|-----------|
| 6 | NGUYỄN TRÃI – "DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY" | | 4 |
| ĐỌC | | Tác gia Nguyễn Trãi | 6 |
| | | <i>Bình Ngô đại cáo</i> (Đại cáo bình Ngô – Nguyễn Trãi) | 11 |
| | | <i>Bảo kính cảnh giới</i> , bài 43 (Gương báu răn mình, bài 43 – Nguyễn Trãi) | 22 |
| | | <i>Dục Thúy sơn</i> (Núi Dục Thúy – Nguyễn Trãi) | 24 |
| | | Thực hành tiếng Việt: Sử dụng từ Hán Việt (tiếp theo) | 26 |
| VIẾT | | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | 27 |
| NÓI VÀ NGHE | | Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau | 31 |
| Củng cố, mở rộng | | | 33 |
| Thực hành đọc | | <i>Ngôn chí</i> , bài 3 (Nguyễn Trãi) | 34 |
| | | <i>Bạch Đằng hải khẩu</i> (Cửa biển Bạch Đằng – Nguyễn Trãi) | 35 |
| 7 | QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN | | 37 |
| ĐỌC | | <i>Người cầm quyền khôi phục uy quyền</i> (Trích <i>Những người khốn khổ</i> – Vích-to Huy-gô) | 39 |
| | | <i>Dưới bóng hoàng lan</i> (Thạch Lam) | 46 |
| | | <i>Một chuyện đùa nho nhỏ</i> (An-tôn Sê-khốp – Anton Chekhov) | 53 |
| | | Thực hành tiếng Việt: Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê | 59 |
| VIẾT | | Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện) | 61 |
| NÓI VÀ NGHE | | Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau | 66 |
| Củng cố, mở rộng | | | 68 |
| Thực hành đọc | | <i>Con khướu sổ lồng</i> (Trích – Nguyễn Quang Sáng) | 70 |

| | | | |
|----------|---------------------------------------|---|------------|
| 8 | THẾ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN | | 73 |
| | ĐỌC | <i>Sự sống và cái chết</i> (Trích Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao – Trịnh Xuân Thuận) | 75 |
| | | <i>Nghệ thuật truyền thống của người Việt</i> (Trích Văn minh Việt Nam – Nguyễn Văn Huyền) | 78 |
| | | <i>Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu</i> (Lê My) | 84 |
| | | Thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ | 89 |
| | VIẾT | Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng | 90 |
| | NÓI VÀ NGHE | Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng | 93 |
| | Củng cố, mở rộng | | 95 |
| | Thực hành đọc | <i>Tính cách của cây</i> (Trích – Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben – Peter Wohlleber) | 96 |
| 9 | HÀNH TRANG CUỘC SỐNG | | 99 |
| | ĐỌC | <i>Về chính chúng ta</i> (Trích 7 bài học hay nhất về vật lí – Các-lô Rô-ve-li – Carlo Rovelli) | 100 |
| | | <i>Con đường không chọn</i> (Rô-bốt Phờ-rôt – Robert Frost) | 104 |
| | | <i>Một đời như kẻ tìm đường</i> (Trích – Phan Văn Trường) | 107 |
| | | Thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (tiếp theo) | 111 |
| | VIẾT | Viết bài luận về bản thân | 113 |
| | NÓI VÀ NGHE | Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ | 118 |
| | Củng cố, mở rộng | | 120 |
| | Thực hành đọc | <i>Mãi mãi tuổi hai mươi</i> (Trích – Nguyễn Văn Thạc) | 121 |
| | ÔN TẬP HỌC KÌ II | | 124 |
| | Bảng tra cứu thuật ngữ | | 128 |
| | Bảng giải thích một số thuật ngữ | | 130 |
| | Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt | | 132 |
| | Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài | | 134 |

NGUYỄN TRÃI

“DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”^(*)

Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác gia này.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm, bài viết có cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các bằng chứng thuyết phục.
- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại.
- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

TRI THỨC NGŨ VĂN

Văn học trung đại Việt Nam

Văn học trung đại Việt Nam hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, trong thời kì phong kiến. Văn học trung đại Việt Nam gồm hai bộ phận: văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm. Văn học trung đại Việt Nam có liên hệ mật thiết với nguồn mạch văn học dân gian; đồng thời tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo tinh hoa của nhiều nền văn học trong khu vực, đặc biệt là văn học cổ điển Trung Hoa.

^(*) Câu thơ trích trong bài *Tùng*, thuộc *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

Văn học trung đại Việt Nam luôn gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc, thể hiện rõ tinh thần yêu nước và đề cao các giá trị nhân văn, nhân đạo. Tính quy phạm được xem là đặc trưng nổi bật nhất trong văn học trung đại, theo đó, sáng tác văn học phải tuân theo những quy định chặt chẽ có tính khuôn mẫu, từ quan điểm sáng tác, kiểu tư duy nghệ thuật, hình thức thể loại đến hệ thống thi liệu và các thủ pháp ngôn ngữ,... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam và ở sáng tác của nhiều tác giả, một số đặc điểm quy phạm đã bị phá vỡ, thể hiện tính dân tộc và ý thức cá tính trong cả nội dung và hình thức nghệ thuật.

Tác giả văn học trung đại Việt Nam

Nền văn học trung đại Việt Nam được tạo dựng bởi các thế hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc. Tác giả văn học trung đại Việt Nam hấp thụ tinh hoa văn hoá dân gian của người Việt và tiếp nhận ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo theo xu hướng dân tộc hoá. Nhiều tác giả là anh hùng dân tộc có đóng góp to lớn cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại

Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại có thành tựu rất phong phú, được viết theo nhiều thể văn khác nhau như hịch, cáo, chiếu, biểu, thư, trát, luận thuyết, tỵ, bạt,... Văn nghị luận thời trung đại thường có bố cục mang tính quy phạm với các phần đảm nhiệm những chức năng cụ thể, lời văn chứa nhiều điển tích, điển cố, lập luận chặt chẽ,... Trong đó, hịch, cáo, chiếu, thư là những thể văn tiêu biểu nhất.

Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

Văn nghị luận không chỉ thuyết phục người đọc bằng lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén mà còn bằng các yếu tố biểu cảm. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận thể hiện nhiệt huyết của người viết trong việc bày tỏ và bảo vệ quan điểm. Nhờ các yếu tố biểu cảm như cảm xúc, hình ảnh, giọng điệu, không chỉ chủ kiến của người viết được bộc lộ rõ ràng mà khả năng tác động đến người đọc của văn bản nghị luận cũng được gia tăng.

Tác gia Nguyễn Trãi



- *Bạn hãy kể tên một số tác giả văn học trung đại Việt Nam có đóng góp quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.*
- *Hãy chia sẻ một vài thông tin về tác giả mà bạn ngưỡng mộ.*



I. TIỂU SỬ

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) hiệu Úc Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương), nhưng lớn lên cùng gia đình ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội). Thân phụ Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh, đỗ Thái học sinh⁽¹⁾ dưới triều Trần; thân mẫu là Trần Thị Thái – con quan Tư đồ⁽²⁾ Trần Nguyên Đán.

Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đỗ Thái học sinh và làm quan cùng cha dưới triều Hồ. Năm 1407, triều Hồ sụp đổ, giặc Minh bắt Nguyễn Phi Khanh đưa về Trung Quốc và giam lỏng Nguyễn Trãi ở thành Đông Quan⁽³⁾. Một thời gian sau (khoảng năm 1423), Nguyễn Trãi tìm vào Lam Sơn (Thanh Hoá) theo giúp Lê Lợi, dâng *Bình Ngô sách* (Sách lược đánh dẹp giặc Minh). Ông được Lê Lợi tin dùng và đã có đóng góp đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Năm 1427, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế và giao cho Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo*.

Trong thời gian Lê Thái Tổ trị vì cũng như đầu triều Lê Thái Tông, nội bộ triều đình nảy sinh xung đột, nhiều bậc công thần bị sát hại, Nguyễn Trãi cũng bị nghi kị.



Nguyễn Trãi

Chú ý vai trò của Nguyễn Trãi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh.

⁽¹⁾ *Thái học sinh*: học vị của người đỗ kì thi Hội thời Trần – Hồ, tương đương với học vị Tiến sĩ của các triều đại sau.

⁽²⁾ *Tư đồ*: một chức hàm trong Tam Tư (gồm Tư đồ, Tư mã, Tư không), là chức hàm gia phong cho các vị đại thần thuộc hoàng tộc, quyền ngang Tể tướng.

⁽³⁾ *Đông Quan*: tên gọi Thăng Long thời thuộc Minh.

Năm 1437, ông xin về ở ẩn tại Côn Sơn (Hải Dương). Năm 1440, vua Lê Thái Tông mời Nguyễn Trãi ra giúp nước. Ông cảm kích nhận ơn tri ngộ⁽¹⁾: “Thương thân như con ngựa già còn ham rong ruổi; xem thân như thông qua năm rét càng dạn tuyết sương” (*Biểu tạ ơn*). Năm 1442, Nguyễn Trãi bị bọn gian thần vu cho tội giết vua và phải chịu án “tru di tam tộc⁽²⁾”, thơ văn bị tiêu huỷ, cấm đoán. Đến tận năm 1464, vua Lê Thánh Tông mới minh oan cho Nguyễn Trãi và năm 1467 ban lệnh tìm kiếm, cho khắc in di cáo của ông⁽³⁾.

Năm 1980, Nguyễn Trãi được tổ chức UNESCO vinh danh là “Danh nhân văn hoá thế giới”.

II. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC

Nguyễn Trãi để lại cho hậu thế một di sản văn hoá quý giá, trong đó nổi bật là những sáng tác được viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, thuộc nhiều lĩnh vực: quân sự, chính trị, lịch sử, địa lí, văn học. Tác phẩm chữ Hán gồm: *Úc Trai thi tập*, *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Lam Sơn thực lục*, *Dur địa chí*, *Chí Linh sơn phú* và *Băng Hồ di sự lục*; sáng tác chữ Nôm có: *Quốc âm thi tập*.

1. Nội dung thơ văn

Thơ văn Nguyễn Trãi phong phú, đa dạng về đề tài, cảm hứng; giàu giá trị tư tưởng và đậm tính trữ tình. Nổi bật trong các tác phẩm của ông là *tư tưởng nhân nghĩa*⁽⁴⁾, *tình yêu thiên nhiên* và *những ưu tư về thế sự*.

Tư tưởng nhân nghĩa có nguồn gốc từ Nho giáo nhưng đã được Nguyễn Trãi tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo. Với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa trước hết là thương dân; lấy cuộc sống bình yên, no ấm của nhân dân làm mục tiêu cao nhất: *Vì dân lo trước, dạ khôn nguôi* (*Mạn hứng*, bài 2). Nguyễn Trãi luôn khẳng định vai trò và sức mạnh của nhân dân: *Lật thuyền mới biết dân như nước* (*Quan hải* – *Úc Trai thi tập*). Đặc biệt, ông không chỉ thương dân mà còn biết tôn trọng dân, biết ơn dân. Tư tưởng trọng dân, ơn dân bao trùm, xuyên suốt sáng tác của Nguyễn Trãi:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*

(*Bình Ngô đại cáo*)

Chú ý nội dung cơ bản của tư tưởng nhân nghĩa trong thơ văn Nguyễn Trãi.

(1) *Tri ngộ*: gặp gỡ nhau, biết rõ, thấu hiểu tấm lòng.

(2) *Tru di tam tộc*: hình phạt thảm khốc thời phong kiến, xử tử nhiều người; tùy từng trường hợp, “tam tộc” có thể gồm ba họ (họ cha, họ mẹ, họ vợ) hoặc ba đời (đời mình, đời con, đời cháu).

(3) *Di cáo*: bản thảo tác phẩm của người chết để lại.

(4) *Nhân nghĩa*: tư tưởng Nho học, có nội dung chính là thương yêu con người, coi trọng dân chúng, xây dựng nền chính trị ổn định dựa trên cơ sở lấy “tam cương, ngũ thường” làm gốc. Trong câu văn này, Nguyễn Trãi nhấn mạnh mục đích, hành động thực tiễn của lí tưởng nhân nghĩa là *yên dân* và *trừ bạo*. Tư tưởng nhân nghĩa đã được Nguyễn Trãi phát triển sâu sắc ở nhiều phương diện.

Ăn lộc, đền ơn kẻ cấy cày

(*Bảo kính cảnh giới*, bài 19 – *Quốc âm thi tập*)

Là một nhà Nho, lí tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi dĩ nhiên gắn liền với tư tưởng trung quân: *Quân thân chưa báo lòng canh cánh* (*Ngôn chí*, bài 7 – *Quốc âm thi tập*); với giấc mơ về một triều đại vua sáng, tôi hiền. Nhưng xét đến cùng, nội dung cốt lõi trong tư tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi là tình yêu dành cho nhân dân, là khát vọng xây dựng một đất nước độc lập, thái bình, hưng thịnh.

Tình yêu thiên nhiên là nguồn cảm hứng lớn trong thơ văn Nguyễn Trãi (đặc biệt là thơ). *Ức Trai thi tập* và *Quốc âm thi tập* chứa đựng cả một thế giới thiên nhiên đa dạng, vừa mỹ lệ vừa bình dị, gần gũi. Có thể tìm thấy trong kho báu thiên nhiên “đầy qua nóc” ấy khung cảnh tráng lệ của cửa biển Bạch Đằng, Vân Đồn, Thần Phù, Vọng Doanh; vẻ hùng vĩ, nguyên sơ của Yên Tử, Côn Sơn; chốn thôn quê bình dị, dân dã, thân thuộc với những *đất cày ngô ải, giậu mừng toi, lãnh mừng, bè muống*,... Tâm hồn Nguyễn Trãi rộng mở, tinh tế, lãng mạn – nâng niu từng vẻ đẹp, từng khoảnh khắc giao hoà cùng thiên nhiên:

*Cây ropy tán che am mát,
Hồ thanh nguyệt hiện bóng tròn.
Rùa nằm, hạc lẫn nên bầu bạn,
Ủ ấp cùng ta làm cái con.*

Biểu hiện của tình yêu thiên nhiên và nỗi niềm thế sự.

(*Ngôn chí*, bài 20 – *Quốc âm thi tập*)

Một đời ôm mối “ưu dân, ái quốc” nên hồn thơ Ức Trai trĩu nặng suy tư trước thế sự đen bạc. Thơ ông có nhiều chiêm nghiệm buồn về nhân tình thế thái; có cả những cay đắng, thất vọng, đau đớn trước một thực tại hỗn độn, bất công, ngang trái:

*Phượng những tiếc cao, điều hầy liệng
Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi*

(*Tự thuật*, bài 9 – *Quốc âm thi tập*)

Nguyễn Trãi đã đối diện với thực tại ấy bằng tâm thế, tư thế của cây tùng, cây bách: *Một mình lạt thuở ba đông* (*Tùng* – *Quốc âm thi tập*), bằng cốt cách của hoa cúc, hoa sen: *Sen nào có bén trong lầy* (*Thuật hứng*, bài 25 – *Quốc âm thi tập*). Ông lựa chọn quan niệm sống, triết lí sống thanh cao, cứng cỏi, kiêu hãnh: “*Chớ cậy sang mà ép nê/ Lời chẳng phải vuồn⁽¹⁾ khôn nghe*” (*Trần tình*, bài 8 – *Quốc âm thi tập*) và lí tưởng cao cả:

*Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược
Có nhân, có trí, có anh hùng*

(*Bảo kính cảnh giới*, bài 5 – *Quốc âm thi tập*)

⁽¹⁾ *Vuồn*: âm cổ của *vấn*, chỉ tình trạng hay sự thế nào đó cứ tiếp diễn như trước.

2. Đặc điểm nghệ thuật

Thơ văn Nguyễn Trãi kết tinh nhiều thành tựu nghệ thuật đặc sắc; góp phần quan trọng vào sự phát triển, hoàn thiện một số thể loại văn học trung đại Việt Nam: văn chính luận, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm.

Đóng góp quan trọng của Nguyễn Trãi ở từng thể loại: văn chính luận, thơ chữ Hán, thơ chữ Nôm.

Văn chính luận của Nguyễn Trãi, đặc biệt là những thư từ bút chiến, văn kiện ngoại giao với nhà Minh luôn đạt đến trình độ mẫu mực. Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách triệt để và sắc sảo các mệnh đề tư tưởng, đạo đức của Nho giáo và chân lí khách quan của đời sống để tạo dựng nền tảng chính nghĩa vững chắc cho những luận điểm lớn được nêu lên. Nhiều văn bản được mở đầu bằng triết lí nhân nghĩa: “Mưu tính việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, hoàn thành công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu.” (*Lại thư trả lời Phương Chính – Quân trung từ mệnh tập*); hoặc bằng những quy luật tất yếu: “Tôi nghe: Trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai, mặt trời mặt trăng không chiếu riêng ai.” (*Lại thư cho Vương Thông – Quân trung từ mệnh tập*).

Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi còn được tạo nên nhờ khả năng bám sát từng đối tượng và tình hình thời sự, chiến sự; sự kết hợp giữa lí lẽ sắc bén với dẫn chứng xác đáng; cách lập luận và bố cục chặt chẽ; ngôn ngữ hàm súc, kết hợp nhiều phong cách ngôn ngữ và nhiều phương thức biểu đạt, giọng điệu truyền cảm. Lê Quý Đôn từng ca ngợi Nguyễn Trãi là cây bút viết thư, thảo hịch tài giỏi hơn hết mọi thời.

Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi hầu hết được sáng tác bằng các thể thơ Đường luật, đạt tới sự nhuần nhuyễn, điêu luyện; ngôn ngữ cô đúc; nghệ thuật tả cảnh, tả tình tinh tế, tài hoa. Nghệ thuật trữ tình vẫn mang nét trang nhã, hàm súc “ý tại ngôn ngoại” của thơ cổ phương Đông nhưng không theo hướng cầu kì, khuôn thước. Ý tình trong nhiều bài thơ vừa in được dấu ấn cá nhân vừa có giá trị tư tưởng sâu sắc (*Loạn hậu đảo Côn Sơn cảm tác, Chu trung ngẫu thành, Tự thán, Thanh minh,...*). Hình tượng thiên nhiên trong *Ức Trai thi tập* khi thì phóng khoáng, hùng vĩ, diễm lệ, khi thì thanh sơ, thơ mộng (*Thần Phù hải khẩu, Đề Yên Tử sơn Hoa Yên tự, Vân Đồn, Túc hứng, Mộ xuân tức sự, Trại đầu xuân độ,...*).

Thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi được đánh giá là đỉnh cao của dòng thơ quốc âm (tiếng Việt) thời trung đại. Trong *Quốc âm thi tập*, ông dường như đã có ý thức sáng tạo một thể thơ riêng khi đưa câu thơ lục ngôn⁽¹⁾ xen vào bài thơ thất ngôn ở các vị trí đa dạng, linh hoạt, đồng thời rất chú ý Việt hoá nhiều đề tài, thi liệu mượn từ văn học Trung Quốc.

⁽¹⁾ Lục ngôn: sáu tiếng.

Ngôn ngữ thơ Nôm Nguyễn Trãi giản dị, đậm đà tính dân tộc; sử dụng nhiều từ láy, thành ngữ, tục ngữ và lời ăn tiếng nói của dân chúng:

*Tay ai thì lại làm nuôi miệng,
Làm biếng ngồi ăn lỗ núi non*

(Bảo kính cảnh giới, bài 22 – Quốc âm thi tập)

Thơ văn Nguyễn Trãi xứng đáng là tập đại thành⁽¹⁾ của 5 thế kỉ văn học trung đại Việt Nam tính đến mốc thế kỉ XV. Ông là tác gia có đóng góp đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng nền văn học Đại Việt sau thời gian nước ta bị quân xâm lược nhà Minh đô hộ và thi hành chính sách huỷ diệt văn hoá.

*Vị trí của Nguyễn Trãi
trong nền văn học
trung đại Việt Nam.*



Trả lời câu hỏi

1. Dựa vào những thông tin trong văn bản, hãy nêu ấn tượng sâu sắc nhất của bạn về cuộc đời và con người Nguyễn Trãi.
2. Điều gì đã tạo nên giá trị đặc sắc trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi?
3. Nêu cảm nhận của bạn về tâm hồn Nguyễn Trãi qua những bài thơ viết về thiên nhiên.
4. Đọc những vần thơ Nguyễn Trãi viết về nỗi niềm thế sự, bạn hình dung như thế nào về con người tác giả?
5. Văn chính luận của Nguyễn Trãi đã từng thể hiện sức tác động mạnh mẽ như thế nào? Những yếu tố nào đã làm nên sức mạnh đó?
6. Hãy kể tên những tác phẩm văn học, nghệ thuật mà bạn biết nói về cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân Nguyễn Trãi.

Kết nối đọc – viết

Sưu tầm một bài thơ chữ Hán hoặc chữ Nôm của Nguyễn Trãi và viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) giới thiệu bài thơ đó.

⁽¹⁾ *Tập đại thành*: thành tựu lớn, có ý nghĩa tổng hợp, kết tinh nhiều phương diện giá trị.

BÌNH NGÔ^(*) ĐẠI CẢO

(Đại cáo bình Ngô)

Nguyễn Trãi



- *Bạn đã từng học, từng đọc những áng văn cổ Việt Nam nào được mệnh danh là “hùng văn”? Hãy chia sẻ thông tin khái quát về một trong số tác phẩm ấy.*
- *Theo bạn, một tác phẩm được nhìn nhận là bản tuyên ngôn độc lập của một dân tộc thường ra đời trong hoàn cảnh nào và có những đặc điểm gì?*



1 Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt⁽¹⁾ trước lo trừ bạo.

Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến⁽²⁾ đã lâu.

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần⁽³⁾ bao đời gây nền độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên⁽⁴⁾ mỗi bên xưng đế⁽⁵⁾
một phương.

Chú ý tư tưởng thực thi nhân nghĩa xuyên suốt tác phẩm.

“Chủ quyền dân tộc” được thể hiện ở những phương diện cơ bản nào?

^(*) *Bình Ngô*: dẹp tan giặc Ngô. *Bình* là dẹp bằng, phá tan, làm cho yên ổn. *Ngô*: chỉ giặc Minh, từng sang xâm lược và cai trị nước ta. Người sáng lập nhà Minh (Trung Quốc) là Chu Nguyên Chương (1328 – 1398), tức Minh Thái Tổ, lúc đấy nghiệp ở đất Ngô, tự xưng là Ngô vương. Do đó, sách lịch sử cũng thường gọi nhà Minh là Ngô.

⁽¹⁾ *Điếu phạt*: rút gọn cụm từ “điếu dân phạt tội” trong *Kinh thư* (tức *Thượng thư*), nói việc vua Thang, vua Vũ vì thương xót (*điếu*) nhân dân mà trừng trị (*phạt*) kẻ có tội là vua Kiệt, vua Trụ.

⁽²⁾ *Văn hiến*: ở đây chỉ chung nền văn hoá lâu đời, có nhân vật anh hùng, có sử sách ghi chép lại quá trình hình thành và phát triển của dân tộc (*văn*: tư liệu lịch sử, văn hoá thành văn; *hiến*: hiến tài).

⁽³⁾ *Triệu, Đinh, Lý, Trần*: các thời kì, triều đại nối tiếp nhau xây dựng nền tự chủ Đại Việt:

Triệu (207 – 111 trước Công nguyên), Đinh (968 – 979), Lý (1010 – 1224), Trần (1125 – 1399). Một số bộ sử cũ đã xem nhà Triệu là một triều đại của lịch sử Việt Nam và xếp triều đại này vào thời kì tự chủ.

⁽⁴⁾ *Hán, Đường, Tống, Nguyên*: các triều đại trong lịch sử Trung Quốc, gần tương ứng với các thời kì, triều đại trong lịch sử Việt Nam ở trên: Hán (204 trước Công nguyên – 220), Đường (618 – 907), Tống (960 – 1279), Nguyên (1280 – 1378).

⁽⁵⁾ *Đế*: quốc gia độc lập, tự chủ, vua xưng là *đế* hay *hoàng đế*. Từ sau khi nhà Tần (Trung Quốc) thống nhất Trung Quốc và xưng Tần Thủy hoàng đế, chữ *đế* dần có hàm nghĩa phân biệt với *vuông*, chỉ vua chư hầu. Trong nguyên văn, chữ *đế* được sử dụng như động từ, thể hiện tư tưởng xác lập thể chế nhà nước tự chủ.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt⁽¹⁾ đời nào cũng có.

Vậy nên:

Lưu Cung⁽²⁾ tham công nên thất bại,
Triệu Tiết⁽³⁾ thích lớn phải tiêu vong.
Cửa Hàm Tử⁽⁴⁾ bắt sống Toa Đô⁽⁵⁾,
Sông Bạch Đằng⁽⁶⁾ giết tươi Ô Mã⁽⁷⁾.

Việc xưa xem xét,

Chúng có còn ghi.

2 Vừa rồi:

Nhân họ Hồ⁽⁸⁾ chính sự⁽⁹⁾ phiên hà,
Để trong nước lòng dân oán hận.
Quân cuồng Minh thừa cơ gây hoạ,
Bọn gian tà bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen⁽¹⁰⁾ trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ⁽¹¹⁾ xuống dưới hầm tai vạ.
Dối trời lừa dân đủ muôn nghìn kế,
Gây binh kết oán trải hai mươi năm.

Tâm trạng phần uất của tác giả trước tội ác của kẻ thù đã được thể hiện như thế nào?

- (1) *Hào kiệt*: chỉ chung những bậc anh hùng xuất chúng, có công trạng lớn đối với quốc gia (*hào*: tài trí hơn người; *kiệt*: giỏi giang, kiệt xuất).
- (2) *Lưu Cung*: vua Nam Hán, sai con là Lưu Hoàng Thao đem quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại và giết chết ở sông Bạch Đằng.
- (3) *Triệu Tiết*: tướng nhà Tống, từng mang quân xâm lược nước ta, bị Lý Thường Kiệt đánh bại.
- (4) *Hàm Tử*: một địa điểm trên sông Hồng, nay thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Trần Nhật Duật phối hợp cùng Trần Quốc Toản đã đại phá quân Toa Đô ở đây.
- (5) *Toa Đô*: tướng nhà Nguyên (Trung Quốc), mang quân xâm lược nước ta, bị quân dân nhà Trần đánh bại. Giữa thực tế lịch sử với *Bình Ngô đại cáo* có sự sai lệch đôi chút, có lẽ do sự khác biệt về sử liệu: thực tế, Toa Đô bị giết chết ở trận Tây Kết (Hưng Yên) chứ không phải ở Hàm Tử.
- (6) *Bạch Đằng*: sông chảy giữa Quảng Ninh và Hải Phòng. Sông Bạch Đằng gắn liền với nhiều chiến công của quân dân Đại Việt chống kẻ thù xâm lược phương Bắc trong lịch sử.
- (7) *Ô Mã*: tức Ô Mã Nhi, tướng nhà Nguyên, bị quân dân nhà Trần đánh bại ở trận Bạch Đằng.
- (8) *Hồ*: tên một triều đại trong lịch sử Việt Nam (1400 – 1407). Sau khi giành được quyền lực từ tay nhà Trần, Hồ Quý Ly lên ngôi, lập ra triều Hồ và đổi quốc hiệu Đại Việt thành Đại Ngu. Năm 1406, nhà Minh mượn cớ “phù Trần diệt Hồ” kéo quân sang xâm lược nước ta.
- (9) *Chính sự*: việc chính trị, các chính sách và chế độ quản lí đất nước của một quốc gia.
- (10) *Dân đen*: dịch chữ *thương sinh* (dân sống dưới bầu trời xanh), chỉ người dân bình thường.
- (11) *Con đỏ*: dịch chữ *xích tử*, ý nói con mới đẻ ra còn đỏ, cần nâng niu, nuôi nấng. Lấy ý câu trong sách *Thượng thư*: “Người làm vua phải bảo vệ nhân dân như bảo vệ con đỏ của mình”.

Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,
 Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
 Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập, thuồng luồng.
 Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu, nước độc.
 Vết sản vật, bắt chim trả⁽¹⁾, chốn chốn lưới chăng,
 Nhiều nhân dân, bẫy hươu đen⁽²⁾, nơi nơi cạm đặt.
 Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
 Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
 Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán;
 Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.
 Nặng nề những nỗi phu phen,
 Tan tác cả nghề canh cửi.
 Độc ác thay, trúc Nam Sơn⁽³⁾ không ghi hết tội,
 Dơ bẩn thay, nước Đông Hải⁽⁴⁾ không rửa sạch mùi.
 Lẽ nào trời đất dung tha,
 Ai bảo thần nhân chịu được?

Chú ý giọng văn đầy cảm xúc của tác giả khi nói về những nỗi cực khổ mà nhân dân ta phải chịu đựng.

3 Ta đây:

Núi Lam Sơn⁽⁵⁾ dấy nghĩa,
 Chốn hoang dã nương mình.
 Ngầm thù lớn há đội trời chung,
 Cầm giặc nước thù không cùng sống.
 Đau lòng nhức óc⁽⁶⁾, chốc đà mười mấy năm trời;
 Ném mật nằm gai⁽⁷⁾, há phải một hai sớm tối.

Chủ tướng Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn đã có suy nghĩ và hành động gì trước tội ác của giặc Minh?

(1), (2) *Chim trả, hươu đen*: các loài vật quý hiếm.

(3), (4) *Nam Sơn, Đông Hải*: *Nam Sơn* là một ngọn núi cao, *Kinh thi* có câu: *Tiết bĩ Nam Sơn* (núi Nam kia cao vọi vọi). *Đông Hải*: Biển Đông. Cả hai câu trên mượn chữ và ý trong bài hịch của Ngỗi Hưu và Lương Nguyên kể tội Tuý Dượng đế: *Khánh Nam Sơn chi trúc thư tội vô cùng, quyết Đông Hải chi ba lưu ác nan tận* (Chặt hết trúc Nam Sơn, chép không hết tội; vết cặn nước Đông Hải, rửa chẳng sạch ác).

(5) *Lam Sơn*: tên một vùng thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá; là vùng rừng núi nơi Lê Lợi dấy quân khởi nghĩa, lịch sử vẫn gọi là khởi nghĩa Lam Sơn.

(6) *Đau lòng nhức óc* (nguyên văn: *thống tâm tật thủ*): chữ mượn từ sách *Tả truyện*, ý nói căm giận vô cùng.

(7) *Ném mật nằm gai* (nguyên văn: *thường đả ngoạ tân*): ném mật đắng, nằm trên gai, dẫn điển vua nước Việt đời Đông Chu là Câu Tiễn bị vua nước Ngô là Phù Sai cướp nước, bèn nuôi chí phục thù, trước khi ăn thì ném mật đắng, khi ngủ thì nằm trên gai để không quên mối thù cũ.

Quên ăn⁽¹⁾ vì giận, sách lược thao⁽²⁾ suy xét đã tinh;
Ngẫm trước đến nay, lẽ hung phế⁽³⁾ đắn đo càng kĩ.

Những trần trọc trong cơn mộng寐,

Chỉ bắn khoản một nỗi đồ hồi⁽⁴⁾.

Vừa khi cờ nghia dấy lên⁽⁵⁾,

Chính lúc quân thù đương mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuấn kiệt⁽⁶⁾ như sao buổi sớm,

Nhân tài như lá mùa thu.

Việc bồn tẩu⁽⁷⁾ thiếu kẻ đỡ đần,

Nơi duy ác⁽⁸⁾ hiếm người bàn bạc.

Tấm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông⁽⁹⁾,

Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả⁽¹⁰⁾.

Thế mà:

Trông người người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể khơi,

Tự ta, ta phải dốc lòng⁽¹¹⁾, vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phản thì giận hung đồ ngang dọc,

*Những khó khăn gì của
nghĩa quân Lam Sơn
buổi đầu dấy binh được
chú ý nhấn mạnh?*

(1) *Quên ăn* (nguyên văn: *phát phẩn vong thực*): mượn chữ trong sách *Luận ngữ*, nói về việc khi chí ham học nổi lên thì quên cả ăn. Cả câu này ý nói về chí miệt mài nghiên ngẫm binh thư để tìm kế sách đánh giặc cứu nước.

(2) *Lược thao*: phép tắc và mưu lược dụng binh, đây là cách gọi ghép hai từ *lược thao* và *tam lược*. *Lược thao* là tên một cuốn sách dạy về quân sự tương truyền do Lã Vọng đời Chu soạn, gồm 6 thiên; *tam lược* là tên một cuốn sách do Hoàng Thạch Công soạn, gồm 3 phần.

(3) *Hung phế*: sự nổi lên (*hung*) và mất đi (*vong, phế*) của các triều đại.

(4) *Đồ hồi*: mưu tính khôi phục lại cơ đồ cũ (*đồ*: mưu tính, *hồi*: quay trở lại).

(5) *Cờ nghia dấy lên*: phát cờ hiệu triệu nhân dân đứng lên đấu tranh bảo vệ chính nghĩa.

(6) *Tuấn kiệt*: nhân tài, hào kiệt, chỉ các bậc anh hùng tài giỏi. Ý cả hai câu này: bậc anh hùng xuất hiện ít (như sao buổi sớm), người tài giỏi hiếm hoi (như lá trên cành vào mùa thu).

(7) *Bồn tẩu*: bồn ba, chạy vạy lo toan công việc (*bồn*: đi vội vã, *tẩu*: chạy).

(8) *Duy ác*: ngày xưa, tướng chỉ huy ra trận thường quây màn làm nơi bàn luận và quyết định chiến sự, do đó *duy ác* được dùng để chỉ bộ chỉ huy.

(9) *Tiến về đông*: mượn chữ từ một câu nói của Lưu Bang (Hán Cao tổ) với Tiêu Hà khi bị Hạng Vũ ép dồn về phía Tây: “Dư diệc dục đông hĩ, an năng uất uất cửu cư ư thử” (Ta cũng muốn tiến về phía đông chứ sao có thể rầu rĩ ở mãi chốn này được). Ở đây, tác giả dùng chữ trên tỏ ý muốn (từ phía tây – Lam Sơn) tiến về Đông Đô – Thăng Long, lúc này đang bị giặc Minh chiếm đóng.

(10) *Dành phía tả*: dẫn điển Tín Lăng Quân nước Ngụy thời Đông Chu, nghe tiếng Hầu Doanh là hiền sĩ liền đem xe đi đón, tự ngồi bên phải giữ cương ngựa, dành chỗ bên trái là chỗ tôn quý để Hầu Doanh ngồi.

(11) *Tự ta, ta phải dốc lòng*: dịch cụm từ *do kỉ chi thành* (do lòng thành thực của mình), ý nói lòng thành thực muốn làm điều nhân, dẫn ý câu trong *Luận ngữ*: “vi nhân do kỉ nhi do nhân hồ tai” (làm điều nhân phải do mình chứ đâu phải do người khác).

Phần thì lo vận nước khó khăn.

Khi Linh Sơn⁽¹⁾ lương hết mấy tuần,

Khi Khôi Huyện⁽²⁾ quân không một đội.

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,

Ta gắng chí khắc phục gian nan.

Nhân dân⁽³⁾ bốn cõi một nhà, dựng cần trúc⁽⁴⁾ ngọn cờ phấp phới;

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào⁽⁵⁾.

Thế trận xuất kì⁽⁶⁾, lấy yếu chống mạnh;

Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

4 Trọn hay:

Đem đại nghĩa⁽⁷⁾ để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân⁽⁸⁾ để thay cường bạo.

Trận Bồ Đằng⁽⁹⁾ sấm vang chớp giật,

Miền Trà Lân⁽¹⁰⁾ trúc chẻ tro bay⁽¹¹⁾.

Sĩ khí⁽¹²⁾ đã hăng,

Quân thanh⁽¹³⁾ càng mạnh.

Tinh thần đồng cam cộng khổ của tướng sĩ được thể hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào?

Ý câu văn “Đem đại nghĩa... thay cường bạo” có mối liên hệ như thế nào với chủ trương “mưu phạt tâm công” và tư tưởng nhân nghĩa?

(1) *Linh Sơn*: tức núi Chí Linh, nay thuộc huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

(2) *Khôi Huyện*: tên một huyện ở đầu thế kỉ XV (huyện Khôi), nay thuộc vùng giáp ranh của ba tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình và Hoà Bình.

(3) *Nhân dân* (nguyên văn: *manh lệ*): chỉ chung dân chúng khốn cùng tụ họp dưới ngọn cờ nghĩa, (*manh*: dân nghèo bị tước mất ruộng đất phải tha phương cầu thực; *lệ*: nô lệ). Ý văn thể hiện sâu sắc quan niệm về “dân” của Nguyễn Trãi.

(4) *Dựng cần trúc*: dịch cụm từ *yết can vi kì* (giơ gậy lên làm cờ), mượn tích Hoàng Sào lúc mới dấy binh khởi nghĩa không kịp làm cờ phải giơ sào lên thay; bài *Quá Tắc luận* của Giả Nghi đời Hán cũng có câu: “trảm mộc vi binh, yết can vi kì” (chặt gỗ làm khí giới, giơ sào lên làm cờ).

(5) *Hoà nước sông chén rượu ngọt ngào*: dịch cụm từ *đầu giao hưởng sĩ* (đổ rượu ngọt xuống sông để khao quân). Dân điển xưa nói việc nước Tấn và nước Sở đánh nhau, có người dâng vua Sở một bình rượu ngon, vua Sở sai đổ rượu xuống sông để quân sĩ đón dòng mà uống, sau Sở đánh thắng Tấn. Câu này ý tác giả muốn nói, tướng lĩnh và nghĩa binh Lam Sơn có lòng thương yêu nhau như cha với con (*tướng sĩ một lòng phụ tử*).

(6) *Xuất kì*: bất thình lình, bất ngờ, chỉ việc bày quân mai phục để bất ngờ tiến đánh.

(7), (8) *Đại nghĩa*: nghĩa lớn. *Chí nhân*: lòng nhân ái tốt bậc. Ý hai câu này thể hiện tư tưởng nhân nghĩa của một đội quân chính nghĩa.

(9) *Bồ Đằng*: tên một ngọn núi, còn gọi là Bồ Liệp hay Bồ Cự thuộc huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Năm 1425, Lê Lợi đánh thắng quân Minh ở đây.

(10) *Trà Lân*: còn có tên là Trà Long, một vùng thuộc hai huyện Tương Dương và Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Năm 1424, nghĩa quân Lam Sơn tiến vào Nghệ An và cuối năm ấy hạ thành Trà Long, đây là chiến thắng lớn đầu tiên.

(11) *Trúc chẻ tro bay*: dịch cụm từ *trúc phá hôi phi*, ý nói bị rơi rời, tan tác một cách dễ dàng. Thành ngữ thường nói “thế như chẻ tre”, ý nói tre bị chẻ ở một đầu rồi thì cả cây sẽ bị chẻ ra dễ dàng. Trong thơ văn cổ, *hôi phi* hay *phi hôi* (tro bay) thường có nghĩa là dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng.

(12) *Sĩ khí*: khí thế của binh sĩ, quân đội.

(13) *Quân thanh*: thanh thế của quân đội.

Trần Trí⁽¹⁾, Sơn Thọ⁽²⁾ nghe hơi mà mất vía,
 Lý An⁽³⁾, Phương Chính⁽⁴⁾ nín thở cầu thoát thân.
 Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh⁽⁵⁾ quân ta chiếm lại;
 Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô⁽⁶⁾ đất cũ thu về.
 Ninh Kiều⁽⁷⁾ máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm;
 Tốt Động⁽⁸⁾ thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
 Phúc tâm⁽⁹⁾ quân giặc, Trần Hiệp⁽¹⁰⁾ đã phải bêu đầu;
 Một gian kẻ thù, Lý Lượng⁽¹¹⁾ cũng đành bỏ mạng.
 Vương Thông⁽¹²⁾ gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy;
 Mã Anh⁽¹³⁾ cứu trận đánh, mà quân ta hăng lại càng hăng.
 Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trối cùng lực kiệt;
 Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt, tâm công⁽¹⁴⁾.
 Tuồng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ;
 Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan.
 Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác;
 Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Hành động lật lọng,
 bội ước của kẻ thù sẽ
 dẫn đến kết cục như
 thế nào?

- (1), (2) **Trần Trí, Sơn Thọ:** Trần Trí là một viên tổng binh của quân Minh; Sơn Thọ là nội quan của nhà Minh (Trung Quốc), được Minh Nhân Tông lệnh mang sắc sang phong Lê Lợi làm Tri phủ Thanh Hoá để hòng mua chuộc.
- (3), (4) **Lý An, Phương Chính:** Lý An là tướng giặc Minh, được giao đóng giữ thành Nghệ An; Phương Chính là Đô đốc của nhà Minh, đóng quân ở Thanh Hoá. Cả hai viên tướng này đều bị quân ta đánh bại nhiều lần.
- (5) **Tây Kinh:** chỉ thành nhà Hồ, còn gọi là thành Tây Giai, nay ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- (6) **Đông Đô:** tên gọi của thành Thăng Long từ năm 1397 (thời Trần Phế Đế) tới năm 1430 (thời Lê Thái Tổ), để phân biệt với kinh đô mới ở Thanh Hoá (gọi là Tây Đô). Thời thuộc Minh, Đông Đô còn gọi là Đông Quan.
- (7) **Ninh Kiều:** một địa điểm có sông Ninh Giang chảy qua, nay thuộc huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Năm 1429, nghĩa quân Lam Sơn tiến ra Đông Đô, đặt phục binh ở Chúc Động, Tốt Động tiêu diệt phần lớn sinh lực trong đạo viện binh của Vương Thông đóng ở Ninh Kiều, giết được Thượng thư Trần Hiệp và Nội quan Lý Lượng, bắt sống hơn một vạn quân giặc.
- (8) **Tốt Động:** có sách chép là Tuy Động, thuộc huyện Mỹ Lương, tỉnh Hà Đông cũ (nay là huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội). Tháng Mười năm Bính Ngọ (1426), giặc Minh thua to ở đây.
- (9) **Phúc tâm:** kẻ thân tín (*phúc:* bụng, *tâm:* tim, lòng).
- (10), (11) **Trần Hiệp, Lý Lượng:** Trần Hiệp là Thượng thư nhà Minh, Lý Lượng là Nội quan nhà Minh.
- (12), (13) **Vương Thông, Mã Anh:** các viên tướng nhà Minh. Vương Thông được giao chức Tổng binh, cùng Tham tướng Mã Anh đem 5 vạn quân sang Đại Việt cứu viện để thay Tham tướng Trần Trí và Đô đốc Phương Chính chỉ huy quân Minh đánh nước ta.
- (14) **Mưu phạt, tâm công:** đánh bằng mưu lược, đánh bằng tầm lòng nhân nghĩa.

Bởi thế:

Thằng nhãi con Tuyên Đức⁽¹⁾, động binh không ngừng;

Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng⁽²⁾, đem dầu chữa cháy.

Đình Mùi tháng Chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn⁽³⁾ tiến lại;

Năm ấy tháng Mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam⁽⁴⁾ tiến sang.

Ta trước đã điều binh thủ hiểm⁽⁵⁾, chặt mũi tiên phong⁽⁶⁾;

Ta sau lại sai tướng chặn đường, tuyệt nguồn lương thực.

Ngày mười tám, trận Chi Lăng⁽⁷⁾, Liễu Thăng thất thế,

Ngày hai mươi, trận Mã An⁽⁸⁾, Liễu Thăng cụt đầu,

Ngày hăm lăm, Bá tước Lương Minh⁽⁹⁾ bại trận tử vong,

Ngày hăm tám, Thượng thư Lý Khánh⁽¹⁰⁾ cùng kế tự vẫn.

Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá⁽¹¹⁾,

Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau⁽¹²⁾.

Lại thêm quân bốn mặt vây thành,

Hẹn đến giữa tháng Mười diệt giặc.

Sĩ tốt⁽¹³⁾ kén người hùng hổ,

Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh⁽¹⁴⁾.

Chú ý các chi tiết, hình ảnh thể hiện tinh thần và khí thế chiến thắng hào hùng của nghĩa quân.

(1) **Tuyên Đức**: tức vua Tuyên Tông nhà Minh, lên ngôi năm 1425, lấy hiệu là Tuyên Đức.

(2) **Thạnh, Thăng**: Mộc Thạnh và Liễu Thăng. Mộc Thạnh là đại thần của nhà Minh, cai quản vùng Vân Nam, được giữ chức Chinh Nam tướng quân, đem 5 vạn quân sang nước ta cứu viện Vương Thông theo ngả Lào Cai. Liễu Thăng tước An viễn hầu, được giao làm Tổng binh chỉ huy đạo viện binh 10 vạn quân sang nước ta theo đường Lạng Sơn, bị nghĩa quân Lam Sơn giết ở núi Đão Mã, nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(3) **Khâu Ôn**: một địa danh nay thuộc phía bắc tỉnh Lạng Sơn, giáp biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

(4) **Vân Nam**: một tỉnh của Trung Quốc, giáp với tỉnh Lào Cai của Việt Nam.

(5) **Thủ hiểm**: trấn giữ nơi hiểm trở.

(6) **Tiên phong**: đội quân đi trước, có nhiệm vụ vừa đánh vừa thăm dò lực lượng đối phương.

(7) **Chi Lăng**: tên một cửa ải hiểm trở thuộc tỉnh Lạng Sơn, nơi từng ghi dấu nhiều chiến công hiển hách của quân dân Đại Việt chống kẻ thù xâm lược phương Bắc.

(8) **Mã An**: tức núi Đão Mã, thuộc tỉnh Lạng Sơn. Theo sách *Minh sử*, Liễu Thăng đem viện binh sang nước ta, có ý kiêu căng, đến đốc Đão Mã cùng 100 kỵ binh qua cầu, cầu sập, phục binh bốn phía nổi dậy, Thăng sa vào bùn rồi bị trúng thương mà chết.

(9) **Lương Minh**: tướng giặc, giữ chức Tả phó Tổng binh của Liễu Thăng, bị chết cùng ngày với Liễu Thăng.

(10) **Lý Khánh**: giữ chức Binh bộ Thượng thư của nhà Minh, sang nước ta đảm nhiệm phụ trách quân vụ và kiêm chức ngự sử. *Minh sử* cho biết Lý Khánh bị chết liền sau ngày Lương Minh và Liễu Thăng tử trận.

(11) **Lưỡi dao tung phá**: dịch cụm từ *ngheh nhậ nhĩ giải* (đón lưỡi dao mà tự vỡ ra). Truyện *Đổ Dụ* trong sách *Tấn thư* có câu: “nay binh uy đã vang dậy, thế như chẻ tre, đã chẻ được mấy đốt thì cứ đưa dao đi đến đâu là tre vỡ đến đấy”. Ý muốn nói quân ta thừa cơ tiến đánh làm cho giặc tan rã như tre bị chẻ.

(12) **Quay mũi giáo đánh nhau** (dịch cụm từ *đảo qua tương công*): quay ngược ngọn giáo lại đâm nhau. Thiên *Vũ Thành* sách *Thượng thư* có câu: “... quân trước quay giáo lại đâm quân sau mà thua”, tả việc tiền quân của Trữ quay giáo tự đánh lẫn nhau mà thua Chu Vũ Vương.

(13) **Sĩ tốt**: binh lính nói chung.

(14) **Vuốt nanh**: chỉ người giỏi chiến đấu được tập hợp quanh thủ lĩnh để tạo thêm sức mạnh.

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
 Voi uống nước, nước sông phải cạn.
 Đánh một trận, sạch không kình ngạc⁽¹⁾,
 Đánh hai trận, tan tác chim muông.
 Nổi gió to trút sạch lá khô,
 Thông tổ kiến phá toang đê vỡ⁽²⁾.
 Đô đốc Thôi Tụ⁽³⁾ lê gối dâng tờ tạ tội,
 Thượng thư Hoàng Phúc⁽⁴⁾ trói tay để tự xin hàng.
 Lạng Giang⁽⁵⁾, Lạng Sơn, thầy chất đầy đường;
 Xương Giang, Bình Than⁽⁶⁾, máu trôi đỏ nước.
 Ghê gớm thay sắc phong vân⁽⁷⁾ phải đổi,
 Thảm đạm thay ánh nhật nguyệt⁽⁸⁾ phải mờ.
 Bị ta chẹn ở Lê Hoa⁽⁹⁾, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mặt;
 Thua quân ta ở Cần Trạm⁽¹⁰⁾, quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
 Suối Lãn Câu máu chảy trôi chày⁽¹¹⁾, nước sông ghen ngào tiếng khóc;
 Thành Đan Xá⁽¹²⁾ thầy chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.

Sự hèn nhát và cảnh
 thảm bại của kẻ thù
 được thể hiện qua các
 chi tiết cụ thể nào?

(1) *Đánh một trận, sạch không kình ngạc/ Đánh hai trận, tan tác chim muông*: nội dung hai câu diễn tả sức mạnh bão táp của quân khởi nghĩa (kình: cá voi, ngạc: cá sấu).

(2) *Thông tổ kiến phá toang đê vỡ* (nguyên văn *quyết hội nghị ư bằng đê*): tổ kiến hồng bị cuốn trôi lúc con đê đã vỡ. Câu này đối với câu trên, ý nói tình thế giặc như lá khô trước cơn gió mạnh, như tổ kiến bị quét đi khi đê vỡ.

(3), (4) *Thôi Tụ, Hoàng Phúc*: Đô đốc Thôi Tụ làm Hữu tham tướng của Liễu Thăng, cùng với Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc đều bị bắt sống. Sau khi thua ở Chi Lăng, bọn Hoàng Phúc, Thôi Tụ phải thu quân về Xương Giang nhưng thành này đã bị hạ, chúng phải đóng quân ở giữa cánh đồng, đắp lũy tự vệ, nhưng rất cục đại bại.

(5) *Lạng Giang*: nay là một huyện thuộc tỉnh Bắc Giang, tiếp giáp với tỉnh Lạng Sơn.

(6) *Xương Giang, Bình Than*: Xương Giang nay là thành phố Bắc Giang; Bình Than là tên một bãi sông lớn ở phía dưới bến đò Phả Lại ngày nay.

(7) *Phong vân*: gió (*phong*) và mây (*vân*).

(8) *Nhật nguyệt*: mặt trời (*nhật*) và mặt trăng (*nguyệt*).

(9) *Lê Hoa*: một cửa ải xưa nằm giữa tỉnh Lào Cai (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

(10) *Cần Trạm*: vùng ở gần Kép – Bắc Giang, nằm giữa ải Chi Lăng và thành Xương Giang. Mộc Thạnh đóng ở Lê Hoa cho Liễu Thăng đánh vào Chi Lăng. Thăng chết trận, phó tướng là Lương Minh đưa tàn binh tiến vào Cần Trạm rồi chết ở đây.

(11) *Máu chảy trôi chày* (chữ trong nguyên văn *huyết chữ phiêu*): rút ý từ thành ngữ *huyết lưu phiêu chữ*, có xuất xứ từ *Kinh thư*, diễn đạt sự thảm khốc của chiến tranh. *Chữ* trong nguyên văn bài cáo thường được giải thích có 2 nghĩa: (1) cái chày để giã gạo hoặc chày để đập giặt quần áo; (2) một loại vũ khí thời xưa hoặc cái mộc, cái khiên của binh lính. Trong trường hợp này, nghĩa thứ 2 phù hợp với văn bản hơn.

(12) *Lãn Câu, Đan Xá*: những địa điểm gần Lê Hoa, Cao Trại, Thủy Vĩ xưa, đều thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai, giáp ranh giữa tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và nước ta. Lãn Câu, Đan Xá là nơi từng xảy ra những cuộc huyết chiến giữa nghĩa quân Lam Sơn (do các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả,... lãnh đạo) và giặc Minh (do Mộc Thạnh chỉ huy).

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp;
 Quân giặc các thành khốn đốn, cỏi giáp ra hàng.
 Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng;
 Thần vũ chẳng giết hại⁽¹⁾, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh⁽²⁾.
 Mã Kỳ⁽³⁾, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn
 hồn bay phách lạc;
 Vương Thông, Mã Anh⁽⁴⁾, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn
 tim đập chân run.

Họ đã tham sống sợ chết, mà hoà hiếu thực lòng;
 Ta lấy toàn quân là hơn⁽⁵⁾, để nhân dân nghỉ sức.
 Chẳng những mưu kế kì diệu,
 Cũng là chưa thấy xưa nay.

5 Xã tắc⁽⁶⁾ từ đây vững bền,
 Giang sơn từ đây đổi mới.
 Kiền khôn bĩ rồi lại thái⁽⁷⁾,
 Nhật nguyệt hối rồi lại minh⁽⁸⁾.
 Muôn thuở nền thái bình vững chắc,
 Ngàn thu vết nhục nhã sạch lâu.

*Chú ý tư thế của người
 phát ngôn khi tuyên bố
 về thắng lợi của cuộc
 kháng chiến và về sự
 bắt đầu một thời kì mới
 của đất nước.*

Âu cũng nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng ngầm giúp đỡ mới được như vậy⁽⁹⁾.

(1) *Thần vũ chẳng giết hại*: uy vũ như thánh như thần mà không chém giết, mượn chữ từ câu trong *Kinh dịch*: “Cổ chi thông minh duệ trí thần vũ nhi bất sát giả phù” (Các bậc anh hùng thông minh sáng suốt đời xưa có uy vũ như thần mà chẳng giết hại người vậy).

(2) *Hiếu sinh*: thương yêu con người và loài vật. *Kinh thư* có câu: “Hiếu sinh chi đức hiệp vu dân tâm” (Đức hiếu sinh của trời hợp với lòng dân).

(3), (4) *Mã Kỳ, Mã Anh*: các tướng lĩnh của nhà Minh, chịu đầu hàng Lê Lợi. Sau chiến thắng Chi Lăng, quân giặc các nơi khiếp sợ đầu hàng, Vương Thông xin hẹn ngày rút quân. Thủy binh do Phương Chính, Mã Kỳ thống lĩnh được Lê Lợi cấp 500 chiến thuyền để về nước, bộ binh do Vương Thông, Mã Anh, Sơn Thọ, Hoàng Phúc thống lĩnh cũng được Lê Lợi cấp lương thực và ngựa.

(5) *Toàn quân là hơn* (dịch cụm từ *toàn quân vi thượng*): bảo toàn quân đội địch mà bắt chúng thua là thượng sách. Tư tưởng này được Nguyễn Trãi tiếp thu từ sách *Tôn Tử* (thiên *Mưu công*).

(6) *Xã tắc*: chỉ quốc gia, đất nước. *Xã*: nơi tế thần đất; *tắc*: vốn là tên Thần Nông (Hậu Tắc), sau dùng chỉ nơi tế Thần Nông để cầu cho mùa màng tươi tốt. Nước nhà muốn thịnh vượng phải làm cho dân an cư lạc nghiệp, vì vậy khi dựng nước trước hết phải lập xã tắc, cũng vì thế mà xã tắc tượng trưng cho quốc gia.

(7) *Càn (kiến), khôn, bĩ, thái*: tên các quẻ trong *Kinh dịch*. Quẻ *càn* chỉ trời, khí dương; quẻ *khôn* chỉ đất, khí âm. *Càn* và *khôn* ghép với nhau để chỉ chung trời đất. Quẻ *bĩ* có hình tượng khí dương đè nén khí âm, biểu thị ý nghĩa không được tự do phát triển, bế tắc, không thông thuận; quẻ *thái* có hình tượng khí âm trôi vượt lên trên khí dương, biểu thị ý nghĩa không bị đè nén, được tự do phát triển, thông thuận. Ý cả câu: trời đất đang tắc nghẽn lại được hanh thông.

(8) *Hối, minh*: tối tăm (*hối*) và sáng sủa (*minh*).

(9) Ý câu này trong nguyên văn như sau: có được thắng lợi này cũng là nhờ khí thiêng trời đất âm thầm giúp đỡ, anh linh tổ tông ngầm phù trợ.

Than ôi!

Một cổ nhung y⁽¹⁾ chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm;

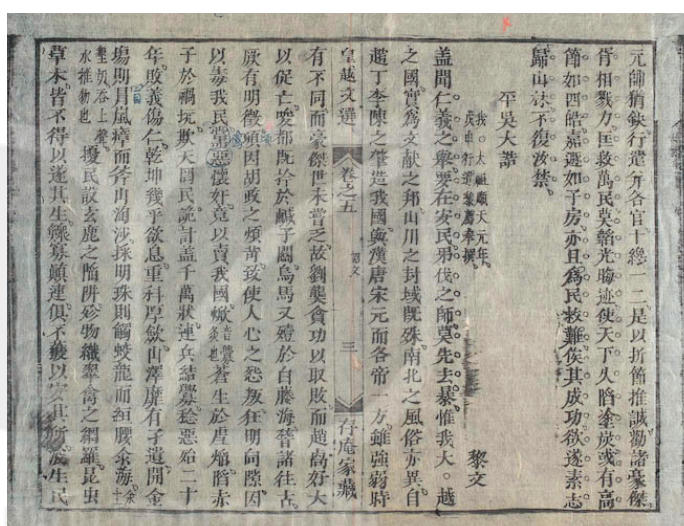
Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân⁽²⁾ khắp chốn.

Xa gần bá cáo

Ai nấy đều hay.

(Theo bản dịch của Bùi Kỉ, in trong *Ngữ văn 10*, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr. 17 – 22)

Cuối năm 1427, cuộc kháng chiến chống giặc Minh của nhân dân ta kết thúc thắng lợi, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết *Bình Ngô đại cáo*. Tác phẩm được ban bố vào tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428 dương lịch). Có thể xem đây là văn kiện chính trị tổng kết đầy đủ nhất về quá trình kháng chiến oanh liệt chống giặc Minh và toàn bộ tư tưởng về chủ quyền đất nước, về nền độc lập dân tộc. Vì thế, tác phẩm mang tính chất của một bản tuyên ngôn mở đầu cho một triều đại mới, một kỉ nguyên mới của đất nước.



Phần đầu văn bản *Bình Ngô đại cáo*
trong *Hoàng Việt văn tuyển*

Cáo là một thể văn hành chính cổ, có nguồn gốc từ *Thượng thư* (Trung Quốc), do nhà vua hoặc chủ tướng ban bố một mệnh lệnh, chủ trương, chính sách,... cho toàn dân chúng được biết. Căn cứ vào nội dung, mục đích, phạm vi ban bố, thể văn cáo có thể phân thành nhiều loại, nhưng nhìn chung, đều có ý nghĩa tuyên bố về một sự kiện trọng đại của quốc gia. Cáo có thể viết bằng văn xuôi, văn vần, biền văn (văn biền ngẫu). Tác phẩm cáo nói chung thường có lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng, ý tứ hùng hồn, hàm ý mệnh lệnh.

Bình Ngô đại cáo là tác phẩm chính luận quan trọng, có giá trị lớn về văn hoá, lịch sử, chính trị, quân sự, văn học, ngôn ngữ,... được mệnh danh là áng "thiên cổ hùng văn". Tác phẩm đạt đến trình độ mẫu mực của nghệ thuật ngôn từ, với lập luận chặt chẽ, âm hưởng hào hùng, ý tứ

(1) *Nhung y*: áo giáp, áo mặc khi ra trận. Một cổ nhung y chiến thắng (*nhất nhung đại định*) xuất xứ từ câu trong thiên *Vũ Thành*, sách *Thượng thư*: *nhất nhung y nhi thiên hạ đại định* (chỉ một chiếc áo giáp mà bình định được cả thiên hạ).

(2) *Duy tân*: theo cái mới. Thiên *Văn Vương* trong *Kinh thi* có câu: "Chu tuy cựu bang, kì mệnh duy tân" (nhà Chu tuy là nước cũ (nhưng đến Văn Vương) mệnh trời mới thật là mới).

biện luận sâu xa,... Sự kết hợp nhuần nhuyễn nhiều bút pháp – phong cách ngôn ngữ như chính luận, tự sự, biểu cảm; sự hoà quyện giữa tính chân thực lịch sử với chất sử thi anh hùng ca,... đã làm nên tính hấp dẫn vượt thời đại của tác phẩm.

Bình Ngô đại cáo được viết theo thể văn bốn chữ, theo kiểu văn tứ lục biến cách (thể văn tứ lục: dùng các câu ngắt quãng 4/6 chữ để nối nhau; văn tứ lục có thể biến cách thành các kiểu đối 4/4 – 4/4 hoặc 6/6 – 6/6;...). Tác phẩm được viết với bút pháp đa dạng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, có tính biểu cảm cao. Vì vậy, *Bình Ngô đại cáo* không chỉ ảnh hưởng sâu xa đến tư tưởng, ý thức mà còn tác động mạnh mẽ đến tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận.

Văn bản *Bình Ngô đại cáo* được truyền chép trong nhiều tư liệu. Tuy giữa các bản chép có những sai biệt nhất định về câu chữ, nhưng tính chân thực, sự trọn vẹn về nội dung của văn bản vẫn được thể hiện rõ.



Trả lời câu hỏi

1. Căn cứ vào nội dung bài học và hiểu biết của mình, hãy cho biết: tư cách phát ngôn của Nguyễn Trãi khi viết *Bình Ngô đại cáo*, sự kiện lịch sử được tái hiện và bàn luận trong tác phẩm, đối tượng tác động và mục đích viết của bài cáo.
2. Xác định luận đề của văn bản và nêu lí do vì sao bạn xác định như vậy.
3. Theo bạn, trong đoạn 1 của văn bản, câu văn nào thể hiện rõ nhất mục đích của việc thực thi lí tưởng nhân nghĩa?
4. Hãy khái quát nội dung của các đoạn từ 2 đến 5 và cho biết chức năng của mỗi đoạn trong mạch lập luận.
5. Nêu nhận xét chung về nghệ thuật lập luận của tác giả trong toàn tác phẩm.
6. Hãy chỉ ra những yếu tố tự sự và biểu cảm trong văn bản. Theo bạn, những yếu tố này có thể đem lại hiệu quả gì trong việc thuyết phục người đọc, người nghe?
7. *Bình Ngô đại cáo* được đánh giá là một áng hùng văn. Theo bạn, những căn cứ chính của đánh giá đó là gì?
8. Nêu khái quát ý nghĩa của *Bình Ngô đại cáo* đặt trong bối cảnh lịch sử – văn hoá cụ thể của nước ta ở đầu thế kỉ XV.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một trong hai vấn đề sau:

- Mối quan hệ giữa tư tưởng nhân nghĩa và luận đề chính nghĩa thể hiện trong đoạn 1 của văn bản.
- Tinh thần độc lập, ý thức về chủ quyền dân tộc được thể hiện trong *Bình Ngô đại cáo*.

BẢO KÍNH CẢNH GIỚI

(Gương báu răn mình)

(Bài 43)

Nguyễn Trãi



- *Hãy kể tên một vài bài thơ viết theo thể Đường luật mà bạn đã học hoặc đã đọc.*
- *Chỉ ra một số đặc điểm hình thức giúp bạn nhận diện được thể loại của các bài thơ đó.*



Rồi⁽¹⁾ hóng mát thuở ngày trường⁽²⁾.
 Hoè⁽³⁾ lục⁽⁴⁾ đùn đùn tán rợp trương.
 Thạch lựu⁽⁵⁾ hiên còn phun thức⁽⁶⁾ đỏ.
 Hồng liên⁽⁷⁾ trì đã tận⁽⁸⁾ mùi hương.
 Lao xao chợ cá làng ngư phủ;
 Dắng dỏi⁽⁹⁾ cầm ve⁽¹⁰⁾ lầu tịch dương⁽¹¹⁾.
 Lẽ có⁽¹²⁾ Ngu cầm⁽¹³⁾ đàn một tiếng,
 Dân giàu đủ khắp đòi phương⁽¹⁴⁾.

Chú ý các động từ, tính từ, các từ láy và câu thơ sáu tiếng.

Hình dung về bức tranh cuộc sống.

(Viện Sử học, Nguyễn Trãi toàn tập, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 446)

(1) *Rồi*: rồi rã, thư nhàn.

(2) *Trường*: dài.

(3) *Hoè*: loại cây thân gỗ, hoa màu vàng, nở vào mùa hè.

(4) *Lục*: màu xanh lá cây.

(5) *Thạch lựu*: cây lựu, hoa màu đỏ, nở vào mùa hè.

(6) *Thức*: màu.

(7) *Hồng liên*: sen hồng.

(8) *Tận* (từ Việt cổ, có bản chép *tiến*, *tận*): hết.

(9) *Dắng dỏi*: từ láy tượng thanh, tả âm thanh trong, cao, rộn rã.

(10) *Cầm ve*: tiếng ve kêu như tiếng đàn.

(11) *Tịch dương*: bóng chiều, ánh hoàng hôn.

(12) *Lẽ có*: mong được có.

(13) *Ngu cầm*: đàn của vua Ngu Thuấn. Tương truyền vua Thuấn được vua Nghiêu ban cho cây đàn, khi rồi rã thường gảy khúc *Nam phong*: “Gió Nam mát mẻ/ Làm cho dân ta bớt ưu phiền/ Gió Nam thổi đúng lúc/ Làm cho dân ta ngày thêm nhiều của cải”.

(14) *Đòi phương*: nhiều nơi, khắp nơi.

Bảo kính cảnh giới là chùm thơ gồm 61 bài trong *Quốc âm thi tập* (tất cả 254 bài) của Nguyễn Trãi. Hầu hết các bài trong chùm thơ này đều mang nội dung giáo huấn và chứa đựng nhiều trăn trở, suy tư về thế sự. Chùm thơ cũng ghi lại những khoảnh khắc thư nhàn khi tác giả lánh xa chốn quan trường, hoà mình với thiên nhiên và nhịp sống bình dị, bình yên nơi thôn dã: *Chân mềm ngại bước dặm mây xanh*⁽¹⁾/ *Quê cũ tìm về cảnh cũ thanh* (bài 31); *Đìa thanh, cá lội, in vằng nguyệt/ Cây tĩnh, chim về, rợp bóng xuân* (bài 38);...

Chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* không chỉ thể hiện tư tưởng, nhân cách của một bậc lương thần chưa bao giờ nguôi nỗi lo dân, nước mà còn phản chiếu những vẻ đẹp phong phú của một tâm hồn nghệ sĩ.

Thơ Nôm Đường luật là loại thơ được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào khoảng thế kỉ XIII. Có thể xem đây là một "lối thơ riêng" do các tác giả trung đại Việt Nam sáng tạo dựa trên mô hình của thơ Đường luật, trong đó có nhiều cách tân về đề tài, thi liệu, cảm hứng, bút pháp, ngôn ngữ thơ.

Qua các chặng đường phát triển, thơ Nôm Đường luật đã đạt được những thành tựu lớn, góp phần quan trọng vào việc tạo nên diện mạo của nền thơ trung đại Việt Nam. *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi là một đỉnh cao của thơ Nôm Đường luật, đánh dấu bước khởi đầu đẹp đẽ của nền thơ tiếng Việt thời trung đại.



Trả lời câu hỏi

1. Xác định thể loại và nêu bố cục của bài thơ.
2. Câu thơ mở đầu cho biết điều gì về cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình?
3. Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh được tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc mùa hè. Từ đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả.
4. Cuộc sống của con người được nhà thơ tái hiện qua những âm thanh, hình ảnh nào? Phân tích mối liên hệ giữa khung cảnh ấy với ước nguyện của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối.
5. Nhận xét về vị trí và giá trị của các câu lục ngôn trong bài thơ.
6. Đọc bài thơ, bạn cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố "phá cách" trong bài *Bảo kính cảnh giới*, bài 43.

⁽¹⁾ *Mây xanh* (thanh vân): ẩn dụ chỉ chốn công danh, chốn quan trường.

DỤC THUYẾT SƠN

(Núi Dục Thuyết^(*))

Nguyễn Trãi



- Hãy kể một vài địa danh của đất nước từng khơi nguồn cảm hứng cho thơ ca.
- Chia sẻ ngắn gọn ấn tượng của bạn về một bài thơ thể hiện cảm hứng ấy.



Phiên âm

Hải khẩu hữu tiên san;
Tiền niên lữ vãng hoàn.
Liên hoa phù thủy thượng;
Tiên cảnh truy trần gian.
Tháp ảnh trâm thanh ngọc;
Ba quang kính thủy hoàn.
Hữu hoài Trương Thiếu bảo⁽¹⁾,
Bi khắc tiến hoa ban.

Dịch nghĩa

Cửa biển có ngọn núi tiên;
Năm xưa ta đã nhiều lần qua lại nơi này.
Dáng núi như đoá hoa sen nổi trên mặt nước;
Tuông như là cõi tiên rơi xuống trần gian.
Bóng tháp trên núi soi xuống mặt nước giống như cái trâm ngọc xanh;
Ánh sáng của sóng nước phản chiếu ngọn núi như đang soi mái tóc biếc.
Chạnh nhớ Trương Thiếu bảo;
Bia đá khắc thơ văn của ông nay đã lốm đốm rêu.

^(*) *Núi Dục Thuyết*: còn có tên gọi là núi Non Nước ở tỉnh Ninh Bình; tên Dục Thuyết là do Trương Hán Siêu đặt, dựa trên liên tưởng dáng núi trong khung cảnh sông nước giống như con chim trả đang tắm (*dục*: tắm, *thuyết*: chim trả (bói cá). *Thuyết* còn có nghĩa khác là màu xanh biếc. Núi Dục Thuyết từng được mệnh danh là “núi thơ” vì đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều thi nhân: Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Du, Thiệu Trị, Tự Đức, Cao Bá Quát, Tản Đà,...

⁽¹⁾ *Trương Thiếu bảo*: tức Trương Hán Siêu (? – 1354), tự Thăng Phủ, người Trường Yên, tỉnh Ninh Bình; là danh sĩ đời Trần, được nhiều đời vua Trần trọng dụng; làm quan trải nhiều chức vụ, khi mất, được truy tặng chức Thái bảo và được thờ ở Văn Miếu (Hà Nội); tác giả của bài *Bạch Đằng giang phú* (Bài phú sông Bạch Đằng) nổi tiếng.

Dịch thơ

Của biển có non tiên,
Từng qua lại mấy phen.
Cảnh tiên rơi cõi tục,
Mặt nước nổi hoa sen.
Bóng tháp hình trâm ngọc,
Gương sông ánh tóc huyền.
Nhớ xưa Trương Thiều bảo,
Bia khắc dấu rêu hoen.

Lưu ý các yếu tố
cơ bản của thể loại.

Chú ý các chi tiết
miêu tả, các hình
ảnh so sánh, ẩn dụ.

(Khương Hữu Dụng dịch, in trong *Văn học 10*, tập một,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 131)

Nguyễn Trãi có nhiều bài thơ viết về các danh lam thắng cảnh của đất nước như Yên Tử, Côn Sơn, Bạch Đằng, Thần Phù, Vân Đồn,... Trong những tác phẩm này, nhà thơ không chỉ khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của núi sông nước Việt, tự bộc lộ tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn của mình mà còn gửi gắm nhiều suy tư, triết lí về lịch sử, về thế sự.

Dục Thúy sơn có thể được sáng tác vào thời điểm sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh và trước khi Nguyễn Trãi lui về ở ẩn tại Côn Sơn. Bài thơ được sưu tầm và xếp vào *Ức Trai thi tập*.

Dục Thúy sơn được viết theo thể ngũ ngôn luật thi, gọi tắt là ngũ luật – một thể của thơ Đường luật.



Trả lời câu hỏi

1. Nêu một vài điểm khác biệt đáng chú ý giữa bản dịch nghĩa và bản dịch thơ.
2. Xác định đặc điểm kết cấu của *Dục Thúy sơn*.
3. Bức tranh toàn cảnh về vẻ đẹp của núi Dục Thúy được miêu tả như thế nào?
4. Nêu những chi tiết miêu tả cận cảnh núi Dục Thúy. Những liên tưởng xuất hiện khi say ngắm thiên nhiên cho thấy nét đẹp nào của tâm hồn Nguyễn Trãi?
5. Trong phần kết của những bài thơ viết về đề tài “đăng cao”, “đăng sơn”, thi nhân xưa thường thể hiện chí khí hào hùng, khát vọng lớn lao, hoặc nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô đơn của con người trước núi sông kì vĩ. Theo bạn, trong hai câu kết của *Dục Thúy sơn*, Nguyễn Trãi muốn gửi gắm những nỗi niềm chung ấy hay muốn bày tỏ suy ngẫm riêng của mình?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một nét đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ *Dục Thúy sơn*.

Sử dụng từ Hán Việt (tiếp theo)

1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*)

a. Tìm và giải nghĩa một số từ Hán Việt có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản *Bình Ngô đại cáo*.

b. Nêu tác dụng biểu đạt của hệ thống từ Hán Việt trong đoạn trích.

c. Đặt câu với các từ: *nhân nghĩa*, *văn hiến*, *hào kiệt*.

2. Đọc lại đoạn 3 của văn bản *Bình Ngô đại cáo* (từ "Ta đây:" đến "Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều"), lập bảng hoặc vẽ sơ đồ liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý sau:

| STT | Điển tích | Tác dụng biểu đạt |
|-----|-----------|-------------------|
| 1 | | |

3. Hầu hết các từ có yếu tố “nghĩa” trong nguyên tác *Bình Ngô đại cáo* đã được dùng lại nguyên vẹn, không dịch ra tiếng Việt (ví dụ: *nhân nghĩa*). Hãy liệt kê và giải thích ý nghĩa của các từ đó.

4. Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ *nhân nghĩa*. Giải nghĩa các từ đó.

Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội

Bàn luận về các vấn đề xã hội đã trở thành một nhu cầu phổ biến, tất yếu của con người hiện đại. Khi bàn luận, chúng ta không chỉ thể hiện ý kiến cá nhân mà còn muốn thuyết phục người khác đồng tình với quan điểm của mình; qua đó, góp phần tạo nên những thay đổi tích cực trong cộng đồng và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Yêu cầu

- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ.
- Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản.
- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

Bài viết tham khảo

Sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI

Chương Thâu

Vài năm lại đây, ở phương Tây xuất hiện một trào lưu sống mới gọi là sống đơn giản: mọi người tự nguyện đơn giản hoá cuộc sống của mình.

Như thế nào gọi là sống đơn giản? Theo quan niệm của những người đề xướng ra trào lưu này, sống đơn giản không đồng nghĩa với cuộc sống khổ hạnh và nghèo đói mà là một cuộc sống được lựa chọn sau một quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng; một cuộc sống hoà đồng với thiên nhiên, tìm kiếm sự cân bằng trong mối quan hệ động – tĩnh; một cuộc sống hồn nhiên, vô tư, không lo lắng, siêu phàm và thoát tục... Sống đơn giản chính là tự mình lắng nghe tiếng nói của lòng mình, xem rõ điều mình thật sự cần thiết là cái gì? Là sống một cuộc sống thực sự là của bản thân mình chứ không phải là bắt chước theo lối sống của người khác hoặc sống theo yêu cầu của người khác.

Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

Nêu quan điểm của người viết về vấn đề.

Để có thể sống đơn giản cần phải có sức sáng tạo và lòng quyết tâm lớn, phải thực sự hoà mình vào cuộc sống để cảm nhận. Nếu như bạn muốn mua một căn nhà, bạn cần phải nghĩ đến cả cái lợi và cái hại của nó, có lợi ắt cũng sẽ có hại, cái được và mất luôn đi liền với nhau, bất cứ lựa chọn nào cũng đều có mặt trái của nó. Một căn nhà rộng rãi đẹp đẽ tất sẽ đem đến sự thoải mái dễ chịu cho người ở và cả những lời khen ngợi của những người khác; nhưng, để có tiền chi trả cho nó, bạn buộc phải làm việc cật lực và có thể còn phải từ bỏ một số thứ khác trong cuộc sống của bạn nữa. Sau khi mua nhà vài tháng hoặc vài năm, có thể sẽ có lúc bạn nghĩ rằng không hiểu vì sao bạn phải sống một cuộc sống khổ sở vất vả, một cuộc sống hết sức đơn điệu nhàm chán chỉ để có tiền trả cho một căn nhà như thế này nhỉ?

Triển khai vấn đề thành các luận điểm.

Muốn có được một cuộc sống thoải mái, sung sướng là một nhu cầu hoàn toàn chính đáng của con người. Chúng ta cần phải ăn, ở, đi lại,... chúng ta cũng cần phải có những công việc có thù lao và cả những công việc không có thù lao. Là con người, chúng ta không thể không có thứ gì, chúng ta có nhu cầu theo đuổi cái hay cái đẹp ở mức độ nhất định. Nhưng, chúng ta lại thường không biết dừng lại đúng lúc vì lòng tham của con người là vô đáy. Lòng tham đó sẽ đẩy chúng ta vào cảnh nợ nần, mệt mỏi và cùng quẫn, từ đó tâm hồn chúng ta sẽ trở thành chai sạn, trơ lì.

Kết hợp các yếu tố nghị luận, biểu cảm,...

Sống đơn giản là sống sâu sắc hơn, quan tâm đến nhau hơn, thân thiết với nhau hơn. Cần phải thiết lập một mối quan hệ thân mật gần gũi với con người và cảnh vật trong môi trường sống của chúng ta hơn. Trong cuộc sống hãy dành một khoảng thời gian và không gian sống của mình để tìm hiểu, gần gũi và yêu quý những con người sống xung quanh chúng ta. Hãy tự mình sống một cuộc sống chân thực và tạo dựng xung quanh mình một cuộc sống hoàn toàn chân thực đối với mình. Chỉ có khi nào bạn thực sự cảm thấy nhẹ nhàng, bắt đầu sống an nhàn, có ý nghĩa thì bạn mới có thể phát hiện ra tinh hoa của cuộc sống này,...

Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như ăn, mặc, ở, đi lại. Tất nhiên, để đạt được điều đó, bạn phải bỏ ra một số công sức và thời gian nhất định. Nhưng, điều quan trọng ở đây là, ngoài tất cả những thứ đó, trong thời gian còn lại, việc mà bạn cần làm là biến mình thành một con người nhàn nhã và bình yên, không hao phí thời gian và công sức vào những việc làm vô bổ. Hiện nay, xu thế sống đơn giản vẫn chưa được thực sự chú ý ở Việt Nam chúng ta. Nhưng thực ra, lối sống này đã được cha ông chúng ta rất coi trọng từ xưa và đã trở thành một trong những giá trị văn hoá truyền thống của người Việt. Không chỉ do người Việt Nam chúng ta chịu ảnh hưởng của các tư tưởng triết học, tôn giáo phương Đông như Nho, Phật, Đạo nên có xu hướng về một cuộc sống an nhàn

tự do tự tại mà ở thời đại nào chúng ta cũng có những con người biết cách sống nhàn nhưng không phải là lẩn tránh cuộc sống thực tế mà là sống một cách có ích cho đời. Có thể kể ra ở đây rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Chí Minh,...

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, con người luôn trong trạng thái phải chịu đựng một áp lực quá tải do cuộc sống mang lại. Ngay từ khi đang còn là một đứa trẻ, người ta đã bị cuốn theo một nhịp sống gấp gáp của thời đại. Chính vì vậy, đã nảy sinh những căn bệnh mang tính thời đại như bệnh stress, làm tổn thương đến cuộc sống của biết bao con người. Trong một hoàn cảnh như vậy, việc xây dựng cho mình một cuộc sống đơn giản – một cuộc sống nhàn nhã theo đúng nghĩa: nhàn tâm, làm việc có khoa học, biết dừng lại ở mức đủ, biết mình biết người, có thái độ ứng xử đúng đắn, văn hoá – là việc làm có ích cho mỗi người. Điều này không những phù hợp với xu thế văn minh của thời đại mà cũng rất phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

(Chương Thâu, báo *Văn nghệ*, số Tết 2002, in trong *Ngữ văn 11*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr. 15 – 17)



1. Nhận xét về cách đặt nhan đề bài viết.
2. Vấn đề đã được người viết triển khai bằng những luận điểm nào?
3. Chỉ ra các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản.

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Đề tài cho bài nghị luận về một vấn đề xã hội rất phong phú, đa dạng. Có thể lựa chọn những vấn đề mang tính thời sự đang được nhiều người bàn luận; cũng có thể lựa chọn những vấn đề mình từng có quá trình suy ngẫm lâu dài.

– Gợi ý: Bạn có thể viết về tình yêu tuổi học trò, sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ, cách sử dụng thời gian rảnh rỗi, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác trong công việc, hiện tượng biến đổi khí hậu, ảnh hưởng của đại dịch đối với đời sống xã hội,...

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để tìm ý, bạn có thể dựa vào các câu hỏi gợi ý như :

- Vì sao bạn muốn bàn luận về vấn đề này? Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào với cá nhân và cộng đồng?
- Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề (đồng tình hay phản đối; muốn khẳng định hay bác bỏ; hoặc vừa có điểm đồng tình vừa có điểm muốn được trao đổi, bổ sung, phản biện,...)?
- Bạn cần đưa ra những lí lẽ, bằng chứng gì để chứng minh quan điểm của mình là đúng đắn và thuyết phục người khác đồng tình với mình?

Lập dàn ý

Để lập dàn ý, bạn sử dụng kết quả của phần Tìm ý, tổ chức, sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí. Dàn ý cần thể hiện được những nội dung cơ bản mà bài viết phải triển khai:

Mở bài: Có thể theo lối trực tiếp như trong bài viết tham khảo *Sống giản đơn – xu hướng của thế kỉ XXI* (Chương Thu) hoặc theo lối gián tiếp như trong bài đọc *Yêu và đồng cảm* (Phong Tử Khải), nhưng phải giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận và gây được ấn tượng với người đọc.

Thân bài:

- Nêu ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống xã hội.
- Trình bày quan điểm cá nhân: Bạn lựa chọn góc nhìn nào? Cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề của bạn là gì? Vấn đề xã hội tác động như thế nào đối với cá nhân và cộng đồng?...
- Trình bày những cơ sở về nhận thức và thực tiễn cho phép người viết đề xuất quan điểm nhìn nhận, đánh giá về vấn đề xã hội như vậy.
- Nêu lí lẽ, phân tích bằng chứng để chứng minh quan điểm của bạn và thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình.

Kết bài:

- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề xã hội vừa bàn luận.
- Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong việc giải quyết vấn đề đó.

Viết

Khi viết bài, cần bám sát dàn ý đã lập; tôn trọng trật tự của các ý lớn, ý nhỏ (tuy vậy, đôi khi, chính quá trình viết khiến ta thấy cần phải thay đổi dàn ý cho hợp lí hơn); kết hợp lí lẽ và bằng chứng; có thể soi chiếu vấn đề từ những góc nhìn khác nhau. Chú ý trọng tâm của bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình với cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề của bạn. Văn phong cần mạch lạc, sáng rõ, phù hợp với đối tượng tiếp nhận và nội dung vấn đề.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để phát hiện các nội dung cần bổ sung, các lỗi cần chỉnh sửa nhằm hoàn thiện bài viết.

– Vấn đề cần bàn luận đã được triển khai thành các luận điểm rành mạch, thể hiện rõ quan điểm cá nhân của người viết.

– Các luận điểm đã được sắp xếp hợp lý; các lí lẽ, bằng chứng đã được sử dụng một cách hiệu quả.

– Văn phong, giọng điệu được lựa chọn phù hợp với mục đích viết và đối tượng cần thuyết phục.

– Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ và đặt câu.

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

Yêu cầu

- Xác định rõ vấn đề xã hội được thảo luận.
- Nêu được nhận xét, đánh giá về ý kiến của những người khác.
- Trình bày được ý kiến của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể).
- Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

Chuẩn bị thảo luận

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

– Đề tài thảo luận có thể được khai thác từ đề tài của các bài viết đã thực hiện; cũng có thể là một đề tài mới.

– Thực tế luôn có những vấn đề xã hội thu hút sự quan tâm của nhiều người; được nhìn nhận, đánh giá từ những quan điểm khác nhau. Song, nên lựa chọn vấn đề gần gũi, có ý nghĩa thiết thực, phù hợp với môi trường và lứa tuổi học đường. Ví dụ: tình yêu tuổi học trò; xu hướng sống đơn giản; việc dùng xen tiếng nước ngoài trong giao tiếp thông thường;...

Tìm ý và sắp xếp ý

– Đề tài thảo luận là một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau nên người nói không chỉ bày tỏ quan điểm cá nhân mà còn phải nắm được một số cách nhìn nhận, đánh giá khác. Việc nắm bắt đúng những ý kiến, quan điểm khác nhau là cơ sở để thúc đẩy cuộc trao đổi, thảo luận, đối thoại thành công.

– Có thể trả lời một số câu hỏi gợi ý sau để hình thành nội dung của ý kiến thảo luận: Vì sao bạn quan tâm đến vấn đề xã hội này? Vấn đề đã được nhìn nhận, đánh giá từ những góc nhìn, những quan điểm khác nhau như thế nào? Quan điểm của bạn đối với vấn đề xã hội này là gì? Vì sao bạn có quan điểm như vậy? Bạn muốn trao đổi, thảo luận gì với những người có ý kiến khác?...

Xác định từ ngữ then chốt

Để thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau, cần chú ý sử dụng các từ ngữ then chốt như: theo quan điểm của tôi, cách tiếp cận vấn đề, góc nhìn khác biệt, quan điểm chung,...

Phương tiện hỗ trợ

Có thể chuẩn bị một số phương tiện hỗ trợ cho việc trình bày ý kiến như: tranh ảnh, trích đoạn ngắn từ phim tài liệu, biểu đồ,... có liên quan trực tiếp và có tác dụng minh họa cho vấn đề cần thảo luận.

Chuẩn bị nghe

– Tìm hiểu đề tài, nội dung của vấn đề xã hội được đưa ra thảo luận; xác định quan điểm cá nhân trong cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề.

– Suy đoán về ý kiến có thể có liên quan đến vấn đề xã hội được thảo luận; hình dung xem các ý kiến đó dựa trên những lí lẽ gì.

Thảo luận

Người nói

- Giới thiệu được vấn đề cần thảo luận.
- Tóm lược những ý kiến khác nhau về vấn đề; trình bày ý kiến cá nhân, sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình; trao đổi, thảo luận với những người có ý kiến khác,...
- Khái quát những điểm chung có thể thống nhất; nhấn mạnh tác dụng của cuộc thảo luận đối với cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề xã hội.

Người nghe

- Lắng nghe, ghi chép lại những ý kiến muốn trao đổi với người nói.
- Chuẩn bị nội dung trao đổi.

Để việc trao đổi có hiệu quả, người nói, người nghe cần tự đánh giá và đánh giá về ý kiến thảo luận theo các nội dung trong bảng sau:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|---|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Bám sát vấn đề xã hội được thảo luận và nêu được ý kiến xác đáng. | | |
| 2 | Có nhận xét, đánh giá thoả đáng về các ý kiến khác. | | |
| 3 | Hướng về người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến; thể hiện thái độ tôn trọng, tinh thần cầu thị. | | |
| 4 | Biết sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ; biết điều chỉnh nội dung, giọng điệu cho phù hợp với không khí thảo luận. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Từ những hiểu biết về tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, hãy nêu các yếu tố cơ bản làm nên sức thuyết phục của một văn bản chính luận.
2. Các văn bản đọc (*Tác gia Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo, Bảo kính cảnh giới – bài 43, Dục Thúy sơn*) đã giúp bạn có thêm hiểu biết gì về đóng góp của Nguyễn Trãi cho nền văn học, văn hoá dân tộc?
3. Tìm đọc một số tác phẩm của Nguyễn Trãi thuộc các mảng sáng tác khác nhau: văn chính luận, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm. Chỉ ra đặc điểm cơ bản về thể loại của một tác phẩm tự chọn.
4. Học thuộc lòng một số đoạn trong bản dịch *Bình Ngô đại cáo* và các bài thơ của Nguyễn Trãi có trong bài học này (*Bảo kính cảnh giới – bài 43, Dục Thúy sơn*).
5. Hãy chọn viết về một đề tài xã hội mà bạn quan tâm. Dựa vào bài viết này để lập dàn ý cho một bài thuyết trình và tập thuyết trình trên cơ sở dàn ý đó.

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Đề tài, thi liệu, thể loại của văn bản.
- Hình tượng thiên nhiên và tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- Các yếu tố nghệ thuật đặc sắc.
- Vẻ đẹp tư tưởng, tâm hồn của tác giả.

Ngôn chí (*)

(Bài 3)

Nguyễn Trãi

Am trúc hiên mai⁽¹⁾ ngày tháng qua.
Thị phi⁽²⁾ nào đến cõi yên hà⁽³⁾.
Cơm ăn dầu có dưa muối;
Áo mặc nài chi gấm là⁽⁴⁾.
Nước dưỡng⁽⁵⁾ cho thanh, trì⁽⁶⁾ thưởng nguyệt;
Đất cày ngô ải⁽⁷⁾ lạnh ương hoa.
Trong khi hứng động⁽⁸⁾ vừa đêm tuyết,
Ngâm được câu thần dạng dặng⁽⁹⁾ ca.

(Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd, tr. 389)

(*) *Ngôn chí* là chùm thơ gồm 21 bài trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Ở đây, nhan đề *Ngôn chí* không giới hạn “nói chí” trong phạm vi hẹp (ý chí, chí khí, chí nam nhi) mà hàm chứa cả chí lẫn tình của nhà thơ.

(1) *Hiên mai*: chỉ nơi ở yên tĩnh của người ẩn dật (*hiên*: mái hiên; *mai*: hoa mai, cây mai).

(2) *Thị phi*: điều phải và điều trái, ý nói dư luận của người đời.

(3) *Yên hà*: chỉ chốn thiên nhiên thanh tĩnh, cách xa cuộc sống xô bồ (*yên*: khói sương, khói sóng; *hà*: ráng trời, ánh rực rỡ của bầu trời lúc bình minh hoặc hoàng hôn).

(4) *Là*: một loại vải the mỏng.

(5) *Dưỡng*: nuôi dưỡng, giữ gìn.

(6) *Trì*: ao.

(7) *Ngô ải*: gặt được ải (*ải*: đất trồng trọt sau khi đã được cày cuốc, được phơi nắng thành khô và tơi, bờ).

(8) *Hứng động*: cảm hứng, thi hứng được khơi dậy.

(9) *Dạng dặng*: cất tiếng mà ngâm, ca.

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Đề tài, thi liệu, thể loại của văn bản.
- Cảm hứng lịch sử và cảm hứng thế sự trong văn bản.
- Niềm tự hào về mảnh đất chiến địa, từng lưu dấu nhiều chiến công hiển hách của cha ông.
- Sự suy ngẫm sâu sắc của tác giả về lịch sử.

Bạch Đằng hải khẩu

(Cửa biển Bạch Đằng)

Phiên âm

Sóc phong xuy hải khí lãng lãng,
Khinh khởi ngâm phàm quá Bạch Đằng.
Ngạc đoạn kinh khoa sơn khúc khúc,
Qua trầm kích chiết ngạn tầng tầng.
Quan hà bách nhị do thiên thiết,
Hào kiệt công danh thử địa tăng.
Vãng sự hồi đầu ta dĩ hĩ,
Lâm lưu phủ cảnh ý nan thăng.

Dịch nghĩa

Gió bắc thổi trên biển, khí nổi cuộn cuộn,
Nhẹ giương cánh buồm thơ lướt qua cửa biển Bạch Đằng.
Như cá sấu bị chặt, cá kình bị mổ, núi uốn lượn quanh co,
Như cây giáo bị chìm, như chiếc kích bị gãy, bờ xếp chồng lỏm chồm.
Hình thế núi sông hiểm yếu⁽¹⁾ do trời bày đặt,
Đây từng là nơi các bậc anh hùng hào kiệt lập công danh.
Việc cũ ngoài đầu nhìn lại, ôi đã qua rồi,
Tới bên dòng ngắm cảnh, ý khôn nói xiết.

⁽¹⁾ *Núi sông hiểm yếu*: nguyên văn là: “quan hà bách nhị”, dẫn chữ trong *Sử kí* của Tư Mã Thiên, ý nói dựa vào địa hình núi sông hiểm trở nên hai người có thể địch nổi trăm người.

Dịch thơ

*Biển rung gió bắc thế bồng bồng,
Nhẹ cất buồn thơ lướt Bạch Đằng.
Kình ngạc bám vằm non mấy khúc,
Giáo gươm chìm gãy bãi bao tầng.
Quan hà hiểm yếu trời kia đặt,
Hào kiệt công danh đất ấy từng.
Việc trước quay đầu ôi đã vắng,
Tới dòng ngắm cảnh dạ băng khuâng.*

(Nguyễn Đình Hồ dịch, *Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi*,
NXB Văn hoá – Viện Văn học, 1962, tr. 27 – 28)



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.
- Hiểu tác dụng của biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê; biết cách vận dụng các biện pháp này vào việc tạo câu.
- Viết được một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm văn học.
- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại.
- Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGŨ VĂN

Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng “tôi” hoặc một hình thức tự xưng tương đương. Tùy theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất có thể là nhân vật chính, nhân vật phụ, người chứng kiến, người kể lại câu chuyện được nghe từ người khác hay xuất hiện với vai trò tác giả “lộ diện”. Người kể chuyện ngôi thứ nhất thường là người kể chuyện hạn tri (không biết hết mọi chuyện), trừ trường hợp ở vai trò tác giả “lộ diện” vận dụng quyền năng “biết hết” của mình.

Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri (biết hết mọi chuyện), song người kể chuyện ngôi thứ ba có sử dụng quyền năng toàn tri hay không còn tùy thuộc vào nguyên tắc tổ chức truyện kể của từng tác phẩm.

Người kể chuyện, dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể. **Lời người kể chuyện** là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật. Lời của người kể chuyện phân biệt với **lời nhân vật**, thuật ngữ chỉ lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật bằng hình thức lời nói trực tiếp hay gián tiếp.

Từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận. **Quyền năng của người kể chuyện** thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc hoạ trong tác phẩm văn học.

Cảm hứng chủ đạo

Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận.

Biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê

Chêm xen là xen một từ, một cụm từ vào câu nhằm giải thích, thêm ý cho câu hoặc hướng tới mục đích tu từ.

Liệt kê là nêu một chuỗi yếu tố cùng loại nhằm cung cấp thông tin đầy đủ hơn về đối tượng cần nhấn mạnh trong câu, trong đoạn của văn bản hoặc hướng tới mục đích tu từ.

Người cầm quyền khôi phục uy quyền

(Trích *Những người khốn khổ*)

Vích-to Huy-gô (Victor Hugo)



- *Bạn hình dung như thế nào về một con người có uy quyền?*
- *Bạn đã từng đọc cuốn sách hay xem bộ phim nào mà nhân vật trong đó là một người có uy quyền? Bạn hãy chia sẻ ấn tượng của mình về nhân vật ấy.*



Ma-đơ-len (Madeleine) là thị trưởng thị trấn Mông-tơ-rơ-rơ (Montreuil) và là ông chủ của một nhà máy đặt tại đây. Để cứu một người vô tội bị cảnh sát nhận nhầm là Giăng Van-giăng (Jean Valjean) – kẻ đang bị pháp luật truy nã, ông đã đến toà thú nhận chính mình mới là người toà cần tìm. Vì điều này, ông phải đối diện với tình huống đầy kịch tính: bị thanh tra Gia-ve (Javert) lập tức đem người đến bắt trong khi ông chưa kịp thực hiện lời hứa hệ trọng với Phăng-tin (Fantine), một nữ công nhân bất hạnh đang nằm trên giường bệnh. Cuộc chạm trán giữa ông với Gia-ve diễn ra tại bệnh xá, nơi Phăng-tin đang nóng lòng chờ gặp đứa con gái thân yêu mà chị ngỡ đã được ông thị trưởng giúp đưa về...

Từ ngày ông Ma-đơ-len gỡ cho Phăng-tin thoát khỏi bàn tay Gia-ve, chị không gặp lại hần lần nào nữa. Lần này đầu óc ồm yếu của chị không hiểu được một cái gì cả, nhưng chị đinh ninh rằng hần lần đến để bắt chị. Chị không thể chịu đựng bộ mặt góm ghêếc ấy. Chị thấy như tắt thở. Chị lấy tay che mặt và kêu lên, giọng kinh hoàng:

– Ông Ma-đơ-len, cứu tôi với!

Giăng Van-giăng – từ giờ chúng ta cứ cái tên này mà gọi – đứng dậy. Ông bảo Phăng-tin bằng một giọng hết sức nhẹ nhàng và điềm tĩnh:

– Cứ yên tâm. Không phải nó đến bắt chị đâu.

Rồi ông quay lại nói với Gia-ve:

– Tôi biết là anh muốn gì rồi.

Gia-ve đáp:

Hoàn cảnh và tình trạng của Phăng-tin được miêu tả như thế nào?

Vì sao người kể chuyện lại lưu ý “từ giờ chúng ta cứ cái tên này mà gọi”?

– Mau lên!

Chú ý cách miêu tả giọng nói của Gia-ve.

Trong cái điệu hấn nói lên hai tiếng ấy có cái gì man rợ, điên cuồng. Gia-ve không nói: “Mau lên!”, hấn nói: “Mau-u lênh!”. Không có vần nào ghi nổi giọng nói của hấn. Không phải là tiếng người nói mà là tiếng ác thú gầm.

Hấn không làm như thường lệ. Hấn không mào đầu gì cả. Hấn không chìa tờ trát truy nã ra. Hấn coi Giảng Van-giăng như một kẻ đấu thủ bí hiểm và có tài lẩn tránh, một đồ vật lạ lùng hấn đã ôm ghì được từ năm năm nay mà không đánh ngã nổi. Lần này bắt được không phải là bắt đầu mà là kết thúc vậy.

Hấn chỉ cần bảo: Mau lên!

Nói xong, hấn cứ đứng lì một chỗ. Cặp mắt hấn gắn chặt vào Giảng Van-giăng. Cái nhìn cứ như cái móc, móc vào người Giảng Van-giăng. Chính với cái nhìn ấy hấn đã quen lòi vào lòng của hấn bao nhiêu kẻ khốn khổ!

Chính cái nhìn ấy hai tháng trước đây Phăng-tin đã thấy đi thấu vào đến tận xương tuỷ của chị.

Nghe thấy tiếng Gia-ve, Phăng-tin lại mở mắt ra. Nhưng ông thị trưởng vẫn đứng đó. Chị còn sợ gì nữa?

Gia-ve tiến vào giữa phòng và hét lên:

– Thế nào! Mày có đi không?

Người đàn bà khốn khổ nhìn chung quanh. Chỉ có bà xơ với ông thị trưởng thôi, ngoài ra không còn ai nữa. Thế thì nó mày tao thô bỉ với ai vậy? Tất cả là với chị thôi. Chị rùng mình.

Rồi chị còn trông thấy một sự vô lí, vô lí đến nỗi ngay trong những cơn sốt mê sảng hãi hùng nhất chị cũng không hề thấy có điều như vậy.

Tại sao Phăng-tin cảm thấy “cả thế giới đang tan biến”?

Chị trông thấy tên chó săn Gia-ve tóm cổ ông thị trưởng và chị thấy ông thị trưởng cúi đầu. Chị tưởng như cả thế giới đang tan biến. Quả vậy, Gia-ve đã túm cổ áo Giảng Van-giăng.

Chị kêu:

– Ông thị trưởng ơi!

Gia-ve phá lên cười, cái cười làm hấn nhe cả hai hàm răng.

– Ở đây làm gì còn có ông thị trưởng nữa!

Giảng Van-giăng không giăng tay hấn ra, chỉ nói:

– Gia-ve...

Gia-ve ngắt lời ngay:

– Gọi ta là ông thanh tra.

– Thưa ông, tôi muốn nói riêng với ông câu này.

– Nói to, nói to lên! Ai nói gì với ta thì phải nói to!

Giăng Van-giăng vẫn thì thầm:

– Tôi cầu xin ông có một điều...

– Ta bảo mày nói to lên cơ mà.

– Nhưng điều này phải một mình ông nghe mới được...

– Ta không cần, ta không nghe!

Giăng Van-giăng ghé gần hần và hạ giọng nói thật nhanh:

– Xin ông thư cho ba ngày! Ba ngày để đi tìm đứa con cho người đàn bà đáng thương này! Phải hết bao nhiêu tiền tôi cũng trả. Nếu cần thì ông cứ đi kèm tôi cũng được.

Gia-ve quát:

– Mày đùa ư? Ô thằng này, tao không ngờ mày lại ngu ngốc thế! Mày xin tao ba ngày để chuồn hả! Mày bảo mày đi tìm đứa con cho con này hử! Á à! Tốt, tốt! Tốt thật!

Phăng-tin run lên bần bật:

– Con tôi! Đi tìm con tôi! Thế ra nó chưa đến đây sao⁽¹⁾! Bà xơ ơi! Cho tôi biết con Cô-dét (Cosette) đâu? Tôi cần gặp con tôi! Ông Ma-đơ-len ơi! Ông thị trưởng ơi!

Gia-ve giậm chân:

– Giờ lại đến lượt con này nữa! Con khi, có cảm hợng không! Cái xú chó đểu gì mà những thằng tù đi đây thì làm ông nọ ông kia, còn lũ gái diêm thì được chạy chữa như những bà hoàng! Nhưng này rồi phải thay đổi lại hết; đã đến lúc rồi.

Hần nhìn Phăng-tin trừng trừng, túm lấy cổ áo và ca-vát của Giăng Van-giăng và thêm:

– Tao đã bảo không có ông Ma-đơ-len, ông thị trưởng nào cả. Chỉ có một thằng ăn cắp, một thằng kẻ cướp, một tên tù khổ sai tên là Giăng Van-giăng! Tao bắt được thằng ấy đây này! Chỉ có thế thôi!

Phăng-tin chống hai cánh tay gầy guộc vùng nhồm dậy. Chị nhìn Giăng Van-giăng, chị nhìn Gia-ve rồi lại nhìn bà xơ. Chị há miệng như muốn nói gì. Cổ họng có tiếng nấc lên, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập. Chị hoảng hốt giơ tay lên, hai bàn tay cố sức

Chú ý ngôn ngữ ra lệnh của Gia-ve và ngôn ngữ của Giăng Van-giăng qua lời đối thoại.

Phăng-tin có phản ứng và cảm xúc như thế nào khi nghe nhắc đến đứa con gái của mình?

Chú ý thái độ của Gia-ve khi nói về Giăng Van-giăng.

⁽¹⁾ Trước đó, để Phăng-tin yên tâm, Giăng Van-giăng đã nói dối chị rằng ông đã cho đón Cô-dét về.

mở ra tìm lấy chỗ bám như người ngã xuống nước đương chới với. Bỗng chị ngã vật xuống gối. Đầu chị đập vào thành giường và gục xuống, miệng há hốc, hai mắt trợn ngược và hết thần.

Phăng-tin đã tắt thở.

Giăng Van-giăng để tay lên bàn tay Gia-ve đương nắm lấy cổ áo ông ta, gỡ tay hắn ra như gỡ bàn tay trẻ con và bảo hắn:

– Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó.

Gia-ve phát khùng lên:

– Đừng có lời thôi! Tao không đến đây để nghe lí sự. Dẹp những cái đó lại. Lính đứng sẵn cả dưới nhà rồi. Đi ngay, không thì ông cùm tay lại bây giờ!

Trong góc phòng có chiếc giường sắt cũ đã hư hỏng nhiều, để các bà xơ ngã lưng những đêm phải thức canh con bệnh. Giăng Van-giăng đến bên giường, trong chớp mắt giật gậy cái gióng chính cầm lăm lăm trong tay. Việc ấy đối với sức ông không khó, cái giường vốn đã long sẵn. Ông trợn mắt nhìn Gia-ve, Gia-ve lùi ra phía cửa. Giăng Van-giăng tay vẫn cầm thanh sắt, từ từ đến chỗ giường Phăng-tin. Đến nơi, ông quay lại nói với Gia-ve giọng rất khế, cố ý mới nghe rõ:

– Tôi khuyên anh đừng có quấy rầy tôi lúc này.

Tại sao Gia-ve lại thấy run sợ?

Sự thật Gia-ve run sợ.

Hắn định đi gọi bọn lính, nhưng lại lo Giăng Van-giăng thừa cơ trốn mất. Hắn phải đứng yên đó, tay nắm lấy đầu gậy, lưng tựa vào khung cửa, mắt vẫn không rời Giăng Van-giăng.

Giăng Van-giăng tì khuỷu tay lên trụ đầu giường, bàn tay ôm trán, ngồi ngắm Phăng-tin nằm dài không nhúc nhích. Ông ngồi như thế, mãi miết, yên lặng, tâm trí rõ ràng chẳng nghĩ đến một điều gì ở trên đời này nữa. Trong nét mặt và dáng điệu ông chỉ thấy có mỗi một nỗi xót thương vô hạn. Mơ màng một lúc lâu, ông mới ghé lại gần và thì thầm bên tai Phăng-tin.

Ông nói gì? Con người khổ sở ấy có thể nói gì với người đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? Người ở dương gian này không một ai được biết. Kẻ đã chết có nghe thấy không? Có những ảo tưởng rất cảm động, đồng thời lại có thể là những sự thực cao cả. Điều không ai nghi ngờ là bà xơ Xem-po-lít (Simplice), người đọc nhất chứng kiến cảnh ấy, thường kể lại rằng lúc Giăng Van-giăng ghé vào tai Phăng-tin thì thầm như thế, thì bà trông thấy rõ ràng một nụ cười không sao tả được hiện trên đôi môi nhợt nhạt và trong đôi mắt đờ đẫn, ngạc nhiên của chị.

Chú ý hình thức câu hỏi trong lời của người kể chuyện.

Giăng Van-giăng lấy hai tay nâng đầu Phăng-tin lên, đặt ngay ngắn giữa gối như một người mẹ sửa soạn cho con. Ông thắt lại dây rút cổ áo chị, vén gọn mớ tóc vào trong chiếc mũ vải. Xong, ông vuốt mắt cho chị.

Lúc ấy trông mặt Phăng-tin như sáng rõ lên một cách lạ thường.

Chết tức là đi vào bầu ánh sáng vĩ đại của Chúa.

Tay Phăng-tin vẫn bỏ thông ra ngoài giường. Giăng Van-giăng quỳ xuống khễ nâng lên và đặt vào đáy một cái hôn.

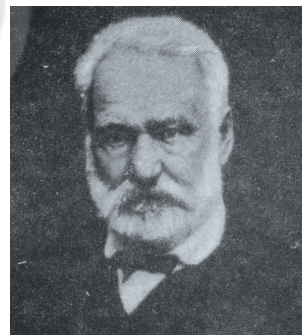
Xong ông đứng dậy, quay về phía Gia-ve:

– Giờ anh muốn làm gì thì làm.

Thái độ của Giăng Van-giăng đối với Gia-ve thể hiện ở câu nói sau cùng trong đoạn trích.

(Vích-to Huy-gô, *Những người khốn khổ*, tập một, Huỳnh Lý, Vũ Đình Liên, Lê Trí Viễn, Đỗ Đức Hiểu dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1987, tr. 422 – 427)

Vích-to Huy-gô (1802 – 1885) là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch người Pháp. Ông là nhà văn lãng mạn lớn nhất của văn học Pháp thế kỉ XIX. Các tác phẩm quan trọng trong sự nghiệp của Vích-to Huy-gô: *Nhà thơ Đức Bà Pa-ri* (Paris) (tiểu thuyết, 1831), *Những người khốn khổ* (tiểu thuyết, 1862), *Lao động biển cả* (tiểu thuyết, 1866), *Thằng cười* (tiểu thuyết, 1869), *Chín mươi ba* (tiểu thuyết, 1874); *Lá thu* (tập thơ, 1831), *Trầm tư* (tập thơ, 1856), *Truyền kì các thế kỉ* (tập thơ, 1859); *Éc-na-ni* (Hernani, kịch, 1830).



Vích-to Huy-gô

Những người khốn khổ là tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Vích-to Huy-gô. Bối cảnh của tác phẩm là nước Pháp những năm đầu thế kỉ XIX. Nhân vật trung tâm của cuốn tiểu thuyết là Giăng Van-giăng, một người lao động nghèo bị kết án tù khổ sai mười chín năm: năm năm vì tội ăn cắp bánh mì để nuôi đàn cháu đói khổ cộng mười bốn năm do nhiều lần tìm cách vượt ngục. Khi mãn hạn tù, Giăng Van-giăng mang tâm lí thù ghét xã hội bởi không một ai muốn chứa chấp kẻ có quá khứ là tù nhân. Nhờ tình thương vô điều kiện của giám mục Mi-ri-en (Myriel), người không chỉ cho ông một chỗ nghỉ, bỏ qua việc ông đã ăn cắp bộ đồ ăn bằng bạc mà còn tặng cho ông một bộ chân nện, Giăng Van-giăng được cảm hoá. Tuy nhiên, mới vừa ra khỏi tu viện của giám mục Mi-ri-en, Giăng Van-giăng đã lại phạm tội khi cướp 40 xu của bé Giéc-ve (Gervais) trong tâm trạng rối bời. Ngay lúc đó, Giăng Van-giăng đã thấy vô cùng ân hận vì hành vi xuất phát từ thói quen này; ông muốn chuộc lại lỗi lầm nhưng không được vì cậu bé đã sợ hãi bỏ chạy. Do vụ việc đó, Giăng Van-giăng lại phải lần nữa tìm cách lẩn trốn sự truy bắt của cảnh sát.

Sáu năm sau, Giăng Van-giăng đổi tên thành Ma-đơ-len và đến sống tại thị trấn Mông-tơ-roi. Nhờ giới tổ chức, quản lí lao động, ông trở thành chủ nhà máy giàu có, luôn giúp đỡ mọi người và được bầu làm thị trưởng của thị trấn. Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi. Trong nhà máy của Giăng Van-giăng có một nữ công nhân tên là Phăng-tin. Trong quá khứ, chị là một người nhẹ dạ, bị một gã chơi bời lừa gạt, bỏ rơi, dù đã có con gái với hắn, là Cô-dét. Khi sự thật này bị phát hiện, Phăng-tin bị giám thị của nhà máy sa thải, chị đành phải gửi con cho hai vợ chồng gã chủ quán lưu manh là Tê-nác-đi-ê (Thenardie), chấp nhận làm gái điếm để có tiền nuôi con, rồi lâm bệnh do kiệt sức. Một lần, vì phản ứng lại sự trêu chọc tàn nhẫn của một gã tư sản, chị bị Gia-ve bắt giữ và phạt sáu tháng tù giam. Ma-đơ-len thấy có trách nhiệm trong việc này bởi nhà máy của ông đã sa thải Phăng-tin với lí do không chính đáng nên đã tìm cách can thiệp, buộc Gia-ve phải trả tự do cho chị. Ông đưa Phăng-tin khi đó đang ốm rất nặng vào bệnh xá và hứa sẽ đem Cô-dét về với chị. Gia-ve tìm đến Ma-đơ-len, thú nhận sau khi bị ép phải trả tự do cho Phăng-tin, hắn đã báo cáo với chính quyền về sự nghi ngờ của mình, rằng Ma-đơ-len chính là Giăng Van-giăng. Nhưng khi ấy, toà án lại xác nhận nhầm một người khác là Giăng Van-giăng và chuẩn bị đưa người đó ra xét xử. Ma-đơ-len đã trải qua một cuộc đấu tranh tư tưởng dữ dội và cuối cùng quyết định đến phiên toà, thú nhận gốc tích thực của mình để cứu người vô tội. Sau đó, ông trở về Mông-tơ-roi để thăm Phăng-tin và gặp mặt Gia-ve – người thực thi việc bắt giữ ông – tại bệnh xá. Mặc dù Giăng Van-giăng đã cầu xin Gia-ve hoãn lệnh bắt ba ngày để ông có thể đem Cô-dét về với Phăng-tin nhưng hắn không chấp thuận, thậm chí còn nói toạc ra cho Phăng-tin biết nhân thân của Giăng Van-giăng. Phăng-tin đã qua đời ngay lúc ấy và Giăng Van-giăng bị bắt đi.

Giăng Van-giăng lại vào tù với án chung thân. Khi đang chịu án tại nhà tù Tu-lông (Toulon), ông đã không ngại hiểm nguy để cứu một thủy thủ bị nạn và nhân vụ việc này, ông nhảy xuống biển, tìm cách vượt ngục. Chính quyền xác nhận ông đã chết mất xác. Trên thực tế, Giăng Van-giăng không chết. Ông tìm đến quán trọ của vợ chồng Tê-nác-đi-ê để chuộc lại Cô-dét, nhận làm cha của cô bé. Để tránh sự rình mò của Gia-ve, hai cha con sống một đời sống ẩn dật tại một tu viện nhỏ ở Pa-ri, nơi ông nhận công việc làm vườn với cái tên giả Phô-sơ-lơ-văng (Fouchelevent).

Tháng Sáu năm 1832, một cuộc khởi nghĩa của người lao động nổ ra tại Pa-ri chống lại chính quyền tư sản. Một sinh viên tên là Ăng-giôn-rát (Enjolras) – thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa – đã thuyết phục nhiều bạn bè của mình sát cánh với những con người khốn khổ nhất trong xã hội dựng chiến lũy để chiến đấu vì lí tưởng cộng hoà. Giăng Van-giăng cũng có mặt trong cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đẫm máu này. Ông đã tìm cách cứu Ma-ri-uyt (Marius) – người yêu của Cô-dét – và tha mạng cho Gia-ve vốn bị những người khởi nghĩa bắt trước đó. Cách xử sự của ông khiến Gia-ve rơi vào mâu thuẫn, cảm thấy không xử lí được mối quan hệ giữa một bên là ơn cứu mạng của Giăng Van-giăng và một bên là niềm tin vào hệ thống luật pháp cứng rắn mà hắn luôn cố gắng trở thành con người công cụ để thực thi. Không thể giải quyết được xung đột nội tâm, Gia-ve đã tự sát. Giăng Van-giăng sau đó đã tìm cách vun đắp cho tình yêu của Cô-dét và Ma-ri-uyt. Tiểu thuyết kết thúc bằng cái chết trong cô đơn của Giăng Van-giăng.

Những người khốn khổ là cuốn tiểu thuyết được xây dựng từ nhiều sự kiện và con người có thật trong thời đại của Vích-to Huy-gô. Không chỉ là một cuốn tiểu thuyết tôn vinh các giá trị nhân đạo, *Những người khốn khổ* còn thể hiện quan điểm phê phán sắc sảo của Vích-to Huy-gô đối với sự bất công của xã hội tư sản thể hiện qua hệ thống luật pháp và nhà tù. Tiểu thuyết đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và được chuyển thể sang nhiều loại hình nghệ thuật khác như sân khấu, phim truyền hình, phim điện ảnh,...

Đoạn trích **Người cầm quyền khôi phục uy quyền** được rút ra từ chương thứ 4, quyển 8, phần thứ nhất của tiểu thuyết *Những người khốn khổ*.



Trả lời câu hỏi

1. Có thể chia đoạn trích làm mấy phần? Hãy xác định mối liên hệ giữa các phần ấy.
2. Bạn cảm nhận như thế nào về thái độ và cách ứng xử của Giăng Van-giăng đối với Phăng-tin? Theo bạn, Giăng Van-giăng có thể đã nói với Phăng-tin điều gì sau khi Phăng-tin qua đời?
3. Qua lời của người kể chuyện, nhân vật Gia-ve hiện lên như thế nào? Hãy nhận xét về thái độ của người kể chuyện đối với nhân vật này.
4. Phân tích sự thay đổi trong ngôn ngữ và thái độ của Giăng Van-giăng đối với Gia-ve theo diễn biến của đoạn trích.
5. Quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba có được thể hiện trong đoạn trích này không? Vì sao?
6. Trong đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*, nhân vật nào thật sự có uy quyền? Do đâu bạn khẳng định như vậy?
7. Trong đoạn trích này, theo bạn, điều gì mới làm nên uy quyền của một con người?

Kết nối đọc – viết

Bạn có cảm thấy hứng thú khi đọc những tác phẩm tự sự được kể bởi người kể chuyện toàn tri hay không? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề này.

Dưới bóng hoàng lan

Thạch Lam



- Với cảnh vật xung quanh và với những người thân yêu, kỉ niệm nào mỗi khi nhớ lại, bạn thấy thật ấm áp, dễ chịu? Nếu được yêu cầu kể lại, bạn sẽ kể như thế nào?
- Đã bao giờ bạn có nhu cầu được sống chậm lại để cảm nhận sâu sắc hơn ý nghĩa của những điều vốn rất bình dị hằng ngày?



Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người: trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bậc cửa.

Chú ý dấu hiệu để nhận biết ngôi của người kể chuyện.

Thanh bước lên thêm, đặt va-li trên chiếc trường kỉ⁽¹⁾, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch⁽²⁾ đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng; mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

– Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vệt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch⁽³⁾ xanh giương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mẫn⁽⁴⁾:

⁽¹⁾ Trường kỉ: ghế dài, làm bằng gỗ hoặc tre, có thể dùng để ngồi hoặc nằm.

⁽²⁾ Trầm tịch: im lặng, lặng lẽ, hiu quạnh.

⁽³⁾ Ngọc thạch: đá ngọc thường được dùng để chế tác đồ trang sức.

⁽⁴⁾ Mẫn: một cách gọi khác về loài mèo.

- Bà mày đâu?

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm, và mến thương.

- Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

- Nhà không có ai ư bà?

- Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đong thóc bên kia xóm. Để chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

- Dạ chưa. Con ở tàu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

- Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

- Có một tí đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể mức nước vào thau rửa mặt. Nước mát rọi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỉ, ngọn đèn con và cái diều cũ kĩ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

Tâm trạng của Thanh khi trở về với không gian thân thuộc.

- Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu...

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phát trần lên đầu giường:

- Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

– Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi⁽¹⁾ chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: "cây hoàng lan!"⁽²⁾, mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhật hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quăn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Trạng thái tinh cảm của Thanh khi nhận ra cây hoàng lan. Chú ý những chi tiết về cây hoàng lan trong toàn câu chuyện.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ buồng mành, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động dậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẩm. Tiếng dèp nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Lưu ý sự đan xen giữa lời của người kể chuyện và lời độc thoại nội tâm của nhân vật.

Chàng lẳng lặng ngồi dậy, từ trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang⁽³⁾, gọi vui vẻ:

– Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhật rau nghe tiếng gọi vội ngừng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

– Anh Thanh! Anh đã về đấy à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng.

(1) *Ruỗi*: duỗi thẳng ra.

(2) *Hoàng lan*: cây to cùng họ với na, có hoa thơm, màu vàng lục.

(3) *Nhà ngang*: nhà nhỏ, vuông góc với nhà chính, là nơi nấu nướng và ăn uống thường ngày của gia đình (kiểu kiến trúc nhà ở truyền thống của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ).

Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói:

- Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhón⁽¹⁾ quá.
- Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu, đáp:

- Cô trông em có phải gầy đi không. Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngừng nhìn Thanh, cười:

- Đấy em có nói sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

Lúc Nhân bung cơm đặt lên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ:

- Ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên:

- Ăn cho vui, cô Nga.
- Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng:

- Không, cô phải ngồi ăn cơ. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẹ, cầm chừng, và buồng đũa luôn để sôi⁽²⁾ cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng biết bao nhiêu âu yếm.

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lí pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lí non và thơm rủ liềm trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

- Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

⁽¹⁾ Nhón: lớn.

⁽²⁾ Sôi: người vùng Bắc Bộ vẫn đọc là xối, nhưng khi viết thường chệch sang sôi.

Nga cũng cười hơi thẹn:

- Vẫn nhạt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, mắt như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ thì mãi nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn khoẻ mạnh và xinh trai như ngày trước, còn cô Nga vẫn tươi đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cụ cũng đỡ buồn; hàng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ giặt cối trâu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong. Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi xem vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh:

- Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Ngẩng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

Biểu hiện tình cảm của Nga và Thanh (qua lời nói, tâm trạng).

- Bao giờ anh lên tỉnh?

- Ngày mai thôi. Kì này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể mức nước rửa hoa, rồi xếp bày trên quả⁽¹⁾ trâu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

- Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

- "Anh con hái đấy ạ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Ý nghĩa lời đối thoại giữa bà cụ và Nga về chuyện hái hoa hoàng lan.

Đêm ấy, một bà một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió ngát. Không lưỡng lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

- Thôi, em về.

⁽¹⁾ Quả: dụng cụ làm bằng gỗ hoặc đan bằng tre, hình tròn, có nắp, dùng đựng đồ khô, bên ngoài phết sơn ta (một loại sơn chế biến từ nhựa của cây sơn).

Thanh đi trở vào rất thông thả. Có cái gì dịu ngọt chẳng to ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỉ ngồi ở bên đèn.

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc va-li chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn hoa lí. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tối cống, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhẩu cầm đỡ va-li cho chàng, Thanh dặn khế:

– Bảo tôi có nhời⁽¹⁾ chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

Chi tiết nào ở phần kết giúp bạn dự đoán sự tiến triển tình cảm giữa Thanh và Nga?

(Thạch Lam, *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1998, tr. 59 – 67)

Thạch Lam (1910 – 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lân), quê gốc ở tỉnh Quảng Nam, nhưng sinh ra và lớn lên ở Hà Nội. Hồi nhỏ, ông từng sống tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông viết văn, làm báo và là một trong những cây bút chủ chốt của Tự lực văn đoàn – một tổ chức văn học đóng vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam thập niên 30 – 40 của thế kỉ XX.

Tác phẩm của Thạch Lam thuộc nhiều thể loại, tiêu biểu có: *Gió đầu mùa* (tập truyện ngắn, 1937), *Nắng trong vườn* (tập truyện ngắn, 1938), *Ngày mới* (truyện dài, 1939), *Theo giòng* (bình luận văn học, 1941), *Sợi tóc* (tập truyện ngắn, 1942), *Hà Nội băm sáu phố phường* (tập tùy bút, 1943),... Ngôi bút của Thạch Lam thường hướng về cuộc sống của những người dân nghèo nơi phố huyện, ở ngoại ô Hà Nội, hay những trí thức bình dân, thể hiện niềm cảm thương kín đáo mà sâu sắc. Truyện của ông có cốt truyện đơn giản, lời văn trong sáng, giản dị, giàu chất thơ.

⁽¹⁾ *Nhời*: lời.



Trả lời câu hỏi

1. Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? Ngôi kể ấy có nhất quán từ đầu đến cuối câu chuyện không?
2. Hình ảnh thiên nhiên, con người, cảnh sinh hoạt,... hiện ra qua đôi mắt của nhân vật nào? Việc chọn điểm nhìn như vậy có ý nghĩa gì?
3. Lời đối thoại giữa bà và Thanh trong phần đầu của tác phẩm chủ yếu xoay quanh những chuyện gì? Tình cảm của các nhân vật bộc lộ như thế nào qua những lời đối thoại đó?
4. Phân tích những biểu hiện tình cảm giữa Nga và Thanh được khắc hoạ trong tác phẩm.
5. Trong *Dưới bóng hoàng lan*, nghệ thuật viết truyện của Thạch Lam biểu hiện rõ nhất qua cốt truyện, nhân vật hay lời kể? Hãy phân tích một trong ba yếu tố đó.
6. Theo bạn, nhan đề *Dưới bóng hoàng lan* có ý nghĩa gì?
7. Cảnh nào được miêu tả trong truyện gợi cho bạn nghĩ đến một bức tranh đẹp? Nếu cần chọn một cảnh để vẽ minh hoạ, bạn sẽ chọn cảnh nào? Vì sao?
8. Nhà thơ Thế Lữ cảm nhận: *Dưới bóng hoàng lan* là tác phẩm “nhân từ như một lời yên ủi⁽¹⁾” (*Thạch Lam – Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr. 147). Từ gợi ý đó, bạn hãy phân tích tình cảm của tác giả đối với con người và cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích tâm trạng nhân vật Thanh ở đoạn văn cuối của phần kết truyện.

⁽¹⁾ Yên ủi: như an ủi.

MỘT CHUYỆN ĐÙA NHỎ NHỎ

An-tôn Sê-khốp (Anton Chekhov)



Đôi khi hồi ức về một kỉ niệm nhỏ bé trong quá khứ lại khiến ta phải suy ngẫm nhiều về cuộc sống của mình trong hiện tại và tương lai. Hãy kể lại kỉ niệm ấy với bạn bè.



Một buổi trưa mùa đông trong sáng... Trời giá lạnh, rét cóng. Na-đi-a (Nadia)⁽¹⁾ khoác tay tôi. Những hạt bụi tuyết nhỏ trắng xoá bám lên mấy món tóc xoắn vòng rủ hai bên thái dương nàng, lên hàng lông tơ mịn phía trên môi. Nàng và tôi đứng trên một ngọn đồi cao. Từ chỗ chúng tôi đứng, sườn đồi đồ dài thoải thoải xuống lấp loáng dưới ánh nắng, như một tấm gương. Bên cạnh chúng tôi là một chiếc xe trượt tuyết nhỏ bọc một lớp da màu đỏ tươi.

Lưu ý về ngôi kể. Lời kể xuất phát chủ yếu từ điểm nhìn “lúc đó” hay “bây giờ”?

– Chúng ta cùng trượt xuống dưới đi, Na-đe-giơ-đa Pê-tơ-rốp-na (Nadezhda Petrovna)⁽²⁾! – Tôi van nài nàng.

– Một lần thôi! Tôi cam đoan với cô là chúng ta sẽ chẳng hề gì đâu.

Lưu ý sự đồng cảm của người kể chuyện với Na-đi-a.

Nhưng Na-đi-a sợ. Cả khoảng không gian từ đôi giày cao su nhỏ nhắn của nàng đến chân quả đồi phủ băng này đối với nàng thật ghê sợ, tưởng như là một vực sâu vô tận. Đứng đây, nàng chỉ mới đưa mắt nhìn xuống dưới, hay tôi chỉ mới gợi ý bảo nàng ngồi vào xe trượt tuyết là nàng đã sợ hết hồn, không thở được nữa. Huống hồ nếu nàng liều mạng lao xuống cái vực sâu kia thì không biết rồi ra sao! Nàng sẽ chết mất, sẽ phát điên mất.

– Ta trượt đi cô! – Tôi cố nài. – Việc gì mà sợ! Cô phải biết sợ thế là nhát gan, xoàng lắm cô ạ!

^{(1),(2)} **Na-đi-a, Na-đe-giơ-đa Pê-tơ-rốp-na**: hai cách gọi tên nhân vật nữ chính trong truyện, phân biệt với nhau về mức độ quan hệ và sắc thái cảm xúc. **Na-đe-giơ-đa Pê-tơ-rốp-na** là cách gọi tên đầy đủ, trang trọng; **Na-đi-a** là cách gọi tên thân mật, âu yếm. Trong tiếng Nga, từ **na-đe-giơ-đa** còn có nghĩa là niềm hi vọng.

Cuối cùng, Na-đi-a cũng ưng thuận, nhưng qua nét mặt nàng, tôi biết rằng nàng liều mạng mà nghe lời tôi. Tôi đỡ nàng ngồi vào xe trượt; nàng run rẩy, gương mặt nàng tái nhợt. Tôi vòng tay qua giữ lấy Na-đi-a và cùng nhau lao xuống.

Chiếc xe lao đi vun vút như một viên đạn. Làn không khí bị xé ra quật vào mặt, gào rít bên tai dữ tợn đâm vào da buốt nhói, gió như muốn giật phăng đầu ra khỏi vai. Gió ép mạnh, đến nghẹt thở. Tưởng chừng như có một con quỷ nào đang giơ tay nắm lấy chúng tôi và vừa rú lên vừa kéo xuống địa ngục. Mọi vật chung quanh nhập lại thành một vệt dài vun vút lao về phía sau... Chỉ một giây lát nữa thôi có lẽ chúng tôi sẽ chết!

– Na-đi-a, anh yêu em! – Tôi thì ào nói.

Chiếc xe trượt dần dần chạy chậm lại, tiếng gió gào và tiếng càn xe trượt lúc này đã không rít lên ghê sợ, ngực đã thấy dễ thở, và thế là chúng tôi đã xuống đến chân đồi. Na-đi-a sợ tưởng chết đi được, gương mặt tái nhợt, nàng thở không ra hơi... Tôi đỡ nàng đứng dậy.

– Các vàng tôi cũng không trượt lần nữa đâu! – Nàng nói và đưa cặp mắt mở to đầy sợ hãi, nhìn tôi. – Các vàng tôi cũng chịu! Chỉ thiếu chút nữa là tôi chết!

Một lát sau, nàng dần dần hết sợ và bắt đầu nhìn vào mắt tôi với vẻ dò xét: có phải tôi đã nói bốn tiếng ấy, hay chỉ là trong tiếng gió gào rít nàng nghe thấy như vậy? Còn tôi, tôi đứng bên cạnh nàng,... chăm chú nhìn chiếc găng tay của mình.

Nàng khoác tay tôi và chúng tôi cùng nhau dạo chơi hồi lâu bên đồi tuyết. Hình như điều bí ẩn làm nàng thấy trong lòng bồn chồn. Có phải anh nói ra những lời đó không? Có những lời đó hay không? Có hay không? Đó là một câu hỏi của lòng tự trọng, của danh dự, của cuộc đời và niềm hạnh phúc – một câu hỏi rất hệ trọng, hệ trọng nhất trên đời này. Na-đi-a chăm chăm nhìn tôi bằng cặp mắt buồn rầu nôn nóng bồn chồn. Nàng chậm rãi do dự trả lời những câu hỏi của tôi như chờ mong tôi sẽ tự nói ra cái điều bí ẩn ấy. "Ôi, gương mặt đáng yêu của nàng mới ngộ nghĩnh làm sao!". Tôi thấy rõ nàng đang tự day dứt với mình, nàng cần nói một điều gì, cần hỏi một điều gì, nhưng nàng không tìm được lời, nàng cảm thấy rụt rè kinh sợ, một niềm vui nào đang ngăn trở nàng nói...

– Này anh... – Nàng nói, mắt không nhìn tôi.

– Cái gì vậy? – Tôi hỏi.

– Chúng ta cùng nhau... lao dốc lần nữa đi.

Chúng tôi lần theo những bậc thang trèo lên đồi. Tôi lại đỡ Na-đi-a lên xe, mặt nàng tái nhợt, và toàn thân run run. Chúng tôi lại lao xe về phía vực thẳm khủng khiếp và gió lại gào, tiếng xe lại rít lên. Và cũng đúng vào lúc chiếc xe lao nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, tôi lại nói:

Lưu ý câu văn hé lộ ý đùa cợt của nhân vật "tôi".

– Na-đi-a, anh yêu em!

Khi chiếc xe dừng lại, Na-đi-a vội đưa mắt nhìn quanh quả đồi mà chúng tôi vừa trượt xuống, rồi nhìn đắm đắm vào mặt tôi, lắng nghe giọng nói thờ ơ lãnh đạm của tôi và toàn thân nàng, cả từ cái mũi, cái bao tay và đáng người nàng nữa, đều toát lên một vẻ hồ nghi khó hiểu. Trên gương mặt nàng như hiện lên các câu hỏi:

"Điều gì đã xảy ra? Ai nói những lời ấy? Anh ấy hay là chỉ do ta nghe được?"

Điều bí ẩn ấy làm nàng không yên lòng chút nào, nàng không chịu được nữa. Cô bé đáng thương ấy không trả lời nổi những câu hỏi, nét mặt rầu rĩ như muốn khóc.

– Chúng ta về nhà thôi nhé? – Tôi hỏi.

– Không, không... tôi thích... trượt xe thế này, – nàng nói, mặt ửng đỏ lên. – Hay là chúng ta cùng nhau trượt lần nữa đi?

Na-đi-a nói rằng nàng "thích" cái trò trượt này, thế mà khi ngồi lên xe, nàng vẫn run, gương mặt nàng vẫn tái nhợt, hơi thở vẫn ngắt quãng vì sợ hãi như những lần trước.

Lần thứ ba chúng tôi trượt xuống. Tôi thấy nàng đắm đắm nhìn lên mặt tôi, theo dõi đôi môi tôi. Nhưng tôi lấy chiếc khăn tay che miệng đi rồi khẽ đằng hắng lên mấy tiếng, và khi xe lao xuống lưng chừng đồi, tôi còn kịp nói:

– Na-đi-a, anh yêu em!

Điều bí ẩn vẫn là điều bí ẩn! Na-đi-a im lặng, nàng đang nghĩ ngợi điều gì... Tôi tiễn nàng từ sân trượt về nhà. Nàng cố đi chậm lại, chờ xem tôi có nói với nàng những lời ấy không. Tôi cảm thấy tâm hồn nàng đang đau khổ, nàng đang cố dần lòng để khỏi phải thốt lên:

– Không, gió không thể nói được những lời ấy! Mà mình cũng không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy!

Vì sao Na-đi-a "không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy"?

Sáng hôm sau, tôi nhận được một mảnh giấy của nàng: "Nếu hôm nay anh có đi trượt tuyết, đến rủ tôi cùng đi nhé! N."

Từ hôm đó, ngày nào tôi và Na-đi-a cũng lên đồi và mỗi lần lao xe từ trên đồi xuống, tôi lại thì thào nhắc lại những lời đó:

– Na-đi-a, anh yêu em!

Chẳng bao lâu sau, Na-đi-a quen nghe những lời ấy... Nàng không thể sống thiếu những lời đó nữa. Thực ra, lao xe từ trên đồi xuống vẫn đáng sợ như xưa, nhưng giờ đây chính cái nguy hiểm, cái kinh sợ đó lại đem đến một cái gì đặc biệt đắm say cho những lời yêu đương ấy, những lời vẫn là điều bí ẩn và dần vật lòng người như trước... Kẻ bị nghi ngờ vẫn là gió và tôi... Ai, gió hay là tôi, đã thổ lộ với nàng những lời yêu đương ấy, nàng không biết được. Nhưng với nàng giờ đây, ai nói, có lẽ, cũng như nhau cả thôi:

“Uống rượu từ bình nào chả thế, cốt sao say là được”⁽¹⁾.

Có lần vào một buổi trưa, tôi đến sân trượt một mình; đi lẫn trong đám đông. Tôi bỗng thấy Na-đi-a đang đi về phía đồi và đưa mắt tìm tôi... Rồi nàng chậm chạp bước theo bậc thang lên đỉnh đồi... Trượt xe một mình thật ghê sợ biết bao, ôi, thật đáng ghê sợ! Mặt nàng tái nhợt, trắng như tuyết, toàn thân run rẩy, nàng bước đi hết như đến nơi chịu án tử hình, nhưng nàng vẫn xăm xăm đi, đầu không ngoái lại.

Lưu ý “độ vênh” giữa suy đoán của người kể chuyện với hành động tiếp theo của Na-đi-a.

Chắc là cuối cùng nàng quyết định thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không, khi không có tôi bên cạnh? Tôi nhìn thấy nàng tái nhợt, miệng há ra vì sợ hãi; ngồi lên xe, nhắm mắt lại và, sau khi vĩnh biệt Trái Đất, bắt đầu lao xuống chân đồi... Tiếng còi trượt xe rít lên... Na-đi-a có nghe thấy những lời đó nữa không, tôi không biết... Tôi chỉ thấy nàng bước ra khỏi xe một cách mệt nhọc, gần như kiệt sức. Qua nét mặt nàng có thể thấy rằng chính nàng cũng không biết nàng có nghe được những lời đó hay không. Nỗi sợ hãi khi xe lao xuống đồi đã làm nàng không còn khả năng nghe được, phân biệt được các âm thanh, không còn khả năng hiểu nữa...

Thế rồi những ngày xuân tháng Ba đã tới... Mặt trời như trở nên dịu dàng hơn. Quả đồi tuyết của chúng tôi bắt đầu sẫm lại, dần dần mất đi cái vẻ óng ánh của nó, và cuối cùng thì tan đi. Chúng tôi thôi không trượt xe nữa. Na-đi-a đáng thương cũng không còn nơi nào để nghe những lời đó nữa, và cũng không có ai nói những lời đó nữa, bởi vì gió thì không còn thổi nữa, mà tôi thì sửa soạn đi Pê-téc-bua (Petersburg) – đi rất lâu, có lẽ là suốt đời.

Thế nào đó, khoảng hai ngày trước khi đi, vào một buổi chiều tà, tôi ngồi trong khu vườn nhỏ ngăn cách với sân nhà Na-đi-a bởi một hàng rào cao có đỉnh nhọn... Trời hãy còn lạnh. Tuyết hãy còn đọng lại dưới đông phân ủ hoai mục⁽²⁾, cây cối hãy còn trơ trụi, nhưng hương vị mùa xuân đã đến, từng đàn quạ bay về tổ trú đêm, rộn lên quàng quạc. Tôi đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở. Tôi thấy Na-đi-a bước ra thêm và đưa mắt nhìn lên trời buồn bã... Làn gió xuân nhẹ thổi qua khuôn mặt nhợt nhạt rầu rĩ của nàng... Làn gió xuân gọi lại cho nàng cái tiếng gió rít trên đồi tuyết, khi nàng nghe thấy bốn tiếng ấy, và gương mặt nàng trở nên buồn bã lạ thường, nước mắt lặng lẽ chảy trên má... Nàng đáng thương đưa hai tay mình về phía trước như muốn cầu xin làn gió đem

Lưu ý hình ảnh “hàng rào cao có đỉnh nhọn” ngăn cách hai nhân vật và hành động “ghé nhìn qua khe hở” của nhân vật “tôi”.

⁽¹⁾ Uống rượu từ bình nào chả thế, cốt sao say là được: tục ngữ Nga.

⁽²⁾ Tháng Ba ở nước Nga, người ta đánh đông phân ủ đã hoai mục qua đông để chuẩn bị bón cho cây trồng lúc sang xuân.

đến cho nàng những lời yêu đương đó một lần nữa. Và tôi, chờ khi có làn gió đến, thì thào nói:

– Na-đi-a, anh yêu em!

Trời, điều gì đã xảy ra với nàng lúc ấy! Na-đi-a khẽ kêu lên và khuôn mặt nàng bỗng chan hoà một nụ cười rạng rỡ. Na-đi-a đưa hai tay lên đón lấy gió, trông nàng lúc ấy thật là mừng rỡ, đẹp xinh và hạnh phúc.

Còn tôi trở vào nhà thu xếp đồ đạc...

Chuyện ấy đã qua lâu rồi. Bây giờ Na-đi-a đã có chồng, gia đình gả nàng cho một viên thư kí hội đồng giám hộ quý tộc hay nàng tự nguyện lấy – cũng thế cả thôi. Nàng đã có ba con. Chút kỉ niệm cùng nhau trượt tuyết khi gió đem tới cho nàng bốn tiếng "Na-đi-a, anh yêu em!" không sao quên được. Đối với nàng, điều ấy đã trở thành kỉ niệm hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời...

Còn tôi, bây giờ đã đứng tuổi, tôi không hiểu nổi vì lẽ gì đã nói những lời đó, sao tôi lại đùa như thế...

Xác định tâm trạng của nhân vật "tôi" khi chuyển về thời điểm kể "bây giờ".

1899

(An-tôn Sê-khốp, *Truyện ngắn Sê-khốp*, Phan Hồng Giang dịch⁽¹⁾, NXB Cầu Vồng, Mát-xcơ-va (Moskva), 1988, tr. 29 – 34)



An-tôn Sê-khốp

An-tôn Sê-khốp (1860 – 1904) sinh ra và lớn lên trong một gia đình buôn bán nhỏ tại thị trấn Ta-gan-rốc (Taganrog), miền nam nước Nga. Ông bắt đầu sáng tác truyện ngắn và kịch ngay khi theo học ngành Y tại Trường Đại học Tổng hợp Mát-xcơ-va từ năm 1879. Đến khoảng những năm 1890, Sê-khốp đã được thừa nhận là một trong những nhà văn lớn nhất của văn học Nga. Năm 1904, nhà văn qua đời vì bệnh lao phổi tại một khu điều dưỡng ở nước Đức.

⁽¹⁾ Về văn bản dịch này, người biên soạn sách giáo khoa cùng dịch giả Phan Hồng Giang có tinh chỉnh lại nhan đề và một số câu chữ cho sát hơn với nguyên tác.

Văn phong Sê-khốp hàm súc, cô đọng. Phần lớn truyện ngắn của ông là những “truyện không có chuyện”, mở đầu thường dẫn người đọc nhập thẳng vào khung cảnh câu chuyện, tâm trạng nhân vật, kết thúc thường gây cảm giác “chưa có chuyện gì xảy ra cả” như trong một sự đợi chờ khắc khoải. Nhà văn Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy) khẳng định Sê-khốp đã “sáng tạo nên cách viết mới cho toàn thế giới”. Tầm ảnh hưởng và sức lan toả từ sáng tác của Sê-khốp cho đến ngày nay vẫn hết sức lớn lao.

Truyện ngắn **Một chuyện đùa nho nhỏ** của Sê-khốp in lần đầu tiên trên tạp chí *Dế mèn* của Nga, số 10, ra ngày 12/3/1886. Năm 1899, Sê-khốp chỉnh lí, bổ sung một số câu chữ, thay đổi phần kết truyện để đưa vào tuyển tập *Truyện ngắn Sê-khốp*. Dịch giả Phan Hồng Giang chuyển ngữ *Một chuyện đùa nho nhỏ* từ bản tiếng Nga thuộc tuyển tập này.



Trả lời câu hỏi

1. Câu chuyện trong *Một chuyện đùa nho nhỏ* được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ mấy? Người kể chuyện là nhân vật phụ chứng kiến, người được nghe kể lại hay nhân vật tham gia hành động chính?
2. Dựa vào sự thay đổi thời gian, địa điểm, thành phần nhân vật trong mạch truyện kể, có thể xác định truyện ngắn gồm mấy phần? Tóm lược nội dung từng phần.
3. Căn cứ vào những gì được biểu hiện trong lời tả và kể của nhân vật “tôi” về lần trượt tuyết đầu tiên, hãy đoán định tình cảm thực sự của nhân vật với Na-đi-a.
4. Sau lần trượt tuyết đầu tiên, từ khi nảy sinh ý đùa với Na-đi-a, những hành động, cử chỉ, lời nói nào của nhân vật “tôi” cho thấy anh không còn khả năng đồng cảm với Na-đi-a nữa? Vì sao có thể nói nhân vật “tôi” cũng chính là người mất mát sau “một chuyện đùa nho nhỏ” của mình?
5. Câu nói “Na-đi-a, anh yêu em!” có ý nghĩa thế nào đối với Na-đi-a? Vì sao bắt chấp nỗi sợ, cô quyết định ngồi vào xe trượt xuống “một mình” để “thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không”?
6. Cảnh chia tay của hai nhân vật lúc xuân sang gợi lên cho bạn những cảm nghĩ gì về các nhân vật và cuộc đời? Nếu rơi vào hoàn cảnh tương tự, bạn ứng xử ra sao?
7. Trong phần kết, khi kể về tình trạng cuộc sống của Na-đi-a và của mình nhiều năm sau, người kể chuyện có tâm trạng thế nào? Hãy nêu nhận xét về cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích hình ảnh “hàng rào” trong truyện ngắn *Một chuyện đùa nho nhỏ*.

Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê

I. Biện pháp chêm xen

1. Phân tích tác dụng của biện pháp chêm xen được sử dụng trong các câu sau:

a. *Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà.*

(Thạch Lam,
Dưới bóng hoàng lan)

b. *Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó.*

(Thạch Lam,
Dưới bóng hoàng lan)

c. *Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi.*

(Tóm tắt Những người khốn khổ, Vích-to Huy-gô)

2. Viết 3 câu có sử dụng biện pháp chêm xen, nội dung có liên quan đến các truyện đã đọc trong bài.

Nhận biết biện pháp chêm xen

- Biện pháp chêm xen thể hiện bằng một thành phần câu gọi là thành phần chêm xen, nhằm giải thích cho một đối tượng nào đó được nói đến trong câu hoặc bổ sung thông tin cho câu. Thành phần chêm xen có khi được đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. Ví dụ:
 - *Sáng nay, thằng lớn của tôi – **mười lăm tuổi**, lúc cho nó ăn đã sợ ý mở hết cửa, thế là nó vù đi.*
(Nguyễn Quang Sáng, *Con khướu sổ lồng*)
 - *Bởi vì... bởi vì... (**San cúi mặt và bỏ tiếng Nam dùng tiếng Pháp**), người ta lừa dối anh.*
(Nam Cao, *Sống mòn*)
 - *Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, **con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước**.*
(Thạch Lam, *Dưới bóng hoàng lan*)
- Có nhiều trường hợp, nhờ thành phần chêm xen, lời thơ, lời văn trở nên giàu ý nghĩa và có tính thẩm mỹ. Ví dụ:
 - *Cô bé nhà bên (**có ai ngờ**)
Cũng vào du kích
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (**thương thương quá đi thôi**)*
(Giang Nam, *Quê hương*)
 - *Đã nhìn thấy cây đàn ấy thì phải đánh – **đánh cái cuộc đời mình vào đấy** – để rồi xem nó ra được thành tiếng gì.*
(Nguyễn Tuân, *Chùa Đàn*)

II. Biện pháp liệt kê

1. Phân tích tác dụng của việc dùng biện pháp liệt kê ở các câu sau:

a. Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếng đất của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phàm những việc hưng yếu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu.

(Nguyễn Dữ, *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*)

b. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò, ... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vẩy, ...

(Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*)

c. Ngày mười tám, trận
Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế,
Ngày hai mươi, trận Mã An,
Liễu Thăng cụt đầu,
Ngày hăm lăm, Bá tước
Lương Minh đại bại tử vong
Ngày hăm tám, Thượng thư
Lý Khánh cùng kế tự vẫn.

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*)

Nhận biết biện pháp liệt kê

- Biện pháp liệt kê thể hiện bằng cách kể ra một chuỗi các đối tượng nhằm cung cấp thông tin cụ thể hơn cho câu. Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng được liệt kê có thể đặt ở giữa hoặc cuối câu. Ví dụ:

- Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục của *thầy mẹ, gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên*, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi nảy nở, phúc thọ an khang của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương.

(Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*)

- Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân *có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng,...*

(Vũ Bằng, *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt*)

- Thành phần liệt kê ở cuối câu thường được đặt sau dấu hai chấm. Trường hợp liệt kê chưa hết các đối tượng, người ta dùng dấu ba chấm hoặc kí hiệu v.v. Ví dụ:

- Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng "sướng miệng": *cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,...*

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Chuyện cơm hến*)

- Một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng: *con hạc và con nai thể hiện tuổi thọ, cây tre là đạo đức, cây mận là sức mạnh tinh thần và thể chất, cây cúc thể hiện hạnh phúc, v.v.*

(Nguyễn Văn Huyền, *Văn minh Việt Nam*)

- Bên cạnh việc cung cấp thông tin, biện pháp liệt kê còn có tác dụng thể hiện cảm xúc, thái độ, cái nhìn của người viết. Trong những trường hợp như thế, liệt kê có đầy đủ tính chất của một biện pháp tu từ.

Ví dụ:

Nhưng một điều bố thấy: khi nghe đến chuyện tuổi thơ của bố thì Khánh *chớp chớp mắt, rồi mắt đỏ lên; đang nói nhiều, trở thành im lặng; đang nghịch ngợm rong chơi trở nên hiền hậu chuyên cần; bài tập nham nhở trở thành chỉnh chu; đang ăn mặc lơi lỏng, diêm dúa trở thành gọn gàng, giản dị...*

(Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng*)

2. Viết 3 câu có sử dụng biện pháp liệt kê, nội dung liên quan đến các văn bản trong bài học.

- Việc liệt kê nhiều khi không chỉ gói gọn trong một câu mà được triển khai trong nhiều câu của đoạn thơ hoặc đoạn văn. Ví dụ:

*Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù.
Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng,
giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.
Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao
động! Tre, anh hùng chiến đấu!*

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

VIẾT

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

Bạn đã từng nhiều lần viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học, trong đó có tác phẩm truyện. Yêu cầu viết được đặt ra thật đa dạng, cho phép bạn phát biểu cảm nhận chung về tác phẩm hay đi vào phân tích một số yếu tố nổi bật nào đó của nó. Bạn cũng có thể trình bày nhận xét, đánh giá về giá trị của tác phẩm khi xem xét nó trong những tương quan khác nhau. Với bài học này, bạn sẽ tập trung tìm hiểu chủ đề của một tác phẩm truyện và mối quan hệ giữa chủ đề đó với các nhân vật được xây dựng trong tác phẩm.

Yêu cầu

- Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm.
- Nêu được nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm.
- Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm.
- Phân tích được mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm (chủ đề đã chi phối sự lựa chọn, miêu tả nhân vật như thế nào, nhân vật đã phát triển và khơi sâu chủ đề ra sao,...).
- Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật.
- Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân.

Lại đọc *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân

Nguyễn Đăng Mạnh

Những nhà văn có phong cách đều tạo ra cho mình một thế giới nhân vật riêng. Thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân, nói chung, gồm hai loại người đối lập với nhau: loại người tài hoa nghệ sĩ, có nhân cách, có “thiên lương”, tự đặt mình lên trên; hạng người thứ hai gồm những kẻ tiểu nhân phạm tục bằng thái độ ngạo đời, khinh bạc. Loại người thứ nhất, theo Nguyễn Tuân, thường là những linh hồn đẹp còn sót lại của một thời đã qua, nay chỉ còn “vang bóng”. Loại người ấy cố nhiên là hiếm hoi. Còn kẻ tiểu nhân phạm tục thì đầy rẫy trong thiên hạ.

Giới thiệu khái quát về thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân.

Định hướng nhìn nhận vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề.

Chữ người tử tù dựng lên một thế giới tăm tối, tù ngục, trong đó, kẻ tiểu nhân, bọn độc ác, bất lương làm chủ. Trên cái tăm tối ấy, hiện lên ba đốm sáng lẻ loi, cô đơn: Huấn Cao, người quản ngục và viên thơ lại – những con người có tài và biết trọng tài, có nghĩa khí và biết trọng nghĩa khí. Họ tình cờ gặp nhau trong một tình thế oái oăm, từ chỗ ngờ vực nhau, đối địch nhau, dần dần đi đến hiểu nhau và trở thành tri kỉ.

Ba đốm sáng cô đơn ấy cuối cùng tụ lại, tạo thành ngọn lửa ngùn ngụt rực sáng giữa chốn ngục tù – “một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”. Cái đẹp, cái tài, sự trong sạch của tâm hồn đã tập hợp họ lại giữa cái nơi xưa nay chỉ có gian ác, thô鄙 và hôi hám: “ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi trên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ”. Đây là sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác.

Khái quát chủ đề của truyện.

Lâu nay, nói về những nhân cách cao thượng, người ta thường nhấn mạnh đến tinh thần gang thép, đến cái “vô úy”, cái không biết sợ trước những lực lượng thù địch. Thiên hướng ấy thực ra cũng dễ hiểu đối với một dân tộc luôn luôn phải đương đầu với những bọn xâm lược, với bạo lực hung hãn nhất.

Nhân vật Huấn Cao, quản ngục và viên thơ lại đều có cái “vô úy” ấy. Ở Huấn Cao, con người “chọc trời khuấy nước” đến “chết chém ông còn chẳng sợ”, ta không cần nói cũng rõ. Nhưng người quản ngục và viên thơ lại cũng gan góc, ngang tàng lắm chứ! Đó là những con người dám thách thức với những đòn trừng phạt ghê gớm có thể giáng xuống đầu, nếu “âm mưu” của họ – bí mật biệt đãi “tên phiến loạn nguy hiểm” – bị cáo giác.

Nhưng thử nghĩ mà xem, con người không biết sợ cái gì trên đời này cả, liệu có phải là con người không? Cái gì cũng “vô ứ”, cũng tỏ thái độ sắt thép, nghĩa là không biết mềm lòng trước bất cứ một cái gì, đấy là loài quỷ sứ chứ đâu phải là người! *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân dạy cho người ta hiểu rằng: muốn nên người, phải biết kính sợ ba điều này: cái tài, cái đẹp, cái thiên tính tốt đẹp của con người (thiên lương). Vậy kẻ nào không biết sợ cái gì hết, đó là loài quỷ sứ. Loại người này thực ra rất hiếm hoi, hay nói đúng hơn, không thể có được. Nhưng loại người sau đây thì chắc không ít: sợ rất nhiều thứ, nhất là quyền thế và đồng tiền, nhưng đối với cái tài, cái đẹp, cái thiên lương thì lại không biết sợ, thậm chí sẵn sàng lăng mạ, giày xéo. Đây là hạng người hèn hạ nhất, thô bỉ nhất, đồi bại nhất.

Phân tích *Chữ người tử tù*, không những cần đề cao thái độ không biết sợ của Huân Cao, người quản ngục và viên thơ lại, mà còn phải ngợi ca cái “biết sợ” của những nhân vật này nữa.

Khi ông Huân còn coi viên quản ngục chỉ là viên quản ngục, ông đã có thái độ cố tình khinh bạc đến mức tàn nhẫn: “Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà ngươi đừng đặt chân vào đây”. Nhưng khi hiểu rằng, quản ngục chỉ là cái áo khoác, đây thực chất là một tấm lòng biết quý cái tài, cái đẹp, biết trọng cái tốt lành, trong sạch, thì ông Huân đâu có cứng rắn, lạnh lùng nữa: “Ta cảm cái tấm lòng biệt nhơn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

Còn viên quản ngục? Cái cử chỉ đẹp nhất, cảm động nhất của nhân vật này lại chính là cái cử chỉ khúm núm trước người tử tù cái đêm Huân Cao cho chữ trong nhà ngục. Sau khi cúi đầu lắng nghe mấy lời khuyên răn của người tù: “Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

Nhìn nhận sự chi phối mạnh mẽ của chủ đề đối với đặc điểm nhân vật.

Có những cái cúi đầu làm cho con người trở nên hèn hạ, có những cái vái lạy làm cho con người đề tiện. Nhưng cũng có những cái cúi đầu làm cho con người bỗng trở nên cao cả hơn, lớn lao hơn,凛冽 hơn, sang trọng hơn. Đây là cái cúi đầu trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương.

Khẳng định ý nghĩa của chủ đề.

(Nguyễn Đăng Mạnh, *Tuyển tập phê bình văn học*, NXB Đà Nẵng, 2008, tr. 240 – 242)



1. Chủ đề của *Chữ người tử tù* đã được tác giả bài viết khái quát qua những câu nào?
2. Để tô đậm ý tưởng của bài viết, tác giả đã chọn cách dẫn dắt như thế nào?
3. Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được khẳng định như thế nào qua bài viết?

Thực hành viết bài nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm truyện

(Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

Chuẩn bị viết

Để thực hiện bài viết, cần soát lại trong trí nhớ, lựa chọn truyện có chủ đề nổi bật và các nhân vật gây được ấn tượng mạnh, để lại những bài học sâu sắc về thái độ sống.

Gợi ý: Bạn có thể viết về truyện *Con khướu sở lòng* của Nguyễn Quang Sáng hoặc về một truyện trong các tập truyện ngắn sau:

- *Vang bóng một thời*, Nguyễn Tuân, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014;
- *Gió đầu mùa*, Thạch Lam, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014;
- *Con mèo của Phu-gi-ta (Foujita)*⁽¹⁾, Nguyễn Quang Sáng, NXB Kim Đồng, 2020.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Tìm hiểu bài viết tham khảo để học hỏi kinh nghiệm lập ý và triển khai ý. Dựa vào định hướng viết của bài học, đọc kĩ truyện đã chọn, nêu một số câu hỏi sau để tìm ý.

- Chủ đề của truyện là gì? Chủ đề đó có điểm đặc biệt nào không?

Bài viết cần khái quát được chủ đề của truyện. Có thể nêu chủ đề trước hoặc sau khi phân tích nhân vật. Ví dụ, ở bài viết tham khảo, sau khi giới thiệu chung về các nhân vật, người viết đã khái quát chủ đề: *Chữ người tử tù* là “sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác”. Qua chủ đề, bài viết cho thấy Nguyễn Tuân đã biểu dương sức mạnh của cái đẹp, cái tài ở những con người đầy khí phách và thiên lương.

- Các nhân vật trong truyện có đặc điểm gì nổi bật? Ngoại hình, lời nói, hành động, nội tâm của nhân vật hướng tới việc thể hiện chủ đề như thế nào?

Bài viết cần tập trung phân tích nét độc đáo của các nhân vật trong truyện cũng như mối quan hệ giữa các nhân vật, qua đó làm nổi bật chủ đề. Ví dụ, bài viết tham khảo có nêu một ý: Uy lực của cái đẹp, cái tài thể hiện rõ qua thái độ “vô úy” (không biết sợ) của những người gan góc, cứng cỏi. Ý này được làm sáng tỏ qua việc phân tích cái “không biết sợ” của Huân Cao, quần ngục, viên thơ lại.

⁽¹⁾ Phu-gi-ta (1886 – 1968) là họa sĩ Pháp gốc Nhật Bản, tên đầy đủ là Lê-ô-nác Su-gu-ha-ru Phu-gi-ta (Léonard Tsuguharu Foujita).

– Nhìn từ chủ đề và nhân vật, tác phẩm có gì đặc sắc?

Bài viết cần tập trung phân tích những nét đặc sắc của chủ đề, cách thể hiện chủ đề qua các nhân vật, vì những điều đó tạo nên giá trị của truyện. Chẳng hạn, bài viết tham khảo đã nêu một ý có tính chất phát hiện: “Phân tích *Chữ người tử tù*, không những cần đề cao thái độ không biết sợ của Huân Cao, người quản ngục và viên thơ lại, mà còn phải ngợi ca cái “biết sợ” của những nhân vật này nữa”. Để làm rõ ý này, bài viết đã phân tích thái độ nể trọng của Huân Cao trước thiên lương của quản ngục, đặc biệt chi tiết quản ngục cảm động vái người tử tù một vái để nhận lời khuyên.

Lập dàn ý

Sắp xếp lại các ý theo trật tự hợp lí. Dàn ý cần phản ánh bố cục và nội dung chính của bài viết.

Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

Thân bài: Sắp xếp các ý đã tìm được theo trật tự hợp lí để bài viết được triển khai mạch lạc, chặt chẽ.

- Khái quát chủ đề của truyện.
- Phân tích từng nhân vật tiêu biểu và mối quan hệ giữa các nhân vật.
- Phân tích vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của truyện.
- Đánh giá chủ đề và ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề, rút ra ý nghĩa đối với cuộc sống.

(Lưu ý: Việc khái quát chủ đề và phân tích nhân vật có thể thay đổi trật tự, tuy nhiên cần đảm bảo tính chặt chẽ, hợp lí trong lập luận và bố cục bài viết).

Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghị luận.

Viết

Bám sát dàn ý đã lập để viết bài. Khi viết từng phần, cần chú ý:

- Lựa chọn những thông tin cơ bản để giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, nhân vật bằng việc trả lời các câu hỏi: Tác giả là ai? Có những tác phẩm nào tiêu biểu? Tác phẩm được chọn phân tích ở đây có gì đặc sắc? Nhân vật nào đáng chú ý?
- Lựa chọn các khía cạnh nổi bật của nhân vật trong truyện để phân tích. Mỗi ý phải được trình bày sáng rõ trong một đoạn văn, các đoạn phải liên kết chặt chẽ với nhau. Qua phân tích nhân vật, phải nêu bật được chủ đề của tác phẩm.
- Khái quát được ý nghĩa của nhân vật, giá trị của tác phẩm và bài học về thái độ sống mà bản thân rút ra được.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý để thực hiện việc chỉnh sửa, hoàn thiện.

Chú ý:

- Bổ sung những phân tích cụ thể đối với các chi tiết, hình ảnh, sự việc trong truyện, tránh tình trạng nêu những nhận định chung chung, thiếu chứng cứ về nhân vật.
- Kiểm tra những ý phân tích về mối quan hệ giữa chủ đề truyện với hệ thống nhân vật, lược bớt những câu, đoạn phân tích không dẫn tới việc hiểu thấu đáo về chủ đề.
- Kiểm tra tính logic giữa các câu, đoạn; bổ sung bằng các phương tiện liên kết phù hợp hay đảo trật tự của các câu, đoạn ấy nếu thấy chưa đảm bảo.
- Rà soát, phát hiện các lỗi chính tả, lỗi về từ ngữ, ngữ pháp để chỉnh sửa.

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề văn học có những ý kiến khác nhau.
- Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của những ý kiến khác nhau về vấn đề.
- Trình bày được quan điểm của bản thân về vấn đề, làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa ý kiến của bản thân với các ý kiến đã có.
- Tạo được sự đồng thuận tích cực giữa bản thân với những người tham gia thảo luận.

Chuẩn bị thảo luận

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Trước một tác phẩm truyện, sự đánh giá của người đọc về các khía cạnh nội dung hoặc hình thức nghệ thuật thường khác nhau. Vì thế, có thể nêu vấn đề từ các văn bản đọc trong bài học này, hoặc đọc lại truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân (ở Bài 1: *Sức hấp dẫn của truyện kể*) và bài phân tích của Nguyễn Đăng Mạnh ở phần Viết để chọn đề tài thảo luận. Có thể tham khảo một số vấn đề có những ý kiến khác nhau sau đây:

- Truyện ngắn không có cốt truyện li kì, hấp dẫn có thể là một truyện hay được không?
- Để hiểu đúng nhân vật Huân Cao, có nhất thiết phải biết tường tận về Cao Bá Quát – một nhân vật lịch sử được Nguyễn Tuân chọn làm nguyên mẫu?

– Quản ngục trong *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân có thực sự là một người quyền uy, tự do?

Tìm ý và sắp xếp ý

Trước một vấn đề văn học có những ý kiến khác nhau, phải tự xác định cho mình một cách hiểu, cách lí giải. Muốn tạo ra tiếng nói chung qua cuộc thảo luận, mỗi người nói cần nêu được các ý xác đáng, thuyết phục, có lí lẽ sắc bén và bằng chứng tiêu biểu. Để tìm ý, nên tự đặt ra các câu hỏi, chẳng hạn: Bản chất vấn đề là gì? Đây là chỗ gây ra những cách hiểu khác nhau? Có những cách lí giải khác nhau như thế nào về vấn đề này? Cách hiểu nào là có cơ sở? Những lí lẽ và bằng chứng nào củng cố cho cách hiểu ấy? Khi đã có các ý, sắp xếp chúng lại thành hệ thống chặt chẽ.

Xác định từ ngữ then chốt

Để thảo luận về vấn đề văn học có những ý kiến khác nhau, có thể sử dụng một số từ ngữ sau: mặc dù... nhưng...; về vấn đề này, theo ý tôi; từ góc nhìn khác, ta có thể thấy; có thể khẳng định;...

Chuẩn bị nghe

- Tìm hiểu các thông tin cần thiết xung quanh vấn đề nêu ra để thảo luận.
- Ghi vắn tắt ý kiến của bản thân về vấn đề thảo luận.
- Sẵn sàng tham gia thảo luận để cùng đi đến cách hiểu thoả đáng về vấn đề.

Thảo luận

| Người nói | Người nghe |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">– Nêu sự hưởng ứng đối với đề tài của cuộc thảo luận.– Tóm tắt và đánh giá các ý kiến đã có về vấn đề; nêu cách nhìn nhận riêng của mình và làm rõ căn cứ của cách nhìn nhận đó.– Tóm tắt lại ý kiến của bản thân, nêu những điểm cần được đồng thuận, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận,... | <ul style="list-style-type: none">– Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra ý kiến hồi đáp của mình để thúc đẩy cuộc thảo luận đạt kết quả tích cực.– Ghi vắn tắt vào sổ tay hay vở ghi chép những điểm cần tranh luận với người nói. |

– Với tư cách người nói, bạn hãy tự đánh giá về ý kiến tham gia thảo luận của mình và chia sẻ với người nghe về những thuận lợi, khó khăn khi nêu ý kiến đó.

– Với tư cách người nghe, bạn phải nêu và phân tích được ưu, nhược điểm của các ý kiến tham gia thảo luận.

– Để có thể tự đánh giá và đánh giá một cách chính xác về ý kiến thảo luận, cần chú ý các nội dung được nêu trong bảng sau:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|--|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận. | | |
| 2 | Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng. | | |
| 3 | Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học. | | |
| 4 | Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến. | | |
| 5 | Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp. | | |
| 6 | Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Căn cứ vào ba văn bản đã đọc, lập bảng tổng hợp hoặc vẽ sơ đồ theo gợi ý sau:

| Nội dung | Tác phẩm | | |
|--------------------------|---|----------------------------|-------------------------------|
| | <i>Người cầm quyền khôi phục uy quyền</i> | <i>Dưới bóng hoàng lan</i> | <i>Một chuyện đùa nho nhỏ</i> |
| Ngôi của người kể chuyện | | | |
| Nhân vật chính | | | |
| Điểm nhìn | | | |
| Chủ đề | | | |

2. Từ các văn bản đã học trong bài, lập bảng tổng hợp về đặc điểm của các ngôi kể theo gợi ý sau:

| Nội dung | Người kể chuyện ngôi thứ nhất | Người kể chuyện ngôi thứ ba |
|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Dấu hiệu để nhận biết | | |
| Chức năng của lời kể | | |
| Khả năng bao quát của điểm nhìn | | |
| Quan hệ với các nhân vật trong truyện | | |
| Khả năng tác động đến người đọc | | |

3. Nêu những dấu hiệu có thể giúp ta nhận biết lời nhân vật trong tác phẩm truyện. Lời nhân vật trong truyện thường tồn tại ở những dạng nào?
4. Cho đề bài: Phân tích tâm trạng của nhân vật Thanh để làm nổi bật chủ đề truyện *Dưới bóng hoàng lan*.
- a. Tìm ý và lập dàn ý cho đề bài trên.
- b. Viết đoạn văn mở bài và một đoạn văn thuộc phần thân bài.
5. Trên cơ sở dàn ý bài viết đã lập ở câu 4, hãy chuẩn bị dàn ý cho bài nói và tập luyện cách trình bày.
6. Tìm đọc thêm một số tác phẩm truyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ nhất, khái quát ngắn gọn chủ đề của tác phẩm đã đọc.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Hiểu được mức độ bao quát các nhân vật, sự kiện của người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Nắm bắt được cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật về sự việc diễn ra trong câu chuyện.

Con khướu sổ lồng

(Trích)

Nguyễn Quang Sáng⁽¹⁾

Tạo hoá cho loài chim đôi cánh là để bay, nhưng trong trời đất này có biết bao nhiêu con chim không được bay.

Nhà tôi cũng có một con, con khướu, được nuôi trong lồng. Nó được nuôi trong một cái lồng tuyệt đẹp, cái lồng tre nổi tiếng của Lạng Sơn. Mái lồng như mái đình, quanh lồng được chạm trổ hình hoa văn, trong lồng có ba cái lọ sứ Tàu để đựng thức ăn thức uống. Cái lồng được treo dưới mái bên mảnh vườn treo trên nhà. Nếu những con chim khác biết được không thể không ganh tị với nó. Quanh nó là cây cảnh với phong lan, không mưa không nắng, nhưng vẫn nhìn thấy khoảng trời mênh mông qua mảnh vườn. Nó như sống trong cảnh thần tiên, thức ăn thức uống đủ đầy, chỉ có hót thôi.

Con khướu nhà tôi không đẹp như họa mi hay sơn ca, so với con cuống nó cũng không bằng. Lông một màu đen, trên đầu có một cái chóp trắng, trông nó như một lão già lụ khụ lúc nào cũng đội kết⁽²⁾.

“Đừng thấy vậy mà chê. Nghe nó hót rồi biết!” Ông bác tôi vốn là người chơi chim, mang nó từ quê lên cho, bảo vậy. “Tao chọn rồi, chim trong nhà, nó là con hót hay nhất⁽³⁾.”

Đúng như lời ông bác, tiếng hót của nó vừa vui vừa xao xuyến. Những buổi chiều mệt nhọc từ ngoài đời trở về, ngồi trên mảnh vườn nghe nó hót, lòng bỗng thấy thanh thản, thấy gần với trời đất.

[...] Con khướu là niềm vui của cả nhà. Có lúc không còn nhớ nó xuất xứ từ đâu. Nó như có mặt cùng một lúc với mọi người, như một thành viên chính thức trong gia đình, không thể thiếu.

*

* *

Một buổi chiều tôi đi làm về, thằng út tôi tám tuổi đón tôi từ ngoài cổng, vừa thấy tôi, nó dang hai tay vừa chạy xô tới vừa la:

– Ba ơi! Chim bay rồi.

– Cái gì?

(1) Nguyễn Quang Sáng (1932 – 2014) là nhà văn, nhà biên kịch, được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Đất lửa* (tiểu thuyết, 1963), *Chiếc lược ngà* (tập truyện ngắn, 1966), *Mùa gió chướng* (tiểu thuyết, 1975), *Con mèo của Phu-gi-ta* (tập truyện ngắn, 1996),...

(2) *Kết*: mũ lưỡi trai.

(3) *Nhất*: nhất.

- Chim bay rồi.
- Chim nào bay?
- Con khướu nhà mình đó, nó sổ lồng, nó bay mất rồi!
- Thiệt⁽¹⁾ sao?
- Thiệt!

Tôi chạy vào nhà, bước một bước hai ba bậc thang, lên mảnh vườn treo. Thật vậy, chỉ còn có cái lồng không. Ngày ngày, mỗi lần tôi bước vào mảnh vườn, lần nào con khướu cũng cất tiếng hót chào tôi. Tôi ngồi phịch xuống ghế, nhìn cái lồng không. Cái lồng trống, lòng tôi cũng trống.

Sáng nay, thằng lớn của tôi - mười lăm tuổi, lúc cho nó ăn đã sơ ý mở hết cửa, thế là nó vù đi. Thằng lớn tôi vừa nghe “vù” qua tai là nó giơ tay ra chụp nhưng chỉ giữ lại trong tay một chiếc lông, còn con khướu thì dang cánh bay thẳng lên bầu trời như một mũi tên.

Suốt đêm hôm đó, cả nhà ai cũng thấy thiếu vắng. Không ai buồn lên mảnh vườn treo nữa. Nửa đêm thằng út tôi giật mình khi trời đổ mưa. Nó cứ trần trở thao thức, rồi thì thầm:

- Ba ơi! Trời mưa lại có gió nữa, con khướu bay đi, nó có sao không ba?
- Chim thì phải bay. Chim bay thì có gì phải lo. Con ngủ đi.

Buổi chiều hôm sau, trời vừa chạng vạng, bỗng có tiếng hót của con khướu vang lên từ trên vòm lá cây sao trước nhà.

Con khướu về! Cả nhà reo lên, ngược cổ nhìn lên, không ai thấy, chỉ nghe tiếng hót. Nghe tiếng hót buồn thảm của nó tôi bỗng nghĩ đến những đứa con bỏ đi hoang, hồi hận trở về nhưng không dám vào nhà, cứ thập thò trước cổng.

[...] Trên vòm lá, con khướu vẫn hót, hót rồi ngưng, ngưng lại hót. Khi tiếng hót vừa dứt, từ trên vòm lá con khướu buông cánh sà thẳng vào lồng. Cửa lồng sập xuống, từ các chỗ núp, cả nhà vừa lao ra vừa reo lên và giành nhau bưng cái lồng.

Cái lồng và con khướu lại được treo lên chỗ cũ. Cả nhà lại ngồi quanh nó, nghe nó hót, quên cả buổi cơm chiều. Một con chim sổ lồng bay đi rồi lại quay về là điều ít có, nên không thể không bàn cãi. Nhà tôi mỗi người có mỗi ý khác nhau.

[...] Có ý tán thêm:

- Nó ghiền⁽²⁾ nước đường như người ta ghiền rượu, ghiền bia vậy. Phải không mày, khướu?

Riêng tôi, tôi nghĩ khác nhưng không nói. Nói đến tự do, người ta thường nghĩ đến đôi cánh. Khi nói đến đôi cánh, người ta nghĩ đến tự do. Đôi cánh với tự do như đồng nghĩa. Con khướu này, đôi cánh của nó đã dang ra mệnh mông trên bầu trời tự do rồi sao nó lại khép cánh trở lại cái lồng nhỏ hẹp này. Có lẽ cái lồng này đã giam hãm đôi cánh nó quá lâu khiến cho đôi cánh nó chơi với và cái lồng ngực của nó bị ngộp thở trước cảnh mệnh mông của trời đất. Có lẽ nó bỗng thấy cô đơn, bỗng thấy mình quá nhỏ bé trước bầu trời?

Và nó trở về lồng, lại hót.

⁽¹⁾ *Thiệt*: thật.

⁽²⁾ *Ghiền*: nghiện.

*
* *

Một lần thằng con tôi lại sợ ý. Con khướu lại vù bay. Nó bay đi lần này, cả nhà không lo buồn như lần trước bởi đoán thế nào nó cũng quay về. Và đúng như vậy, chiều hôm sau nó lại hót trên vòm lá cây sao, chỗ cũ.

Thằng lớn của tôi lại treo cái lồng ra ngoài trời, người trong nhà không còn ai phập phồng nữa, biết chắc là chốc nữa nó sẽ lại sà xuống chui vào lồng. Chỉ có thằng út là vẫn háo hức đi tìm chỗ núp rình xem, với nó như một trò chơi hồi hộp lí thú.

Trên vòm lá, con khướu lại hót. Nó hót một chuỗi dài như báo tin nó đã về và từ trên vòm lá nó lao xuống.

Khi nó lao xuống đến lưng chừng thì trên trời bỗng vang lên tiếng hót của một con chim trời. Tiếng hót của con chim lạ ấy tôi nghe thanh thoi hơn và cũng dịu dàng hơn, chắc là con chim mái. Tiếng con chim trời ấy đã cứu con khướu nhà.

Đang lao thẳng xuống vực thẳm của chiếc lồng thì, nó bỗng uốn người, dựng ngược đôi cánh xiên thẳng lên cái nền xanh thẳm của bầu trời.

Thế là con trước con sau, như hai mũi tên đen đuổi nhau lượn vòng trên tán cây, vừa lượn đuổi vừa hót.

Rồi từ xa, hai con chim vụt bay đến nhau. Khi vừa đến bên nhau thì chúng dựng cánh, cùng vút thẳng lên trời cao. Rồi xoè cánh, cánh kề cánh nương nhau bay lượn, vừa bay vừa hót. Tiếng hót của đôi chim rộn rã quăn quýt như tiếng cười tiếng khóc trong giọng rối rít của đôi tình nhân hàng thế kỉ mới tìm gặp nhau, vừa xôn xao vừa vang động cả trời chiều. Cái vòng lượn của đôi chim mỗi lúc rộng ra, và tiếng hót mỗi lúc, mỗi lúc từ xa cho đến gần,...

*
* *

Chiều hôm sau, thằng con lớn của tôi lại treo cái lồng ra ngoài trời, đợi con khướu nhưng con khướu không về trên vòm lá. Thằng con tôi kiên nhẫn, chiều hôm sau lại mang cái lồng ra.

Tôi bảo:

– Thôi dẹp đi. Nó không về nữa đâu.

– Sao vậy ba? Thằng út tôi hỏi.

– Thôi dẹp đi, ba biết nó không về. – Tôi nghĩ mà không nói. Lần này, nó có đôi cánh của tình yêu, đôi cánh tình yêu đã đưa nó về với cảnh thành thang của đất trời. Và nó là chim – chim thì phải bay. Chim bay...

28/8/1988

(Nguyễn Quang Sáng, *Con mèo của Phu-gi-ta*,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr. 55 – 60)

THỂ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN

Yêu cầu cần đạt

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được mục đích của người viết; biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin.
- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin có sự lồng ghép giữa thuyết minh với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và giải thích được mục đích của sự lồng ghép đó; nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.
- Phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.
- Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Biết thảo luận về văn bản nội quy hay văn bản hướng dẫn nơi công cộng đã viết.
- Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.

ĐỌC

TRI THỨC NGŨ VĂN

Đặc trưng của văn bản thông tin

Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin. Trong đời sống, có nhiều loại văn bản thông tin khác nhau như: báo cáo, bản tin, thông báo, thư từ, diễn văn, tiểu luận,...

Để đảm bảo tính chính xác, khách quan, văn bản thông tin thường dẫn tên người, địa điểm, thời gian, số liệu xác thực, có thể kiểm chứng được. Ngôn ngữ trong văn bản thông tin sáng rõ, đơn nghĩa. Việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... góp phần giúp cho người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.

Để tăng thêm hiệu quả tác động đối với người đọc, đôi khi văn bản thông tin lồng ghép thông tin với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. Tuy vậy, việc lồng ghép những yếu tố này phải đảm bảo không được làm mất đi tính chính xác, khách quan của văn bản thông tin.

Bản tin

Bản tin là một loại văn bản thông tin. Nội dung của bản tin là các sự kiện cập nhật, có thể thu hút sự quan tâm, chú ý của nhiều người và tạo được sức tác động xã hội. Thông tin trong bản tin cần mang tính xác thực cao. Ngôn ngữ trong bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, để gây ấn tượng mạnh với công chúng, người viết có thể sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ,...

Tuy bản tin hướng đến việc cung cấp thông tin khách quan nhưng nó vẫn cho phép người viết thể hiện quan điểm của mình đối với sự kiện, con người, hiện tượng được đề cập, với điều kiện quan điểm của người viết không làm thay đổi bản chất của những thông tin được cung cấp.

Để đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin, người đọc cần trả lời các câu hỏi: Tác giả bản tin là ai? Lập trường, thái độ của người viết là gì? Các nhân vật, sự kiện, số liệu,... trong bản tin được sắp xếp theo trình tự nào? Vì sao tác giả lại lựa chọn cách sắp xếp đó? Những thông tin được cung cấp trong văn bản có thể kiểm chứng được không, có đáng tin cậy không?... Những câu hỏi này sẽ giúp người đọc có thể tiếp nhận thông tin một cách chủ động, tỉnh táo, từ đó xác lập cho mình một quan điểm, cách nhìn nhận đúng đắn về thực tại đời sống.

Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng

Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng thường xuất hiện ở những không gian như bảo tàng, di tích, trường học, thư viện,... giúp người đọc có thể hiểu rõ các yêu cầu, quy định cần được tuân thủ, từ đó có những hành vi đúng đắn, phù hợp.

Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng có cấu trúc chặt chẽ, mạch lạc; ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.

Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

Mỗi loại phương tiện phi ngôn ngữ có chức năng biểu đạt nghĩa khác nhau. Các số liệu thường được sử dụng để cung cấp những thông tin cụ thể, chính xác. Các đường nối giữa các hình vẽ thường được dùng để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin. Các biểu đồ, sơ đồ giúp trình bày thông tin một cách hệ thống. Các hình ảnh làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin,... Tùy theo mục đích sử dụng mà người viết lựa chọn loại phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.

Sự sống và cái chết

(Trích Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao)

Trịnh Xuân Thuận



Khi quan sát những biểu hiện cụ thể của sự sống trên Trái Đất, điều gì đã khiến bạn suy nghĩ, băn khoăn hoặc tò mò?



1 Lịch sử sự sống trên Trái Đất diễn ra đồng thời theo hai hướng dọc và ngang. Hướng dọc được thể hiện bằng sự phức tạp ngày càng tăng theo tuổi Trái Đất (cơ thể con người phức tạp hơn rất nhiều so với một vi khuẩn đơn bào). Hướng ngang được thể hiện bởi sự đa dạng đáng kinh ngạc của sự sống và sự đa dạng hoá ngày càng lớn của các loài theo thời gian.

Dự đoán nội dung cụ thể sẽ được triển khai trong bài viết qua nhan đề và đoạn thứ nhất.

2 Chúng ta hãy về thăm Trái Đất cách đây 3 tỉ năm: các bạn sẽ chỉ gặp các vi khuẩn và vi khuẩn cổ sinh. Các sinh vật lúc đó chưa tiến hoá nhiều và cũng chưa đa dạng. Ngược trở lại 500 triệu năm: bạn vẫn thấy hai dạng vi khuẩn, nhưng bạn cũng còn thấy vô số tảo, bọt biển, rêu và nấm, một ít sâu bọ, bọ ba thuỳ, tôm, cua và động vật nhuyễn thể. Du hành ngược về 140 triệu năm, thì toàn bộ thế giới nhỏ bé này vẫn ở đó để đón tiếp bạn (trừ loài bọ ba thuỳ), nhưng hơn thế, các bạn còn được chiêm ngưỡng cảnh tượng đa sắc của hoa và những cánh bướm tung tăng, được nghe tiếng vo ve của ong, tiếng chim hót ru, thích thú với sự phát triển của các loại cá trong biển, và loáng thoáng thấy những động vật có vú nhỏ nhoi lên lỏi trong rừng rậm. Nhưng khủng long ăn thịt và thần lằn tiền sử lảng vảng trong khung cảnh sẽ làm bạn sợ cứng người.

Việc tác giả tưởng tượng ra một chuyến “du hành” ngược thời gian có ý nghĩa gì?

3 Sự xuất hiện của các dạng động vật mới có khả năng thích nghi hơn không nhất thiết đồng nghĩa với sự đào thải các dạng kém tiến hoá hơn. Tất cả đều có chỗ cho mình. Bên cạnh các sinh vật đơn bào như trùng đế giày và các loại động vật nguyên sinh khác, còn có các động vật đa bào như nhím biển và sứa, chim đại bàng và chim họa mi, chuột và con người.

Nhưng điều đó cũng không có nghĩa là một loài nào đó, khi đã sinh ra, sẽ tồn tại mãi mãi. Một số cành hoặc nhánh của cây đời sẽ bị cắt đứt, và có những loài bị tuyệt chủng hoàn toàn. Chẳng hạn, loài bộ ba thùy đã không chống chọi được cái lạnh khủng khiếp bao trùm Trái Đất vào cuối kỉ Péc-mi (Permi)⁽¹⁾, và một tiểu hành tinh điên rồ đến đâm vào Trái Đất cách đây 65 triệu năm đã kết liễu loài khủng long. Sự tuyệt chủng này đã giải phóng các ổ sinh thái để chúng nhanh chóng được các loài khác chiếm giữ.

④ Các loài tiến hoá và tự hoàn thiện dần bởi vì chúng phải đấu tranh để sinh tồn và bởi vì cái chết đang chờ chúng ở cuối con đường. Cái chết cho phép sự sống tiến lên. Nó là một phần không thể tách rời của sự sống. Nó nằm trong trật tự của vạn vật. Gần như lúc nào cũng vậy, trước cái chết và sự đe dọa tuyệt chủng, sự sống đã chứng tỏ một sức đề kháng mãnh liệt và bật dậy bằng cách thể hiện một sức sáng tạo mới để tìm lời giải cho các vấn đề gặp phải. Tình hình hoàn toàn khác với các vật vô sinh: sở dĩ các hạt cơ bản⁽²⁾ và các nguyên tử⁽³⁾ không tiến hoá, chính là bởi vì chúng không cần đấu tranh sinh tồn, vì chúng không bị đe dọa tuyệt chủng, và bởi vì chúng không phải tuân theo chọn lọc tự nhiên. Một hạt ánh sáng được tạo ra 300 000 năm sau Bức Bùng (Big Bang)⁽⁴⁾ có chính xác các đặc điểm của một hạt ánh sáng sinh ra ngày nay, 13,7 tỉ năm sau vụ nổ khởi thủy.

(Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2017, tr. 591 – 592)

Chú ý những thuật ngữ chuyên ngành sinh học được sử dụng trong các đoạn 3, 4 và tác dụng của chúng.

Sự khác nhau giữa các vật vô sinh và các sinh vật là gì?

⁽¹⁾ *Kỉ Péc-mi*: một kỉ địa chất, kỉ cuối cùng của đại Cổ sinh.

⁽²⁾ *Hạt cơ bản*: một đơn vị vật chất nguyên vẹn, đồng nhất, không thể chia nhỏ.

⁽³⁾ *Nguyên tử*: đơn vị cơ bản của vật chất chứa một hạt nhân ở trung tâm, bao quanh bởi đám mây điện tích âm các electron.

⁽⁴⁾ *Bức Bùng*: vụ Nổ Lớn, xảy ra cách hiện nay xấp xỉ $13,798 \pm 0,037$ tỉ năm và được coi là dấu mốc cho sự hình thành vũ trụ.

Trịnh Xuân Thuận sinh năm 1948 tại Hà Nội, là nhà vật lý học thiên văn người Mỹ gốc Việt, hiện đang là giáo sư của Đại học Vơ-gin-ni-a (Virginia). Ông đồng thời là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động vì môi trường và hoà bình. Những cuốn sách nổi tiếng về thiên văn học của ông đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới như: *Số phận của vũ trụ – Bức Bềnh và sau đó* (1992), *Hỗn độn và hài hoà* (1998), *Những con đường của ánh sáng* (2007), *Vũ trụ và hoa sen* (2011),...

Văn bản ***Sự sống và cái chết*** được trích trong cuốn *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*, một cuốn từ điển đặc biệt không chỉ giải thích từ ngữ và cung cấp các thông tin khoa học về vũ trụ, mà còn giúp người đọc khám phá vẻ đẹp kì diệu của sự sống, suy ngẫm về nguồn gốc và vị trí của con người trong vũ trụ, phát hiện ra mối quan hệ giữa khoa học và cái đẹp, khoa học và thi ca. Bằng ngôn từ chính xác, giản dị mà trong sáng và đầy chất thơ, tác giả đã khiến cho những vấn đề khoa học trở nên gần gũi và hấp dẫn với người đọc.



Trả lời câu hỏi

1. Văn bản *Sự sống và cái chết* viết về đề tài gì? Từ việc liên hệ tới những văn bản khác cùng đề cập đề tài này mà bạn đã đọc, hãy cho biết góc độ tiếp cận vấn đề riêng của tác giả.
2. Tóm tắt những thông tin chính trong văn bản và chỉ ra cách tác giả sắp xếp, tổ chức các thông tin đó.
3. Dựa vào nội dung văn bản, vẽ sơ đồ mô tả quá trình phát triển của sự sống trên Trái Đất.
4. Văn bản đưa lại cho bạn hiểu biết gì về mối quan hệ giữa “đấu tranh sinh tồn” và “tiến hoá”, giữa “sự sống” và “cái chết”?
5. Ngoài việc biết thêm các thông tin khoa học về Trái Đất, bạn còn nhận được những thông điệp gì từ văn bản *Sự sống và cái chết*? Trình bày suy nghĩ của bạn về những thông điệp đó.
6. Những đặc trưng của loại văn bản thông tin đã được thể hiện như thế nào trong văn bản này? Các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm hoặc nghị luận đã được phối hợp sử dụng như thế nào và tạo được hiệu quả ra sao?
7. Có thể đổi nhan đề của văn bản thành *Sự sống và cái chết của các loài sinh vật trên Trái Đất* được không? Vì sao?
8. Vấn đề tác giả đặt ra trong văn bản này đã tác động như thế nào đến nhận thức của bạn về cuộc sống?

Kết nối đọc – viết

Thu thập thông tin về một loài sinh vật mà bạn muốn tìm hiểu. Trình bày thông tin đó bằng một đoạn văn (khoảng 150 chữ).

Nghệ thuật truyền thống của người Việt^(*)

(Trích Văn minh Việt Nam)

Nguyễn Văn Huyền



- *Bạn đã biết gì về nghệ thuật truyền thống của người Việt? Hãy nêu cảm nhận về một phương diện nào đó trong gia sản tinh thần vô giá này mà bạn hứng thú.*
- *Trong xu thế giao lưu quốc tế mở rộng hôm nay, bạn nghĩ như thế nào về sự tồn tại của những giá trị vốn được truyền lại từ bao đời?*



Ở Việt Nam, nghệ thuật, hơn những lĩnh vực khác, là biểu hiện sâu sắc nhất của tâm tính nhân dân. Như ta đã thấy ở sự phát triển văn học, dân tộc này có khiếu thưởng thức cái thanh và cái đẹp, biết biểu lộ một thị hiếu vững vàng và không phải là không sâu sắc về phương diện nghệ thuật. Linh mục Ca-đi-e-rơ (Cadiere)⁽¹⁾ viết rằng: các ngôi chùa nhỏ bé của họ, những căn nhà thấp và tối của họ đều được trang trí cẩn thận. Nóc nhà, cột cổng, bình phong đều được trang trí với những màu sắc tươi tắn, nhiều khi sắc sỡ nhưng hài hoà với các màu sắc của phong cảnh, với sự rực rỡ của ánh sáng. Trong nhà, các cây cột được kiên trì đánh bóng, lóng lánh trong màu sắc tự nhiên của nó, hay rực sáng bởi sơn mài và vàng; vách, cửa, dầm nhà, đồ gỗ được chạm những đường lượn tinh vi, những cành lá nhẹ nhàng, hay được xoi lộng⁽²⁾ cẩn thận; những món đồ mỹ nghệ nhỏ tinh tế và quý giá, được bày trên bàn hay được cất cẩn thận trong rương hòm của gia đình. Người Việt Nam biết tạo một dáng vẻ thẩm mỹ cho những đồ vật thông thường nhất bằng kim loại, gỗ hay tre, tô điểm cho chúng bằng những thứ trang trí, biến chúng thành một cái gì đó còn hơn là một đồ dùng. Đặc biệt đồ nữ trang được chế tác với một sự tinh tế và đa dạng vô song.

Thông tin chính được nêu ở câu chủ đề của đoạn văn là gì?

Chú ý những cứ liệu được sử dụng để đưa ra nhận định về khiếu thẩm mỹ của người Việt.

^(*) Nhan đề do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

⁽¹⁾ *Linh mục Ca-đi-e-rơ*: Tên đầy đủ là Lê-ô-pôn Mi-sen Ca-đi-e-rơ (Léopold Michel Cadiere, 1869 – 1955), giáo sĩ, nhà sử học, nhà dân tộc học, văn hoá học người Pháp, đồng tác giả của tập san *Đô thành hiếu cổ* – một trong số những tài liệu mà Nguyễn Văn Huyền đã khai thác để viết cuốn *Văn minh Việt Nam*.

⁽²⁾ *Xoi lộng*: một kĩ thuật chế tác đồ gỗ, dùng bào nhỏ hoặc đục để tạo đường rãnh trên mặt gỗ hay làm thủng nền gỗ nhằm làm nổi bật những hình khắc trang trí.

Nghệ thuật Việt trước hết mang tính chất tôn giáo. Nó phản ánh rõ nét những tín ngưỡng đa dạng của dân tộc. Đạo Phật, đạo Lão, với đám rước vô tận những thần thánh và ma quỷ đủ loại, là những yếu tố lớn thúc đẩy sự sáng tạo nghệ thuật phong phú của người Việt Nam. Trong nhiều thế kỉ, từ thế kỉ VII đến XIV, Việt Nam chịu ảnh hưởng của đạo Phật đương lúc thăng thế, như ta thấy, đã vừa tạo ra nhiều tông phái cùng những tác phẩm văn học vô giá, vừa làm nảy ra từ lòng đất nước ta vô số công trình kiến trúc. Sự pha trộn của ba học thuyết tôn giáo, gọi là *tam giáo*, được kiểm soát bởi các khoa thi do nhà nước tổ chức, đã là ngọn nguồn của hầu hết các mô típ trang trí.

Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến nghệ thuật Việt?

Mặt khác, sự thống nhất văn hoá, do sự giảng dạy áp đặt lâu dài những kinh sách Nho giáo, đã tạo nên ở một mặt nào đó của nghệ thuật Việt, bên cạnh tính vĩnh cửu của hình thức và đề tài, là một vẻ uy nghi xứng đáng với địa vị đứng đầu của đẳng thiên tử và của các bậc đại hiền túc nho, nguyên là những người đề xướng mọi quy tắc chính trị. Để thoả mãn sự kiêu hãnh của các vua chúa cùng những đại thần xuất thân từ hàng nho sĩ, để làm cho tên tuổi họ thành bất tử, những cung điện đẹp đẽ, những lăng mộ xinh xắn, những vườn hoa phong phú cùng những tấm bia tinh tế đã được xây dựng. Vì nhu cầu thờ cúng chính thức, người ta đã xây cất những đền chùa uy nghiêm, chế tạo những vật dụng với một thị hiếu tinh vi.

Duy có một điều là các vật liệu sử dụng, gỗ, tre, đất nung, đều không bền do khí hậu nhiệt đới tàn hại và do mối mọt. Các thứ kim loại, sắt, đồng, kẽm, vàng, bạc, cũng không sống sót nổi sau các cơn hoả hoạn, bất ổn chính trị và chiến tranh. Chẳng còn lại gì cho chúng ta từ các cung điện nổi tiếng Cổ Loa, Hoa Lư, Thăng Long, Tây Đô, nếu không phải là những địa điểm mà trên đó những công trình khác đã được xây dựng bởi những bàn tay thành kính của nhân dân mà bấy nhiêu cuộc biến dâu đã làm cho điều đứng.

Điều gì đã ảnh hưởng đến việc bảo tồn các di sản nghệ thuật Việt?

Tuy nhiên, các cung điện lộng lẫy ở Huế, các đền thờ Khổng Tử uy nghi tại Hà Nội, đền thờ các vua Lý ở Đình Bảng⁽¹⁾ với nhiều đồ vật tại đây, các tấm bia Lam Sơn, các lăng tẩm ở Huế, pho tượng Trấn Vũ lớn bằng đồng, ở Hà Nội, các ngôi chùa Phật Tích, Bút Tháp⁽²⁾ thanh tao,... là những chứng cứ đáng tin cậy về đỉnh cao mà kĩ thuật của các nghệ sĩ Việt Nam đã đạt đến.

⁽¹⁾ *Đình Bảng*: nay là một phường thuộc thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁽²⁾ *Chùa Phật Tích, Bút Tháp*: hai ngôi chùa nổi tiếng ở tỉnh Bắc Ninh.

Người nghệ sĩ không có xu hướng tái hiện chính xác và đầy đủ hiện thực. Họ loại bỏ tính chất nhục dục khỏi các tác phẩm của mình [...]. Họ chẳng nhằm ca ngợi vẻ đẹp mong manh của những hình hài dễ bị hư nát. Đối với họ, người luôn luôn thực hiện công trình của mình trong một không khí siêu phàm, thì tinh thần là tất cả. Họ tìm cách làm toát ra và biểu hiện trong mọi tác phẩm cái tinh thần vô hình của mọi vật.

Theo tác giả, thiên hướng sáng tạo nổi bật của nghệ thuật Việt là gì?

Một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng: con hạc và con nai thể hiện tuổi thọ, cây tre là đạo đức, cây mận là sức mạnh tinh thần và thể chất, cây cúc thể hiện hạnh phúc,...

Trong tranh dân gian, nghệ thuật được quan niệm là sự cổ vũ lao động, đạo hiếu, đức hạnh. Ở các chùa chiền, ta thấy tái hiện những cảnh tra tấn của âm phủ; trong nhiều nhà, người ta treo tranh diễn tả cảnh sinh hoạt của học trò, nhà nông, tiểu phu và người đánh cá. Những gương con hiếu, tôi trung và bạn chung thủy được tái hiện dưới những hình thức cổ truyền.

Người Việt Nam không xử lý tất cả những mô típ này, như linh mục Ca-đi-e-rô đã nói, với sự tự do của một nghệ sĩ đứng trước hiện thực, có thể nắm được hàng nghìn vẻ của sinh vật, và tận dụng được mọi lợi thế bất ngờ mà sự ngẫu nhiên hoặc việc chú trọng nghiên cứu mang lại cho họ. Tất cả những chủ đề mà họ làm nảy ra từ gỗ hay họ đổ khuôn đúc, đều được cách điệu hoá trong các tư thế, với những động tác ước lệ. Nhưng những nghệ sĩ có tài đã biết cách, trong những giới hạn đó, tạo cho các mô típ cổ truyền một sức mạnh bên trong và một chiều sâu làm cho tác phẩm của họ trở thành độc đáo.

*
* * *

Có thể nói, nghệ thuật Việt Nam tiêu biểu nhất vẫn là kiến trúc. Hoạ sĩ và nhà điêu khắc chỉ là người phụ trợ của kiến trúc sư. Nền kiến trúc này chủ yếu có tính chất tôn giáo. Đặc trưng của nó là hình khối và thể nằm ngang. Nó có xu hướng thể hiện cái vĩ đại, sự bí ẩn và không tách rời với sở thích về tính đều đặn, đối xứng.

Kiến trúc Việt có những đặc trưng gì? Đặc trưng đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

Sơ đồ các đền chùa được quyết định bởi nhu cầu xây dựng và thờ cúng. Người ta phải dành ở đó những không gian rộng lớn cho đám đông công chúng có thể triển khai, cho đám rước xếp hàng, và những bữa cỗ công cộng được bày trong các ngày Tết, lễ.

Sự nối tiếp nhau của các sân và cả toà nhà trước điện thờ thấp lè tè trong bóng râm, tạo ra cảm tưởng về con đường đưa tới nơi ở thiêng liêng của chư thần, hay con đường cứu nạn của chư Phật.

Ngoài ra, đền chùa được phủ bằng một sườn gỗ, có thể có kích thước lớn mà không sợ sụp đổ. Để chống đỡ nóc chính và để có chỗ rộng hơn, người ta thường dựng thêm các chái⁽¹⁾. Mặt khác, để phòng những trận gió mạnh cũng như cơn mưa trút nước, người ta làm những mái hạ⁽²⁾ thấp lè tè thành một khối chắc khoẻ, đè nặng lên các cột. Vì thế, những cột này là phần được làm cẩn thận nhất của đền, chùa. Những mái đó chỉ được làm thanh nhẹ bớt ở các góc uốn cong, tạo ra cảm tưởng về sự vững chắc, khoẻ khoắn và thoải mái.

Bằng hệ thống vì kèo và thanh giằng, người ta dễ tăng thêm các chỗ thờ các vị thần thứ cấp⁽³⁾. Phải nói thêm rằng, để đáp ứng nhu cầu cần đặt cạnh nhau những tín ngưỡng khác nhau, người kiến trúc sư thường xây nhiều nhà song song.

Trong những đền, chùa này, gỗ và gạch tự “phi vật chất hoá”. Tất cả đều được tinh thần hoá. Từ trong đó, những bàn tay nghệ sĩ đã làm nảy ra, trên các đầu cột và vì kèo cũng như xung quanh điện thờ, những mô típ nhiều vẻ của cây cối và động vật tượng trưng.

[...] Kiến trúc mồ mả được đặc biệt làm cẩn thận ở xứ sở mà việc thờ cúng người chết rất được coi trọng. Mồ mả các quan to và người đứng đầu gia tộc lớn là những toà đền đài thật sự. Lăng mộ các vua bản triều, nối tiếp nhau trên hai bờ sông Hương, ở đông nam thành phố Huế, là những tổng thể xuất sắc các công trình xây dựng rải rác trong các vườn hoa được cách điệu hoá kiểu thẩm mỹ tuyệt vời.

*

* *

Tất cả các nghệ thuật khác đều phụ thuộc vào kiến trúc. Môn nghệ thuật mà người Việt Nam thành công nhất là điêu khắc gỗ. Những pho tượng rất đẹp có từ thời Lê, như các tượng nhà sư ở Pháp Vũ tại Hà Đông⁽⁴⁾, ở Thạch Lâm tại Thanh Hoá, được truyền lại đến chúng ta. Có những nghệ sĩ đã biết sáng tạo từ gỗ, ở chùa Tây Phương tại tỉnh Sơn Tây⁽⁵⁾, ở chùa Keo tại Thái Bình, ở chùa Bút Tháp tại Bắc Ninh, ở chùa Cói tại Vĩnh Yên⁽⁶⁾,... những kiệt tác với phong cách tao nhã.

Nền điêu khắc Việt có những điểm gì đáng chú ý?

(1) *Chái*: gian nhỏ lợp một mái tiếp vào đầu hồi, theo lối kiến trúc dân gian.

(2) *Mái hạ*: mái nhà được thiết kế thấp xuống.

(3) *Các vị thần thứ cấp*: các vị thần có vị trí ít quan trọng hơn so với những vị thần được thờ phụng chính trong một không gian tín ngưỡng nhất định (nghĩa trong văn bản).

(4) *Hà Đông*: nay thuộc thành phố Hà Nội.

(5) *Tỉnh Sơn Tây*: nay là thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

(6) *Vĩnh Yên*: nay là thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đá, vì hiếm hoi ở Việt Nam, nên rất ít được người làm tượng sử dụng, và thường chỉ giới hạn ở một vài hình ảnh thể hiện. Chẳng hạn như những tượng quan lại đứng làm hàng rào trước mộ các nhân vật lớn. Đá chủ yếu được dùng làm bia, bậc đi và tay vịn cầu thang ở các đền, chùa hay dinh thự lớn.

Nghệ thuật đúc đồng phát triển ở một số vùng của Việt Nam, ngay từ những thế kỉ đầu Công lịch⁽¹⁾. Bên cạnh các trống đồng tìm thấy trong những cuộc khai quật tại Bắc Kì và bắc Trung Kì⁽²⁾, chứng tỏ nền văn minh rất cổ, có từ thời nhà Hán, còn có vô số vật khác, trong đó một số là những vật rất lớn như bồn vạc ở Huế, tượng Trấn Vũ của đền Quán Thánh ở Hà Nội [...]

(Nguyễn Văn Huyền, *Văn minh Việt Nam*, Đỗ Trọng Quang dịch⁽³⁾,
NXB Hội Nhà văn – Công ti Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam,
Hà Nội, 2018, tr. 303 – 307)

Nguyễn Văn Huyền (1905 – 1975) quê ở huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, là nhà sử học, dân tộc học, nhà giáo dục. Thời thanh niên, ông du học ở Pháp. Năm 1934, ông là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ văn khoa tại Đại học Xóc-bon (Sorbonne), Pa-ri. Từ khi về nước vào năm 1935, ông dạy học, tham gia một số tổ chức nghiên cứu văn hoá và lịch sử, từng là uỷ viên thường trực Trường Viễn Đông Bác cổ, uỷ viên Hội đồng nghiên cứu khoa học Đông Dương, tham gia thành lập bộ môn Lịch sử văn minh Việt Nam tại Trường Đại học Luật Hà Nội,... Sau Cách mạng tháng Tám, ông được Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Giáo dục từ năm 1946 cho đến khi qua đời. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học xã hội năm 2000. Tác phẩm chính của ông: *Sự thờ phụng thần thánh ở nước Nam* (1944), *Văn minh Việt Nam* (1944), *Toàn tập Nguyễn Văn Huyền* (2000),...

Văn minh Việt Nam là cuốn chuyên khảo viết bằng tiếng Pháp, hoàn thành từ năm 1939 nhưng phải đến năm 1944 mới được xuất bản tại Hà Nội, có thể xem là một phát ngôn đầy tinh thần tự tôn dân tộc của người Việt về văn hoá Việt trước cộng đồng thế giới. Tác phẩm được dịch ra tiếng Việt năm 1996.

Văn bản ***Nghệ thuật truyền thống của người Việt*** được trích từ phần 3, chương 12 của cuốn sách *Văn minh Việt Nam*, nguyên có nhan đề là *Nghệ thuật*.

(1) *Công lịch*: lịch được quốc tế dùng làm lịch chính thức, xác định năm bắt đầu là năm Chúa Giê-su (Jesus) ra đời.

(2) *Bắc Kì và Trung Kì*: tên gọi cũ của miền Bắc và miền Trung Việt Nam có từ triều vua Minh Mạng (thời Nguyễn) và được duy trì suốt thời Pháp thuộc.

(3) Nhóm biên soạn đã hiệu chỉnh đôi chỗ về diễn đạt, căn cứ vào nguyên tác tiếng Pháp của tác giả Nguyễn Văn Huyền.



Trả lời câu hỏi

1. Qua đọc văn bản và những thông tin được cung cấp ở phần giới thiệu tác phẩm, bạn hiểu như thế nào về mục đích viết của tác giả? Câu hay đoạn nào trong văn bản giúp bạn nhận rõ điều này?
2. Vẽ sơ đồ tóm tắt các thông tin chính của văn bản.
3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của những yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận được sử dụng trong văn bản.
4. Việc đưa thông tin về từng đối tượng cụ thể trong văn bản có điểm gì đáng chú ý? Nêu điều bạn có thể rút ra về cách triển khai thông tin trong văn bản thông tin.
5. Hãy nêu và phân tích một nhận xét mà bạn tâm đắc nhất trong văn bản. Vì sao bạn tâm đắc với nhận xét đó?
6. Đối chiếu những thông tin được học giả Nguyễn Văn Huyền trình bày trong văn bản với một tác phẩm mỹ thuật hay một công trình kiến trúc của Việt Nam mà bạn biết, từ đó, rút ra nhận xét về sự bảo lưu hay đổi mới những đặc điểm và tinh thần truyền thống (nếu có) ở tác phẩm hay công trình ấy.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) tóm tắt những thông tin mà bạn cho là thú vị sau khi đọc văn bản.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu

Lê My



- *Bạn có hay theo dõi tin tức không? Bạn thường theo dõi tin tức trên những kênh truyền thông nào và quan tâm đến những gì khi tiếp nhận tin tức?*
- *Bạn biết gì về tầng ozone và đã bao giờ nghe về việc tầng ozone bị thủng?*



Nếu đã lâu rồi bạn không nghe thấy tin tức gì về tầng ozone, đó là vì tình hình đang khá sáng sủa. Câu chuyện phục hồi và bảo vệ tầng ozone đã chứng tỏ rằng khi khoa học và quyết tâm chính trị hợp lực, thế giới có thể thay đổi vận mệnh của mình.

Nhan đề và những thông tin trong phần sa-pô của văn bản có gì đáng chú ý?

Năm 1985, các nhà khoa học khí quyển ở Nam Cực phát hiện một điều đáng lo ngại: tầng ozone đang trên đà biến mất trong vòng mấy mươi năm tới. Từ đây, cộng đồng quốc tế bắt đầu thảo luận và hành động – với một tốc độ chưa từng có.

Chỉ hai năm sau đó, vào ngày 16/9/1987, Nghị định thư⁽¹⁾ Mông-tơ-rê-an (Montreal) về các chất làm suy giảm tầng ozone được thông qua. Tua nhanh đến ngày hôm nay: tầng ozone đang trên đà hồi phục, trở thành phong nền xán lạn cho một câu chuyện đầy cảm hứng và nhiều bài học về nhân loại, gợi mở cho chúng ta những con đường để giải quyết các khủng hoảng môi trường khác.

Khoa học vào vai thám tử

Tầng ozone nằm ở độ cao khoảng 15 – 40 km so với bề mặt Trái Đất, thuộc tầng bình lưu⁽²⁾ và có vai trò như một lớp “kem chống nắng” che chắn cho hành tinh khỏi tia cực tím (UV). Nếu không có lá chắn này, ánh nắng mặt trời sẽ trở nên cực kỳ nguy hiểm với con người và hầu hết các loài động, thực vật. Đặc biệt, tia UV-B (thứ làm cho da bị cháy nắng) ở cường độ cao có thể dẫn đến nhiều loại ung thư.

Theo dõi thông tin về tầng ozone và vai trò của nó.

⁽¹⁾ *Nghị định thư*: một loại điều ước quốc tế được kí kết giữa các quốc gia về một vấn đề nào đó liên quan đến kinh tế, chính trị, văn hoá,... Nghị định thư là văn kiện phụ của một hiệp định, cụ thể hoá những điểm chỉ được trình bày khái quát trong hiệp định và nêu lên phương thức và các biện pháp thi hành.

⁽²⁾ *Tầng bình lưu*: một tầng của bầu khí quyển trên Trái Đất, nằm ở độ cao vào khoảng 16 – 50 km.

Vào những năm 1970, các nhà nghiên cứu nhận thấy tầng ozone dường như đang mỏng đi, đặc biệt là xung quanh hai cực. Hai nhà nghiên cứu Ma-ri-ô Mô-li-nô (Mario Molino, 1943 – 2020) và Se-ri Rao-lân (Sherry Rowland, 1927 – 2012) xác định được “nghi phạm” chính: các hợp chất nhân tạo chlorofluorocarbon (viết tắt là CFC).

Hợp chất CFC đầu tiên ra mắt thế giới vào năm 1930, được xem là hoá chất hoàn hảo: rẻ tiền, nhiều ứng dụng (chất đẩy trong bình xịt sơn, chất làm lạnh trong máy lạnh, tủ lạnh) và không tham gia phản ứng hoá học.

Chú ý thông tin về hợp chất CFC.

Dù biết CFC bay hơi và tích tụ trong bầu khí quyển nhưng người ta cho rằng chúng “trơ” về mặt hoá học nên có sao đâu! Mô-li-nô và Rao-lân đã khám phá ra một sự thật hoàn toàn trái ngược. Ở thượng tầng khí quyển, các phân tử khí CFC bị phân huỷ dưới tia UV. Sau đó, mỗi nguyên tử Cl tự do sẽ “cướp lấy” một nguyên tử O, khiến O₃ (khí ozone) nay chỉ còn là O₂ (khí oxygen), tức là “bào” lớp ozone.

Hai nhà khoa học Mô-li-nô và Rao-lân đã phát hiện sự thật gì về chất CFC?

Nghiên cứu của Mô-li-nô và Rao-lân được đăng trên tạp chí *Nature*⁽¹⁾ năm 1974, thúc đẩy nhiều tranh luận sôi nổi nhưng chưa thể thuyết phục các chính trị gia. Nhiều nhà nghiên cứu thì tin rằng sự suy giảm tầng ozone sẽ chỉ là vấn đề của lớp cháu chắt vài thế kỉ về sau.

Mãi đến năm 1985, thế giới mới giật mình hiểu ra rằng tầng ozone đang tan biến nhanh hơn họ tưởng. Kết quả đo đạc của nhà địa – vật lí Giô-dép Pha-môn (Joseph Farman) và các đồng nghiệp đã xác nhận một lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực. Cần nhớ là về mặt kĩ thuật, tầng ozone không phải bị “thủng lỗ” như một mảnh vải – tại lỗ thủng vẫn tồn tại khí ozone nhưng nồng độ đã bị suy giảm đáng kể.

Trước đó, giới khoa học cho rằng quá trình phá vỡ ozone sẽ bị kìm hãm trong tự nhiên, bởi xét cho cùng CFC chỉ giải phóng một lượng ít nguyên tử Cl nếu so với sự bao la của cả bầu khí quyển.

Vậy điều gì đã khiến sự tổn hại thực tế lại lớn đến thế? Trong những năm tiếp theo, nhà hoá học khí quyển Xu-dần Xô-lô-môn (Susan Solomon) đã dẫn đầu các cuộc thám hiểm ở Nam Cực để tìm câu trả lời. Nhóm của bà khám phá ra rằng: ClO – hình thành từ sự tương tác giữa nguyên tử Cl và O₃ – sau đó sẽ bị phá vỡ, nguyên tử Cl trở lại trạng thái tự do để tiếp tục tổn hại tầng ozone.

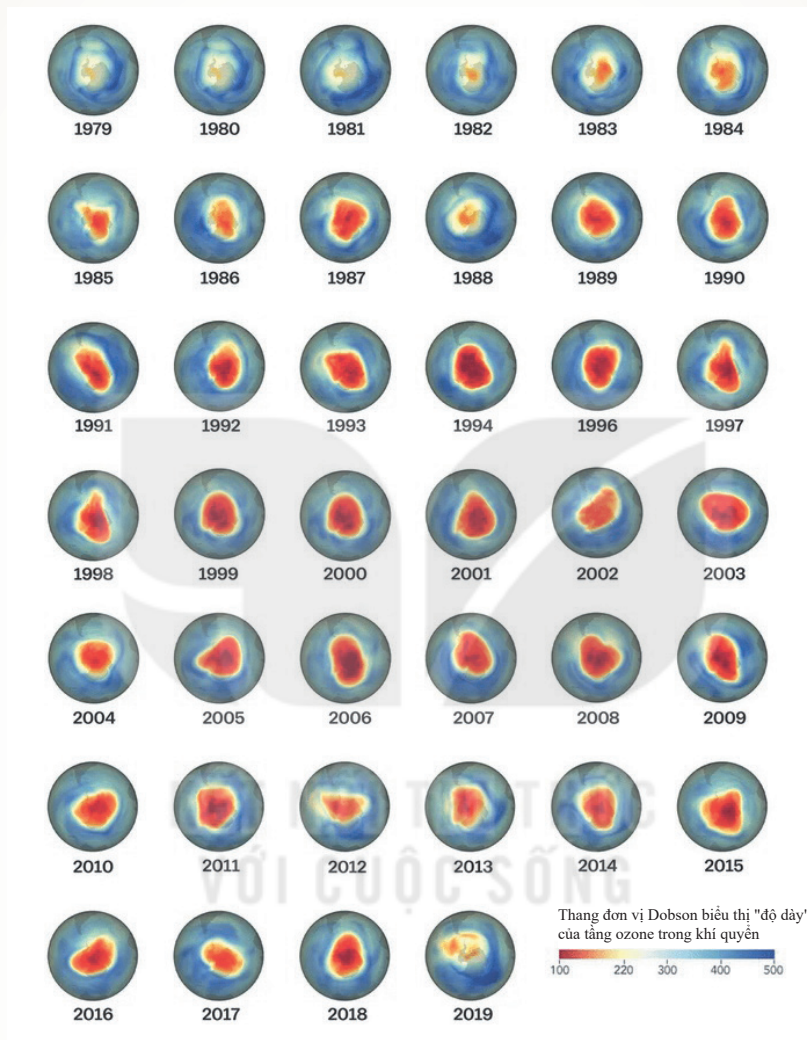
Những tổn hại to lớn mà chất CFC gây ra đối với tầng ozone đã được diễn giải như thế nào?

"Ta có thể phá huỷ hàng trăm nghìn phân tử ozone chỉ bằng một nguyên tử Cl từ một phân tử CFC, trong suốt khoảng thời gian chất này nằm ở tầng bình lưu" – Xu-dần Xô-lô-môn chia sẻ trong một chương trình podcast⁽²⁾ của Viện Nghiên cứu Tương lai Sự sống.

⁽¹⁾ *Nature*: tạp chí khoa học ra hằng tuần, có trụ sở tại Luân Đôn, Anh.

⁽²⁾ *Podcast*: tập tin âm thanh hoặc video số mà người dùng có thể tải về.

Như vậy, tầng ozone có thể suy giảm nhanh chóng và vượt khỏi tầm kiểm soát. Giới khoa học đã nhanh chóng vào cuộc. Sau khi đã “chẩn bệnh” – xác định có một mối đe dọa hiện hữu và biết CFC là nguyên nhân, bước tiếp theo là “chữa bệnh” – thuyết phục thế giới hành động để giải quyết vấn đề này. May mắn là thế giới đã lắng nghe.



Hình ảnh mô phỏng lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực
giai đoạn 1979 – 2019

Nguồn: Đài quan sát Trái Đất NASA.

Đồ hoạ: Vox

Đồng lòng

Năm 1986, Liên hợp quốc bắt đầu đàm phán về một hiệp ước xoá sổ các hoá chất có hại cho tầng ozone – chủ yếu là CFC. Một trong những tiếng nói chính trong các cuộc đàm phán là

Liên hợp quốc đã có những nỗ lực gì nhằm xoá sổ các hoá chất có hại cho tầng ozone?

Xtí-phân An-đơ-sơn (Stephen Andersen), khi đó là chuyên gia của Cơ quan Bảo vệ môi trường Mỹ. Nhóm của ông đã vạch ra hàng trăm giải pháp – một cách có hệ thống – để loại bỏ dần CFC từ hàng trăm lĩnh vực công nghiệp, giúp việc chuyển đổi trở nên dễ dàng và khả thi trên toàn thế giới. Nghị định thư Mông-tơ-rê-an có hiệu lực từ năm 1989 và đến tận năm 2008 là hiệp định môi trường đầu tiên và duy nhất của Liên hợp quốc được mọi quốc gia trên thế giới phê chuẩn!

Nhờ sự tẩy chay của người tiêu dùng, sự quyết liệt của giới chính trị và nguồn đầu tư vào công nghệ mới để tìm giải pháp thay thế, phần lớn thế giới đã nhanh chóng ngừng sản xuất CFC trong thập niên 1990. Việc loại bỏ các thiết bị sử dụng CFC thì mất nhiều thời gian hơn.

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), khoảng 99% các chất làm suy giảm tầng ozone đã bị “khai tử”, và lá chắn “chống nắng” của Trái Đất đang dần hồi phục. Chúng ta có thể kì vọng lỗ thủng ozone ở Nam Cực sẽ “đóng lại” vào những năm 2060. Đến năm 2030, ước tính khoảng 2 triệu người sẽ tránh được bệnh ung thư da mỗi năm. Đồng thời, tất cả nỗ lực này sẽ góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Nhưng “bệnh” này của tầng ozone không phải điều trị một lần là xong. Mọi công việc vẫn phải tiếp diễn, trong đó các nhà khoa học là tuyến phòng thủ đầu tiên. Nghị định thư Mông-tơ-rê-an được hỗ trợ bởi ba hội đồng khoa học có nhiệm vụ thông tin cho các nhà hoạch định chính sách.

[...] Trong tháng Chín vừa qua, giải thưởng Tương lai Sự sống năm 2021 đã vinh danh ba nhân vật giữ vai trò quan trọng trong công cuộc khôi phục tầng ozone: Giô-dép Pha-môn – người xác nhận lỗ thủng ozone, Xu-dân Xô-lơ-môn – người lí giải tốc độ phá hoại của CFC và Xtí-phân An-đơ-sơn – người thúc đẩy Nghị định thư Mông-tơ-rê-an. Giải thưởng thường niên này của Viện Nghiên cứu Tương lai Sự sống được trao cho những anh hùng thầm lặng đã giúp thế giới của chúng ta an toàn hơn, đáng sống hơn. Giáo sư Ma-ri-ô Mô-li-nơ và Se-ri Rao-lân cũng chia sẻ giải Nô-ben (Nobel) Hoá học năm 1995 (cùng một người nữa là Pôn Cờ-rút-dân – Paul Crutzen) nhờ các khám phá trong hoá học khí quyển, đặc biệt là liên quan đến sự hình thành và phân huỷ của tầng ozone.

Câu chuyện thành công này cho thấy: có những cá nhân cụ thể đã “kích hoạt” quá trình thay đổi quỹ đạo của nhân loại, nhưng cần nhớ rằng chính công chúng, sự đồng thuận quốc tế và hành động nhất quán toàn cầu mới là năng lượng bền bỉ của cuộc chiến.

Những nhân tố nào làm nên thành công của nỗ lực hồi phục tầng ozone?

(Theo báo *Tuổi trẻ cuối tuần*, ngày 30/10/2021)



Trả lời câu hỏi

1. Thông tin chính của văn bản là gì? Đó là thông tin khoa học hay thông tin thời sự chính trị? Vì sao?
2. Hãy nhận xét về cách đặt nhan đề và cách triển khai nội dung của văn bản.
3. Theo bạn, ngôn ngữ của văn bản này đã đáp ứng được những yêu cầu nào của một bản tin? Bạn có đồng tình khi người đưa tin coi nhà nghiên cứu khoa học là “thám tử”, “tuyển phòng thủ”, và nỗ lực phục hồi tầng ozone là “cuộc chiến”?
4. Hãy đánh giá tính hiệu quả của việc đưa phương tiện phi ngôn ngữ vào văn bản.
5. Nêu quan điểm chính của tác giả bài viết. Hãy bàn luận về quan điểm ấy.
6. Hãy tìm hiểu một số vấn đề trên thế giới hiện nay cần đến những nỗ lực toàn cầu và chỉ ra những lí do dẫn đến sự thành công hay chưa thành công trong việc giải quyết những vấn đề ấy.
7. Từ hai văn bản *Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu* (Lê My) và *Sự sống và cái chết* (Trịnh Xuân Thuận), bạn suy nghĩ gì về sự tồn vong của nhân loại và Trái Đất?
8. Theo bạn, thế nào là một bản tin có giá trị?

Kết nối đọc – viết

Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về giải pháp làm giảm rác thải nhựa trên toàn cầu.

2. Quan sát sơ đồ và cho biết:



d. Những phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ có tác dụng gì?

Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng

Trong cuộc sống, có rất nhiều tình huống đòi hỏi bạn phải viết các văn bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng, ví dụ: viết nội quy lớp học, nội quy câu lạc bộ, hướng dẫn tham gia các sự kiện hay hoạt động tập thể,... Việc xây dựng được văn bản nội quy, hướng dẫn chuẩn mực sẽ giúp bạn và những người xung quanh hiểu rõ quy tắc ứng xử trong những không gian công cộng, quyền và trách nhiệm của mỗi cá nhân để cùng hành động, nhằm tạo nên một môi trường an toàn, trật tự.

Yêu cầu

- Văn bản phải có cấu trúc chặt chẽ, phù hợp với mẫu cấu trúc chung của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Nội dung văn bản thể hiện rõ những hành vi cần thực hiện hoặc không được thực hiện trong không gian công cộng, phù hợp với yêu cầu, quy định của cơ quan, tổ chức ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.

Văn bản tham khảo

SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO TỈNH NINH BÌNH
Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư

NỘI QUY KHU DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HOÁ CỔ ĐÔ HOA LƯ

Căn cứ Luật Di sản Văn hoá và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư yêu cầu quý khách đến tham quan, các tổ chức, cá nhân làm kinh doanh, dịch vụ trong khu vực di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư thực hiện nghiêm các quy định sau:

Tên của tổ chức
ban hành nội quy

Tên nội quy

Lời dẫn

I. Quy định chung:

1. Mọi người đến tham quan, làm kinh doanh, dịch vụ phải có trách nhiệm giữ an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan, thực hiện nếp sống văn hoá, văn minh, chấp hành các quy định về phòng chống cháy nổ. Không mang các loại chất nổ, chất cháy, vũ khí vào trong khu vực di tích.
2. Trang phục lịch sự, giữ yên tĩnh, trật tự trong nội tự đền và những nơi tôn nghiêm. Không quay phim, chụp ảnh trong nội tự đền, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép.
3. Cấm mọi hình thức xâm phạm vào các hiện vật, hái hoa, bẻ cành, viết, vẽ lên các công trình kiến trúc.
4. Không hút thuốc lá nơi công cộng, tự ý thắp hương trong nội tự đền và những nơi dễ xảy ra cháy nổ.
5. Cấm sử dụng mọi loại xe đi lại trong khuôn viên đền và những nơi quy định.

Nội dung của các quy định

II. Đối với khách tham quan:

1. Quý khách tham quan khu di tích phải mua vé theo quy định, giữ vé để xuất trình khi có yêu cầu kiểm tra của nhân viên công vụ.
2. Quý khách có nhu cầu thuyết minh xin liên hệ với Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư theo số điện thoại: 02293.620099.

III. Đối với các tổ chức, cá nhân làm kinh doanh, dịch vụ:

1. Phải đăng ký hành nghề với cơ quan có thẩm quyền và cam kết chấp hành nội quy khu di tích.
2. Làm kinh doanh, dịch vụ đúng nơi quy định, chấp hành sự sắp xếp, điều hành của cơ quan quản lý di tích và chính quyền địa phương.
3. Người hành nghề đã được cấp có thẩm quyền cấp phép, cấp thẻ, khi hành nghề phải đeo thẻ và chấp hành việc kiểm tra của nhân viên công vụ.
4. Phải có thái độ cư xử văn minh, lịch sự đối với du khách, không tranh giành, chèo kéo, nài ép, đeo bám và có các hành vi thiếu văn hoá khác đối với du khách để bán hàng, chụp ảnh, đổi tiền, xin tiền,...

IV. Giờ mở cửa đền:

- Mùa hè: Từ 6h00 đến 18h30.
- Mùa đông: Từ 6h30 đến 18h00.

Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư

(Nguồn: <http://codohoalu.vn>)

 1. Vì sao văn bản trên được xem là văn bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng?

2. Khi soạn văn bản nội quy, hướng dẫn, việc dự tính được những hành vi không mong muốn có thể xảy ra nơi công cộng có ý nghĩa như thế nào?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Xác định cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm viết nội quy, hướng dẫn.

– Xác định đối tượng người đọc và thực hiện nội quy, hướng dẫn: Mỗi văn bản nội quy, hướng dẫn đều hướng tới đối tượng người đọc nhất định. Ví dụ: Nội quy sử dụng thư viện trong trường học hướng tới đối tượng người đọc là học sinh, giáo viên; nội quy của bảo tàng, di tích hướng tới đối tượng người đọc là khách tham quan, thuộc nhiều độ tuổi, nhiều quốc tịch, với nhiều trình độ văn hoá khác nhau,... Việc xác định đúng đối tượng sẽ giúp người viết lựa chọn hình thức trình bày, ngôn ngữ phù hợp với người đọc.

– Xác định mục đích của văn bản nội quy, hướng dẫn: Mỗi văn bản nội quy, hướng dẫn thường định hướng một số nhóm hành vi nhất định. Ví dụ: hướng dẫn sử dụng thang máy, hướng dẫn quy trình trả và mượn sách trong thư viện,...

– Liệt kê tất cả yêu cầu, quy định đối với người đọc (cũng là người đến và tham gia sinh hoạt nơi công cộng) và sắp xếp các yêu cầu, quy định đó theo trật tự logic.

Tìm ý, lập dàn ý

Tuân thủ cấu trúc của văn bản nội quy, hướng dẫn:

– Tên của tổ chức ra thông báo: Được viết ở góc trái, phía trên của văn bản.

– Tên của bản nội quy: Nêu rõ không gian công cộng và nhóm hành vi được yêu cầu (nội quy sử dụng thư viện, hướng dẫn sử dụng thang máy, nội quy tham quan bảo tàng,...) được viết bằng chữ in hoa, khổ lớn.

– Lời dẫn: Là một câu dẫn dắt vào nội dung cụ thể của nội quy, hướng dẫn.

– Các mục: Nêu rõ các yêu cầu, quy định của tổ chức, các hành vi cần được thực hiện. Mỗi mục thường được đánh dấu bằng các kí hiệu như số thứ tự, gạch đầu dòng,...

Viết

– Sử dụng các câu mệnh lệnh với những động từ chỉ rõ hoạt động cần thực hiện hoặc không được thực hiện.

– Sử dụng các đại từ nhân xưng không mang tính chất cá nhân.

- Tách các đoạn văn dài thành các câu ngắn, có cấu trúc đơn giản.
- Sử dụng các kí hiệu như số thứ tự, gạch đầu dòng để giúp người đọc dễ theo dõi.
- Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu tượng, sơ đồ,... để hỗ trợ việc nắm bắt thông tin của người đọc.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo các tiêu chí sau:

- Tuân thủ cấu trúc của văn bản nội quy, hướng dẫn.
- Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, đúng quy cách.
- Sắp xếp các nội dung theo trình tự hợp lí.

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng

Yêu cầu

- Làm rõ sự cần thiết và ý nghĩa của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Đánh giá được văn bản trên các tiêu chí: tính mạch lạc, logic của bố cục; sự tường minh của các điều khoản; tính chuẩn mực của ngôn ngữ diễn đạt và chính tả; sự hợp lí của các hình ảnh, logo được sử dụng; hiệu quả tác động vào thị giác của phong chữ, màu chữ;...
- Nêu được phương án chỉnh sửa cụ thể để có văn bản hoàn thiện.

Chuẩn bị thảo luận

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Nhóm học tập hoặc cả lớp lựa chọn một văn bản nội quy hoặc một văn bản hướng dẫn nơi công cộng để thảo luận (văn bản được chọn có thể là sản phẩm của hoạt động viết, văn bản tự sưu tầm hay văn bản mới mà cả nhóm, lớp dự định cùng nhau xây dựng).

Tìm ý và sắp xếp ý

Để ý kiến thảo luận có chất lượng, bạn cần chú ý nhận xét chung về văn bản hay nhận xét về từng phương diện của văn bản: tiêu đề, bố cục, các điều khoản hoặc các ý hướng dẫn, cách trình bày văn bản về mặt hình thức,... Chú ý phác thảo một văn bản hoàn thiện hơn theo ý kiến cá nhân.

Xác định từ ngữ then chốt

Đối với dạng hoạt động thảo luận về một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng, cần chú ý sử dụng các từ ngữ then chốt như: theo tôi, theo ý kiến của tôi, văn bản này đã quy định, những điều khoản trong văn bản,...

Phương tiện hỗ trợ

Chuẩn bị phần trình chiếu và văn bản được đưa ra thảo luận (hoặc văn bản đang được phác thảo, cần trưng cầu ý kiến tập thể để hoàn thiện).

Chuẩn bị nghe

Người nghe đọc lại các yêu cầu đối với văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng, ghi chép một cách vắn tắt các tiêu chí để làm cơ sở cho việc đánh giá, góp ý về ý kiến thảo luận. Nếu người nói cung cấp trước văn bản, bạn có thể phác thảo các ý tưởng thảo luận để góp phần xây dựng được một văn bản hoàn thiện hơn.

Thảo luận

| Người nói | Người nghe |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">• Trình bày ý kiến:<ul style="list-style-type: none">– <i>Mở đầu</i>: Trước khi trình bày nội dung chính, cần thuyết minh cụ thể mục đích và bối cảnh sử dụng của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.– <i>Triển khai</i>: Kết hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu văn bản, bảng biểu, sơ đồ, hình ảnh,...– <i>Kết luận</i>: Nhấn mạnh các điểm mấu chốt cần được trao đổi, thảo luận thêm trong văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.• Tiếp thu trao đổi:<ul style="list-style-type: none">– Thể hiện được tinh thần cầu thị.– Bảo vệ ý kiến của mình, làm rõ thêm những điều còn khiến người nghe băn khoăn. | <ul style="list-style-type: none">– Nắm bắt đúng nội dung ý kiến của người nói.– Nêu nhận xét về ý kiến tham gia thảo luận.– Đặt câu hỏi để người nói làm rõ thêm về ý kiến đã phát biểu. |

Để cuộc thảo luận đạt hiệu quả mong muốn, người nói, người nghe cần tự đánh giá và đánh giá về ý kiến thảo luận theo các nội dung trong bảng sau:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|---|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Nêu được những yêu cầu về thể thức đối với một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. | | |
| 2 | Nêu được nhận xét xác đáng về ưu điểm, nhược điểm của văn bản đưa ra thảo luận. | | |
| 3 | Các ý tưởng được trình bày một cách rõ ràng và thuyết phục. | | |
| 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng hợp lí. | | |
| 5 | Thực hiện việc đối thoại trên tinh thần hợp tác, tạo ra không khí thảo luận cởi mở, có tính xây dựng. | | |
| 6 | Thống nhất được với những người tham gia thảo luận về phương án sửa chữa, hoàn thiện văn bản. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Tổng hợp thông tin về các văn bản đã học trong bài theo gợi ý sau:

| Tên văn bản | Tên tác giả | Thông tin chính | Các bằng chứng, số liệu |
|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| | | | |

- Tìm đọc thêm một số văn bản thông tin về sự sống trên Trái Đất và hoạt động bảo vệ môi trường. So sánh các thông tin đó với thông tin mà bạn đã học trong các văn bản trên.
- Sưu tầm một số nội quy, văn bản hướng dẫn ở trường học hoặc địa phương nơi bạn sinh sống để tham khảo cách viết loại văn bản này.
- Soạn thảo một bản nội quy về việc sử dụng thư viện của lớp hoặc trường và đưa ra trao đổi cùng các bạn.

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Xác định thông tin chính của văn bản.
- Tìm hiểu điểm nhìn của tác giả khi quan sát và phân tích tính cách của cây.
- Đánh giá ý nghĩa của yếu tố miêu tả được sử dụng trong văn bản.
- Rút ra được thông điệp của văn bản và bài học ứng xử cần thiết đối với cây cối.

Tính cách của cây

(Trích)

Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben (Peter Wohlleben)⁽¹⁾

Trên con đường thôn dã nằm giữa làng Hum-men (Hummel) quê tôi và thị trấn nhỏ kế bên trong thung lũng A-hơ (Ahr) có ba cây sồi. Dáng chúng uy nghi nổi bật giữa đồng không mông quạnh, và tên khu vực đó được đặt theo chúng. Chúng mọc gần nhau đến bất thường: những thân cây đã một trăm năm tuổi này cách nhau chỉ vài inch⁽²⁾. Điều đó khiến chúng trở thành vật nghiên cứu lí tưởng của tôi, vì điều kiện môi trường của cả ba cây đều giống hệt nhau. Đất, nước, vi khí hậu địa phương – trong khu vực chỉ vài yard⁽³⁾, bộ ba yếu tố này ở mỗi cây sẽ không thể khác nhau được. Điều này có nghĩa là nếu những cây sồi ấy có hành vi khác nhau, thì chắc chắn là do chúng có tính cách bẩm sinh riêng của mình. Và thực sự, chúng có hành vi khác nhau!

Vào mùa đông, khi cây trụi lá, hoặc vào mùa hè, khi chúng đầy lá xanh, một người tài xế lái xe vụt qua nơi đó thường thậm chí không nhận ra đó là ba cây riêng biệt. Tán cây của chúng liên kết lại, hình thành nên một vòm lá to lớn. Những thân cây có

⁽¹⁾ *Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben*: người Đức, sinh năm 1964, chuyên viết về các chủ đề sinh thái, tham gia nhiều hoạt động nhằm phục hồi những khu rừng cổ đại và quản lí rừng một cách bền vững, là tác giả của các cuốn sách gây được nhiều tiếng vang như: *Đời sống bí ẩn của cây* (2015), *Đời sống nội tâm của loài vật* (2016), *Trí tuệ bí ẩn của tự nhiên* (2017), *Bạn có nghe tiếng cây trò chuyện* (2019),...

⁽²⁾ *Inch*: đơn vị đo chiều dài của Anh, kí hiệu là in, 1 in = 2,54 cm.

⁽³⁾ *Yard*: đơn vị đo chiều dài, kí hiệu là yd, được sử dụng trong hệ thống đo lường Anh và Mỹ, 1 yd = 0,91 m.

khoảng cách gần nhau này có thể mọc lên từ cùng một bộ rễ, chuyện này vẫn thỉnh thoảng xảy ra khi những cây gãy đổ bắt đầu mọc trở lại. Tuy nhiên, màu sắc mùa thu của bộ ba này cho thấy một câu chuyện rất khác. Trong khi cây sồi nằm bên phải đã sẵn sàng chuyển màu, thì cây nằm ở giữa và cây nằm bên trái vẫn hoàn toàn xanh mượt. Mất vài tuần thì hai kẻ chậm chạp này mới theo bước người hàng xóm của mình đi ngủ đông. Nhưng nếu điều kiện sinh trưởng của chúng là giống hệt nhau, thì điều gì đã dẫn đến sự khác biệt trong hành vi của chúng? Có vẻ như thời điểm rụng lá thực ra phụ thuộc vào vấn đề tính cách của cây.

Như chúng ta đã biết trong những chương trước, một cây rụng lá phải rơi đi những chiếc lá của mình. Nhưng khi nào là thời khắc tốt nhất? Cây không thể hình dung trước được mùa đông sắp đến sẽ như thế nào. Chúng không biết được lúc ấy thời tiết sẽ khắc nghiệt hay ôn hoà. Tất cả những gì cây nhận biết được là ngày đang ngắn dần và nhiệt độ đang thấp xuống. Nếu nhiệt độ đang hạ thấp, vậy đúng là mùa đông rồi. Trong mùa thu, thường có những ngày ấm lên trái tiết và lập tức ba cây sồi rớt vào thế tiến thoái lưỡng nan. Chúng có nên tận dụng những ngày ôn hoà ấy để quang hợp lâu hơn một chút và nhanh chóng cất trữ đi ít calo từ đường kiếm thêm được này không? Hay chúng nên thận trọng và rụng lá đi để phòng khi đông giá bất chợt ập đến buộc chúng phải ngủ đông? Rõ ràng là mỗi cây trong ba cây ấy quyết định mỗi khác.

Cây nằm bên phải căng thẳng hơn hai cây kia một chút, hoặc nói một cách tích cực hơn, nó khôn ngoan hơn hai cây kia. Lương thực dự trữ thêm thì có ích lợi gì nếu bạn không kịp rụng lá và phải trải qua đông với hiểm hoạ chết chóc chứ? Vì thế, tổng khứ mớ lá đúng lúc và tiếp tục tiến vào cõi mộng đi! Hai cây sồi còn lại thì có phần bạo gan hơn. Ai biết được mùa xuân kế tiếp sẽ mang đến những gì chứ, hoặc đợt tấn công bất thành linh của lũ côn trùng sẽ lấy đi bao nhiêu năng lượng và lượng dự trữ sẽ còn thừa được bao nhiêu sau đấy chứ? Do đó, chúng đơn giản giữ màu xanh của mình lâu hơn và đổ đầy ắp những thùng chứa nằm dưới vỏ và rễ của chúng. Cho đến bây giờ, hành vi này vẫn luôn đem đến phần thưởng tốt đẹp cho chúng, nhưng ai biết được sẽ còn ổn thoả trong bao lâu? Do thay đổi khí hậu, khí hậu mùa thu sẽ giữ ở mức cao trong thời gian lâu hơn, và lâu hơn nữa, và canh bạc giữ lại lá sẽ kéo dài đến tháng Mười Một. Suốt thời gian đó, những cơn bão mùa thu sẽ bắt đầu đúng giờ vào tháng Mười như trước đây, vì vậy nguy cơ bị thổi ngã trong khi vẫn còn nguyên lá trên cây sẽ xuất hiện. Theo ước tính của tôi, những cây thận trọng hơn sẽ có cơ hội sống sót tốt hơn trong tương lai.

Bạn có thể thấy điều tương tự ở thân của những cây rụng lá và những cây lãnh sam bạc⁽¹⁾. Theo sổ tay quy ước mặc nhận⁽²⁾ của cây cối, thân cây nên cao và nhẵn nhụi,

(1) *Cây lãnh sam bạc*: một loại cây thuộc họ thông, có thân gỗ, lá thường xanh, chủ yếu phân bố ở vùng khí hậu ôn đới.

(2) *Mặc nhận*: chấp nhận như một điều tất yếu, không cần phải tranh cãi.

tức là không có cành mọc ra ở nửa thân dưới của cây. Điều đó hợp lí vì không có nhiều ánh sáng chiếu đến phần dưới. Vì không cần xử lí ánh sáng mặt trời, nên những phần cơ thể không cần thiết – những phần chỉ biết dùng sạch thức ăn, đơn giản sẽ bị ngừng hoạt động. Điều này khá giống với cơ bắp của chúng ta – thứ sẽ bị cơ thể chúng ta giảm kích thước khi không được sử dụng đến nhằm tiết kiệm calo. Nhưng cây không thể tự tháo cành của mình ra; chúng chỉ cần để cành chết đi là được. Phần còn lại sẽ được nấm lo tất – nấm sẽ tấn công gỗ ngay khi gỗ chết đi. Đến thời điểm nào đó, cành sẽ mục nát, gãy rời và cuối cùng được “tái chế” thành đất mùn.

Lúc này thì cây gặp rắc rối ngay chỗ cành cây gây xuống. Nấm có thể dễ dàng phát triển sâu hơn vào trong thân vì chỗ ấy không có lớp vỏ cây bảo vệ – ít nhất là giờ thì chưa kịp có. Nhưng cây có thể thay đổi điều này. Nếu cành không quá to (bề ngang tối đa một inch), thì cây chỉ cần vài năm để khép chỗ hở ấy lại. Sau đó, cây có thể làm khu vực đó ẩm nước từ bên trong, nhờ đấy giết chết nấm. Nhưng nếu cành cây quá to, thì quy trình này sẽ diễn ra rất lâu. Vết thương hở miệng trong hàng thập kỉ, mở ra cánh cổng để bọn nấm tiến đến và xâm nhập sâu vào trong gỗ. Thân cây sẽ mục dần và, trong tình huống xấu nhất, sẽ trở nên ít vững chắc hơn. Và đó chính là lí do sở tay quy ước mặc nhận yêu cầu phần thân thấp bên dưới chỉ được mọc những cành mảnh khảnh. Một khi những cành này rơi xuống lúc cây lớn lên, thì chúng cần được thay thế dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Thế nhưng đó lại chính là điều mà chỉ có một vài cây chịu làm.

Khi một hàng xóm lân cận chết đi, một số cây sử dụng ánh sáng lọt xuống để mọc ra những chồi non phía dưới. Chúng mọc ra những cành to – thứ ban đầu sẽ mang lại rất nhiều lợi ích. Những cây này giờ có thể tận dụng cơ hội quang hợp ở hai nơi cùng một lúc: trên tán và phần thân bên dưới. Nhưng một ngày nào đó, có lẽ là hai mươi năm sau, những cây khác mọc xung quanh đó sẽ tăng kích thước lá nhiều đến nỗi khép kín khoảng trống trên vòm rừng. Một lần nữa, những tầng bên dưới sẽ tối om, và những cành cây to đấy sẽ chết. Lúc ấy, những cây này sẽ trả giá đắt cho thói thèm khát ánh sáng mặt trời. Như tôi vừa mô tả, nấm khi đó sẽ “hành quân” sâu vào trong thân của những cây ngu ngốc này và khiến chúng gặp nguy hiểm. Vào lần kế tiếp bạn dạo bước trong rừng, bạn có thể tự mình kiểm tra để thấy rằng hành vi này thật ra là lựa chọn cá nhân, do đó, thật ra cũng là vấn đề tính cách ở mỗi cây. Hãy nhìn những cây mọc xung quanh một khoảng rừng trống nhỏ. Tất cả đều bị dụ dỗ làm điều ngu ngốc như mọc ra những cành mới trên thân, nhưng chỉ một vài cây đầu hàng trước sự mê hoặc này. Những cây còn lại vẫn giữ thân của chúng thật nhẵn nhụi và tránh xa mối nguy có thể đoán trước.

(Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben, Thanh Vy dịch, *Đời sống bí ẩn của cây*,
NXB Thế giới – Công ty cổ phần Văn hoá Phương Nam,
Hà Nội, 2019, tr. 149 – 152)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội của văn bản; nêu được ý nghĩa của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.
- Nhận biết và đánh giá được tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.
- Viết được một bài luận về bản thân.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.
- Biết làm chủ bản thân và có định hướng đúng đắn nhằm phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có đóng góp tích cực cho đời sống của cộng đồng.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin

Các biểu đồ, sơ đồ giúp các thông tin trong văn bản trở nên cụ thể, trực quan, đồng thời cho thấy mối quan hệ logic giữa các thông tin. Có rất nhiều dạng biểu đồ, sơ đồ: biểu đồ tròn thể hiện vòng tuần hoàn của các sự vật, hiện tượng; sơ đồ Venn dùng để so sánh; biểu đồ thời gian dùng để biểu đạt sự phát triển; sơ đồ cây thể hiện hệ thống cấp bậc của thông tin;...

Bài luận về bản thân

Những tri thức học được qua sách vở và những trải nghiệm trong cuộc sống không chỉ giúp bạn hiểu biết thêm về con người và thế giới rộng lớn xung quanh, mà còn gợi cho bạn những suy ngẫm về bản thân: bạn là ai; mong muốn, ước mơ, niềm tin, giá trị sống của bạn là gì; đâu là thế mạnh của bạn; với tư cách là một cá nhân, bạn có mối quan hệ như thế nào với người khác, với thế giới tự nhiên; mỗi lựa chọn của bạn có tác động gì tới cuộc sống của chính bạn và của người khác,... Những suy nghĩ, quan điểm, kiến giải đó có thể được trình bày dưới dạng một bài luận về bản thân.

Bài luận về bản thân là một loại văn bản nghị luận, thể hiện quan điểm, chủ kiến của người viết, có lập luận chặt chẽ và bằng chứng đáng tin cậy. Tuy nhiên, khác với bài

ng nghị luận thông thường, bài luận về bản thân hướng vào việc tự bày tỏ, tự soi xét và chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ,... của chính người viết. Sự chân thành, sâu sắc trong suy ngẫm của người viết là yếu tố quan trọng nhất làm nên sức hấp dẫn của kiểu văn bản này. Viết một bài luận về bản thân là thực hành việc nhìn lại chính mình, tự ý thức về giá trị của chính mình – điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc chuẩn bị hành trang cuộc sống.

VĂN BẢN 1

Về chính chúng ta

(Trích)

Các-lô Rô-ve-li (Carlo Rovelli)



Bạn suy nghĩ như thế nào về quan niệm cho rằng con người là chúa tể của tự nhiên?



Chúng ta có vai trò gì không với tư cách là những con người biết nhận thức, ra quyết định, cười và khóc, trong toàn cảnh thế giới vĩ đại mà vật lí đương đại mô tả? Nếu thế giới là một⁽¹⁾ đám lượng tử⁽²⁾ phù du của không gian và vật chất, một trò chơi ghép hình mênh mông của không gian và các hạt cơ bản, thì chúng ta là gì đây? Phải chăng chúng ta cũng chỉ gồm các lượng tử và hạt? Nếu vậy thì từ đâu chúng ta có được cảm nhận về sự tồn tại của chính mình và cá tính độc nhất mà ta luôn có thể xác nhận? Và khi đó giá trị của chúng ta, những mơ ước, cảm xúc và tri thức cá nhân của chúng ta... là gì đây? Chúng ta là gì trong cái thế giới vô tận và sinh động này?

Suy đoán về dụng ý của tác giả khi đặt vấn đề bằng hàng loạt câu hỏi.

Tôi không thể, dù chỉ tưởng tượng, làm sao có thể trả lời một câu hỏi như thế trong một vài trang giấy. Đó là một câu hỏi khó. Trong bức tranh khoa học rộng lớn ngày nay, có nhiều thứ chúng ta không hiểu nổi, và một trong những thứ mà ta hiểu ít nhất là chính chúng ta. Nhưng nếu né tránh hay phớt lờ

Câu nào trong đoạn văn thể hiện quan điểm của tác giả?

⁽¹⁾ Dịch giả dịch là *quần tụ*.

⁽²⁾ *Lượng tử*: số lượng tối thiểu của một thực thể vật lí tham gia vào tương tác theo thuyết lượng tử.

câu hỏi ấy, thì theo tôi sẽ là bỏ sót những điều rất cốt lõi. Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học, và chúng ta cũng là một phần của cái thế giới ấy.

“Chúng ta”, con người, trước hết là những chủ thể⁽¹⁾ biết quan sát thế giới này; những nhà sáng lập tập thể của bức tranh về thực tại mà tôi đã cố gắng mô tả lại. Chúng ta là các nút trong một mạng lưới những sự trao đổi, nhờ nó chúng ta truyền đi các hình ảnh, các công cụ, thông tin và kiến thức.

Xác định hai từ khoá nói lên mối quan hệ giữa con người và thế giới trong đoạn văn.

Nhưng chúng ta còn là một bộ phận hữu cơ của thế giới mà ta cảm nhận được; chúng ta không phải là người quan sát đứng ngoài cuộc. Chúng ta nằm trong đó. Cái nhìn của chúng ta về nó là nhìn từ trong lòng nó. Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử hay ánh sáng qua lại giữa những cây thông trên núi hay những ngôi sao trong các thiên hà.

Khi hiểu biết của chúng ta tăng lên, chúng ta đã biết rằng sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ, và là phần rất nhỏ bé trong đó.

Điều này ngày càng rõ ràng qua nhiều thế kỉ, nhưng đặc biệt sáng rõ trong thế kỉ vừa qua. Chúng ta từng tin rằng mình ở trên một hành tinh nằm tại trung tâm vũ trụ, rồi hoá ra không phải vậy. Chúng ta từng nghĩ rằng mình là thứ tồn tại duy nhất, một chủng loài tách biệt hẳn với họ các động vật và thực vật, rồi phát hiện ra rằng mình là hậu duệ có cùng các tổ tiên với mọi sinh thể quanh ta. Chúng ta có cùng tổ tiên xa xôi với con bướm và cây thông. Chúng ta giống như đứa trẻ, khi lớn lên nhận ra rằng thế giới không chỉ vồn vện là những gì ở quanh mình như nó tưởng khi còn bé. Nó cần học hỏi để làm một người giữa những người khác. Noi gương những người khác và những thứ khác nữa, chúng ta học được mình là ai.

Chú ý biện pháp tu từ điệp ngữ trong văn bản.

Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới. Chỉ là phản ánh được ít hay nhiều mà thôi, nhưng quả thực nó phản ánh thế giới mà chúng ta đang sống trong đó. Cách kết nối giữa chúng ta và thế giới không phải là cái làm chúng ta đặc biệt hơn phần còn lại của tự nhiên. Mọi vật đều không ngừng tương tác với nhau, và khi làm thế, mỗi người trong chúng ta đều mang theo cái dấu vết của cái mà ta đã tương tác: và theo nghĩa ấy, mọi vật không ngừng trao đổi thông tin về nhau.

Thông tin mà một hệ vật lí này có về hệ vật lí khác không có gì thuộc về ý thức hay chủ quan hết: nó chỉ là mối liên quan mà vật lí định ra giữa trạng thái của vật này với trạng thái của vật khác. Một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời; một tia sáng chứa thông tin về màu sắc của chất đã gửi nó đến mắt ta; một cái đồng hồ có

Chú ý các lí lẽ, bằng chứng chứng minh cho luận điểm: “Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới.”

⁽¹⁾ *Chủ thể*: con người với tư cách là một sinh vật có ý thức và ý chí, trong mối quan hệ đối lập với thế giới bên ngoài (gọi là khách thể).

thông tin về thời gian trong ngày; gió mang thông tin về một trận bão đang ập đến; virus cảm lạnh có thông tin về tính dễ tổn thương của cái mũi tôi; DNA trong tế bào chúng ta chứa tất cả thông tin về mã di truyền của chúng ta (về cái đã làm cho tôi giống với cha của mình); và não của tôi tràn ngập những thông tin được tích lũy từ trải nghiệm của tôi. Chất liệu căn bản làm nên tư duy của chúng ta là tập hợp vô cùng phong phú các thông tin được tích lũy, trao đổi và không ngừng được xây dựng kỹ lưỡng.

Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng mang tính hiện thực không kém vì là một phần của tự nhiên, vì được chia sẻ với thế giới động vật, hay vì được quyết định bởi sự tiến hoá mà loài chúng ta đã trải qua suốt hàng triệu năm. Vì thế, chúng còn có giá trị hơn nữa: chúng có thực. Chúng là cái hiện thực phức tạp đã tạo nên chúng ta. Thực tại của chúng ta là những giọt nước mắt và nụ cười, lòng biết ơn và vị tha, sự trung thành và phản bội, là quá khứ luôn ám ảnh chúng ta và sự thanh thản. Thực tại của chúng ta được làm nên từ xã hội của chúng ta, từ cảm xúc nhờ âm nhạc đem lại, từ các mạng lưới kiến thức chung đan dệt phong phú mà chúng ta cùng nhau xây đắp. Tất cả là một phần của chính cái “tự nhiên” đồng nhất mà chúng ta đang mô tả. Chúng ta là một bộ phận hữu cơ của tự nhiên; chúng ta là tự nhiên, là một trong vô số các biểu hiện biến thiên vô cùng vô tận của nó. Đó là những gì chúng ta đã học hỏi được từ hiểu biết không ngừng tăng lên về mọi sự vật của thế giới này.

Xác định câu văn khái quát ý tưởng chính của đoạn văn.

Chính là vì cái tự nhiên đồng nhất, nên điều khiến cho chúng ta thật sự trở thành người không có nghĩa là chúng ta tách khỏi tự nhiên. Đó là một dạng thức mà tự nhiên đã thể hiện tại hành tinh của chúng ta, trong tương tác vô tận các kết hợp của nó, thông qua các tác động qua lại và trao đổi các tương quan và thông tin giữa các bộ phận của nó. Ai mà biết rằng còn tồn tại bao nhiêu những điều phức tạp phi thường gì khác, dưới các dạng thức mà có lẽ chúng ta không thể hình dung nổi, trong những khoảng không vô tận của vũ trụ,... Hẳn nhiên đến nổi sẽ là ngây ngô khi cho rằng ở một góc ngoại vi của một thiên hà bình thường nào đó lại có cái gì đó là đặc biệt và duy nhất. Sự sống trên Trái Đất chỉ mang lại một dư vị thoáng qua của những gì có thể xảy ra trong vũ trụ. Ngay chính linh hồn chúng ta cũng chỉ là một ví dụ bé nhỏ.

Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình. Cái thế giới lạ lùng, đầy màu sắc và đáng ngạc nhiên mà ta đang thám hiểm này đẩy chúng ta ra xa cái tôi thực sự của mình, vì đó chỉ là cái mà óc hiểu kỳ bẩm sinh cho chúng ta thấy chỗ mà chúng ta đang cư trú, về thứ chất liệu đã tạo nên bản thân chúng ta.

Hình ảnh nào được sử dụng để nói về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên?

Một phần bản tính của chúng ta là yêu thương và lương thiện. Một phần bản tính của chúng ta là khao khát được hiểu biết nhiều hơn nữa và luôn học hỏi. Tri thức của chúng ta về thế giới không ngừng tăng lên.

Tại đây, bên bờ của những gì chúng ta đã biết, tiếp giáp với cả đại dương mênh mông những gì chưa biết, rực sáng lên vầng hào quang của sự huyền bí và vẻ đẹp của thế giới. Thật là quyến rũ đến mê hồn.

(Các-lô Rô-ve-li, Nguyễn Nguyên Hy dịch, *7 bài học hay nhất về vật lí*, NXB Thế giới – Công ti cổ phần Sách Omega Việt Nam, Hà Nội, 2016, tr. 123 – 134)

Các-lô Rô-ve-li sinh năm 1956, là nhà vật lí học lí thuyết, nhà văn, sinh ra ở I-ta-li-a (Italia), chủ yếu làm việc ở Mỹ và Pháp. Các nghiên cứu của ông tập trung vào lĩnh vực lực hấp dẫn lượng tử. Ông cũng nghiên cứu sâu về lịch sử và khoa học triết học. Những công việc này đã giúp ông có một tri thức tổng hợp rộng lớn và cái nhìn toàn diện, sâu sắc về vũ trụ và đời sống.

Cuốn sách nổi tiếng của ông – *7 bài học hay nhất về vật lí* được xuất bản lần đầu tiên vào năm 2014, đã được dịch sang 41 thứ tiếng và bán hàng triệu bản khắp thế giới. Không chỉ là một cuốn cẩm nang súc tích về vật lí học hiện đại, cuốn sách còn chứa đựng những suy tư mang tính chất triết học về thế giới và con người. Ở đó, khoa học, triết học, văn chương và tôn giáo đã được kết hợp một cách hài hoà, cho người đọc thấy được vẻ đẹp huyền bí của thế giới này.



Trả lời câu hỏi

1. Trong văn bản, tác giả đã trình bày quan điểm về vấn đề gì? Quan điểm ấy đã được triển khai thành những luận điểm chính nào?
2. Để làm sáng tỏ các luận điểm chính, tác giả đã sử dụng những bằng chứng, lí lẽ nào? Những thông tin khoa học trong văn bản có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính?
3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản.
4. Tác giả đã trình bày quan điểm về mối quan hệ giữa con người và thực tại từ góc nhìn nào, với một thái độ như thế nào?
5. Tác giả nghĩ gì về khả năng nhận thức thế giới của con người?
6. “Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình”. Bạn nghĩ gì về nhận định của tác giả?

Kết nối đọc – viết

Nhận thức nào từ văn bản trên mà bạn muốn mang theo trong hành trang cuộc sống của mình? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) để chia sẻ về điều này.

Con đường không chọn

Rô-bốt Phờ-rôt (Robert Frost)



- *Bạn đã bao giờ cảm thấy khó khăn khi phải đứng trước nhiều khả năng lựa chọn?*
- *Điều gì đã khiến bạn đưa ra quyết định lựa chọn của mình khi ấy? Bạn thấy may mắn hay tiếc nuối vì lựa chọn đó của bản thân?*



Bản dịch 1

Con đường rẽ làm đôi giữa rừng lá vàng,
Biết làm sao, tôi chỉ có thể chọn một mà thôi
Thân phận lữ hành, tôi đứng mãi
Nhìn theo một lối rẽ bên này
Đến tận nơi vệt đường khuất dạng sau bụi cây;

Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai và đang đứng trước tình huống nào?

Thế rồi tôi lại bước vào lối rẽ bên kia,
Có khác gì đâu, mà có khi lại có lí hơn kia,
Vì cỏ rậm trên mặt đường như thêm muốn người đi;
Nhưng thật ra có đôi chỗ đây kia
Cũng đã thấy dấu mòn như con đường nọ,

Trong ba khổ đầu của bài thơ, hai lối rẽ được miêu tả như thế nào?

Và thế là buổi mai hôm đó
Trước hai con đường lá rơi đầy chưa đen vết chân ai.
Tôi đành hẹn sẽ quay lại con đường không đi một ngày nào đó!
Nhưng lòng thừa hiểu nào biết đến bao giờ,
Đường lại đưa đường làm sao biết trước.

Tôi sẽ kể chuyện này trong một tiếng thờ dài
Rằng đâu đó ngày xưa đã lâu lắm rồi:
Con đường rẽ làm đôi giữa một khu rừng, và tôi –
Tôi đã chọn lối mòn ít có ai đi,
Và điều đó đã làm đổi thay tất cả.

Nhân vật trữ tình đã lựa chọn lối rẽ nào?

(Trịnh Lữ dịch, <http://thivien.net>)

Bản dịch 2

Hai lối rẽ trong rừng vàng rục lá,
Buồn thay biết làm sao chọn cả
Là kẻ lữ hành, tôi đứng đó hồi lâu
Dối mót tầm lối nọ về đâu
Tới tận khúc quanh giữa bụi bờ chìm khuất;

Rồi tôi chọn lối này, như chẳng khác,
Nhưng xem chừng theo thôi thúc mạnh hơn,
Vì cỏ rậm muốn mời chân bước;
Dù qua đây đi về phía trước
Hai lối như nhau đều có vết mòn,

Hai nẻo đường sáng ấy trải ra
Trên thảm lá chưa chân ai hằn dấu thẫm.
Sẽ đi lối đầu tiên, một ngày nào, muốn lắm!
Nhưng đường nối đường, lòng thao thức mai đây,
Chắc gì tôi được trở lại chốn này.

Rồi với tiếng thở dài tôi sẽ nói
Ngày nào kia trong tháng năm với vợi:
Hai lối xuyên rừng, đứng đó một tôi –
Tôi đã chọn lối đi ít dấu chân người,
Và điều đó làm nên bao khác biệt.

(Phan Huy Dũng dịch, tạp chí *Sông Lam*,
số 11, tháng 3/2021, tr. 96)

Rô-bốt Phờ-rót (1874 – 1963) là nhà thơ Mỹ có tầm ảnh hưởng lớn trong văn học hiện đại. Cho đến nay, ông là nhà thơ duy nhất từng được bốn lần nhận giải thưởng Pu-lít-dơ (Pulitzer) – giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực như báo chí, văn chương, âm nhạc,...

Con đường không chọn là một trong những bài thơ được đọc nhiều nhất của Rô-bốt Phờ-rót. Tác phẩm được sáng tác vào năm 1915, lấy cảm hứng từ những cuộc đi dạo trong rừng với người bạn của ông – nhà thơ Êt-uốt Thô-môt-xơ (Edward Thomas, 1878 – 1917). Theo lời của Phờ-rót, trong những cuộc đi dạo ấy, Thô-môt-xơ thường băn khoăn không biết nên chọn lối nào để đi, rồi sau khi đã lựa chọn, ông lại nuối tiếc, đáng lẽ nên chọn một lối khác.

Bài thơ của Phờ-rót ra đời vào thời điểm nhiều người hoài nghi về lựa chọn của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại con đường mình từng từ bỏ. Không lâu sau khi nhận được bài thơ của Phờ-rót trong một lá thư, Êt-uốt Thô-môt-xơ tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và ông đã tử trận trong trận A-rát-xơ (Arras)⁽¹⁾ vào năm 1917.



Trả lời câu hỏi

1. “Con đường” và “lối rẽ” trong bài thơ có thể xem là những ẩn dụ. Những ẩn dụ đó gợi cho bạn nghĩ đến điều gì?
2. Theo bạn, tại sao Rô-bốt Phờ-rót lại đặt nhan đề bài thơ là *Con đường không chọn* chứ không phải *Con đường tôi chọn* hay *Con đường ít người đi*?
3. Hai lối rẽ trong rừng khác nhau hay giống nhau nhiều hơn? Phải chăng vì điều ấy mà nhân vật trữ tình trong bài thơ cảm thấy khó khăn khi phải chọn lựa một trong hai lối rẽ?
4. Nếu như nhân vật trữ tình không thể chọn cả hai lối rẽ cùng lúc thì anh ta có thể không lựa chọn bất cứ lối rẽ nào được chăng? Vì sao?
5. Trong bài thơ, cuối cùng nhân vật trữ tình cũng vẫn phải đưa ra lựa chọn của mình. Theo bạn, anh ta có thật sự tin rằng lối rẽ mình chọn là con đường tốt hơn?
6. Bạn có đồng cảm với trạng thái do dự, phân vân của nhân vật trữ tình xuyên suốt bài thơ không? Vì sao?
7. Hãy nêu một thông điệp từ bài thơ có ý nghĩa đối với cá nhân bạn.

Kết nối đọc – viết

Từ bài thơ này, theo bạn, làm thế nào để chúng ta can đảm hơn trong những lựa chọn của mình trên hành trình trưởng thành? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) để trả lời câu hỏi trên.

⁽¹⁾ A-rát-xơ: tên một thành phố của nước Pháp, nơi diễn ra trận tấn công của quân đội Anh nhằm vào quân đội Đức, từ ngày 9/4/1917 đến 6/5/1917.

Một đời như kẻ tìm đường

(Trích)

Phan Văn Trường



Mỗi lựa chọn của chúng ta ngày hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai? Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?



Năm mười bốn tuổi là năm đầu tiên tôi phải suy nghĩ để đưa ra những lựa chọn cho cuộc đời mình. Trước đó, chưa bao giờ tôi phải làm việc này. Thuở ấy, nhà trường viết thư gửi cho các phụ huynh với đôi lời nhắn nhủ về việc chọn một trong hai ngoại ngữ, và nhất là chọn giữa hai chương trình học – cổ điển hay hiện đại. Đó là giai đoạn những năm 50 – 60 của thế kỉ trước.

Dự đoán về nội dung sẽ được trình bày trong văn bản.

Vào thời đó, ngay cả cha mẹ tôi cũng bối rối, bởi lẽ không ai trong gia đình tôi có ý niệm gì về ngôn ngữ thịnh hành trên thế giới. Còn về chương trình cổ điển thì nghe khá lạ tai, vì sẽ đặt trọng tâm vào tiếng La tinh, tiếng Hy Lạp cổ. Ông hiệu trưởng thì hết lời khuyến khích học sinh đi theo lộ trình cổ điển. Ông giải thích rằng các Kinh Thánh cần được hiểu tận gốc, các nền văn hoá Tây Âu cần được thấu triệt qua việc tham khảo và nghiên cứu các bài viết của những tác giả ngàn xưa, như Xô-cơ-rát (Socrates)⁽¹⁾ hay Pla-tôn (Platon)⁽²⁾, được cho là những tiền đề của nền triết học nhân loại.

Người viết đã nêu lên những tình huống lựa chọn nào?

Cha mẹ tôi vừa nghe thấy “hiểu tận gốc nền triết lí của nhân loại” thì thích lắm. Nhưng may mà cả hai đều không có tư duy áp đặt. Tôi thì không hiểu sao cứ nghe chữ “cổ” thì lại thấy chói tai. Ngoài ra, còn có một yếu tố giúp tôi lấy định hướng cho đời mình. Đó là tôi có ba người bạn thân học cùng lớp cứ rủ tôi nghe nhạc Mỹ của En-vít-xơ Prét-xơ-li (Elvis Presley)⁽³⁾ và Pôn An-ka (Paul Anka)⁽⁴⁾. Ba anh nghe loại nhạc này vừa nháy mắt

(1), (2) Xô-cơ-rát (470 – 399 trước Công nguyên), Pla-tôn (427 – 347 trước Công nguyên): hai triết gia nổi tiếng thời Hy Lạp cổ đại, được coi là những người đặt nền móng cho triết học phương Tây.

(3) En-vít-xơ Prét-xơ-li (1935 – 1977): ca sĩ nhạc Rốc nổi tiếng người Mỹ, được coi là một trong những biểu tượng âm nhạc của thế kỉ XX.

(4) Pôn An-ka: sinh năm 1941, là ca sĩ, diễn viên nổi tiếng người Ca-na-đa (Canada) cuối thập niên 1950, 1960.

thường thức, vừa đứng ngồi không yên. Chỉ có chút ngôn ngữ cơ thể thể thôi đã làm trái tim của tôi nghiêng hẳn sang phía hiện đại. Nhiều khi chuyện đời nào cũng nghiêng sang một bên do ảnh hưởng của những yếu tố kì lạ, nhẹ nhõm và khó giải thích. Và đó là trường hợp của tôi, thời thiếu niên.

Trong cuộc thương thuyết với cha mẹ, đề tài chọn nghề cũng xuất hiện đột ngột vào đúng lúc tôi chưa được cầm một xu tiền mặt nào. Hơn nữa, tôi cũng chưa có ý niệm sau này phải đi làm để có tiền trang trải cuộc sống, nói chi đến chọn nghề. Cha tôi thì thích ngành kiến trúc. Mẹ tôi thì thích nghề bác sĩ. Và cuối cùng hai người đã hướng ý thích của tôi vào lộ trình công chức, một hướng đi quá an toàn cho tôi, và cả cho mẹ tôi, bởi vì bà nghĩ như thế thì con trai bà sẽ không bao giờ ra khỏi vòng tay mình. Còn đối với cha tôi, chữ “công chức” có lẽ còn hàm nghĩa, con trai ông sẽ tham gia vào các hoạt động xã hội nhiều hơn.

Đó là những lựa chọn đầu tiên trong cuộc đời tôi. Nó khởi đầu cho một chuỗi dài những quyết định sau này, đôi khi còn khó đưa ra hơn rất nhiều.

Cuộc đời của mỗi chúng ta có thể ví như một con đường với hàng ngàn khúc quanh, đến khúc quanh nào chúng ta cũng bắt buộc phải có những lựa chọn. Chọn hướng đi, chọn phương án, chọn kẻ đồng hành, chọn những trang bị, chọn thời điểm hành động. Rất nhiều khi chúng ta không có quyền lựa chọn, hoặc không biết lựa chọn. Nhưng rồi cuối cùng chúng ta cũng bắt buộc phải bước tiếp. Đôi khi không biết đi đâu nhưng cũng vẫn đi, giấc mơ tiến tới tương lai mạnh đến mức trở thành ám ảnh, cho dù tương lai còn mù mờ. Cuộc đời dù là tiến hay lùi, vẫn phải tiếp tục bước đi.

Chú ý những suy ngẫm, đúc rút của người viết.

Cá nhân tôi trong suốt bấy nhiêu năm toàn gặp những tình huống lạ kì. Nhiều lần như thế, lần nào cũng vậy: phải đưa ra một quyết định, phải lựa chọn, và sau đó mọi việc tiếp diễn như không cần tới mình. Mỗi lần mình tìm giải pháp, tìm hướng đi là một lần số mệnh đẩy mình đi vào một lộ trình không muốn, mà mình chẳng biết trước tốt hay xấu.

Tôi sang Pháp năm mười bảy tuổi, chẳng chọn đi, mà cũng chẳng chọn Pháp. Tôi tốt nghiệp kĩ sư, mà nghĩ lại cho cùng thì mình chưa bao giờ mơ làm kĩ sư, hoạ may làm bác sĩ hay kiến trúc sư như bố mẹ tôi từng mong mỏi. Tôi cũng chưa bao giờ mơ đến quyền lực, nhưng rồi cuộc đời nghề nghiệp đã đưa tôi vào những vị trí quyền lực trên cả năm châu. Một chuyện lạ khác, tuy tôi là kĩ sư cầu đường, nhưng chưa bao giờ tôi thiết kế cây cầu hay xây dựng một con đường nào cho ai đi. Tôi đã làm tư vấn về kinh tế và đã dạy kinh tế trong trường đại học nhưng chưa bao giờ học kinh tế. Tôi đã làm chuyên gia quy hoạch vùng và chỉnh trang lãnh thổ, một môn hoàn toàn xa lạ. Tôi đã làm nghề buôn bán những nhà máy điện khổng lồ tuy chưa bao giờ học về điện lực. Tôi đã lãnh đạo doanh nghiệp đường sắt, mê-trô

Chú ý cách lí giải về mối quan hệ giữa lựa chọn và số phận.

và cao tốc trong khi trước đó tôi chưa có chút ý niệm gì về kĩ nghệ giao thông. Tôi đã chủ trì một tập đoàn làm nghề lọc nước và phân phối nước lọc cho các đô thị từ nước sông, trong khi tôi chưa bao giờ bước chân vào môn hoá. Chưa hết, tôi sinh ra làm người Việt nhưng suốt cuộc đời nghề nghiệp lại tại vị ở nước ngoài. Nắm vững tiếng Pháp thì cuộc đời lại đưa đẩy tôi sang làm việc ở xứ nói tiếng Anh, thậm chí tiếng Bồ Đào Nha.

Vào mỗi khúc quanh của cuộc đời mình, tôi đã tìm đường để rồi chẳng thấy. Suốt cuộc đời tôi đã mây mù, giống như người khiếm thị lại phải đi trong cảnh sương mù. Nhưng rồi mãi tới lúc cao tuổi, tôi mới hiểu được rằng chẳng bao giờ mình sẽ tới, vì cuộc đời, trên bản chất, phải là một hành trình dài vô tận. Đi đường nào rồi cũng có thể thành công, chọn lối nào rồi cũng có khả năng đạt hạnh phúc, vì hạnh phúc và thành công không tùy thuộc vào con đường chúng ta đi, mà vào tâm trạng tự tại của chúng ta, cũng như vào những giá trị mà chúng ta gieo ngay trên những nẻo đường đã đi qua.

Chú ý những đúc rút, suy ngẫm của người viết.

Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra chẳng có đường để tìm. Làm việc gì cũng được, đi đâu cũng đáng nếu mỗi chúng ta không quên mình là một thành phần của xã hội, đóng góp nhiều thì xã hội sẽ cho lại chúng ta nhiều. Và “nhiều” không có nghĩa là số lượng, mà là tình cảm đậm đà, giá trị bền vững. Hạnh phúc ở đâu, nay tôi đã biết. Những hạnh phúc nhỏ thì nằm trên mỗi bước đi, nhưng hạnh phúc bền vững là thứ hạnh phúc lấy gốc từ sự trải nghiệm, từ sự từ bi chấp nhận, từ tinh thần tích cực mà mình luôn luôn có.

Suốt cuộc đời tìm đường, tôi đã tìm thấy sức mạnh của mình trong những thử thách vô cùng gian nan. Tôi đã tìm thấy tình yêu khi trao trọn trái tim. Tôi đã tìm được quyền thế bằng cách sống mẫu mực, khiêm tốn. Tôi đã tìm thấy hạnh phúc khi tạo ra hạnh phúc cho mỗi người xung quanh. Tôi đã tìm được sự no ấm khi miệt mài tạo ra giá trị cho xã hội. Và may mắn thay, tôi đã tìm được chính mình bằng cách tặng trọn bản thân cho xã hội. Cứ cho đi thì mới thấy được thứ mình đi tìm.

Chú ý giọng điệu của người viết.

(Theo Phan Văn Trường, *Một đời như kẻ tìm đường*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 21 – 23)

Phan Văn Trường sinh năm 1946, quê ở tỉnh Hải Dương, từng là lãnh đạo cao cấp của nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới, là cố vấn thường trực của Chính phủ Pháp về thương mại quốc tế từ thập niên 1990, hai lần được Tổng thống Pháp phong tước Hiệp sĩ. Năm 2009, ông được Chủ tịch nước Việt Nam trao tặng huy chương *Vì sự nghiệp giáo dục*. Các cuốn sách đã xuất bản của ông gồm có: *Một đời thương thuyết* (2014), *Một đời quản trị* (2017), *Một đời như kẻ tìm đường* (2019).

Một đời như kẻ tìm đường được trích trong cuốn sách cùng tên của tác giả Phan Văn Trường. Cuốn sách là sự đúc kết những trải nghiệm phong phú của một người đã đi khắp thế giới, kinh qua rất nhiều vị trí nghề nghiệp, am hiểu cả văn hoá phương Đông và phương Tây và đặc biệt luôn có tinh thần tận hiến. Cuốn sách cũng là lời nhắn nhủ tha thiết và đầy tin yêu của ông dành cho thế hệ trẻ Việt Nam.



Trả lời câu hỏi

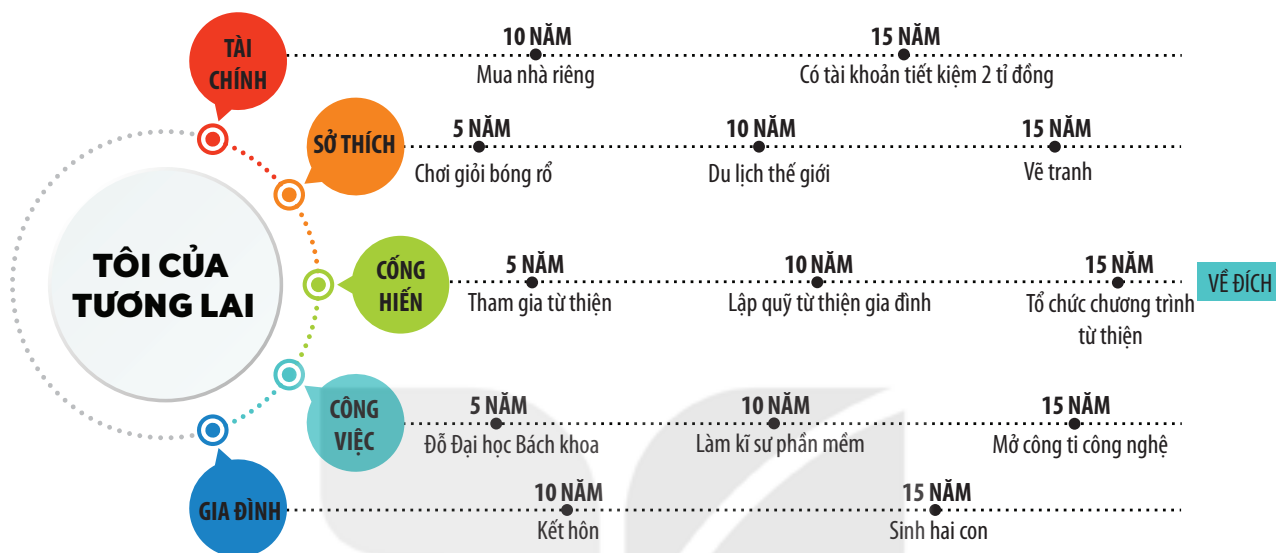
1. Theo bạn, mục đích của bài viết này là gì?
2. Xác định quan điểm chính của tác giả trong bài viết này. Quan điểm ấy đã được khai triển qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng như thế nào?
3. Chỉ ra các yếu tố tự sự, biểu cảm và phân tích tác dụng của chúng trong văn bản.
4. Nhan đề của bài viết là *Một đời như kẻ tìm đường*. Nhưng trong bài viết, tác giả lại nói: “Cả cuộc đời tìm đường dễ rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra chẳng có đường để tìm.” Liệu tác giả có tự mâu thuẫn với chính mình hay không? Phải chăng việc tìm đường là một việc không có nhiều ý nghĩa?
5. Hãy nêu một luận điểm trong bài viết trên mà bạn thấy tâm đắc hoặc còn băn khoăn. Lí do nào khiến bạn thấy luận điểm ấy thuyết phục mình hay làm bạn muốn đối thoại với tác giả?
6. Từ bài thơ *Con đường không chọn* và bài viết *Một đời như kẻ tìm đường*, bạn nghĩ gì về những lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống?

Kết nối đọc – viết

Theo bạn, thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên trong cuộc đời? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện quan điểm của bạn về vấn đề này.

Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (tiếp theo)

1. Quan sát sơ đồ sau và chỉ ra tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ:



2. Tưởng tượng về cuộc sống của bạn trong 30 – 40 năm tới và trực quan hoá những tưởng tượng đó bằng các phương tiện phi ngôn ngữ.

Gợi ý:

- Xác định các thông tin cần trình bày (mục đích của bạn trong cuộc đời, những thời điểm quan trọng và những điều bạn đạt được ở mỗi thời điểm, những lựa chọn và ngã rẽ,...).
- Xác định loại biểu đồ, sơ đồ phù hợp để biểu đạt thông tin.
- Sử dụng các hình ảnh, màu sắc, đường nét, số liệu,... để cụ thể hoá, trực quan hoá các thông tin.

3. Thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ dựa trên các thông tin trong đoạn trích sau:

Một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời; một tia sáng chứa thông tin về màu sắc của chất đã gửi nó đến mắt ta; một cái đồng hồ có thông tin về thời gian trong ngày; gió mang thông tin về một trận bão đang ập đến; virus cảm lạnh có thông tin về tính dễ tổn thương của cái mũi tôi; DNA trong tế bào chúng ta chứa tất cả thông tin về mã di truyền của chúng ta (về cái đã làm cho tôi giống với cha của mình); và não của tôi tràn ngập những thông tin được tích lũy từ trải nghiệm của tôi.

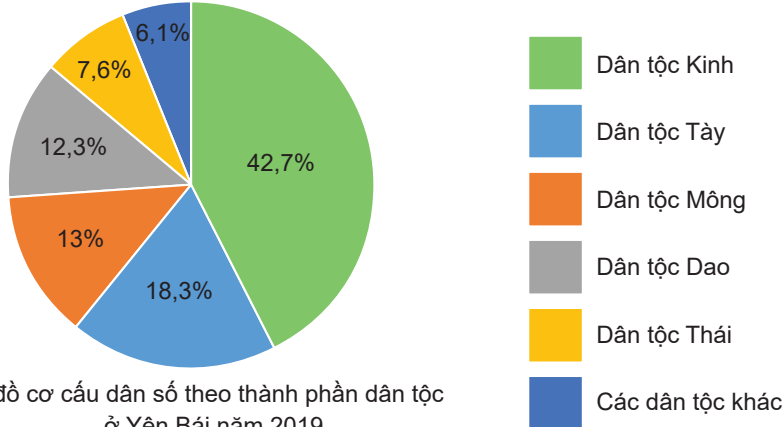
(Các-lô Rô-ve-li, Về chính chúng ta)

Gợi ý:

- Xác định mục đích giao tiếp.
- Lựa chọn các thông tin cần trực quan hoá thành biểu đồ, sơ đồ.
- Lựa chọn loại biểu đồ, sơ đồ phù hợp.

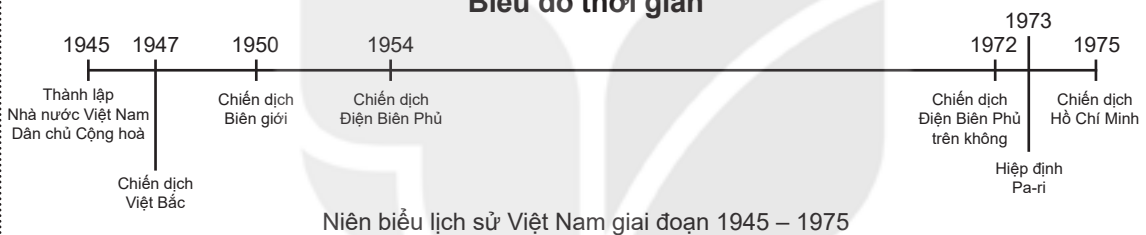
Một số loại biểu đồ, sơ đồ

Biểu đồ tròn



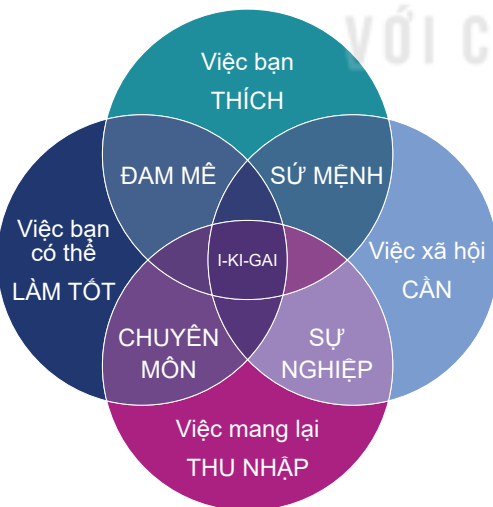
Biểu đồ cơ cấu dân số theo thành phần dân tộc ở Yên Bái năm 2019
(Theo Niên giám thống kê Yên Bái năm 2019)

Biểu đồ thời gian



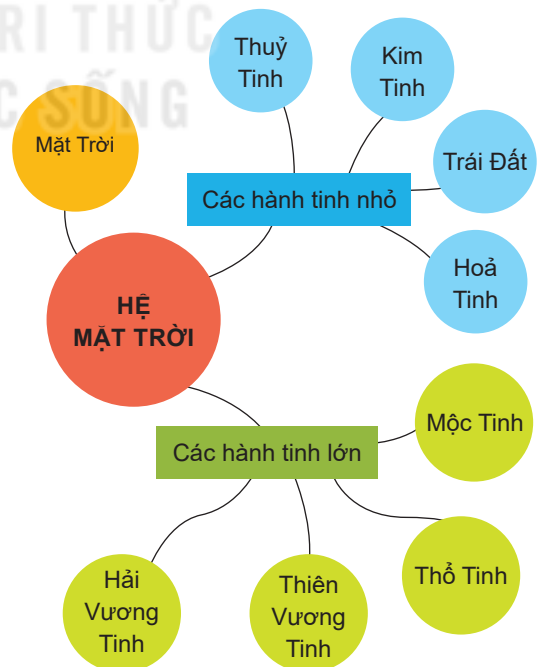
Niên biểu lịch sử Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975

Sơ đồ Venn



Sơ đồ I-ki-gai (Ikigai)

Sơ đồ cây



Sơ đồ Hệ Mặt Trời

Viết bài luận về bản thân

Trong cuộc sống, có những tình huống bạn phải viết một bài luận về bản thân để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện quan niệm của mình về cuộc sống. Một bài viết như vậy có thể chỉ để thỏa mãn nhu cầu nhìn lại chính mình và giải bày với người khác, nhưng cũng có thể được đưa vào hồ sơ để xin học bổng hay dự tuyển vào một trường đại học;... Ngoài ra, khi xin việc hay ứng cử vào một vị trí trong câu lạc bộ, bạn cũng cần viết văn bản để tự giới thiệu về mình và thuyết phục người đọc theo cách gần gũi với viết bài luận về bản thân.

Yêu cầu

- Xác định rõ luận đề của bài viết.
- Thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của bản thân.
- Sử dụng bằng chứng là những sự kiện, kinh nghiệm mà người viết đã thực sự trải qua.
- Có giọng điệu riêng nhưng phù hợp với đối tượng tiếp nhận, thể hiện cảm xúc chân thành của người viết; thuyết phục, truyền cảm hứng và gợi suy ngẫm cho người đọc.

Bài viết tham khảo

Hãy đam mê, hãy đại khờ

(Trích)

Sti-vơ Gióp (Steve Jobs)⁽¹⁾

Khi tôi mười bảy tuổi, tôi đọc một trích dẫn như thế này: “Nếu bạn sống mỗi ngày như thể đó là ngày cuối cùng của bạn, một ngày nào đó bạn sẽ đúng”. Câu nói đó gây ấn tượng với tôi, và từ đó, trong suốt 33 năm qua, mỗi sáng tôi đều soi gương và tự hỏi: “Nếu hôm nay là ngày cuối cùng của cuộc đời mình, liệu tôi có muốn làm điều mà hôm nay tôi sắp làm không?”. Và bất cứ khi nào câu trả lời là “Không” trong nhiều ngày liên tiếp, tôi biết là tôi cần thay đổi.

Mở đầu bằng một trích dẫn để thu hút sự chú ý của người đọc.

Thể hiện quan điểm riêng của người viết.

⁽¹⁾ Sti-vơ Gióp (1955 – 2011) là doanh nhân, nhà sáng chế người Mỹ – một trong những nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất trong lĩnh vực công nghệ máy tính.

Nhớ rằng tôi sẽ sớm chết là công cụ quan trọng nhất mà tôi từng biết để giúp tôi đưa ra những lựa chọn lớn trong cuộc đời. Bởi vì hầu hết mọi thứ – tất cả những kì vọng, tự hào, nỗi sợ hãi, xấu hổ hay thất bại – tất cả sẽ biến mất khi bạn đối diện với cái chết, chỉ còn lại những gì thực sự quan trọng. Nhớ rằng mình sẽ chết là cách tốt nhất để tránh rơi vào cạm bẫy của suy nghĩ rằng bạn sẽ mất cái gì đó. Khi chẳng còn gì trong tay, chẳng có lí do gì để không nghe theo sự mách bảo của trái tim.

Trình bày thông điệp chính của văn bản.

Khoảng một năm trước, tôi được chẩn đoán mắc bệnh ung thư. Tôi đã chụp cắt lớp vào 7 giờ 30 sáng, thấy rõ có một khối u trên tuyến tụy. Tôi thậm chí còn không biết tuyến tụy là gì. Bác sĩ nói với tôi đây một loại ung thư không thể chữa khỏi, và rằng tôi chỉ có thể sống thêm ba đến sáu tháng nữa. Ông khuyên tôi về nhà và thu xếp công việc của mình, theo ngôn ngữ của các bác sĩ thì có nghĩa là chuẩn bị cho cái chết. Điều đó có nghĩa là hãy cố gắng để nói với bọn trẻ, trong vòng một vài tháng, tất cả những gì mà bạn muốn nói với chúng trong vòng 10 năm. Điều đó có nghĩa là phải đảm bảo mọi thứ được chuẩn bị sẵn sàng sao cho gia đình bạn có thể dễ dàng chấp nhận. Điều đó có nghĩa là bạn sẽ nói lời tạm biệt.

Sử dụng yếu tố tự sự để nói về một trải nghiệm của bản thân.

Chẩn đoán đó ám ảnh tôi cả ngày. Cuối buổi tối hôm đó, tôi được làm sinh thiết. Họ đưa một ống nội soi xuống cổ họng, xuyên qua dạ dày và vào ruột tôi, đưa một cây kim vào tuyến tụy của tôi và lấy mẫu tế bào từ khối u. Tôi đã được dùng thuốc an thần, nhưng vợ tôi, người có mặt ở đó, thì nói rằng khi họ quan sát các tế bào dưới kính hiển vi, các bác sĩ đã bật khóc vì hoá ra đây là một dạng ung thư tuyến tụy có thể chữa khỏi bằng phẫu thuật. Tôi đã phẫu thuật, và may sao, hiện giờ tôi đang ổn.

Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết về trải nghiệm.

Đây là lần gần nhất tôi đối diện với cái chết, và tôi hi vọng lần kế tiếp sẽ là vài thập kỉ nữa. Sống qua những thời khắc đó, giờ đây tôi có thể nói điều này với bạn, một cách chắc chắn hơn là khi cái chết chỉ là một khái niệm thuần tuý lí thuyết.

Suy ngẫm, bàn luận về trải nghiệm.

Không ai muốn chết. Ngay cả những người mong được lên thiên đường cũng không muốn chết để lên trên đó. Thế nhưng cái chết lại là điểm đến của tất cả chúng ta. Không ai có thể thoát khỏi nó. Cái chết chính là phát minh vĩ đại nhất của Sự sống. Đó là một tác nhân thay đổi của Sự sống. Nó xoá bỏ cái cũ để dọn đường cho cái mới. Giờ đây, bạn chính là lớp trẻ, nhưng một ngày nào đó bạn sẽ già đi và rời bỏ cuộc sống. Xin lỗi vì điều này có thể làm cho bạn cảm thấy hoang mang, nhưng đó hoàn toàn là sự thật.

Thời gian của bạn là hữu hạn, vì vậy đừng lãng phí nó để sống cuộc đời của người khác. Đừng bị mắc kẹt bởi giáo điều, đừng dựa dẫm vào suy nghĩ của kẻ khác. Đừng để tiếng ồn ào của kẻ khác lấn át đi tiếng nói bên trong của chính bạn. Và quan trọng nhất, hãy can đảm đi theo sự mách bảo của trái tim và trực giác. Bằng cách nào đó, chúng biết bạn thật sự muốn trở thành cái gì. Mọi thứ khác chỉ là thứ yếu.

Thể hiện quan điểm về cuộc sống và kêu gọi hành động.

Khi tôi còn trẻ, có một ấn phẩm tuyệt vời có tên là *Cẩm nang về Trái Đất* của tác giả Stiu-uốt Bren-đơ (Steward Brend)⁽¹⁾. Đó là một trong những cuốn sách gối đầu giường của thế hệ chúng tôi, ra đời vào thập niên 60, trước khi có máy tính. Ở bìa sau của cuốn sách có một bức ảnh chụp con đường trong ánh bình minh, bên dưới là dòng chữ: “Hãy đam mê. Hãy đại khờ”. Tôi luôn chúc điều đó cho chính mình. Và giờ đây, khi các bạn sắp bắt đầu một hành trình mới, tôi cũng chúc điều đó cho các bạn.

Hãy đam mê, hãy đại khờ.

(Ngọc Minh dịch,
Diễn văn của Sti-vơ Gióp trong lễ tốt nghiệp của Đại học Sten-phơ (Stanford),
<http://news.stanford.edu>)

1. Thông điệp của bài viết là gì?
2. Những yếu tố nào tạo nên sức thuyết phục của bài viết?
3. Những lời kể về các trải nghiệm cá nhân của tác giả đóng vai trò gì trong bài viết?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Để viết bài luận chia sẻ trải nghiệm qua đó thể hiện bản thân, bạn cần:

+ Huy động trải nghiệm: Bạn có thể bắt đầu bằng cách đặt những câu hỏi như: Trải nghiệm nào trong cuộc sống là đáng nhớ và có ý nghĩa đối với tôi? Trải nghiệm đó giúp tôi nhận ra điều gì về bản thân và cuộc sống? Tôi đã thay đổi như thế nào sau trải nghiệm đó? (Có thể bài luận không kể lại cụ thể những trải nghiệm nhưng những câu hỏi này sẽ gợi ý cho bạn cách lựa chọn giọng điệu và hướng triển khai thích hợp.)

+ Suy nghĩ về bản thân: Quan niệm sống của bạn là gì, đâu là giá trị mà bạn muốn theo đuổi, thế mạnh và điểm yếu của bạn là gì? Hãy tóm tắt những thông tin đó dưới dạng các từ khoá.

⁽¹⁾ Stiu-uốt Bren-đơ: nhà văn người Mỹ, sinh năm 1938.

+ Từ những ý tưởng đã phác thảo, hãy chọn một ý tưởng mà bạn tâm đắc và hứng thú nhất làm chủ đề cho bài viết của mình. Chủ đề bài viết thường được cô đọng thành một thông điệp ngắn, thể hiện rõ quan điểm, góc nhìn, phát hiện của riêng người viết về bản thân và cuộc sống, ví dụ: *Lựa chọn để trở thành chính mình* (Dương Thụy), *Triết lí của tôi về một cuộc sống hạnh phúc* (Sam Bơn – Sam Bern),...

– Khi bạn muốn viết một văn bản tự giới thiệu mình để xin việc làm hoặc ứng cử vào một vị trí trong câu lạc bộ,... thì việc tìm ý có thể theo hướng khác. Cụ thể, bạn cần:

+ Xác định người đọc duyệt hồ sơ (trong đó có bài luận) là ai và nguyện vọng của bạn là gì khi viết bài luận này.

+ Suy nghĩ về những phẩm chất, năng lực mà bạn có để xứng đáng được người đọc duyệt đáp ứng nguyện vọng của bạn. Lưu ý, cần tập trung vào những phẩm chất, năng lực quan yếu đối với công việc, vị trí mà bạn đang muốn nhắm đến. Bạn có thể nêu một số điểm yếu mà bạn cần khắc phục và có thể khắc phục.

+ Có thể có những cam kết mà bạn muốn gửi đến người đọc duyệt hồ sơ nếu nguyện vọng của bạn được đáp ứng.

Tìm ý, lập dàn ý

Từ những gợi ý ở phần Chuẩn bị viết, hãy xác định những ý cơ bản sẽ sử dụng. Mặc dù bài luận về bản thân có một kết cấu uyển chuyển và linh hoạt, song bạn vẫn cần sắp xếp các nội dung theo một trật tự nhất định để giúp người đọc dễ dàng nắm bắt những ý tưởng, thông điệp chính. Một bài luận về bản thân thường có 3 phần với cấu trúc phổ biến như sau:

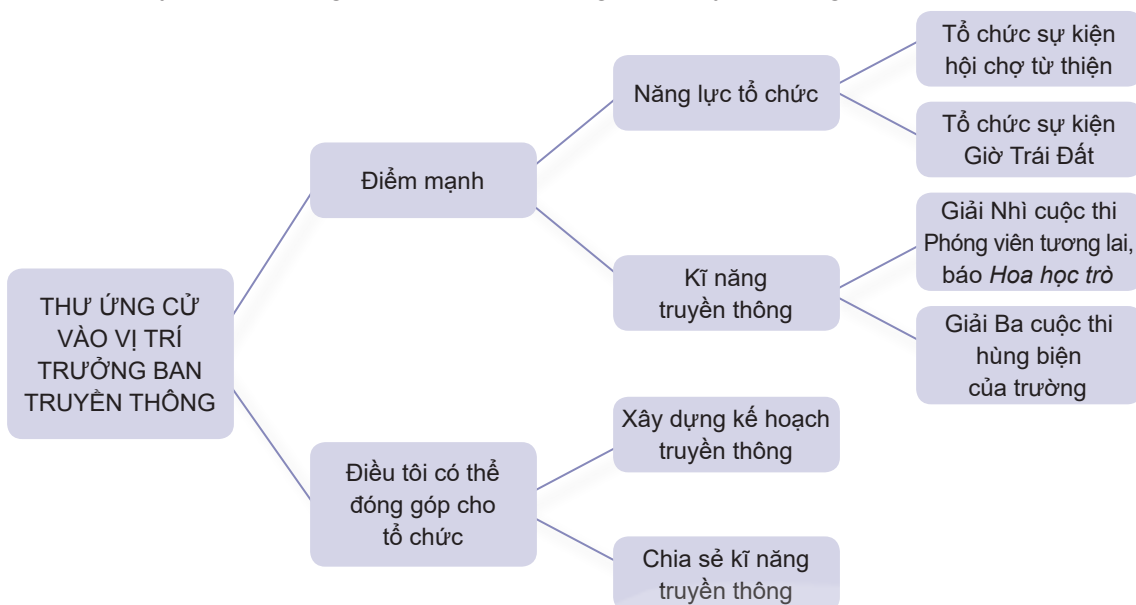
Mở bài: Trình bày trực tiếp mục đích của bài luận hoặc nêu thông điệp chính của bản thân.

Thân bài: Tùy vào mục đích của bài luận về bản thân, bạn có thể triển khai phần thân bài theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ:

– Thể hiện suy nghĩ, đúc rút về cuộc sống từ những sự kiện có thực mà mình đã trải qua: Bạn có thể sắp xếp các sự kiện theo trật tự thời gian hoặc theo mạch suy ngẫm. Ví dụ, trong đoạn trích *Hãy đam mê, hãy đại khờ*, Sti-vơ Gióp đã sắp xếp các sự kiện theo trật tự thời gian. Trong *Một đời như kẻ tìm đường*, tác giả Phan Văn Trường đã chọn lọc, tổ chức các sự kiện xoay quanh mạch suy ngẫm về hành trình lựa chọn của mình trong cuộc sống.

– Làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu cần nói đến nhất của bản thân dựa trên những bằng chứng xác thực, đáng tin cậy. Bạn có thể sắp xếp các ý theo trình tự logic và trình bày dàn ý dưới dạng một sơ đồ.

Ví dụ: Dàn ý cho thư ứng cử vào vị trí trưởng ban truyền thông



– **Kết bài:** Nhắc lại những điểm chính trong bài viết, nêu lên suy ngẫm, bài học từ những trải nghiệm của bản thân, kêu gọi hành động, gợi mở suy nghĩ cho người đọc.

Viết

– Lựa chọn văn phong: Một bài luận về bản thân cần phải thể hiện rõ nét cá tính của người viết và gây ấn tượng với người đọc. Vì thế, hãy hình dung bạn đang đối thoại với độc giả, suy nghĩ về cảm xúc bạn muốn truyền tải để lựa chọn văn phong cho phù hợp (bay bổng hay giản dị, nghiêm trang hay hài hước, chú trọng tính logic hay ưu tiên cho tình cảm,...). Ví dụ: Trong đoạn trích *Hãy đam mê, hãy đại khờ*, Sti-vơ Gióp đã sử dụng văn phong dí dỏm, hài hước, trong khi đó ở bài viết *Một đời như kẻ tìm đường*, Phan Văn Trường lại lựa chọn giọng điệu tâm tình, thân mật. Bài luận của bạn cần có giọng điệu phù hợp với mục đích viết nhưng vẫn phải chứng tỏ được phong cách và cá tính riêng của bạn.

– Sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm để tác động mạnh mẽ đến tưởng tượng, cảm xúc của người đọc.

– Có thể sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ,... để gia tăng sức hấp dẫn của bài viết.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo các tiêu chí sau:

- Bài viết thể hiện rõ quan điểm, phát hiện riêng của bạn về cuộc sống.
- Qua bài viết, người đọc có thể hình dung ra cụ thể câu chuyện của bạn, những quan điểm, giá trị riêng của bạn.
- Bài viết đã được tổ chức một cách chặt chẽ, mạch lạc.
- Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ và đặt câu.

Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ

Yêu cầu

- Xác định rõ vấn đề xã hội cần thuyết trình.
- Nêu được lí do lựa chọn vấn đề xã hội để thuyết trình (từ phía cá nhân người nói và nhu cầu thực sự của người nghe).
- Làm sáng tỏ các phương diện (khía cạnh) chủ yếu của vấn đề xã hội được thuyết trình với lí lẽ và bằng chứng đầy đủ, thể hiện được quan điểm riêng của người nói.
- Chọn được ngôn ngữ và giọng điệu thích hợp (sinh động, giàu sắc thái biểu cảm, có điểm nhấn,...), kết hợp hài hoà với việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, hình ảnh minh hoạ,...).

Chuẩn bị nói và nghe

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

– Với đề tài đã được lớp hoặc nhóm học tập xác định trước thì người nói chỉ cần tìm tư liệu phù hợp để tổ chức bài nói của mình. Cái riêng của bài nói cũng như cách thực hiện bài nói lúc đó thể hiện ở những phát hiện và kiến giải mang tính cá nhân về vấn đề, cùng với khả năng diễn đạt và thu hút sự chú ý của người nghe.

– Với đề tài được tuỳ ý lựa chọn, người nói có thể tham khảo các đề tài xã hội đã được đề cập trong phần Đọc của bài học này. Ngoài ra, người nói nên chú ý đến đặc điểm nhận thức, tâm lí, thị hiếu,... của người nghe để từ đó lựa chọn những đề tài xã hội gần gũi hoặc đang được quan tâm, gợi cảm hứng (đối với người nghe).

Gợi ý: người nói có thể sử dụng hình thức khảo sát người nghe trước khi lựa chọn đề tài để có thêm căn cứ cho việc lựa chọn của mình.

Tìm ý và sắp xếp ý

– Nên dựa vào việc giải đáp cụ thể đối với các câu hỏi sau để tìm ý, xây dựng luận điểm: Vấn đề xã hội sẽ được trình bày ở đây là gì? Vì sao tôi muốn nói về vấn đề này? Vấn đề xã hội được trình bày ở đây có những khía cạnh nào cần đặc biệt lưu ý? Có điều gì cần điều chỉnh trong nhận thức của chúng ta về vấn đề xã hội đang được nói tới? Chúng ta nên có thái độ và hành động như thế nào trước vấn đề xã hội đó?...

– Bài thuyết trình cần trình bày được vấn đề xã hội đã lựa chọn, đồng thời nêu lên quan điểm của người thuyết trình; quan điểm sẽ được cụ thể hoá bằng các luận điểm.

Hai nội dung cơ bản trên có thể được trình bày lần lượt hoặc xen kẽ nhau tùy theo lựa chọn của người thuyết trình.

Xác định từ ngữ then chốt

Với dạng bài nghị luận thuyết trình về một vấn đề xã hội, các từ ngữ then chốt một mặt có tính khách quan (liên quan đến việc trình bày các thông tin về vấn đề xã hội), một mặt có tính chủ quan (liên quan đến việc thể hiện và bảo vệ quan điểm của người thuyết trình về vấn đề xã hội). Các từ ngữ có tính khách quan: theo... thì..., căn cứ vào..., theo tường thuật của...; các từ ngữ có tính chủ quan: tôi cho rằng, tôi khám phá ra rằng, điều tôi thấy đáng chú ý là, từ góc nhìn của tôi, theo quan điểm của tôi,...

Phương tiện hỗ trợ

Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ như PowerPoint (nếu có) kết hợp tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, video,... Với bài thiên về khái quát, cần có những sơ đồ, bảng biểu tổng hợp; với bài thiên về cung cấp dẫn chứng cụ thể, xác thực thì việc sử dụng các hình ảnh trực quan, video,... nên được ưu tiên lựa chọn.

Chuẩn bị nghe

Tìm hiểu trước về đề tài thuyết trình. Nếu đó là đề tài được lớp hoặc nhóm học tập xác định sẵn, bạn cần tìm kiếm các tư liệu bàn về vấn đề xã hội đó, đồng thời phác thảo sơ lược những kiến giải của mình để trao đổi với người nói. Nếu người nói có sử dụng hình thức khảo sát trước buổi thuyết trình, bạn nên hưởng ứng việc khảo sát đó một cách nghiêm túc, cẩn thận, góp phần giúp người nói lựa chọn đúng vấn đề xã hội mà mọi người cùng quan tâm hoặc muốn tìm hiểu.

Thực hành nói và nghe

| Người nói | Người nghe |
|---|--|
| <p>Trình bày bài nói theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none">– Mở đầu: Nêu vấn đề xã hội và lí do lựa chọn.– Triển khai: Trình bày các luận điểm trong bài thuyết trình theo trình tự đã chuẩn bị, kết hợp hài hoà với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có) và các phương tiện hỗ trợ khác.– Kết luận: Khái quát lại những luận điểm chính, gợi ra hướng suy nghĩ tiếp về vấn đề; bày tỏ mong muốn nhận được sự trao đổi từ người nghe. <p>Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none">– Người nói cần chú ý đến sự kết hợp giữa các phương tiện phi ngôn ngữ đã chuẩn bị với các phần nội dung cụ thể của bài nói (nhất là các phần cần nhấn mạnh hay thể hiện quan điểm riêng).– Sử dụng ngữ điệu (lên giọng, ngừng, nghỉ,...) và ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...) một cách linh hoạt để gia tăng sức biểu đạt của bài nói, tạo ra sự tương tác tốt nhất với người nghe. | <ul style="list-style-type: none">– Theo dõi phần trình bày mà người nói thể hiện bằng ngôn ngữ và bằng các phương tiện phi ngôn ngữ.– Nghe trên tinh thần cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận quan điểm của người nói và chuẩn bị thể hiện quan điểm của mình ở hoạt động Trao đổi. |

Trao đổi

- Người nghe phát huy vai trò chủ động bằng cách nêu vấn đề để trao đổi, tranh luận,...
- Người nói cần tự tin thể hiện quan điểm của mình, có thái độ tiếp nhận và phản hồi thích hợp trước những nhận xét, trao đổi của người nghe để phát triển và hoàn chỉnh ý tưởng, quan điểm của mình.
- Việc tự đánh giá và đánh giá về bài thuyết trình cần được thực hiện dựa theo các gợi ý trong bảng sau:

| STT | Nội dung đánh giá | Kết quả | |
|-----|---|---------|----------|
| | | Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Chọn được vấn đề xã hội có ý nghĩa, đang được quan tâm rộng rãi, khơi gợi được hứng thú của người nghe. | | |
| 2 | Có đủ ba phần: <i>Mở đầu</i> , <i>Triển khai</i> , <i>Kết luận</i> . | | |
| 3 | Thông tin về vấn đề xã hội và quan điểm về vấn đề đó được trình bày rõ ràng, sinh động. | | |
| 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng một cách hiệu quả: kết hợp hài hoà với phương tiện ngôn ngữ, phù hợp với tính chất của bài trình bày. | | |
| 5 | Có phong thái tự tin, có sự tương tác khi trình bày. | | |
| 6 | Có tinh thần cầu thị, cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận và đối thoại với các quan điểm khác nhau về vấn đề được trình bày. | | |

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Các văn bản *Về chính chúng ta*, *Con đường không chọn*, *Một đời như kẻ tìm đường* gợi cho bạn suy nghĩ gì về cuộc sống?
2. So sánh đặc trưng của bài luận về bản thân và văn bản nghị luận thông thường dựa theo gợi ý sau:

| Tác phẩm | Bài luận về bản thân | Văn bản nghị luận thông thường |
|----------|----------------------|--------------------------------|
| Nội dung | | |
| Cấu trúc | | |
| Ngôn ngữ | | |

3. Tìm đọc thêm các văn bản về những nhân vật, sự kiện có ảnh hưởng lớn trong cuộc sống đương đại. Tổng hợp lại những thông tin đó dưới dạng biểu đồ, sơ đồ.
4. Thuyết trình về một vấn đề xã hội trong các văn bản đã đọc mà bạn thấy hứng thú, trong đó có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ.

5. Viết bài văn về một sự lựa chọn có ý nghĩa mà bạn đã trải qua.
6. Phỏng vấn một người thân hoặc một người bạn về lựa chọn của họ trong cuộc sống (Tình huống họ phải lựa chọn là gì? Họ đã lựa chọn như thế nào? Vì sao họ lại có lựa chọn đó? Lựa chọn đó ảnh hưởng như thế nào đến cuộc đời của họ?...). Ghi chép lại nội dung cuộc phỏng vấn đó.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Hình dung về hoàn cảnh ra đời của văn bản (tình hình đất nước, cuộc sống và sự lựa chọn của tác giả, điều kiện viết – sáng tác,...).
- Tìm hiểu quan điểm nhìn nhận đời sống, cảm xúc, tâm trạng của người viết.
- Phân tích giọng điệu trần thuật và mạch liên kết các sự kiện, cảm xúc, liên tưởng,... trong văn bản.
- Nhận ra thông điệp từ văn bản và nêu được tác động của nó đối với những lựa chọn của bản thân.

Mãi mãi tuổi hai mươi^(*)

(Trích)

Nguyễn Văn Thạc

2/10/1971

Nhiều lúc mình cũng không ngờ nổi rằng mình đã đến đây. Không ngờ rằng trên mũ là một ngôi sao. Trên cổ áo là quân hàm đỏ. Cuộc đời bộ đội đến với mình tự nhiên quá, bình thản quá và cũng đột ngột quá.

Thế là thế nào? Cách đây ít lâu, mình còn là sinh viên. Bây giờ thì xa vời lắm rồi những ngày cấp sách lên giảng đường, nghe thầy Đường, thầy Đạo,... Không biết bao giờ mình sẽ trở lại những ngày như thế. Hay chẳng còn bao giờ nữa! Có thể lắm. Mình đã lớn rồi. Học bao lâu mà đã làm được gì đâu, đã sống được gì đâu? Chỉ còn côi vì trang sách, gãy xác đi vì mộng mị hão huyền.

^(*) Cuốn sách được tổ chức từ những trang nhật kí của liệt sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam Nguyễn Văn Thạc (1952 – 1972), do Nhà xuất bản Thanh niên ấn hành năm 2005. Cùng *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*, *Mãi mãi tuổi hai mươi* được xếp vào một trong 10 sự kiện văn hoá tiêu biểu năm 2005, được tái bản nhiều lần với số lượng phát hành kỉ lục.

Hai mươi tám ngày trong quân ngũ mình hiểu được nhiều điều có ích. Sống được nhiều ngày có ý nghĩa. Đọc đường hành quân, có dịp xem lại lòng mình, soát lại lòng mình.

Mình bắt đầu sống có trách nhiệm từ đâu, từ lúc nào? Có lẽ từ 9/3/1971, tháng Ba của hoa nhãn ban trưa, của hoa sấu và hoa bằng lăng nước.

Những người bạn thân yêu của mình đã lần lượt đi học xa hết cả rồi. Mỗi người một phương. Các bạn đã đi lên phương Bắc. Còn mình, sẽ đi về phương Nam...

Đêm Hà Bắc thật thanh bình. Thèm quá, nghe một tiếng thì thảo của cánh gió trên đồi bạch đàn... Mình đã sống trên hai mươi ngày bên hồ cá Yên Duyên, Yên Sở. Ở đó có những đường cây đẹp tuyệt. Mình đã chụp tấm ảnh bộ đội đầu tiên dưới một gốc dừa, sau lưng là hồ cá. Hoàng hôn thông thả thay màu nước. Và ngôi sao Hôm trầm tư, kiêu hãnh đã mọc trên trời. Cuộc đời bộ đội đâu dễ dàng như thế. Mình đã khóc, nước mắt giàn giụa, khi các bạn tiễn mình đi, khi buổi lễ kết thúc, khi bài *Quốc ca* rung bầu không khí trong lành trên Trường Tổng hợp⁽¹⁾. Bản nhạc này đây, bao lần mình đã nghe, đã cúi đầu suy nghĩ. Nhưng hôm nay mới thực hiểu, thực cảm một điều giản dị: Bài *Quốc ca* của ta, của ta!

Khóc, không phải vì hèn yếu, không phải vì buồn bã, mà vì xúc động. Vì buổi chia tay này thiêng liêng quá. Những người bạn thân yêu nhất của mình không thể tiễn mình đi được. Và bàn tay ấy, và đôi mắt ấy, giọng nói ấy,... Lên xe rồi, xe nổ máy. Xe Việt Nam sản xuất, tiếng động cơ như tiếng tim mình vậy. Nghẹn thắt vì một cảm giác khó tả, mình ngược nhìn lần cuối cùng cánh cửa sổ, nơi ngày mình bỏ ra, nhìn xuống lòng đường. Khoảng trời nhỏ của riêng mình đó. Một hôm nào, những hôm nào mình mong chờ nhìn thấy bạn của mình đạp xe qua, để mình gọi... Bây giờ, là chia tay, xe lăn bánh, êm ru, xe đi êm, mà bọn mình xô vào nhau, chen nhau thò tay ra cửa. Ngoài kia, những khuôn mặt gần gũi, tuy có người chẳng bao giờ mình trò chuyện, chẳng bao giờ mình nghĩ rằng có họ sống trên đời... ở đâu, khuôn mặt thân yêu ấy? Bạn đi, mình không gặp được.

Đêm 26/7 chỉ là những gương mặt xa lạ, đầy vẻ háo hức và tự mãn. Rối loạn, và thoảng một thứ mùi khó chịu. Mình không dám đứng lâu và đành chịu một nỗi ân hận giày vò... Mình đi, khi bạn đang bước vào năm học mới. Bước lên giảng đường, bạn có nhớ tới mình không?... Đừng, hãy để tâm hồn trọn vẹn thanh thản, mà đón một mùa xuân của lòng mình. Trang đầu của cuộc đời sinh viên, đừng để rơi một giọt mực, đừng để loang lổ một vết ố vàng...

Xe ơi, lao nhanh hơn, cho ta chóng tới gia đình lớn. Nơi ta gửi gắm cả thời thanh xuân của mình...

Hơn cả khi trên tay phấp phồng tờ quyết định. Vui sướng, tự hào, cảm động làm sao khi trên người ta là bộ quân phục xanh màu lá. Anh sinh viên quen màu trắng áo của

⁽¹⁾ *Trường Tổng hợp*: Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.

cánh cò, quen màu xanh da trời tháng nắng... Mình trút bỏ không thương tiếc, và triu mến khoác lên mình màu xanh ấy. Màu xanh của núi đồi và thảo nguyên, của ước mơ và hi vọng. Màu xanh bất diệt của sự sống.

Trên mũ là ngôi sao. Ta lặng ngắm ngôi sao, như hồi nào ta chỉ cho bạn: Kia là sao Hôm yêu dấu... Nhưng khác hơn một chút. Bây giờ, ta đọc trong ngôi sao ấy, ánh lửa cầu vồng của trận công đồn, màu đỏ của lửa, của máu...

Ta thấy trong màu kì diệu ấy, có cả hồng cầu của trái tim ta....

Ai ra đi cũng với lòng say lí tưởng, và nhẹ nhàng bên trong là chút ước mơ. Buổi gác đầu tiên là đêm trăng sáng, là bài thơ, là một trang nhật kí,... Sung sướng và hãnh diện biết bao, oi xóm làng yêu quý, ngủ yên, ngủ yên, có anh bộ đội thức canh trời. Những mái nhà nghiêng như mí mắt thân thương, nhắm ngủ ngon lành... Ta bước nhẹ, lâng lâng một mùi hương quen thuộc. Buổi đã cuối mùa, ổi đã cuối mùa,... Cây lá đang dồn nhựa để trở ra một mùa quả chín...

[...] Hành quân từ 5 giờ chiều đến 9 giờ đêm, đẹp lắm. Trăng đầu tháng còn đỏ quạch, cứ gọi cho ta nhớ một cánh buồm. Đấy, cánh buồm đỏ thắm, đựng đầy gió, gió cuốn những ngôi sao đêm, ủa vào lòng thuyền và đẩy thuyền trôi trong tâm tưởng... Ngủ bên bờ một dòng sông, có những đường đừa thật đẹp.

Trời trong quá, dây điện chẳng như những dòng kẻ của một trang vở học trò. Đừng bấm đèn trên họ, cứ để họ nói chuyện với nhau. Anh con trai sắp xa người bạn của mình. Cô ta lại về trường học tiếp. Chỉ còn vài tiếng nữa thôi là còi tàu, là chuyển bánh. Anh dặn gì cô ấy, có lẽ chẳng dặn gì đâu, và chỉ mỉm cười... Cậu nào đã cất tiếng hò:

*Tiếng ai như tiếng chuông vàng
Tiếng ai như tiếng cô nàng của anh...*

Còn tiếng này thì đúng là giọng anh Châu rồi, anh “Mộng Châu”:

*Anh yêu em lắm em ơi,
Nhưng anh chẳng dám ngỏ lời với em...*

Lính khoái, cười khúc khích... Những vì sao dưới sông cũng va vào nhau... Những cành đừa cũng nắm tay nhau tinh nghịch bay qua bầu trời thanh bình. Tiếng động cơ như xay lúa.

Đêm đẹp vô cùng, ta lắng nghe đất thở. Anh bạn nằm bên rọi đèn pin tìm gì, có phải anh tìm con đế đang cần củ dạo bản nhạc đêm của Mi-khai-in Pri-sơ-vin (Mikhail Prishvin)⁽¹⁾? Không cưỡng nổi, ta lấy giấy và viết thư cho Như Anh...

(Nguyễn Văn Thạc, *Mãi mãi tuổi hai mươi*, NXB Thanh niên, 2005, tr. 30 – 36)

⁽¹⁾ Mi-khai-in Pri-sơ-vin (1873 – 1954) là nhà văn Nga nổi tiếng với những tác phẩm tràn đầy tình yêu thiên nhiên, đất nước, được viết bằng bút pháp đặc biệt thơ mộng, trữ tình: *Bốn mùa*, *Lịch thiên nhiên* (1935), *Giọt rừng* (1940),...

ÔN TẬP HỌC KÌ II

Yêu cầu cần đạt

- Hệ thống hoá kiến thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai.
- Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp.

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1. Loại văn bản và thể loại văn bản nào đã được học trong học kì II? Nêu nhan đề những văn bản cụ thể thuộc về các loại, thể loại đó.
2. Bài 6 (*Nguyễn Trãi – “Dành còn để trợ dân này”*) có những điểm gì đặc biệt so với các bài học khác?
3. Qua những văn bản được đọc và phân tích ở Bài 7, những kiến thức nào về thể loại truyện được chú ý bổ sung, nhấn mạnh (so với những bài học về truyện trước đó)?
4. Hãy thống kê các nội dung thực hành tiếng Việt trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai. Những hiểu biết về phương tiện phi ngôn ngữ đã giúp bạn những gì trong việc đọc các văn bản thông tin và viết bản nội quy hay bản hướng dẫn nơi công cộng?
5. Sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai gồm những kiểu bài viết nào? Hãy nhắc lại tên kiểu bài viết và yêu cầu chung của từng kiểu bài.
6. Những nội dung nói và nghe nào đã được thực hiện với các bài học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai? Nội dung nói và nghe nào khiến bạn hứng thú nhất? Vì sao?

II. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. ĐỌC

Đọc hai văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

VĂN BẢN 1

Vật liệu thông minh

(Trích)

An-na Plô-xgiai-xki (Anna Ploszajski)

Hãy tưởng tượng cuộc sống sẽ thế nào nếu các vật dụng của bạn có thể cảm nhận, phản ứng, di chuyển, thích nghi, biến đổi và hoàn toàn tự sửa chữa. Trong tương lai, điều này sẽ trở thành hiện thực; các vật thể rắn sẽ tự hoạt động mà không cần sự tương tác của con người, không phải nhờ rô-bốt hay điện tử, mà nhờ việc được chế tạo từ “vật liệu thông minh”. Đây là những chất rắn có tính chất – như màu sắc, hình dạng hoặc từ tính – có thể thay đổi một cách độc lập để thích ứng với các kích thích như ánh sáng, nhiệt độ, áp lực hoặc độ ẩm. Phạm vi của chủ đề này rất rộng. Trong cuộc sống của mình, chúng ta sẽ thấy các vật liệu thông minh ở khắp mọi nơi: trên các mái nhà thay đổi màu sắc để điều chỉnh nhiệt độ của các toà nhà, trong các thiết bị đeo tay, trong cấu tạo của những rô-bốt giống người, hay thậm chí là những lon bắp rang tự biết mở.

[...] Ngày nay có hàng triệu các nghiên cứu được cấp bằng sáng chế sử dụng những vật liệu này. Nhìn chung, chức năng của chúng chia làm sáu loại – thay đổi màu sắc, cảm nhận, di chuyển, sưởi ấm/làm mát, tự khắc phục và thay đổi trạng thái (đóng băng và tan chảy). Và vật liệu thông minh không bị giới hạn trong địa hạt khoa học viễn tưởng hay phòng thí nghiệm – hầu hết mọi người đã quen thuộc với một vài thứ như kính râm đổi màu, tự động tối lại khi gặp ánh sáng mặt trời, hoặc cốc tri nhiệt biến sắc, tự động thay đổi màu sắc khi đổ cà phê nóng vào bên trong.

[...] Đây là tương lai của thế giới vật chất – và đó sẽ là một nơi thú vị.

(Nhiều tác giả, *Thế giới sẽ ra sao*, NXB Dân trí – Công ty cổ phần Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2020, tr. 211 – 213)

80 năm nhìn lại...

(Trích)

Nguyễn Khắc Viện

[...] Lớn lên trong gia đình nhà Nho, tôi nhận thức được rằng mình được học hành đầy đủ là mang một món nợ đối với nước, với dân, với anh em mang súng gươm lăn lộn trên chiến trường. Vũ khí của tôi là lời nói, là cây bút. Với bà con Việt kiều yêu nước, ai thắc mắc hiểu lầm thì phải đứng lên thuyết phục, ở đâu xuyên tạc chính nghĩa của dân tộc ta thì đấu khẩu, đấu bút trên báo chí, trong hội nghị, trên đài phát thanh.

Ở Pa-ri, Thụy Điển, Rô-ma (Roma), Thái Lan,... may mắn được biết bao bạn bè vừa chân tình, vừa thông thái hết lòng giúp đỡ, đăng lên báo, in thành sách, chuyển từ tiếng Pháp sang tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ả Rập,... Không thể quên người bạn đời của tôi từng chia sẻ ngọt bùi đắng cay để cùng gánh vác sự nghiệp. Có lần khai lí lịch tên bạn bè ở nước ngoài, tôi quả lúng túng. Cả kiều bào lẫn người nước ngoài đến mấy trăm người ghi sao hết được! Bao nhiêu người chấp cánh cho tôi xông vào nhiều trận địa khác nhau: chính trị, quân sự, kinh tế, lịch sử, văn hoá, xã hội,... tả xung hữu đột hơn ba mươi năm trời như anh chàng Đông Ki-sốt (Don Quijote) thuở nào, tạo điều kiện cho tôi hoàn thành nghĩa vụ người công dân. [...]

(Nguyễn Khắc Viện, *Tự truyện*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 193 – 194)

1. Hai văn bản trên nhắc bạn nhớ tới những văn bản nào đã được đọc, tham khảo hay thực hành viết trong học kì II? Dựa vào đâu mà bạn có liên hệ như vậy?
2. Yếu tố tự sự, biểu cảm thể hiện đậm nét trong văn bản nào? Hãy phân tích lí do xuất hiện và ý nghĩa của yếu tố tự sự, biểu cảm ở văn bản đó.
3. Trong văn bản 1, những câu nào có sử dụng biện pháp chêm xen?
4. Trong văn bản *Vật liệu thông minh* có câu: “Phạm vi của chủ đề này rất rộng”. Dựa vào hiểu biết của mình, bạn có thể nói thêm điều gì về chủ đề đã được tác giả gọi lên?
5. Cả hai văn bản, theo những cách khác nhau, đều chứa đựng những gợi ý bổ ích về bước đường tương lai của chính chúng ta. Bạn có đồng tình với ý kiến này không? Vì sao?

2. VIẾT

Chọn một trong các đề sau:

Đề 1.

Viết một bài văn nghị luận thể hiện những điều bạn cảm nhận được qua tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của danh nhân Nguyễn Trãi.

Đề 2.

Tình thế lựa chọn khó khăn nhưng đầy ý nghĩa mà bạn đã trải qua trong hành trình rèn luyện – trưởng thành của mình.

Hãy viết về chủ đề trên.

Đề 3.

Trong số những tác phẩm văn học mà bạn đã tìm đọc được theo gợi ý ở các bài học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai, tác phẩm nào đã để lại cho bạn nhiều ấn tượng và suy nghĩ nhất? Hãy viết một bài văn nghị luận bàn về tác phẩm đó theo các vấn đề nội dung và nghệ thuật tự chọn.

Đề 4.

Theo quan sát và trải nghiệm của bạn, ở không gian sinh hoạt cộng đồng nào còn thiếu những quy định, hướng dẫn về hành vi ứng xử cần có cho mọi người? Trong vai người được một cơ quan, tổ chức có thẩm quyền uỷ nhiệm, bạn hãy hoàn thành một bản nội quy hay hướng dẫn nơi công cộng góp phần xây dựng môi trường sống lành mạnh, có văn hoá.

3. NÓI VÀ NGHE

Chọn thực hiện theo nhóm học tập một trong các nội dung nói và nghe sau:

Nội dung 1.

Thảo luận về vấn đề: Cần xử lí như thế nào mối quan hệ giữa việc tuân phục ý chí của người khác và việc thuận theo mạch bảo của nội tâm trên vấn đề chọn đường đi trong cuộc sống?

Nội dung 2.

Cái hay của tác phẩm nằm ở đâu? Hãy cùng thảo luận vấn đề này trong một tác phẩm văn học được nhóm chọn đọc chung.

Nội dung 3.

Tự hiểu mình có dễ không và làm thế nào để hiểu? Hãy thực hiện bài thuyết trình về vấn đề trên.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

| STT | THUẬT NGỮ | BÀI | TRANG |
|-----|---|---------------------|-----------------|
| 1 | bài luận về bản thân | 9 | 99, 100, 113 |
| 2 | bản hướng dẫn nơi công cộng | 8 | 73, 74, 124,... |
| 3 | bản nội quy | 8 | 93, 94, 95,... |
| 4 | bản tin | 8 | 73, 74, 88 |
| 5 | bằng chứng | 6, 7, 8, 9 | 4, 27, 30,... |
| 6 | biển văn | 6 | 20, 21 |
| 7 | biểu đồ | 6, 8, 9 | 32, 73, 74,... |
| 8 | bối cảnh lịch sử – văn hoá | 6 | 4 |
| 9 | bút pháp | 6, 9 | 21, 23, 123 |
| 10 | cách đưa tin (trong văn bản thông tin) | 8 | 73, 74 |
| 11 | cảm hứng chủ đạo | 7 | 37, 38, 58 |
| 12 | cảm xúc | 6, 7, 9 | 5, 21, 60,... |
| 13 | cáo | 6 | 5, 6, 7, 9,... |
| 14 | câu thơ lục ngôn (trong bài thất ngôn bát cú) | 6 | 9 |
| 15 | (biện pháp tu từ) chêm xen | 7, Ôn tập học kì II | 37, 38, 59 |
| 16 | chi tiết | 7, 9 | 25, 65, 66,... |
| 17 | chủ đề | 7, 8, 9 | 37, 61, 63,... |
| 18 | điểm nhìn | 6, 7, 8 | 21, 69, 74,... |
| 19 | giá trị đạo đức, văn hoá (của tác phẩm) | 7, 9 | 37, 102 |
| 20 | hình ảnh | 6, 7, 8, 9 | 5, 21, 52,... |
| 21 | không gian (trong tác phẩm văn học) | 7 | 38 |
| 22 | lí lẽ | 6, 7, 8, 9 | 4, 9, 27,... |
| 23 | (biện pháp tu từ) liệt kê | 7 | 37, 38, 59,... |
| 24 | lời người kể chuyện | 7 | 37, 38, 58 |
| 25 | lời nhân vật | 7 | 37, 38, 69 |
| 26 | luận đề | 6 | 21, 113 |
| 27 | luận điểm | 6, 7, 8, 9 | 27, 29, 31,... |
| 28 | miêu tả | 6, 7, 8, 9 | 23, 25, 35,... |
| 29 | người đọc | 6, 7, 8, 9 | 5, 58, 66,... |
| 30 | người kể chuyện ngôi thứ ba | 7 | 37, 38, 69 |

| STT | THUẬT NGỮ | BÀI | TRANG |
|-----|---------------------------------------|------------------------|-----------------|
| 31 | người kể chuyện ngôi thứ nhất | 7 | 37, 69 |
| 32 | nhân đề | 6, 7, 8 | 34, 52, 57,... |
| 33 | nhân vật trữ tình | 6, 9 | 23, 34, 106 |
| 34 | nhân vật văn học | 7 | 37, 38, 39,... |
| 35 | phương tiện ngôn ngữ | 7, 8, 9 | 67, 73, 118,... |
| 36 | phương tiện phi ngôn ngữ | 7, 8, 9 | 33, 73, 120,... |
| 37 | quan điểm (của người viết, người nói) | 6, 7, 8, 9 | 4, 27, 99,... |
| 38 | sơ đồ | 6, 7, 8, 9 | 68, 74, 77,... |
| 39 | suy luận | 8 | 73 |
| 40 | sự kiện | 6, 7, 8, 9 | 21, 38, 74,... |
| 41 | tác gia | 6 | 4, 6, 10, 33 |
| 42 | tác phẩm văn học | 6, 7, Ôn tập học kì II | 38, 60, 61,... |
| 43 | thông điệp | 8, 9 | 77, 96, 106 |
| 44 | thông tin chính của văn bản | 8 | 83, 88, 96 |
| 45 | thơ Nôm Đường luật | 6 | 23 |
| 46 | thơ Quốc âm | 6 | 9 |
| 47 | thời gian (trong tác phẩm văn học) | 7 | 38, 58 |
| 48 | thuyết minh | 8 | 73, 91, 94 |
| 49 | tình cảm (trong sáng tác văn học) | 7 | 37, 38, 52,... |
| 50 | từ Hán Việt | 6 | 29 |
| 51 | văn bản thông tin tổng hợp | 8 | 73 |
| 52 | văn chính luận | 6 | 9, 10 |
| 53 | văn học trung đại Việt Nam | 6 | 4, 5, 6, 9,... |
| 54 | văn tứ lục | 6 | 21 |
| 55 | yếu tố biểu cảm | 6 | 4, 5, 27 |

BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

| STT | THUẬT NGỮ | GIẢI THÍCH |
|-----|---|--|
| 1 | bản hướng dẫn nơi công cộng | một loại văn bản thông tin xuất hiện ở không gian sinh hoạt chung của cộng đồng, chứa đựng những chỉ dẫn, quy định cần thiết, đảm bảo cho hoạt động trong không gian ấy diễn ra trật tự, lành mạnh, phục vụ cho lợi ích chung |
| 2 | bản nội quy | một loại văn bản thông tin có đòi hỏi riêng về thể thức, nêu những yêu cầu, quy định của một đơn vị, cơ quan nhằm đảm bảo an ninh hoặc sự hoạt động thông suốt của đơn vị, cơ quan đó |
| 3 | bản tin | một loại văn bản thông tin có chức năng cung cấp thông tin cập nhật về một sự việc, sự kiện, đối tượng nào đó được nhiều người quan tâm |
| 4 | biển văn | một thể văn quen thuộc trong văn học trung đại Trung Quốc và Việt Nam, lấy đối làm nguyên tắc cơ bản, tạo nên sự nhịp nhàng, cân đối cho lời văn; phân biệt với vận văn (văn vần), tản văn (văn xuôi) trong bảng thể loại văn học xưa |
| 5 | biểu đồ | một loại phương tiện thông tin, dữ liệu mang tính trực quan, dễ nắm bắt, dễ nhớ, gồm có nhiều hình thức đa dạng (hình cột, hình tròn, hình khuyên, hình phễu, nét, khối, ...) cho thấy mối tương quan giữa các đối tượng, đại lượng cần so sánh với nhau |
| 6 | bút pháp | nét riêng trong cách vận dụng tổng hợp các phương tiện nghệ thuật để sáng tạo tác phẩm, giúp phân biệt các kiểu sáng tác, các phong cách nghệ thuật khác nhau |
| 7 | cảm hứng chủ đạo | tình cảm xuyên suốt quyện hoà quan niệm và cách đánh giá tồn tại trong một tác phẩm văn học, chi phối việc lựa chọn hình thức thể hiện của tác phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận |
| 8 | cáo | một thể văn hành chính cổ có nguồn gốc từ Trung Quốc, có thể được viết bằng văn xuôi, văn vần hay biển văn, có nội dung tuyên bố về một sự kiện trọng đại của quốc gia, được vua hay chủ tướng ban bố rộng rãi cho mọi người cùng biết |
| 9 | câu thơ lục ngôn (trong bài thất ngôn bát cú) | câu thơ chỉ có 6 tiếng xen vào giữa những câu thơ 7 tiếng của bài thất ngôn bát cú, là nét đặc thù về mặt hình thức của thơ Nôm Đường luật thời kì đầu, thể hiện nỗ lực Việt hoá một thể thơ có nguồn gốc từ Trung Quốc |
| 10 | (biện pháp) chêm xen | xen một từ, một cụm từ hoặc một vế câu vào câu chính nhằm giải thích, thêm ý cho câu hoặc hướng tới mục đích tu từ |
| 11 | điểm nhìn | vị trí do người kể chuyện xác lập để miêu tả đối tượng và kể về diễn biến sự việc |
| 12 | (biện pháp) liệt kê | nêu liên tiếp các yếu tố cùng loại trong câu nhằm cung cấp thông tin đầy đủ hơn về đối tượng cần được nhấn mạnh trong câu, trong đoạn của văn bản hoặc hướng tới mục đích tu từ |
| 13 | người đọc | người tiếp nhận, thưởng thức, đánh giá văn bản, phát hiện các giá trị và sáng tạo ra ý nghĩa của văn bản, góp phần làm nên đời sống phong phú của văn bản |
| 14 | người kể chuyện ngôi thứ ba | loại hình tượng người kể chuyện đã xuất hiện trong những hình thức tự sự cổ xưa; tuy ẩn danh, giấu mình, không trực tiếp tham gia vào câu chuyện nhưng nhiều khi biết rõ mọi điều, kể cả nội tâm sâu kín hay những điều bí mật của mọi nhân vật |

| STT | THUẬT NGỮ | GIẢI THÍCH |
|-----|-------------------------------|--|
| 15 | người kể chuyện ngôi thứ nhất | loại hình tượng người kể chuyện phổ biến trong sáng tác văn học, xưng “tôi” hoặc sử dụng một đại từ nào đó có ý nghĩa tương đương để kể (với tầm bao quát có giới hạn) về câu chuyện mà mình tham gia trong tư cách là nhân vật hành động hoặc chứng kiến hay để kể lại câu chuyện được nghe từ người khác |
| 16 | nhân vật văn học | hình tượng con người được xây dựng, miêu tả trong tác phẩm văn học theo nguyên tắc hư cấu, thường có những đặc điểm riêng về diện mạo, ngôn ngữ, hành động, tính cách, là phương tiện quan trọng bậc nhất giúp nhà văn thể hiện quan niệm và những khám phá nghệ thuật của mình về con người, cuộc sống |
| 17 | sơ đồ | một loại văn bản thông tin hoặc một bộ phận của văn bản thông tin, hiển thị bằng các hình vẽ quy ước, có tính chất sơ lược, để miêu tả những đặc trưng nhất định của một sự vật, một quá trình nào đó |
| 18 | tác gia | tác giả có những đóng góp lớn cho nền văn hoá, văn học dân tộc |
| 19 | tác phẩm văn học | sản phẩm nghệ thuật bằng ngôn từ do cá nhân hoặc tập thể sáng tạo, có thể tồn tại trong hình thức truyền miệng hoặc văn bản viết, làm thành đối tượng để người đọc thưởng thức, sáng tạo ý nghĩa và đánh giá |
| 20 | thơ Nôm Đường luật | loại thơ tiếng Việt được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào khoảng thế kỉ XIII, thể hiện nỗ lực Việt hoá một thể thơ ngoại lai của nhiều nhà thơ có tinh thần dân tộc |
| 21 | thơ Quốc âm | thơ tiếng Việt được viết bằng chữ Nôm |
| 22 | văn bản thông tin tổng hợp | loại văn bản thông tin lồng ghép thông tin với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; có sự phối hợp sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ |
| 23 | văn chính luận | thuộc văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề chính trị xã hội nóng hổi nào đó nhằm gây hiệu quả tức thì đến người đọc, người nghe |
| 24 | văn học trung đại Việt Nam | bộ phận văn học viết phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, được sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm, kết tinh nhiều giá trị tiêu biểu của lịch sử, văn hoá Việt Nam |
| 25 | văn tứ lục | một thể biến văn, mỗi câu 10 chữ được chia làm 2 phần, một phần 4 chữ (tứ), một phần 6 chữ (lục); cứ hai câu đi liền nhau, đối với nhau thì tạo thành một vế trong bài có nhiều vế |
| 26 | yếu tố biểu cảm | một yếu tố đặc trưng của văn bản văn học xuất hiện trong một loại văn bản khác như nghị luận, thông tin, thể hiện cảm xúc của người viết về vấn đề, đối tượng được nói tới |

BẢNG TRA CỨU

MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT

| STT | YẾU TỐ HÁN VIỆT | NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT |
|-----|-----------------|--|
| 1 | ái | – yêu, thích, mến mộ, ưa chuộng: <i>ái mộ, ái hữu, ưu ái</i> , ... – tình cảm thân mật, lòng quý mến, yêu thương: <i>ái dân, ái quốc, bác ái, thân ái</i> , ... |
| 2 | ánh | ánh sáng, phản chiếu, chiếu sáng: <i>ánh xạ, phản ánh</i> , ... |
| 3 | ảnh | – bóng, bóng dáng của vật: <i>hình ảnh, nhiếp ảnh</i> , ... – có liên quan tới: <i>ảnh hưởng</i> , ... |
| 4 | cảm | – trạng thái tâm lí, tinh thần: <i>cảm hứng, cảm xúc</i> , ... – làm cho xúc động trong lòng: <i>cảm động, biểu cảm, truyền cảm</i> , ... – ảnh hưởng lẫn nhau: <i>cảm hoá, cảm ứng, đồng cảm, giao cảm</i> , ... – nhận biết trong lòng: <i>cảm giác, cảm nhận</i> , ... – biểu thị sự mang ơn: <i>cảm kích, cảm niệm</i> , ... |
| 5 | cảnh (1) | – biên giới, ranh giới: <i>biên cảnh, nhập cảnh, xuất cảnh</i> , ... – cõi, nơi chốn, khu vực: <i>cảnh giới, tiên cảnh, thắng cảnh</i> , ... – tình huống, tình trạng: <i>cảnh huống, cảnh tượng, bối cảnh, hoàn cảnh</i> , ... |
| 6 | cảnh (2) | – vẻ đẹp của hình ảnh, màu sắc: <i>cảnh sắc, phong cảnh</i> , ... – phần, đoạn trong kịch, tuồng: <i>phân cảnh</i> , ... |
| 7 | chính (1) | – liên quan đến pháp lệnh, sách lược quản lí của nhà nước; có tính chất quan phương: <i>chính luận, chính quyền, chính sách, chính sự, chính thể, chính trị</i> , ... – trị vì, cai quản, làm chính trị: <i>chính khách, tham chính, vi chính</i> , ... |
| 8 | chính (2) | – ở giữa: <i>chính diện, chính đáng, chính đảng, chính phương, chính thống, chính thức</i> , ... – ngay thẳng, đúng, lẽ phải, đúng với quy định, hợp với chuẩn mực: <i>chính đáng, chính đại, chính khí, chính nghĩa, chính thức, chính trực, chân chính</i> , ... – sửa lại cho đúng: <i>cải chính, tu chính</i> , ... |
| 9 | hiện | – tồn tại, lộ rõ ra, có sẵn: <i>hiện diện, hiện tồn, thể hiện</i> , ... – trước mắt, bây giờ: <i>hiện đại, hiện tại, hiện thời</i> , ... |
| 10 | hình | – thân thể, thực thể, cái bày ra ngoài: <i>hình ảnh, hình dạng, hình hài, hình thức, hình tượng, hữu hình, vô hình</i> , ... – tình trạng, trạng huống, dáng vẻ: <i>hình thái, hình trạng, tình hình</i> , ... – miêu tả, diễn tả: <i>hình dung</i> , ... |
| 11 | hoa | – phần tinh túy của sự vật: <i>tài hoa, tinh hoa</i> , ... – vẻ đẹp, lòng lẫy, rực rỡ, tươi tốt: <i>hoa lệ, hoa mĩ, phần hoa</i> , ... |
| 12 | hoàng | màu vàng, sắc vàng: <i>hoàng giáp, hoàng hoa, hoàng hôn</i> , ... |
| 13 | hùng | dũng cảm, mạnh mẽ, to lớn, kiệt xuất: <i>hùng biện, hùng dũng, hùng hậu, hùng hồn, hùng tâm, hùng vĩ, anh hùng, hào hùng</i> , ... |
| 14 | khả | – có thể: <i>khả dĩ, khả dụng, khả năng, bất khả</i> , ... – đáng, nên: <i>khả ái, khả kính, khả nghi, khả quan</i> , ... |
| 15 | không | trống rỗng, khoảng không, bầu trời: <i>không gian, không khí, hư không</i> , ... |

| STT | YẾU TỐ HÁN VIỆT | NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT |
|-----|-----------------|---|
| 16 | lí | – lí lẽ, lẽ đúng, việc nên theo: <i>chân lí, đạo lí, hợp lí, triết lí</i> ,... – sắp xếp, xếp đặt: <i>chính lí, quân lí, xử lí</i> ,... |
| 17 | luận | bàn bạc, xem xét, phân tích: <i>luận điểm, luận thuyết, bình luận, chính luận, nghị luận, thảo luận</i> ,... |
| 18 | niệm | – nghĩ, nhớ, mong: <i>kỉ niệm, hoài niệm</i> ,... – đọc thắm: <i>cầu niệm, tụng niệm</i> ,... |
| 19 | nội | trong, bên trong, ở trong một phạm vi nhất định: <i>nội bộ, nội quy, quốc nội</i> ,... |
| 20 | nghĩa | – hợp với đạo lí, đúng với lẽ phải, điều nên làm: <i>nghĩa cử, nghĩa hiệp, nghĩa khí, nghĩa lí, nghĩa sĩ, nghĩa tình, nghĩa vụ, nhân nghĩa, trượng nghĩa</i> ,... – ý tứ, nội dung của ngôn ngữ, văn tự: <i>đồng nghĩa, ý nghĩa</i> ,... |
| 21 | nhân | lòng thương yêu, đức khoan dung: <i>nhân ái, nhân chính, nhân hậu, nhân nghĩa</i> ,... |
| 22 | sản | – sinh ra, tạo ra, làm ra: <i>sản phụ, sản xuất, sinh sản</i> ,... – của cải, phẩm vật: <i>sản phẩm, sản nghiệp, sản vật, di sản, đặc sản, khoáng sản, tài sản, thổ sản</i> ,... |
| 23 | sự | – việc, làm việc, công việc: <i>sự cố, sự kiện, sự nghiệp, sự tình, sự tích, sự thực, sự vật, dân sự, quân sự</i> ,... – phụng thờ, tôn thờ, tôn kính: <i>sự quân, sự phụ, phụng sự</i> ,... |
| 24 | tư | – nghĩ, suy nghĩ: <i>tư duy, tư lự, tư tưởng, tâm tư, suy tư</i> ,... – nhớ tưởng, mến thương: <i>tư niệm, tư vọng, tương tư</i> ,... |
| 25 | tự | của mình, tự mình, chính mình: <i>tự ái, tự chủ, tự cường, tự giác, tự hào, tự nguyện, tự tôn, tự trọng</i> ,... |
| 26 | thảo | – nghiên cứu, bàn định, xem xét vấn đề: <i>thảo luận, hội thảo</i> ,... – đánh dẹp, trừ bỏ: <i>thảo phạt, thảo trừ</i> ,... |
| 27 | thành | – thật thà, chân thực, không dối trá: <i>thành khẩn, thành tâm, thành thực, chân thành</i> ,... |
| 28 | thiếu/ thiếu | – kém, không đủ; tuổi trẻ: <i>thiếu nữ, thiếu niên, thiếu phụ, thiếu thời, niên thiếu</i> ,... – một âm đọc khác là <i>thiểu</i> , ít – số ít: <i>thiểu số, thiểu năng</i> ,... |
| 29 | văn | – đường văn, nét văn; hiện tượng: <i>hoa văn, thiên văn, thủy văn</i> ,... – chữ viết, liên quan đến ngôn ngữ – chữ viết: <i>văn bản, văn chương, văn học, văn tự</i> ,... – vẻ đẹp biểu lộ rõ, có tính chuẩn mực: <i>văn hoá, văn minh, văn hiến, văn vật, nhân văn</i> ,... |
| 30 | vật | – chỉ chung các loài có mặt trong thế giới tự nhiên: <i>vật chất, động vật, khoáng vật, sinh vật</i> ,... – vật, đồ vật, của cải: <i>báu vật, phẩm vật, sản vật, sự vật</i> ,... |
| 31 | viện | – dẫn ra, viện ra, đưa ra: <i>viện dẫn, kinh viện</i> ,... – cứu giúp, cứu trợ, giúp đỡ: <i>viện binh, viện trợ, chi viện, cứu viện</i> ,... |
| 32 | vọng | – mong muốn, tâm nguyện, ngóng trông; danh dự, tiếng tăm: <i>vọng cổ, vọng phu, danh vọng, khát vọng, kì vọng, nguyện vọng, tuyệt vọng, tham vọng, thất vọng, ước vọng</i> ,... – nhìn xa, nhìn cao: <i>cao vọng, viễn vọng</i> ,... |
| 33 | vô | (phủ định từ) – không, chẳng, chớ, đừng; không, không có, hư không: <i>vô biên, vô cùng, vô hạn, vô tận, hư vô</i> ,... |
| 34 | y | dựa, tựa, nương tựa; theo cách có sẵn, theo cái đã định trước: <i>y cựa, y nguyên, chuẩn y</i> ,... |
| 35 | yếu/ yếu | – quan trọng, cần thiết, cơ bản, nhất thiết phải: <i>yếu điểm, yếu lược, yếu nhân, yếu tố, cốt yếu, chủ yếu, nhu yếu, thiết yếu, trọng yếu</i> ,... – một âm là <i>yêu</i> – đòi hỏi, mong muốn: <i>yêu cầu, yêu sách</i> ,... |

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

| STT | PHIÊN ÂM | TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI | BÀI | TRANG |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------------|-----------------|
| 1 | A-hơ | Ahr | 8 | 96 |
| 2 | A-rát-xơ | Arras | 9 | 106 |
| 3 | An-na Plô-xgai-xki | Anna Ploszajski | Ôn tập học kì II | 125 |
| 4 | An-tôn Sê-khốp | Anton Chekhov | 7 | 53, 57 |
| 5 | Ăng-giôn-rát | Enjolras | 7 | 44 |
| 6 | Bích Bang | Big Bang | 8 | 76 |
| 7 | Ca-na-đa | Canada | 8 | 107 |
| 8 | Các-lô Rô-ve-li | Carlo Rovelli | 9 | 100, 103, 111 |
| 9 | Cô-dét | Cosette | 7 | 41, 44 |
| 10 | Đông Kì-sốt | Don Quijote | Ôn tập học kì II | 126 |
| 11 | Éc-na-ni | Hernani | 7 | 43 |
| 12 | En-vít-xơ Prét-xơ-li | Elvis Presley | 9 | 107 |
| 13 | Êt-uốt Thô-môt-xơ | Edward Thomas | 9 | 106 |
| 14 | Giăng Van-giăng | Jean Valjean | 7 | 39, 40, 41, ... |
| 15 | Gia-ve | Javert | 7 | 39, 40, 41, ... |
| 16 | Giéc-ve | Gervais | 7 | 43 |
| 17 | Giê-su | Jesus | 8 | 82 |
| 18 | Giô-dép Pha-mơn | Joseph Farman | 8 | 85, 87 |
| 19 | Hum-men | Hummel | 8 | 96 |
| 20 | I-ki-gai | Ikigai | 8 | 112 |
| 21 | I-ta-li-a | Italia | 8 | 103 |
| 22 | Lê-ô-pôn Mi-sen Ca-đi-e-rơ | Léopold Michel Cadere | 8 | 78 |
| 23 | Lép Tôn-xtôi | Lev Tolstoy | 7 | 58 |
| 24 | Ma-đơ-len | Madeleine | 7 | 39, 41, 44 |
| 25 | Ma-ri-ô Mô-li-nơ | Mario Molina | 8 | 85, 87 |
| 26 | Ma-ri-uyt | Marius | 7 | 44 |
| 27 | Mát-xcơ-va | Moskva | 7 | 57 |
| 28 | Mi-khai-in Pri-sơ-vin | Mikhail Prishvin | 9 | 123 |
| 29 | Mi-ri-en | Myriel | 7 | 43 |
| 30 | Mông-tơ-rê-an | Montreal | 8 | 84, 86, 87 |
| 31 | Mông-tơ-rơ | Montreuil | 7 | 39, 44 |
| 32 | Na-đi-a | Nadia | 7 | 53, 54, 56, ... |
| 33 | Na-đơ-gie-đa Pê-tơ-rốp-na | Nadezhda Petrova | 7 | 53 |

| STT | PHIÊN ÂM | TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI | BÀI | TRANG |
|-----|--------------------|----------------------|------------------|----------------|
| 34 | Nô-ben | Nobel | 7 | 87 |
| 35 | Pa-ri | Paris | 9 | 43, 44, 82,... |
| 36 | Péc-mi | Permy | 8 | 76 |
| 37 | Pê-téc-bua | Petersburg | 7 | 56 |
| 38 | Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben | Peter Wohlleben | 8 | 96, 98 |
| 39 | Phăng-tin | Fantine | 7 | 39, 40, 41,... |
| 40 | Phô-sơ-lơ-văng | Fauchelevant | 7 | 44 |
| 41 | Phu-gi-ta | Foujita | 7 | 64, 70, 72 |
| 42 | Pla-tông | Platon | 9 | 107 |
| 43 | Pôn An-ka | Paul Anka | 9 | 107 |
| 44 | Pôn Cờ-rốt-dân | Paul Crutzen | 8 | 87 |
| 45 | Pu-lít-dơ | Pulitzer | 9 | 106 |
| 46 | Rô-bớt Phờ-rôt | Robert Frost | 9 | 104, 106 |
| 47 | Rô-ma | Roma | Ôn tập học kì II | 126 |
| 48 | Sam Bơ-n | Sam Bern | 9 | 116 |
| 49 | Se-ri Rao-lân | Sherry Rowland | 8 | 85, 87 |
| 50 | Sten-phơ-t | Stanford | 9 | 115 |
| 51 | Stiu-uốt Bren-đơ | Steward Brend | 9 | 115 |
| 52 | Sti-vơ Gióp | Steve Jobs | 9 | 115, 116, 117 |
| 53 | Ta-gan-rốc | Taganrog | 7 | 57 |
| 54 | Tê-nác-đi-ê | Thenardie | 7 | 44 |
| 55 | Tê-nác-đi-ê | Thenardie | 7 | 44 |
| 56 | Tu-lông | Toulon | 7 | 44 |
| 57 | Vơ-gin-ni-a | Virginia | 9 | 77 |
| 58 | Xem-pơ-lít | Simplicite | 7 | 42 |
| 59 | Xô-cờ-rát | Socrates | 9 | 107 |
| 60 | Xoóc-bon | Sorbonne | 8 | 82 |
| 61 | Xti-phần An-đơ-sơn | Stephen Andersen | 8 | 87 |
| 62 | Xu-dẫn Xô-lơ-mơn | Susan Solomon | 8 | 85, 87 |

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ KIM HẰNG – VŨ THỊ VÂN

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: PHẠM THỊ MINH THU

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh hoạ: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – TẠ THỊ HƯỜNG

Chế bản: CTCP MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Va-xi-li Can-đin-xki (Wassily Kandinsky), *Composition*, VIII (Bố cục, VIII),
1923, tranh sơn dầu, 140 x 201 cm

NGŨ VĂN 10 – Tập hai

Mã số: G1HHXV002H22

In ... bản, (QĐ ...) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Cơ sở in: ...

Số ĐKXB: 183-2022/CXBIPH/37-62/GD

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31112-2

Tập hai: 978-604-0-31113-9



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 10, tập một
2. Ngữ văn 10, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
4. Toán 10, tập một
5. Toán 10, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 10
7. Lịch sử 10
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
9. Địa lí 10
10. Chuyên đề học tập Địa lí 10
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Vật lí 10
14. Chuyên đề học tập Vật lí 10
15. Hoá học 10
16. Chuyên đề học tập Hoá học 10
17. Sinh học 10
18. Chuyên đề học tập Sinh học 10
19. Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
21. Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
23. Tin học 10
24. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
27. Mĩ thuật 10 – Thiết kế đồ hoạ
28. Mĩ thuật 10 – Thiết kế thời trang
29. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
30. Mĩ thuật 10 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
31. Mĩ thuật 10 – Điêu khắc
32. Mĩ thuật 10 – Kiến trúc
33. Mĩ thuật 10 – Hội hoạ
34. Mĩ thuật 10 – Đồ hoạ (tranh in)
35. Mĩ thuật 10 – Thiết kế công nghiệp
36. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10
37. Âm nhạc 10
38. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
39. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10
40. Giáo dục thể chất 10 – Bóng chuyền
41. Giáo dục thể chất 10 – Bóng đá
42. Giáo dục thể chất 10 – Cầu lông
43. Giáo dục thể chất 10 – Bóng rổ
44. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10
45. Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách học sinh

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-31113-9



9 786040 311139

Bản in thử
SÁCH KHÔNG BÁN